

**NIỆM PHẬT
NHẤT ĐỊNH Vãng SANH**

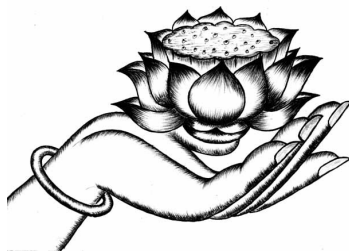
TUYỂN THUẬT: PHÁP SƯ HUỆ TỊNH
BIÊN ĐÍNH: PHÁP SƯ TỊNH TÔNG



NIỆM PHẬT
NHẤT ĐỊNH Vãng SANH

NGƯỜI DỊCH: TK. THÍCH GIÁC QUẢ

(Tái bản lần thứ nhất)



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
HUẾ - 2012

MỤC LỤC

Lời Tựa.....	21
Chương I: Lời Tựa của tác giả quyển	
<i>Niệm Phật Cảm Ứng Lục</i>	<i>40</i>
I-1. Diệu pháp là thích ứng Căn cơ, duy nhất chỉ có pháp Niệm Phật.....	40
I-2. Bốn nguyện siêu thế, chỉ xác định pháp Niệm Phật.....	44
I-3. Hào quang đức Phật A-di-đà chỉ thấu nhiếp người niệm Phật.....	54
I-4. Chư Phật, chư Bồ-tát, hộ trì người niệm Phật ..	59
I-5. Duyên sâu với chúng sanh, chỉ có Phật Di-đà...68	
I-6. Hết thầy pháp môn, Sáu chữ thấu trọn	72
I-7. Được hai lợi ích trong đời hiện tại và tương lai, chính là niệm Phật.....	85
I-8. Bốn loại Cảm ứng, bốn loại Cứu độ.....	97
I-9. Sách này có ba đặc điểm	100
I-10. Đa phần cảm ứng khi đang sống, khích lệ mọi người chuyên nhất niệm Phật.....	104

I-11. Mục đích sách này, khuyên người tin tưởng niệm Phật	110
Chương II: Niệm Phật Cảm Ứng Lục	
– phần Bình luận	114
Chương III: Lời Tựa của dịch giả quyển <i>Niệm Phật Kim Ngôn Lục</i>	146
Chương IV: Phụ lục quyển <i>Niệm Phật Kim Ngôn Lục</i>	172
IV-1. Đoạn văn thỉnh cầu	172
IV-2. Trấn an tu tập	174
IV-3. Chất phác niệm Phật	175
IV-4. Pháp nhĩ tự nhiên	177
Chương V: Trích điểm cốt yếu của bài Tựa <i>An Lạc Tập Yếu Nghĩa</i>	187
V-1. Thứ nhất, trình bày sự tương xứng giữa Giáo pháp và thời đại	187
V-2. Thứ hai, phân định hai môn Thánh Đạo và Tịnh độ	190
V-3. Thứ ba, trình bày xưng Danh hiệu là đúng Bốn nguyện	198
Chương VI: Chứng cứ về Lý <i>Niệm Phật Nhất Định Vãng Sanh</i>	212
VI-1. Kinh Vô Lượng Thọ	212

VI-2. Kinh <i>Hoa Nghiêm</i>	215
VI-3. Kinh <i>Đại Di-đà</i>	216
VI-4. Kinh <i>Bình Đẳng Giác</i>	217
VI-5. <i>Như Lai Hội</i>	217
VI-6. Kinh <i>Quán Vô Lượng Thọ</i>	217
VI-7. Kinh <i>A-di-đà</i>	219
VI-8. Kinh <i>Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ</i>	220
VI-9. Kinh <i>Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Phật</i> <i>Danh Hiệu Lợi Ích Đại Sư Nhân Duyên</i> ...	222
VI-10. Kinh <i>Lăng Nghiêm</i> - Chương <i>Thế Chí Viên Thông</i>	223
VI-11. Phẩm <i>Dị Hành</i> - Bồ-tát Long Thọ	224
VI-12. Luận <i>Vãng Sanh</i> - Bồ-tát Thiên Thân.....	224
VI-13. <i>Vãng Sanh Luận Chú</i> - Tổ sư Đàm Loan	225
VI-14. <i>Kệ Tán Phật A-di-đà</i>	227
VI-15. <i>An Lạc Tập</i> – Thiền sư Đạo Xước	228
VI-16. <i>Pháp Ngữ</i> - Đại sư Thiện Đạo	230
VI-17. <i>Pháp Ngữ</i> - Đại sư Ấn Quang.....	243
VI-18. <i>Pháp Ngữ</i> - Thượng nhân Pháp Nhiên ...	257
Chương VII: Chứng cứ về Sự <i>Niệm Phật Nhất Định Vãng Sanh</i>	280
VII-1. Đức Phật hoá cá lớn, độ ngư dân	280

VII-2. Chim Nhồng niệm Phật, mở phát hoa sen...	283
VII-3. Bà Lão niệm Phật, hiện điềm lành kỳ lạ ...	285
VII-4. Bà Thôi làm kệ, lưới như hoa sen	286
VII-5. Ngu si vô trí, đứng chấp tay vãng sanh ...	288
VII-6. Mỗi búa đập sắt, mỗi câu niệm Phật, lưu kệ đứng mà vãng sanh	290
VII-7. Niệm Phật chẳng dừng, trên hòm nở hoa sen	292
VII-8. Tin Phật niệm Phật, thao thao bất tuyệt...	293
VII-9. Nhà Rắn niệm Phật, đều thoát kiếp Rắn ...	294
VII-10. Khảo nghiệm pháp Niệm Phật, tượng Phật phóng quang	296
VII-11. Mọi người thấy hoá thân Phật, dẫn Đồng Tử Trời	297
VII-12. Đức Phật đem hoa đến, nghinh đón Đồng tử 12 tuổi	298
VII-13. Đồng tử bảy tuổi theo Phật về Tây	299
VII.14. Đã vãng sanh, trở về độ cho mẹ	300
VII-15. Con niệm Phật, Cha Mẹ được vãng sanh ...	301
VII-16. Biết trước giờ vãng sanh, từ biệt Thân thuộc mà ra đi	302

VII-17. Chuyên tu Mật hạnh, An tọa vãng sanh....	303
VII-18. Niệm Phật Nhất Định Vãng Sanh, đức Phật Từ bi Phóng quang Tiếp dẫn.....	304
VII-19. Quỷ Tốt thối lui, Thánh chúng đến nghinh đón	305
VII-20. Lâm chung được khai Đạo, niệm Mười Niệm vãng sanh	306
VII-21. Mười Niệm ắt vãng sanh, cảm ứng đức Phật đến nghinh đón.	307
VII-22. Trợ Niệm lúc lâm chung, được đức Phật Tiếp dẫn	309
VII-23. Lâm chung vô bệnh, chấp tay từ biệt mà vãng sanh	310
Chương VIII: Phụ lục Chứng cứ về Sự - Bồ tát	
những Cảm ứng của niệm Phật gần đây	312
VIII-1. Biết trước giờ chết, tự tại vãng sanh	312
VIII-2. Lâm bệnh niệm Phật, Thánh chúng đến cứu	313
VIII-3. Niệm Phật khi phẫu thuật, thần thức du ngoạn Liên trì.....	314
VIII-4. Bị Sỏi bàng quang, niệm Phật tiêu mất...	315

VIII-5. Mỗi câu niệm Phật,
thai trâu biến chuyển theo 316

VIII-6. Hiếu phụ niệm Phật, độ kẻ cừu thù đời
trước 317

Chương IX: Hai Bài ca 320

IX-1. Không kể là thế nào 320

IX-2. Cùng Phật hiện hữu 321



LỜI NGƯỜI DỊCH

Quyển *Niệm Phật Nhất Định Vãng Sanh* xuất phát từ nguyên bản chữ Hán, âm Việt Hán là *Quyết Định Vãng Sanh Tập*¹, dịch là *Nhất Định Vãng Sanh*, do Pháp sư Huệ Tịnh - Vị tuyên thuật chọn. Sở dĩ người dịch thêm hai từ “Niệm Phật” vào nhan đề bản Việt ngữ, bởi hai lý do: Thứ nhất, vì ý nghĩa đề sách này chính là tiêu chí của tác phẩm; thứ hai, vì để độc giả đọc qua đề sách là trực tiếp nắm bắt khái quát nội dung của sách. Vấn đề giới thiệu về tác phẩm này đã được Pháp sư Tịnh Tông trình bày ở sau; tại đây, người dịch chỉ nêu lên vài cảm nhận thô thiển của mình chia sẻ cùng quý độc giả.

Theo người dịch, quyển này là tác phẩm quan trọng nhất trong quá trình trước tác, biên dịch, tuyên thuật v.v... của Pháp sư Huệ Tịnh; vì rằng, hầu hết những tác phẩm đã xuất bản của Ngài đều thuộc tông Tịnh Độ, mà mục đích giáo lý Tịnh Độ là hướng dẫn

¹ *Quyết Định Vãng Sanh Tập*: Do Tịnh Tông ấn Kinh hội Đài Loan xuất bản năm 2002.

mọi người thuần nhất tu tập, để được vãng sanh về cõi Cực lạc, nhằm thoát ly sanh tử Luân hồi ngay trong đời này; mà, mục đích ấy chính là trọng tâm của quyền sách trên tay quý vị. Đồng thời, tác phẩm này còn mang trọng trách vừa tiếp nối hai điểm chủ yếu *Pháp tu thích ứng Căn cơ* và *Tôn chỉ Tịnh Độ* của quyền *Tuyển Trạch Tập*² do Thượng nhân Pháp Nhiên trước tác, vừa đào sâu mở rộng hai vấn đề này càng thâm thúy xác quyết hơn.

Luận về “Pháp tu thích ứng Căn cơ”: Hai tác giả của hai quyền này đều ảnh hưởng sâu đậm từ tư tưởng của các bậc Tiên bối, như tư tưởng Nhị đạo (Nan hành đạo, Dị hành đạo) của Bồ tát Long Thọ, tư tưởng Nhị lực (Tự lực, Tha lực) của Đại sư Đàm Loan, đến tư tưởng Nhị môn (Thánh Đạo môn, Tịnh Độ môn) của Thiền sư Đạo Xước, và tư tưởng Nhị hạnh (Tạp hạnh, Chánh hạnh) của Đại sư Thiệu Đạo v.v... Với những tư tưởng ấy, hai tác giả đã cấu trúc vào tác phẩm của mình, qua luận giải rõ ràng, khúc chiết để kết luận chắc thật: *Thánh Đạo môn là Tự lực, là Nan hành đạo, là Tạp hạnh; Tịnh Độ môn là Tha lực, là Dị hành đạo,*

² *Tuyển Trạch Tập*: Cùng dịch giả, in năm 2009.

là Chánh hạnh. Song song với kết luận đó, hai tác giả đều khích lệ mọi hành giả đạo Phật, hãy sáng suốt từ bỏ các pháp tu thuộc Thánh Đạo môn là đạo lý Tự lực khó tu, là Tập hạnh, Tập tu; để trở về chuyên tu Tịnh Độ môn là đạo lý Tha lực dễ tu, là Chánh hạnh, Thuần tu. Vì sao? - Đại sư Ấn Quang đã trả lời: *“Thời Mạt pháp đời nay, chúng sanh Nghiệp nặng tâm tạp, nếu ngoài pháp môn Niệm Phật mà tu các pháp khác, xét về gieo căn lành Phước trí thì có, còn xét về mặt thoát ly Sanh tử thì không”*³. Và, Pháp sư Huệ Tịnh cũng xác định: Xét hoàn cảnh của thế giới Ta-bà vào thời Mạt pháp hiện nay, căn cơ chúng sanh về mặt Trí thức thì rất yếu kém, về mặt Tâm lý thì rất ác độc. Vì vậy, trong Tám vạn bốn ngàn pháp môn tu tập mà đức Thế Tôn đã dạy, pháp môn mà chúng sanh có thể kham nhẫn tu tập được, duy nhất chỉ có Diệu pháp *“Xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà đúng theo Bốn nguyện của Ngài”* mà thôi⁴.

Như thế, hai tác phẩm tuy khác thời gian, không gian; nhưng đồng Chánh kiến, đều khẳng định rõ rằng,

³ Trích từ: Ấn Quang Đại sư Văn sao tuyển đọc.

⁴ Trích từ: Quyết Định Vãng sanh Tập.

hết thấy pháp tu mà đức Thích Tôn đã dạy, với căn cơ con người hiện giờ, duy nhất chỉ có pháp Tịnh Độ mới có thể giúp hành giả thoát ly sanh tử ngay trong đời này mà thôi. Qua đây, giúp bạn đọc tiếp nhận một sự thật trong tu tập: *Pháp tu luôn phải thích ứng với Căn cơ hành giả, mới có kết quả giải thoát đích thực*. Pháp sư Huệ Tịnh đã ngộ giải sâu sắc vấn đề này qua câu nói: *“Phật pháp vốn không có cao thấp, thích ứng Căn cơ là Diệu pháp”*.

Luận về *Tôn chỉ Tịnh Độ*: Như trên, hai tác giả đã luận giải và kết luận rằng, pháp tu Tịnh Độ là thích ứng Căn cơ của con người trong thời kỳ Mạt pháp. Dù vậy, tu pháp Tịnh Độ tối thiểu cũng có năm cách: Một là, tụng đọc ba bộ Kinh, một bộ Luận căn bản của Tịnh Độ; hai là, quán sát Chánh báo, Y báo cõi Cực lạc; ba là, chỉ lễ bái đức Phật A-di-đà; bốn là, chỉ tán thán, cúng dường đức Phật A-di-đà; năm là, tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà. Như thế, Tôn chỉ Tịnh Độ là cách nào? -Trong *Tuyển Trạch Tập*, Thượng nhân Pháp Nhiên đã dựa theo tư tưởng của Đại sư Thiệu Đạo, để xếp bốn cách tu đầu gọi là Trợ nghiệp, tức cách tu trợ duyên, chứ không

phải chủ yếu để được vãng sanh; cách tu thứ năm là Chánh nghiệp, tức cách tu chân chánh để được vãng sanh, nghĩa là *Xưng niệm danh hiệu Phật*, chính là Tôn chỉ của tông Tịnh Độ.

Nhưng mà, đức Phật vốn phát 48 đại nguyện, tại sao chỉ chọn đại nguyện thứ 18, tức chọn pháp Niệm Phật là Tôn chỉ? -Trên sự thật, 48 đại nguyện, nguyện nào cũng là Bốn nguyện của đức Phật; tuy nhiên, “*Đức A-di-đà chỉ chọn pháp Niệm Phật làm Bốn nguyện vãng sanh*”⁵ mà thôi. Điều này, được hai tác giả luận giải rằng, đức Phật dùng danh hiệu của mình để mời gọi chúng sanh xưng niệm, nhằm có duyên cứu độ họ; thế nên, danh hiệu đức Phật chính là tự thân đức Phật, cũng chính là Bốn nguyện chủ yếu của Ngài. Tôn chỉ này vốn đã được Thiền sư Đạo Xước công bố từ lâu: “*Tu tập vạn hạnh, nếu đem tất cả hồi hướng cũng không thể vãng sanh. Nhưng chỉ một pháp Niệm Phật sẽ đến Cực Lạc*”⁶. Và, Thượng nhân Pháp Nhiên cũng xiển dương: “*Phàm gọi là nương tựa đức Phật A-di-đà, không phải quán tưởng*

⁵ Trích *Tuyển Trạch Tập* trang 52.

⁶ Trích từ *An Lạc Tập*.

về Ngài, mà chỉ xưng niệm danh hiệu Ngài, ấy chính là nương tựa Bốn nguyện của Ngài”⁷. Qua trình bày vắn tắt trên, cũng vừa đủ để xác thực rằng, Tôn chỉ của tông Tịnh Độ được gói trọn trong một câu *Thuần nhất chuyên niệm Nam mô A-di-đà Phật* để được vãng sanh vậy.

Ngoài hai điểm chủ yếu vừa trình bày, hai tác giả còn khẳng định một điểm không kém phần quan trọng và thiết thực, điểm này vừa xiển dương diệu dụng toàn diện của năng lực Bốn nguyện đức Phật A-di-đà, vừa xoá tan sự ngộ nhận từ lâu của người Phật tử về pháp Niệm Phật. Đó là, đa phần người Phật tử hiểu rằng, pháp Niệm Phật A-di-đà là dành riêng cho người già cả tu tập, để cầu vãng sanh khi lâm chung, hoặc để trợ niệm cho người sắp chết hay niệm để cầu siêu cho những người đã mất v.v.. Còn, để cầu tai qua nạn khỏi thì niệm Bồ tát Quán Âm, cầu lành bệnh thì niệm đức Phật Dược Sư, cầu Trí tuệ thì niệm Bồ tát Văn Thù, vô sự thì niệm đức Phật Thích-ca v.v.. Thật sự, người chuyên niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, thì luôn được hai đại lợi ích - Lợi ích đời hiện tại và lợi ích

⁷ Trích: *Pháp Nhiên pháp ngữ*.

đời tương lai. Lợi ích đời tương lai thì khá phổ biến; đó là, người niệm Phật khi xả báo thân sẽ được vãng sanh về Cực lạc, chúng quả Bất thối và một đời sẽ thành Phật. Riêng về lợi ích đời hiện tại thì rất đa dạng; chẳng hạn, người niệm Phật thì Phước đức tăng trưởng, tuổi thọ dài lâu, Nghiệp chướng tiêu trừ, Trí tuệ phát khởi. Cho đến, những tai họa như: Nạn nước, nạn lửa, nạn hạn hán, nạn dịch bệnh, nạn chiến tranh, nạn đói kém, nạn do Người, nạn do Trời ...; hay những mong cầu: Lành bệnh, bảo vệ công danh, gia đạo bình an...; thậm chí, giải trừ oán kết, cầu siêu thoát cho tiên Tổ, báo đền Bốn trọng ân...; nếu thành tâm xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà đều có hiệu quả như ý. Đại để, hai lợi ích hiện tại và tương lai này, đã được trình bày rất phong phú trong tác phẩm, nơi đây chỉ tóm tắt: Người niệm Phật được hào quang đức Phật soi chiếu, chư Phật hộ niệm, chúng Thánh bảo vệ, Nghiệp chướng trừ diệt, Phước đức tăng trưởng, xa lìa mọi ách nạn, hiện tại được an ổn, lâm chung được vãng sanh.

Tại đây, cũng cần nói thêm rằng, Kinh điển Tịnh Độ và Tôn chỉ ấy hoàn toàn không do chư Tổ Tịnh

Độ trước tác và tự đặt; mà, tất cả đều do đức Thích Tôn chỉ dạy, chư Tổ chỉ là những bậc *Thuật nhi bất tác* mà thôi. Như quyển Hạ, kinh *Vô Lượng Thọ* dạy: “*Vào thời vị lai, hết thấy Kinh pháp đều bị tận diệt, với lòng Từ bi thương xót chúng sanh, Ta sẽ đặc cách lưu lại Kinh này trong một trăm năm. Nếu chúng sanh nào gặp được Kinh này, tùy theo sở nguyện đều được vãng sanh*”. Hay, kinh *Quán Vô Lượng Thọ* dạy: “*Đức Phật bảo A-nan: Thầy hãy khéo léo bảo trì lời căn dặn này, bảo trì lời căn dặn chính là bảo trì danh hiệu đức Phật Vô Lượng Thọ*”.

Tựu trung, hai điểm chủ yếu *Pháp tu thích ứng Căn cơ* và *Tôn chỉ Tịnh Độ* đã được Pháp sư Huệ Tịnh kế thừa, tiếp tục khai triển và phân tích triệt để từ đầu đến cuối sách, với một cấu trúc nhất quán chặt chẽ, làm nổi bật bản chất và giá trị của pháp tu xưng niệm Sáu chữ Nam mô A-di-đà Phật của tông Tịnh Độ, là thực tại và lợi ích vô thượng. Với hai điểm này cũng đủ chứng thực với độc giả rằng, đây là pháp tu duy nhất mà đức Thế Tôn với lòng Từ bi đã đặc biệt dạy cho chúng ta, là những người đang sống trong thời kỳ Mạt pháp đầy đầy mọi thứ ô uế và chương

nạn, nhằm tạo điều kiện giải thoát sanh tử sau cùng cho người nào có Duyên và Tin pháp tu Tịnh Độ.

Trở lại với nguyên bản chữ Hán, tác giả chia tác phẩm này thành 11 phần, song người dịch mạo muội phân thành Chương, Tiết, để trên hình thức được rõ ràng hơn. Đồng thời, Chương *Chứng Cớ Về Sự* tác giả chia ba phần, theo thứ tự là ghi lại những chuyện vãng sanh *Đời trước*, *Cận đại* và *Hiện tại*; vì những chuyện vãng sanh hiện có nhiều sách đã xuất bản, như quyển *Những Chuyện Niệm Phật Vãng Sanh Lưu Xá Lợi* v.v...; nên người dịch chỉ lược dịch phần vãng sanh *Đời trước* và *Hiện tại*, làm tiêu biểu cho những người tin Phật, niệm Phật. Bên cạnh, vì hai phần cuối sách chỉ là hai Bài ca rất ngắn, nên người dịch xếp thành một Chương cho gọn; như thế, bản dịch Việt ngữ có 9 Chương mà thôi.

Tóm lại, để thâm thấu thiết thực nguồn Đại từ, Đại bi của hai đấng Thế Tôn – Thích-ca Mâu-ni và A-di-đà, để quán triệt tinh thần Tự độ, độ Tha của chư Tổ Tịnh Độ xưa nay, xin quý độc giả cẩn trọng đọc từng Dòng, từng Chương, để được đón nhận sự hộ niệm của Phật, Tổ; rồi quyết định thực hiện pháp

môn Niệm Phật nhằm chấm dứt sanh tử muôn thuở cho bản thân. Thật ra, bất cứ ai có tỉnh giác tư duy về tự thân và có niềm tin Tịnh Độ, ắt hẳn sẽ có cảm nhận như Pháp sư Tịnh Tông: *“Tôi vốn biết sâu sắc rằng, mình đã tạo tội ác sâu dày, đang đón nhận quả khổ nặng nề; nếu không có Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà cứu độ, thì chẳng có một pháp nào khác, khi chết chắc chắn Địa ngục là nhà, là quê hương...”*⁸

Sau cùng, khi dịch một tác phẩm dài và quan trọng như sách này, chắc chắn có nhiều sai lầm, kính mong các bậc cao minh hoan hỷ và chỉ giáo, để bổ túc lần tái bản được hoàn thiện hơn. Nguyện cầu hết thầy quý vị độc giả và mọi người sẽ là những hành giả Tịnh Độ, sẽ là những bậc Bất thối của thế giới Cực lạc, và sẽ là những đấng Phật đà trong tương lai.

Chùa Hồng Đức – Mùa An cư PL.2554

TK. Thích Giác Quả

Kính ghi.

⁸ Trích từ lời Tựa quyển *Quyết Định Vãng Sanh Tập*.

LỜI TỰA

Người có tư tưởng nguyện sanh Tịnh Độ Cực lạc, ai mà không mong muốn mình chắc chắn được vãng sanh!

Tuy nhiên, đạo lý để chắc chắn được vãng sanh là như thế nào? -Đại để, hầu hết mọi người đều có tập quán nương vào Tự lực để đạt được mục đích. Dù vậy, kết quả giải pháp này như lên núi tìm cá, nấu cát để được cơm, hay xe chạy về hướng Nam mà đi về hướng Bắc để tìm kiếm vết xe; để rồi, càng tìm cầu càng xa rời sự thật.

Vào tiền kiếp lâu xa, đức Phật A-di-đà vốn là Bồ-tát Pháp Tạng. Ngài vì chúng ta và hết thảy chúng sanh đang bị khổ đau trong mười phương mà phát thệ nguyện rộng sâu, kiến lập Tịnh Độ Cực lạc; đồng thời, giúp những hạng người luôn làm các việc ác độc khắp cả mười phương dễ dàng được vãng sanh về Tịnh Độ ấy, thệ nguyện rằng: *“Nếu Con được thành Phật, chúng sanh trong mười phương xưng niệm danh hiệu*

của Con, tối thiểu chỉ mười câu, nếu không được vãng sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác”.

Như vậy, chính Ngài sử dụng lời thệ nguyện rộng sâu siêu thế ấy, vì chúng ta mà khai mở đạo lý, giúp chúng ta chắc chắn được vãng sanh; đồng thời, Ngài phải trải qua rất nhiều đời kiếp gian khổ tu tập, nguyện lực mới viên mãn và hình thành danh hiệu Nam mô A-di-đà Phật; nghĩa là, nguyện lực vô cùng tận ấy được tóm thâu trong danh hiệu Sáu chữ, và danh hiệu này chính là đức Phật giáo chủ cõi Cực lạc tại phương Tây, cách thế giới chúng ta đang sinh sống mười vạn ức cõi Phật. Ngài phóng hào quang vô ngại (vô ngại quang) soi chiếu và nhiếp thọ chúng ta và chúng sanh khắp các thế giới trong mười phương. Chúng ta nên hiểu rằng: Sáu chữ *Nam mô A-di-đà Phật* này, chính là đạo lộ duy nhất cho chúng ta và cho chúng sanh ở thế giới Ta-bà vãng sanh về Cực lạc; nghĩa là, đây là đạo lý chắc chắn được vãng sanh, chỉ có đạo lý này là chân thật, ngoài ra không có đạo lý thứ hai hay đạo lý thứ ba nào khác. Hòa thượng Thiện Đạo gọi sự kiện này là *Con đường sáng của nguyện lực* (Nguyện lực chi bạch đạo).

Nếu hỏi: Làm sao thực hiện con đường sáng ấy? –
 Đáp: Chỉ cần xưng niệm danh hiệu đức Phật (A-di-đà)
 là được hào quang của Ngài nhiếp thọ, không còn bị
 trôi chuyển, tức được nguyện lực Bốn nguyện của Ngài
*“Dẫn dắt một cách tự nhiên”, và “Hẳn nhiên vượt lên
 trên mọi duyên sự để vãng sanh về thế giới Cực lạc”*.
 Hòa thượng Thiện Đạo giải thích rằng: *“Hiện nay đức
 Phật ấy đã thành Phật tại thế giới đó rất lâu rồi, cho
 nên biết rằng, Bốn thế nguyện rộng sâu của Ngài không
 thể hư dối, chúng sanh nào xưng niệm hẳn nhiên được
 vãng sanh.”*

Qua đây, chúng ta có thể nhận ra rằng: Đạo lý để
 hết thấy chúng sanh chắc chắn được vãng sanh do đây
 mà được thành lập, do đây mà khởi tín tâm, do đây mà
 xưng niệm danh hiệu, để rồi được vãng sanh Cực lạc,
 để rồi khẳng định thực hiện con đường sáng của nguyện
 lực ấy đã hiện hữu, và chẳng cần tốn công gầy móng tay
 đã đến phương Tây, há chẳng phải dễ dàng lắm sao!

Dù vậy, xưa nay chúng sanh sống trong mê vọng,
 đối với pháp cứu độ không thể nghĩ bàn của nguyện lực
 đức Phật A-di-đà rất khó Chánh tín, nghi ngờ đủ kiểu:
 Họ nghĩ rằng, những kẻ ngu si làm nhiều tội ác, chỉ

đơn thuần niệm danh hiệu Phật A-di-đà, không tu tập Giới-Định-Tuệ, không làm các việc thiện để có công đức hồi hướng, không có công phu chế ngự phiền não, thì chắc chắn khi lâm chung vọng niệm ập đến tràn đầy không thể Chánh niệm; phiền não trùng trùng điệp điệp như thế làm sao được vãng sanh? Do tư duy như thế, họ quay lưng với pháp chuyên tu Niệm Phật của con đường sáng vô ngại, mà tranh nhau thực hiện Tập tu, Tập hạnh của con đường gập ghềnh đầy hiểm nguy, đến nỗi đức Bổn Sư Thích-ca trong kinh *Vô Lượng Thọ* cảm thán rằng: “*Để vãng sanh mà không có người tu!*”

Hòa thượng Thiện Đạo, chính là hóa thân của đức Phật A-di-đà đã xác minh nhất định rằng: “*Chuyên tu chuyên niệm mười người tu vãng sanh cả mười; Tập tu, Tập hạnh, ngàn người tu không có một người (thoát khỏi sanh tử)*”. Thời cận đại, Đại sư Ấn Quang tán thán cực độ câu xác minh này. Ngài bảo: “*Đây là lời chân thật quý giá hơn vàng ngọc, sẽ hiện hữu hàng ngàn năm không thể đổi thay*”. Con người trong thời đại bây giờ, nếu không tuân theo lời răn bảo của Hòa thượng Thiện Đạo, để *Thuần nhất nương vào Bổn Nguyện đức Phật A-di-đà, thuần nhất xưng niệm danh hiệu đức*

Phật A-di-đà, thì vấn đề vãng sanh Cực lạc sẽ giống như bọt nước, ảnh tượng.

Tuy nhiên, trên thực tế để nhận xét, đa phần những người tu tập cầu sanh Cực lạc, do không được bậc Thiện tri thức chân chính tận tình hướng dẫn, dạy bảo; không biết về Bốn nguyện Tha lực của Phật A-di-đà; không biết rõ cội nguồn của pháp Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ nên như cây bèo không có gốc tùy theo gió thổi mà phiêu bạt đó đây trên mặt nước; như người mù chẳng thấy đường đi, chân bước loạn xạ. Vì vậy, pháp chuyên tu Niệm Phật thật khó quán triệt, nên thích thú pháp Tập tu, Tập hạnh như thủy triều dâng trào; sai lầm chỉ một đời để rồi phải đọa vào khổ đau sanh tử. Chúng ta đã được làm thân người là điều khó trong những điều khó làm, đã được nghe Phật pháp là điều khó trong những điều khó nghe, đã được phát đạo tâm là điều khó trong những điều khó phát, đã được tin pháp Tịnh Độ là điều khó trong những điều khó tin. Nếu để một lần nữa đọa xuống Tam đồ, đây là điều bi đát vô cùng tận, sầu đau mãi chẳng bao giờ dứt!

Sự khổ đau, ô uế của thời Mạt pháp càng ngày càng tăng, nên đức Phật A-di-đà đặt biệt cang hết lòng thương

mến và bậc Thiện tri thức thuận duyên mà xuất hiện; đây là Pháp sư Huệ Tịnh, như là đóa Phân-đà-lợi vĩ đại trong cõi người. Hiện nay là thời đại mà sự ô uế và phi đạo đức diễn bày rất thậm tệ. Ngài ra đời với hương đức hạnh tỏa khắp bốn phương, làm thạch trụ cho mọi người nương tựa, là bóng mát cho những ai cần che chở. Ngài nâng cao ngọn đuốc Chánh pháp Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, để đại bố thí ánh sáng vô úy cho những kẻ mê mờ; đồng thời, đi sâu vào pháp chuyên tu bí yếu của Tổ sư Thiện Đạo, để dẫn dắt người tu Tập hạnh nhất hướng trở về với pháp tu Niệm Phật. Hơn mười năm qua, Ngài độc cư thanh bạch và lao nhọc viết lại quyển sử Phật giáo Trung Quốc. Bên cạnh, Ngài là vị đầu tiên chính thức căn cứ vào Kinh điển và các bộ Luận của chư Tổ, để chỉnh lý, hệ thống giáo nghĩa tông Tịnh Độ; đồng thời, Ngài còn biên dịch một số tác phẩm liên quan đến Tịnh Độ trên hai mươi quyển, độ vài trăm chương, những tác phẩm này được phổ biến khắp trong nước lẫn nước ngoài. Có thể nói, đây là hành hoạt vực dậy cội nguồn chân thực của pháp môn Tịnh Độ, để truyền bá đúng cốt tủy của Phật và chư Tổ. Qua đây, tông Tịnh Độ hoàn toàn độc lập như các tông khác, và pháp Niệm Phật với tôn chỉ chuyên

nuơng vào Tha lực, hiển nhiên được sáng tỏ. Hơn ngàn năm chân diện mục của Lô sơn đã bị mù sương phủ kín, nay được khai mở tận nguồn chơn: Pháp Niệm Phật là đạo lý căn bản vĩnh trừ chướng nạn, là pháp dễ tu, dễ vắng sanh, vạn người xưng niệm là vạn người sanh Cực lạc. Đây là hành hoạt, trên kế thừa chư Tổ để chuyển tải nguồn mạch Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà đã bị lãng quên hàng ngàn năm, dưới đem ân huệ của đức Phật trao cho chúng sanh đầy tội lỗi, khổ đau trong thời kỳ Mạt pháp và Pháp diệt. Với Công và Đức như thế, há có ngôn ngữ nào có thể tán thán được sao!

Tuy nhiên, bởi do những tác phẩm của chư Tổ, nội dung bàn bạc chứa đầy nghĩa lý cao thâm, hàng hậu học sơ cơ khó mà lãnh hội. Vì để giúp hết thảy mọi người sớm quay về với tôn chỉ Tịnh Độ, sớm trừ bỏ những lo sợ nghi hoặc bất an, sớm gặt hái lợi ích chân chính là chắc chắn được vắng sanh; nên giờ đây, Pháp sư Huệ Tịnh chọn lựa bài văn chủ yếu gồm ba chương; bên cạnh, lại thêm vào các chương khác mà văn nghĩa đều tương hệ với ba chương, gộp lại thành một quyển có tên *Quyết Định Vãng Sanh Tập*, hầu công hiến đến mọi độc giả đương thời.

Vì đề độc giả hiểu rõ trình tự của vấn đề vãng sanh, nên tập sách này được biên chép theo thứ tự. Trong này, bài Tựa của quyển *Niệm Phật Cảm Ứng Lục* là nói lên hệ quả Cảm ứng do niệm Phật, tức dựa trên giáo lý để chuyển tải Lý - Sự viên dung, giúp mọi người tin tưởng pháp Niệm Phật chắc chắn được vãng sanh Cực lạc. Về ngôn ngữ sử dụng thì rất bình dân, nhưng đạo lý vẫn được diễn bày một cách triệt để, nếu ai được nghe, được đọc thì nắm bắt rõ ràng, khởi tâm tin tưởng và tìm cách thực hiện. Đây là pháp tu thâm nhiếp mọi căn cơ chúng sanh một cách toàn triệt, có hiệu quả nhanh nhất. Thế nên, pháp tu này nắm giữ vị trí bậc nhất trong các pháp tu của đạo Phật.

Khi Pháp sư Huệ Tịnh viết các bài Tựa khác cũng đều tương ứng với nguyên tác, dù rằng có mở rộng thêm, nhưng không xa rời tôn chỉ của nguyên tác; bên cạnh, Ngài vừa tôn trọng tư tưởng của chư Tổ sư, vừa biểu thị sự khiêm hạ của mình. Về bài Tựa này, Pháp sư Huệ Tịnh viết theo chủ ý của tự thân, không một chút vướng mắc, không một chút úy kỵ, hoàn toàn linh động, hoàn toàn tự nhiên. Với tư tưởng khoáng đạt như biển cả mênh mông, như hư không vô hạn, trong

này Ngài đã trích dẫn rộng rãi ý kiến của trên hai mươi vị Tổ, và trên một trăm đoạn giải thích của Kinh điển (trong này, riêng về trích dẫn những tác phẩm của Đại sư Thiện Đạo đã chiếm $\frac{1}{4}$ nội dung), lời hành văn vô cùng khéo léo, tài tình, kết thành một bức gấm rực rỡ: “Chúng sanh xung niệm chắc chắn được vãng sanh”. Tựa trung, bài Tựa này có mười một Tiết, liên kết nhất quán, nhìn qua là thông hiểu, do bởi sự phô diễn với tư tưởng tự tại vô ngại. Dù trích dẫn rất nhiều đoạn văn của nhiều tác phẩm sai khác, nhưng vẫn thống nhất không có sự chấp vá, dung thông hòa hợp như sữa với nước, văn chương vừa giản đơn trực diện, vừa thâm thúy hân hoan. Mới đọc qua, Tịnh Tông tôi có trực giác như được ân đức của Phật nhiếp thọ, giống như sóng biển từng đợt liên tiếp vỗ vào bờ, làm con người không thể chạy thoát, cuối cùng bị cuốn ra biển, hay như thác nước trên núi cuộn cuộn chảy xuống chỗ thấp. Cũng tựa như thế, ân đức của đức Phật làm con người tự nhiên khởi tâm niệm Phật, khó có thể cưỡng lại, khi đã được hào quang đức Phật chiếu soi, thân tâm hành giả trở nên khinh an, liền dũng mãnh bước lên tòa sen, lại được Thánh chúng hộ niệm vây quanh nhiều vòng, nên thanh

thản trở về cõi Cực lạc. Sự kiện chắc chắn được vãng sanh đã thành vật báu trong túi, sờ mó là nắm bắt được rất rõ ràng; nên trong hiện tại đón nhận sự lợi ích ấy rất cụ thể, như hình ảnh hiện trên gương, nhìn là thấy. Ấy thế, trân trọng đọc bài văn này, người chưa niệm Phật sẽ hoan hỷ phát tâm niệm Phật, người đã niệm Phật sẽ hoan hỷ tinh tấn chuyên niệm, người đã chuyên niệm sẽ hoan hỷ nhất tâm cầu nguyện vãng sanh, người đã cầu nguyện vãng sanh sẽ hoan hỷ khuyến khích người có duyên tinh tu Tịnh Độ. Pháp sư Trì Tùy tán thán rằng: *“Có thể bảo, bài Tựa này là cốt tủy sự hoằng hóa của Pháp sư Huệ Tịnh. Ai được đọc qua một lần có thể nói sự tham cứu, học tập của vị ấy đã viên mãn rồi vậy! Sự lợi ích này có thể cảm nhận rõ rệt”*.

Xét về những sự kiện Cảm ứng của Niệm Phật, nội dung được trình bày rất rõ ràng, nhưng đa phần độc giả chỉ đọc qua nhan đề mẩu chuyện; thế nên, khó gặt hái được kết quả tốt đẹp, thậm chí, bởi lý do ấy dẫn đến ngộ nhận đáng tiếc. Giờ đây, Pháp sư Huệ Tịnh viết bài Tựa này với sự chọn lọc rất kỹ càng, tóm thâu giáo lý rất đầy đủ, lại xoay về nguyên lý xưa cũ một cách hiện thực qua bài Bình luận như vẽ rồng điểm con người.

Nội dung giản đơn, trong sáng, dễ hiểu mà lại xiên dương những điểm chính một cách thiết thực; ý nghĩa chuyên chở trong đây đối với hành giả thể hiện tâm tình Từ bi sâu đậm, vừa thành thực vừa trực tiếp như từ mẫu chăm sóc con trẻ, mỗi hành vi của trẻ đều chú tâm chẳng rời, điều này khiến ai đã đọc không khỏi cảm động. Qua đây, Ngài dùng Lý để soi xét Sự, giúp những Cảm ứng do Niệm Phật trở nên trong sáng; lại dùng Sự để biểu tượng Lý giúp mọi người tin rằng, lời đức Phật dạy không bao giờ hư dối, để tự mình dũng mãnh quyết định chuyên niệm danh hiệu đức Phật (A-di-đà) và nghĩ chắc chắn được vãng sanh. Để hiểu nghĩa lý được sâu sắc thêm, người mới học nên tìm đọc quyển: *Niệm Phật Cảm Ứng Lục* và bài Bình luận thì rất tốt.

Bài Tựa *Niệm Phật Kim Ngôn Lục* lại càng thiện xảo hơn, giúp hàng phàm phu cắt đứt hoàn toàn sự cố chấp huyền hoặc của họ và hướng dẫn họ trở về chuyên tâm niệm Phật, đặc biệt giúp họ đối trị sự chấp trước về niềm tin của mình để nhẹ nhàng thực hiện phương pháp Niệm Phật hiền thiện. Về bài Tựa *An Lạc Tập Yếu Nghĩa* thì phân tích giáo tướng tông Tịnh Độ rất khúc chiết, rồi quy hướng Niệm Phật

theo Bốn nguyện của đức Phật. Hai Chương đều diễn đạt những điểm chủ yếu, nhưng khi trích dẫn đã lược bỏ nhiều Tiết nhiều Đoạn.

Ví dầu những người văn hóa yếu kém, không thể nghiên cứu rộng rãi mà đọc được những bài Tựa này, thì đối với đạo lý dễ được chắc chắn vãng sanh, không có gì thiếu sót. Trường hợp những người có sẵn học vấn với tâm Từ bi vì lợi ích cho mọi người, nếu căn cứ sự hướng dẫn của các bài Tựa này để nghiên cứu các Kinh, Luận gốc, thì người ấy như bị mù được sáng mắt, như đêm đen mà có đèn, rất dễ nắm được tôn chỉ và lý nghĩa của tông Tịnh Độ.

Tiếp theo, Chương *Chứng Cứ Về Lý* là phần trích dẫn khái quát những điểm trọng yếu từ các Kinh và lời chư Tổ dạy, để khẳng định rằng, hàng phàm phu làm các việc độc ác, nếu nương vào nguyện lực của đức Phật A-di-đà thì chắc chắn được vãng sanh. Đọc nội dung này, không chỉ tăng thêm niềm hoan hỷ về tín tâm mà còn biết được một hệ tư tưởng được truyền từ đức Phật đến chư Tổ. Khi người có trí đã hiểu rõ về Lý thì biết rằng hẳn nhiên có Sự; như hiểu trung tâm địa cầu vốn có sẵn sức hút hay các dòng nước thì chảy xuống chỗ thấp,

cuối cùng chảy ra biển, đây là cái Lý tự nhiên. Cũng vậy, tin *Nguyện lực đức Phật A-di-đà dẫn dắt người niệm Phật, thì chắc chắn được vãng sanh Cực lạc*. Tức tự hiểu: *Đời này mình niệm Phật thì chắc chắn được vãng sanh*, không khởi lên một chút nghi ngờ; vì lời dạy của đức Phật thì tuyệt đối chân thật, há có thể thay đổi được sao! Tuy nhiên, có một số người kiến thức thô thiển mà lại đa nghi, nếu bỏ tức những sự kiện vãng sanh cụ thể thì họ sẽ dễ tin hơn; thế nên, lại biên thêm phần *Chứng Cứ Về Sự*. *Chứng Cứ Về Sự* (Chương I) là biên các sự kiện vãng sanh vừa giản đơn, vừa trong sáng của những người đời trước đã ghi chép lại. *Chứng Cứ Về Sự* (Chương II) là biên các sự kiện vãng sanh thiết thực của những người đương thời, do các Liên hữu ở các nơi gửi về. Trong này, có *Lá thư trả lời cho Cư sĩ Bi Phước*, Pháp sư Huệ Tịnh đã viết vừa ngắn gọn rõ ràng, vừa nêu lên các điểm cốt lõi, giúp người đọc đoạn trừ mê mờ, sớm quay về bờ bến sáng trong. Cư sĩ Bi Phước đã theo lời dạy của Ngài mà tu tập, đây là sự kiện Tự - Tha đều lợi ích, Lý - Sự đều rõ ràng, mang tính thuyết phục rất cao, thế nên mới được ghi chép vào Chương này; đồng thời, điều này có thể gọi *Chứng Cứ Về Lý* có mặt trong *Chứng Cứ Về Sự* vậy.

Về phần bổ túc những sự kiện *Niệm Phật Cảm Ứng* hiện tại, cũng do các Liên hữu ở các địa phương khác nhau gởi về, đọc những mẩu chuyện ấy sẽ thấy năng lực đại Từ bi của đức Phật A-di-đà thật rộng lớn vô bờ, không có nguyện cầu nào là không có kết quả tốt đẹp, nghĩa là có tâm Cầu nguyện là có Cảm ứng. Những lợi lạc trên cuộc đời này vốn chẳng phải là lợi ích cứu cánh, cũng chẳng phải là ý nghĩa Bản nguyện của đức Phật A-di-đà, nhưng nếu con người có tâm Cầu nguyện vẫn có Cảm ứng; huống gì, giờ đây chúng ta vốn có Chánh tín về niệm Phật để nguyện cầu vãng sanh về Tịnh Độ Cực lạc, là khế hợp sâu sắc với Bản nguyện đức Phật, há không chắc chắn vãng sanh ư! Tư duy như vậy, dù những chuyện ấy chỉ biểu đạt các Cảm ứng như thoát khỏi tai nạn hay lành bệnh, cũng đủ làm bằng chứng tối thiểu dẫn dắt độc giả tin rằng, pháp Niệm Phật chắc chắn được vãng sanh. Riêng về hai Bài ca *Không kể là thế nào* và *Cùng Phật hiện hữu*, vì làm lòng người rất cảm động, không nỡ bỏ qua nên ghi chép ở cuối sách.

Ngoài những tài liệu mà các Liên hữu cung cấp, phần còn lại trong các Chương là do Pháp sư Huệ Tịnh

biên dịch và trước tác. Trong phần dịch, đa phần là bài của Thượng nhân Pháp Nhiên. Trong các Chương, Tiết, Pháp sư Huệ Tịnh trình bày rất ngắn gọn, giản đơn, nhưng chứa đựng ý vị vô cùng, tỏa ra hương thơm vi diệu vô tận. Đây là Pháp ngữ tinh yếu giống như đèn sáng, giống như kiếm bén, chỉ nửa câu cũng có khả năng giúp hàng phàm phu đoạn tuyệt các chấp thủ, Trí tuệ khai mở để nhanh chóng thấy rõ sự huyền diệu của Phật pháp, nhất quán trở về chuyên tu pháp môn nhanh gọn (Tịnh Độ). Về quy chế của đoạn văn Pháp ngữ cốt yếu này, thì rất hiếm thấy vì quá độc đáo, độc giả nên tư duy nghiền ngẫm nhiều lần để thưởng thức pháp vị. Nói về Thượng nhân Pháp Nhiên, Ngài là vị cao Tăng Nhật Bản sống cách đây trên 800 năm. Ngài căn cứ vào tư tưởng Niệm Phật của Đại sư Thiện Đạo người Trung Quốc để khai sáng tông Tịnh Độ ở Nhật Bản. Người đời gọi Thượng nhân là Bồ-tát Đại Thế Chí hóa thân, và là vị Tổ sư của một hệ phái Tịnh Độ tại Nhật Bản. Hiện nay, trong các tông phái ở Nhật Bản, tông Tịnh Độ là lớn nhất, và các hành giả tu Tịnh Độ đa phần là môn hạ nhiều đời của Thượng nhân, qua đây để biết rằng, ảnh hưởng của Thượng nhân là như thế nào rồi.

Do vì mọi người trong nước¹ ít biết về Thượng nhân Pháp Nhiên, nên nơi đây vẫn tắt đôi dòng giới thiệu để phát tâm tin kính.

Tịnh Tông tôi là một kẻ ngu muội đáng thương, tự biết việc lớn bậc nhất trong đời là sanh tử sẽ đến, nên mỗi ngày đều sống trong lo sợ. Dù hằng ngày có niệm Phật, nhưng không biết phải niệm Phật như thế nào; có nghĩ đến việc vãng sanh, nhưng không biết làm thế nào để được vãng sanh. Một câu danh hiệu Phật mà nuốt mãi không chịu vào, thở mãi không chịu ra. Tự lực thì không có một chút, Phật lực cũng chẳng biết gì. Hai điều đều không thể cậy trông mà việc chết thì đang ở trước mắt, thật vô cùng hãi sợ, ai cùng cảnh ngộ thì sẽ cảm nhận rõ ràng. Đến khi đọc được tác phẩm của Pháp sư Huệ Tịnh, như người đang mộng mới tỉnh giấc, biết rõ Phật là như thế nào, Niệm Phật là như thế nào, biết rõ vấn đề sanh tử Luân hồi từ vô thủy cho đến bây giờ có thể chấm dứt, vừa buồn vừa vui khó chế ngự. Hiện giờ đã khuya sợ làm phiền quý thầy ở cạnh phòng, nên trùm chăn khóc to một hồi. Tâm niệm của tôi như vậy, há tâm niệm mọi người lại khác sao!

¹ Trong nước: Tức Đài Loan và Trung Quốc.

Nhìn lại đồng bào khắp mọi miền quê hương đất nước, đang đối diện với hàng triệu thứ khổ đau, tâm tư lại càng buồn rầu lo lắng; thế nên, lại càng tích cực phổ biến các tác phẩm biên dịch và sáng tác của Pháp sư Huệ Tịnh, lại càng tuyên dương tôn chỉ tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật (A-di-đà) của Hòa thượng Thiện Đạo; muốn thỉnh mời hết thảy Pháp hữu có duyên sớm quay về pháp môn Tịnh Độ, tất cả đều sớm về quê hương Cực lạc.

Điều được gọi là *“Tâm Đại bi của chư Phật luôn hướng về những chúng sanh đang bị khổ đau, nghĩa là tâm chư Phật luôn thương nghĩ nghiêng về những chúng sanh đang bị chìm đắm trong sanh tử, để khuyến khích họ trở về với Tịnh Độ. Giống như người đang bị nước trôi thì cần phải cứu vớt gấp, còn người ở trên bờ cần gì phải cứu!”* Trong đời, có hạng người tự cho mình là kẻ hiền thiện Trí tuệ, nên không thêm nương vào thuyền lớn Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, để chân thành chuyên tâm niệm Phật nhờ vào Phật lực. Tôi vốn biết sâu sắc rằng, mình đã tạo tội ác sâu dày, đang đón nhận quả khổ đau nặng nề, nếu không có Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà cứu độ thì chẳng có một

pháp nào khác, khi chết chắc chắn Địa ngục là nhà, là quê hương. Do vậy, tôi đem cả thân mạng quy hướng đức Phật A-di-đà, tinh chuyên xưng niệm Sáu chữ hồng danh; mặc kệ những ai tu tập nổi tiếng, có đại Trí tuệ, có đại Công đức, đối với tôi tuyệt nhiên chẳng có một chút hâm mộ, tuyệt đối không bị ảnh hưởng và chi phối để thay đổi đường hướng mà tu theo Tập hạnh, Tập tu. Nên biết rằng, Trí tuệ, Pháp tu và Công đức của những người ấy vốn chẳng phải phận sự và mong cầu của tôi. Thật sự, không có Trí tuệ nào vượt qua Trí tuệ niệm Phật, không có Pháp tu nào vượt qua Pháp xưng danh, không có Công đức nào vượt qua Công đức Sáu chữ Nam mô A-di-đà Phật.

Bây giờ là thời đại nào? - Đức Như Lai Thích-ca đã diệt độ trên 2500 năm quá lâu xa rồi, giờ đây là thời đại hưng thịnh của Mạt pháp đang đầy dẫy tội ác và ô uế, vậy chúng ta là hạng căn cơ nào? – Hòa thượng Thiện Đạo bảo: “*Tự thân hiện là kẻ phạm phu chứa đầy tội ác sanh tử, từ vô thủy đến nay vốn chìm đắm trong đó, không có cơ duyên thoát khỏi*”. Nếu nhận thức sáng suốt, phân biệt như thế nào là người tốt, người xấu, để can đảm bước vào cảnh giới bất tử, thì nhất tâm kính

cẩn nung vào Bốn nguyện đức Phật A-di-đà, chuyên xưng niệm Sáu chữ hồng danh, thẳng tới cảnh giới phương Tây; như thế, đâu có tâm tư nhân rồi mà lưu ý đến chuyện thuộc phạm vi sanh tử để chuyên luận bàn việc đúng - sai, thiện - ác của tha nhân, hay tranh biện pháp môn nào là cao - thấp, sâu - cạn!

Khê kinh dạy: *“Tự mình thực hành pháp Niệm Phật, dạy người niệm Phật là thực hiện tâm Đại bi của Như Lai”*. Nguyện cầu chư Thiện hữu khắp bốn phương, có duyên đọc được tập sách này sẽ tự độ để độ tha, sẽ tự lợi và lợi tha; đồng thời, hãy truyền bá rộng rãi tâm Từ bi vô tận của đức Phật A-di-đà, để cấp tốc cứu độ, giống như hai giọt nước cùng lúc rơi thẳng xuống Địa ngục rộng lớn của nhân loại vậy.

Ngày 15 tháng 3 Phật Lịch 2545

Thích Tịnh Tông

Cẩn chí.

NIỆM PHẬT NHẤT ĐỊNH VÃNG SANH

Pháp sư Huệ Tịnh tuyên thuật.

Chương I LỜI TỰA CỦA TÁC GIẢ QUYỀN *NIỆM PHẬT CẢM ỨNG LỤC*²

I.1. Diệu pháp là thích ứng căn cơ, duy nhất chỉ có pháp Niệm Phật.

Phật pháp vốn không có cao thấp, thích ứng căn cơ là diệu pháp; thuốc vốn không có tốt xấu, trị bệnh lành là thuốc hay.

Nhưng, xét hoàn cảnh của thế giới Ta-bà vào thời Mạt pháp hiện nay, căn cơ chúng sanh về trí thức thì rất yếu kém, về tâm lý thì rất ác độc; vì vậy, trong Tám vạn bốn ngàn pháp môn tu tập mà đức Thế Tôn đã dạy, pháp môn mà chúng sanh có thể kham nhẫn tu tập được, duy nhất chỉ có diệu pháp *Xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà đúng theo Bốn nguyện của Ngài*.

² Tác giả quyền *Niệm Phật Cảm Ứng Lục*: Pháp sư Huệ Tịnh.

Tổ sư bảo: “*Niệm Phật là tối thắng tối dị, cực thiện cực thượng*”.

Danh hiệu đức Phật A-di-đà vốn thâm nhiếp hết thảy mọi công đức, chính thế gọi là *Tối thắng*; xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà thì căn cơ nào cũng có thể thực hiện, chính thế gọi là *Tối dị*.

Pháp môn Tịnh Độ gọi là *Đạo lý dễ tu* (Dị hành đạo). *Dễ* (Dị) có hai nghĩa: Đơn giản và dễ dàng, cũng có nghĩa đơn thuần hóa và dễ tu hóa. Chính vì đơn giản, dễ tu nên bất cứ người nào cũng có thể tu tập. Nếu muốn hiểu rõ sự cao thâm vi diệu của lý nghĩa Tịnh Độ thì không thể gọi là đơn thuần; hoặc, nếu muốn tìm hiểu sự phức tạp khó khăn của sự tu tập Tịnh Độ thì không thể gọi là dễ dàng. Đã không phải đơn thuần, không phải dễ dàng thì chẳng phải là pháp dễ bất cứ người nào cũng có thể tu được, cũng chẳng phải là pháp môn Tịnh Độ, đồng thời cũng chẳng phải là Bản nguyện của đức Phật A-di-đà.

Đại sư Thiệu Đạo đã nói: “*Thuần nhất tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà*”, chính là đơn thuần hóa, dễ tu hóa, không nhất định phải thể ngũ Ba Tâm và cũng không nhất thiết công phu hết lòng.

Chính vì nguyện sanh về Cực lạc mà tinh chuyên niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, tất nhiên năng lực Bản nguyện của đức Phật A-di-đà tự nhiên vận hành khiến hành giả niệm Phật, để đời hiện tại hành giả luôn được an ổn lợi lạc, đến khi lâm chung được vãng sanh về Báo độ Cực lạc. Tóm lại, bất cứ người nào cũng đều có thể vãng sanh và công đức bình đẳng như nhau.

Pháp môn Tịnh Độ vốn rất bình dị, con đường tu chứng vừa thẳng tắp vừa quyết định. Tuy nhiên, nếu ai cho rằng, pháp môn Tịnh Độ là pháp tu chỉ dành cho hạng căn cơ hạ liệt, độc ác, quan niệm như thế là đã vùi lấp tâm Đại bi căn bản phi phạm của đức Phật A-di-đà, tâm Ngài cứu độ hết thảy mọi căn cơ, hết thảy mọi duyên nghiệp của mọi chúng sanh. Với quan niệm ấy sẽ đưa đến ngộ nhận, pháp Tịnh Độ chỉ là một pháp cứu độ một loại căn cơ, một loại duyên Nghiệp mà thôi. Qua hiểu biết đầy sai lầm, tà vọng ấy, đã nói lên sự hiểu biết của họ rất hạn chế, họ chỉ hiểu sự cứu độ của đức Phật A-di-đà rất tối thiểu và người vãng sanh cũng rất hy hữu. Với thực trạng này, nên đức Thích Tôn đã từng ta thán rằng: *“Pháp rất dễ vãng sanh, nhưng hiếm có người được vãng sanh!”*.

Pháp môn Tịnh Độ được gọi là *Đạo lý dễ tu*, giải thích là *Dễ tu mà khó tin*, nghĩa là, từ bỏ những pháp Tu khó khăn mà giữ lấy một pháp Tu dễ. Đây chính là đạo lý dễ tu vì dễ dàng. Chính thế, chỉ *Thuần nhất tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà* và bảo trì đức tin trong quá trình tu niệm. Do vậy, nội dung của kinh *Quán Vô Lượng Thọ* tuy có trình bày về các pháp tu Định thiện, Tán thiện, với Mười ba pháp quán của Định thiện và tu Ba phước đức, vãng sanh chín phẩm của Tán thiện, là để đáp ứng cho nhiều loại căn cơ có đức tin sai khác, nhưng đến phần kết luận (Lưu thông) để chấm dứt thời pháp, đức Thích Tôn chỉ phú chúc bảo trì *Thuần nhất tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà* mãi được lưu truyền lâu xa trong tương lai. Chính vì xưng niệm danh hiệu đức Phật là dễ dàng, nên bất cứ người nào cũng có thể thực hiện, lại vì công đức thù thắng thẳng tiến đến quả vị Phật đà. Hết thấy mọi công đức tu tập của nhiều loại căn cơ có đức tin sai khác về Định thiện, Tán thiện đều được thâm nhiếp trọn vẹn trong pháp Niệm Phật này.

Đại sư Từ Mẫn bảo:

“Đức Phật ấy vốn lập nguyện rộng,

*Ai niệm tên Tôi, Tôi đến đón,
 Không kể bần cùng hay phú quý,
 Không kể trí hèn hay thông thái,
 Không kể đa văn giữ tịnh Giới,
 Không kể phá Giới tội nặng sâu,
 Chỉ cần hồi tâm chuyên niệm Phật,
 Sỏi đá có thể hóa thành vàng”.*

I.2. Bốn nguyện siêu thế, chỉ xác định pháp Niệm Phật.

Chư Phật, mỗi vị đều có đại nguyện chung và đại nguyện riêng, đại nguyện chung chính là *Tứ hoằng thế nguyện*, về đại nguyện riêng, như đức Phật Thích-ca có *Năm trăm đại nguyện*, đức Phật Dược Sư có *Mười hai thượng nguyện*, đức Phật A-di-đà có *Bốn mươi tám đại nguyện thù thắng*.

Nhưng, nếu đối chiếu thì đại nguyện riêng của đức Phật A-di-đà siêu việt hơn đại nguyện riêng của chư Phật; chính thế, nên *Kinh Vô Lượng Thọ (Đại Kinh)* ghi: “*Tôi kiến lập đại nguyện siêu thế*”, lại ghi: “*Phát nguyện vượt qua đại nguyện của chư Phật*”. Do vậy, đại nguyện của đức Phật A-di-đà được gọi là *Siêu*

thế biệt nguyện (Đại nguyện siêu thế riêng biệt), cũng được gọi là *Biệt ý hoằng nguyện* (Đại nguyện rộng với ý riêng).

Đại nguyện riêng của đức Phật A-di-đà xuyên suốt cả Bốn mươi tám thế nguyện, riêng câu đại nguyện thứ mười tám được đức Thích Tôn gọi là *Bốn nguyện*, Tổ sư tôn xưng là *Vương Bốn nguyện* (Bốn nguyện vua) hay *Bốn nguyện vương* (Vua Bốn nguyện).

Bốn nguyện có hai nghĩa:

- Nhân bản (Gốc là nhân): Là đối nghĩa với quả mạng (Ngọn là quả), tức đứng trên lập trường nguyên nhân phát thế nguyện, thì Bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng là Bốn nguyện.

- Căn bản (Gốc rễ): Là đối nghĩa với chi mạng (Ngọn cành), tức xét thế nguyện căn bản trong tất cả các thế nguyện. Trong Bốn mươi tám đại nguyện chỉ có đại nguyện thứ mười tám là thế nguyện căn bản chủ yếu.

Thế nguyện của đức Phật A-di-đà dù có đến Bốn mươi tám đại nguyện, nhưng chỉ có đại nguyện thứ mười tám là Bốn nguyện vua, Bốn nguyện vua này *Chỉ nói về niệm Phật* mà thôi.

Đại nguyện mười tám nói:

“Chúng sanh trong mười phương, cho đến chỉ niệm mười niệm, nếu không được vãng sanh, thì Con không giữ ngôi Chánh giác (Phật-đà)”.

Và, kệ thành tựu đại nguyện mười tám nói:

*“Lực Bốn nguyện Phật ấy,
Ai nghe muốn vãng sanh,
Đều sanh về nước ấy,
Hẳn nhiên chứng Bất thối”.*

Ý nghĩa bài kệ này đã được Bồ-tát Thiên Thân giải thích rõ ràng trong Luận *Vãng Sanh* rằng:

*“Quán năng lực Bốn nguyện Phật ấy,
Rộng như hư không chẳng sánh bằng,
Năng khiến sớm thành tựu viên mãn,
Công đức rộng sâu như biển báu”.*

Bồ-tát Long Thọ căn cứ ý nghĩa đại nguyện thứ mười tám và ý nghĩa bài kệ thành tựu, để nói lên ý kiến của mình trong *Phẩm Dĩ Tu (Dị Hành Phẩm)* rằng:

*“Bốn nguyện Phật Di-đà,
Ý nghĩa như dưới đây:
Nếu người nào nhớ nghĩ đến Tôi,*

*Xưng danh hiệu là tự quay về,
Tức thì ngộ nhập vào Chánh định,
Được chứng quả Vô thượng Bồ-đề,
Thế nên thường nhớ nghĩ xưng niệm”.*

Chúng ta nên biết rằng, Cho đến mười niệm chính là *Xưng danh hiệu là tự quay về*, Thường nhớ nghĩ xưng niệm cũng chính là suốt đời niệm Phật cho đến niệm mười niệm hay chỉ một niệm.

Những người đến khi lâm chung mới gặp được pháp Niệm Phật, thì chỉ niệm mười niệm hay một niệm cũng được vãng sanh; còn, những người có duyên sớm với pháp này, thì niệm Phật suốt đời.

Chúng ta nên biết rằng, *Pháp Niệm Phật* chính do đức Phật A-di-đà mời gọi chúng sanh khắp mười phương xưng niệm để cứu độ, diu dắt. Vì thế, trong quyển *Sớ Giải Kinh Quán Vô Lượng Thọ (Quán Kinh Sớ)*, Đại sư Thiện Đạo nêu lên: “*Ví dụ con đường sáng giữa hai con sông*” (Nhị hà bạch đạo dụ)³, hình ảnh cứu độ của đức Phật A-di-đà qua lời mời gọi rằng: “*Ông hãy kiên định, Chánh niệm tiến thẳng về phía trước, Tôi sẵn sàng bảo vệ ông*”.

³ Xem *Tuyển Trạch Tập* trang 114-115 cùng dịch giả.

Lại nữa, phần *Quán chơn thân* thứ chín thuộc Mười ba tu quán của *Định thiện*⁴, bảo rằng: “*Bốn mươi tám đại nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, chỉ xác minh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, để được vãng sanh mà thôi*”.

Lại nữa, *Pháp Sư Tán* ghi:

“*Bốn tám nguyện rộng có nhiều môn,
Riêng nêu niệm Phật lắm thiết thân,
Ai hay niệm Phật, Phật ghi nhớ,
Ai chuyên tưởng Phật, Phật tri tường*”.

Lại ghi:

“*Cõi Niết-bàn Cực lạc vô vi,
Tu theo Tập thiện khó sanh về,
Nên đức Như Lai chọn pháp chính,
Dạy niệm Di-đà chuyên lại chuyên*”.

Và, phần kết luận quyển *Sớ Giải Kinh Quán Vô Lượng Thọ* cũng nói:

“*Hướng về Bốn nguyện Phật Di-đà,
Tâm ý chúng sanh cần hiểu rõ,
Chỉ thuần nhất tinh chuyên xưng niệm,
Danh hiệu đức Phật A-di-đà*”.

⁴ Xem *Tuyển Trạch Tập* trang 157-158 cùng dịch giả.

Thế nên, người nguyện sanh về thế giới Cực lạc, chỉ nên *Thuần nhất tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà*, đây là hạnh Bốn nguyện chủ yếu của Ngài.

Niệm Phật là Bốn nguyện độc nhất vô nhị của đức Phật A-di-đà, là hạnh tối cao vô thượng. Đại sư Thiện Đạo gọi là *Chánh định nghiệp*, cũng chính là *Vãng sanh đã định*, *Hiện đời đã thành tựu nhân vãng sanh*.

Và, Thượng nhân Pháp Nhiên nương tựa vào tư tưởng của Đại sư Thiện Đạo, ở phần kết luận của tác phẩm *Tuyển Trach Bốn Nguyện Niệm Phật Tập*, Ngài nói:

“*Gọi là Chánh định nghiệp,
Chính là xưng danh Phật,
Xưng danh ắt vãng sanh,
Vì nương Bốn nguyện Phật*”.

Điểm này, trong phần đầu của tác phẩm ấy, khi giới thiệu về tông Tịnh Độ đã xác minh: “*Pháp tu để vãng sanh, chủ yếu là niệm Phật*”.

Như vậy, trước và sau dù khác miện nhưng cùng lời, đầu hay cuối đều nhất quán hiển thị chân nghĩa tôn chỉ của Tịnh Độ.

Tại sao đức Phật A-di-đà lấy pháp xưng danh làm Bốn nguyện và không chọn các pháp tu khác làm Bốn nguyện? Điểm này ở *Chương thứ ba* trình bày về Bốn nguyện của quyển *Tuyển Trạch Tập*⁵, Thượng nhân pháp Nhiên đã giải rõ điểm chủ yếu ấy ngắn gọn như sau:

“Xưa kia, Tỷ Kheo Pháp Tạng - Như Lai Di-đà, với tâm Từ bi bình đẳng thúc đẩy, muốn hóa độ hết thấy chúng sanh, nên Ngài không chọn các pháp khác làm Bốn nguyện tu tập vãng sanh, mà chỉ chọn một pháp duy nhất là xưng niệm danh hiệu đức Phật làm Bốn nguyện”.

Vì *Từ bi bình đẳng*, vì *Muốn hóa độ hết thấy chúng sanh*, không phân biệt người xuất gia hay kẻ tại gia, người trí đức hay kẻ ngu si, người hiền thiện hay kẻ ô uế, người nam hay kẻ nữ, người già hay kẻ trẻ, người giàu sang hay kẻ nghèo hèn. Tóm lại, không phân biệt là hạng người nào, chỉ cần *Thuần nhất tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà*, thì hết thấy đều bình đẳng được vãng sanh về Báo độ

⁵ *Tuyển Trạch Tập*: Chính là *Tuyển Trạch Bốn Nguyện Niệm Phật Tập*.

Cực lạc, đồng chứng vô lượng quang, vô lượng thọ. Điểm này, Đại sư Thiện Đạo cũng đã nói trong *Pháp Sư Tán* rằng:

*“Trời, Người dù thiện ác,
Hết thấy được vãng sanh,
Đến đây đều bình đẳng,
Tất cả chứng Bất thối”.*

Lại nữa, trong Chương thứ sáu của quyển *Tuyển Trạch Tập* cũng ghi:

“Trong Bốn mươi tám đại nguyện tuy đều là Bốn nguyện, nhưng đặc biệt chỉ chọn pháp Niệm Phật làm tiêu chuẩn vãng sanh”.

Lại ghi:

“Trong Bốn mươi tám Bốn nguyện đã chọn, Bốn nguyện Niệm Phật vãng sanh là vua trong các Bốn nguyện; chính thế, đức Thích-ca Từ bi đặc cách lưu lại Kinh này một trăm năm”.

Ý nghĩa Xưng danh là Bốn nguyện, trong *Lục Yếu Sao* Thượng nhân Tồn Giác⁶ đã giải thích điểm chủ yếu rất giản đơn sáng tỏ rằng:

⁶ Thượng Nhân Tồn Giác: Đời thứ tư thuộc hệ phái Thượng Nhân Pháp Nhiên.

*“Xưng danh hiệu Di-đà,
 Được lợi ích vãng sanh,
 Là Bốn nguyện đức Phật.
 Tin và hiểu như thế,
 Được gọi là chí tâm,
 Vui thích và muốn sanh”.*

Có người thưa với Thượng nhân Pháp Nhiên:
*“Thượng nhân niệm Phật, mỗi niệm đều tương ứng
 với tâm đức Phật, bởi lẽ, Ngài là bậc Trí tuệ đã hiểu
 sâu nội dung của Bốn nguyện; đồng thời cũng đã minh
 bạch công đức của danh hiệu đức Phật”.*

Thượng nhân đáp: *“Đức tin của ông về Bốn nguyện
 cũng hết như thế. Danh hiệu đức Phật A-di-đà chính
 là Bốn nguyện, sẽ khiến hàng ngu si ty tiện như những
 tiểu phu, thợ săn... không biết một chữ, khởi phát đức
 tin xưng niệm danh hiệu, thì nhất định được vãng sanh,
 nếu chân thật và hân hoan thường niệm Phật, thì đây
 là hạng căn cơ tối thượng.*

*Nếu nhờ Trí tuệ để thoát ly sanh tử, thì tại sao Pháp
 Nhiên lại từ bỏ Thánh Đạo môn để tu tập Tịnh Độ môn?*

*Tu tập theo Thánh Đạo môn, thì phải viên mãn Trí
 tuệ mới thoát ly sanh tử; còn, tu tập theo Tịnh Độ môn,
 thì phải trở thành người ngu si mới vãng sanh Cực lạc”.*

Một vị Tăng hỏi Thượng nhân Pháp Nhiên: “*Con tuy niệm Phật nhưng tâm cứ tán loạn, vậy phải làm sao?*”

Thượng nhân đáp:

“*Nên biết rằng: Tâm tuy tán loạn nhưng xưng niệm danh hiệu đức Phật, thì sẽ nhờ vào năng lực đại nguyện của đức Phật mà nhất định được vãng sanh.*

Đã sanh làm người trong cõi Dục giới tán địa⁷ này, thì tâm ai cũng bị tán loạn cả, tương tự như đã sanh làm người thì ai cũng có mắt, mũi... Nếu bảo rằng, phải bỏ tâm tán loạn mới được vãng sanh thì thật vô lý. Người niệm Phật tâm tán loạn mà được vãng sanh mới nói lên sự thù thắng của Bốn nguyện.

Tâm hạng phàm phu làm sao không tán loạn được! Cũng chính như thế mới gọi là Pháp môn dễ tu.

Đức Phật A-di-đà đã lựa chọn pháp Niệm Phật làm Bốn nguyện *thù thắng*; bởi lẽ, có năng lực khiến hết thảy chúng sanh được bình đẳng vãng sanh về Báo độ Cực lạc một cách *dễ dàng*, không phân biệt dù là

⁷ Dục giới tán địa: Chúng sanh ở Dục giới thì tâm bị tán loạn; trái lại, chúng sanh ở Sắc giới, Vô sắc giới thì định tâm, nên gọi Sắc giới, Vô sắc giới là Định địa.

hạng ngu si ti tiện không biết một chữ, bất cứ người nào cũng có thể toại nguyện. Chính thế, Niệm Phật Bốn nguyện vừa thù thắng vừa giản dị.

I.3. Hào quang đức Phật A-di-đà chỉ thâm nhiếp người niệm Phật.

Ý nghĩa một câu danh hiệu *Nam mô A-di-đà Phật* là biểu hiện viên mãn vô lượng hào quang, trong *kinh A-di-đà*, đức Thích Tôn giải thích ý nghĩa danh hiệu A-di-đà là:

“Đức Phật ấy có hào quang (ánh sáng) vô lượng, chiếu suốt hết thấy các thế giới trong mười phương không bị chướng ngại, vì thế có tên là A-di-đà”.

Hào quang của đức Phật A-di-đà có mấy loại công năng? -Hào quang này, tự nhiên có thể chiếu soi hộ trì thâm nhiếp (cứu độ) những người niệm Phật. Ở đoạn *Quán chơn thân* trong *Kinh Quán Vô Lượng Thọ*, đức Thích Tôn giải thích công năng của hào quang đức Phật A-di-đà là:

“Hào quang chiếu khắp tất cả các thế giới trong mười phương, để luôn thâm nhiếp không rời những hành giả niệm Phật”.

Trong *Vãng Sanh Lễ Tán*, Đại sư Thiện Đạo đã tổng hợp hai câu văn trên rồi xiển dương rằng:

“Đức Phật ấy có hào quang vô lượng, chiếu suốt hết thấy các thế giới trong mười phương không bị chướng ngại; thường trực quan sát để luôn thâm nhiếp không rời những hành giả niệm Phật, vì thế có tên là A-di-đà”.

Lại nữa, trong *Quán Niệm Pháp Môn* ghi:

“Chỉ có những hành giả chuyên niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, thì hào quang của đức Phật ấy mới luôn chiếu soi, hộ trì, thâm nhiếp hành giả ấy không rời; trái lại, những hành giả tu tập các pháp môn khác, thì không chiếu soi thâm nhiếp”.

Và, ý nghĩa *Chiếu khắp* (Biến chiếu) ấy, trong *Quán Kinh Sớ* đã quy kết trong câu:

“Hào quang đức Phật chiếu khắp, nhưng chỉ thâm nhiếp những hành giả niệm Phật”.

Hào quang đức Phật chiếu khắp, nhưng tại sao chỉ thâm nhiếp những hành giả niệm Phật, mà không thâm nhiếp những hành giả tu tập các pháp môn khác? - Đại sư Thiện Đạo dùng *Ba duyên* để giải thích vấn đề này, trong đó duyên thứ nhất là *Thân duyên* nói rằng:

“Hành giả nào khi tu tập: Miệng thường xưng niệm danh hiệu đức Phật (A-di-đà), thì Ngài nghe rõ

tiếng người ấy đang niệm; thân thường lễ bái đức Phật, thì Ngài thấy rõ người ấy đang lễ bái; tâm thường niệm Phật, thì Ngài biết rõ tâm người ấy đang niệm Phật; hành giả thường nhớ nghĩ đến đức Phật, thì Ngài cũng nhớ nghĩ đến hành giả. Ba nghiệp (Thân- Khẩu-Ý) của hành giả và đức Phật không tách rời nhau, nên được gọi là Thân duyên”.

Chúng ta nên biết: Người nào thuần nhất tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, thì hẳn nhiên tâm người ấy với tâm đức Phật A-di-đà hòa quyện lẫn nhau, Căn cơ và Chánh pháp nhất thể không tách rời nhau, điều này được gọi là *Thân* vậy. Và, vấn đề vãng sanh Cực lạc hiện tại đã quyết định, chứ không phải chờ đến khi lâm chung. Đạo lý này không kể là hiểu hay không hiểu, tin hay không tin, sự thật Chánh pháp vốn như thế.

Lại nữa, tại sao hào quang đức Phật A-di-đà chiếu khắp, nhưng chỉ thâm nhiếp những hành giả niệm Phật, mà không thâm nhiếp những hành giả tu tập các pháp môn khác? - Bởi lẽ, tu các pháp môn khác không phải là Bồn nguyện của đức Phật, nên hào quang không chiếu soi thâm nhiếp những hành giả đó; trái lại, tu pháp Niệm

Phật là Bốn nguyện của đức Phật, nên những hành giả này được hào quang chiếu soi thấu nhiếp. Niệm Phật cũng tức là lời yêu cầu và mệnh lệnh của Bốn nguyện đức Phật A-di-đà, chính đây là sự mời gọi, dìu dắt để cứu độ của đức Phật, thế nên mới nói *Cho đến mười niệm*. Hơn nữa, do vì bản thân của danh hiệu A-di-đà chính là hào quang của Ngài, thế nên mới nói *Danh hiệu Hào Quang*; đồng thời, cũng là sanh mạng của đức Phật A-di-đà, thế nên mới nói *Danh xưng chính là Bản thể*. Bởi ý nghĩa này, trong *Vãng Sanh Lễ Tán*, Đại sư Thiện Đạo làm bài kệ tán thán rằng:

*“Sắc thân Di-đà tợ vàng ròng,
Hào quang sáng đẹp chiếu mười phương,
Riêng người niệm Phật được soi chiếu,
Nên biết Bốn nguyện rất hùng cường”.*

Thêm nữa, trong *Bát Chu Tán* cũng nói:

*“Trống hảo nhiều đến Tám vạn tư,
Mỗi mỗi hào quang chiếu mười phương,
Hào quang không chiếu tu duyên khác,
Chỉ chiếu niệm Phật cầu vãng sanh”.*

Nếu luận về hào quang, thì hết thấy chư Phật đều có, nhưng hào quang của đức Phật A-di-đà là tôn quý

bậc nhất, hào quang chư Phật không thể so sánh. Bởi hào quang của đức Phật A-di-đà tôn quý bậc nhất như thế, nên đức Thích Tôn đã nói về công đức mười hai loại hào quang của Ngài và tán thán rằng:

*“Oai thần hào quang,
Tôn quý bậc nhất,
Hào quang chư Phật,
Không thể sánh bằng”.*

Thêm nữa, đức Thích Tôn muốn xiển dương rõ ràng công đức và oai thần hào quang của đức Phật A-di-đà có một không hai, tối cao vô thượng, như trong *Kinh Đại A-di-đà*⁸ đã hết lời tôn kính và tán thán:

*“A-di-đà vua chư Phật,
Hào quang tôn quý nhất trong hào quang”.*

Đức Phật A-di-đà là *Vua của chư Phật*, có *Hào quang siêu việt nhất trong các hào quang*, *Hào quang tôn quý nhất trong các hào quang*, không chỉ đức Thích Tôn hết lời tôn kính tán thán mà chư Phật trong mười phương, khác miệng cùng lời đều tán thán đức Phật

⁸ *Kinh Đại A-di-đà*: Tức *Kinh Phật Thuyết A-di-đà* 2 quyển, do Chi Khiêm đời Ngô dịch. Thêm nữa, *Kinh Đại A-di-đà* 2 quyển, do Vương Nhật Hưu đời Triệu Tống soạn.

A-di-đà là *Không thể tư duy bàn luận*, kinh *Vô Lượng Thọ* ghi:

*“Chư Phật trong mười phương,
Nhiều như cát sông Hằng,
Hết thấy đều tán thán,
Đức Phật Vô Lượng Thọ,
Có công đức oai thần,
Không có thể nghĩ bàn”.*

I.4. Chư Phật, chư Bồ-tát, hộ trì người niệm Phật.

Thuần nhất tinh chuyên xưng niệm là hạnh tu tối cao vô thượng, có một không hai của Bồn nguyện đức Phật A-di-đà, Căn cơ đã nhất thể với Giáo pháp đức Phật A-di-đà, và thường được hào quang đức Phật chiếu soi nhiều vòng xung quanh không bao giờ gián đoạn. Điều này có thể nói, cùng hiện hữu với đức Phật, cùng đồng hành với đức Phật, vì vậy cũng được *“Hết thấy chư Phật đều hộ niệm”* (Kinh A-di-đà). Do điểm này, trong *Vãng Sanh Lễ Tán*, Đại sư Thiện Đạo nói:

“Nếu người nào xưng niệm danh hiệu Phật để cầu nguyện vãng sanh, thì thường được vô lượng vô số (Hàng hà sa đấng) chư Phật trong sáu phương hộ niệm”.

Đồng thời, trong *Quán Niệm Pháp Môn* cũng ghi:

“Người nào nhất tâm chuyên niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà để cầu nguyện vãng sanh, thì người ấy luôn được vô lượng vô số chư Phật đến hộ niệm, chính thế mới gọi là Kinh Hộ Niệm.

Ý của Kinh Hộ Niệm cũng có nghĩa là không để các Thân Quỷ ác dữ có cơ hội làm hại, cũng có nghĩa không gặp những bệnh tật bất ngờ, tai nạn bất ngờ, hoặc chết oan, chết yếu. Tất cả mọi tai chướng ấy hẳn nhiên tiêu diệt, trừ trường hợp niệm Phật không chí thành”.

Thêm nữa, người niệm Phật thì đức Thích Tôn hoan hỷ tán thán, như *Quán Kinh* ghi:

“Nếu người nào niệm Phật, nên biết người ấy là hoa Phân-đà-lợi trong cõi người.

Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí là bạn hữu tối thắng của người ấy.

Người ấy đang an trú đạo tràng và sanh vào nhà chư Phật”.

Hoa Phân-đà-lợi là hoa sen trắng ngàn cánh rất hy hữu trong thế gian, đây là loại hoa tôn quý siêu việt tối thượng trong mọi loài hoa. Dùng Hoa Phân-đà-lợi là để ví dụ sự tôn quý hy hữu của người niệm Phật, là hạng người siêu việt tối thượng trong loài người; đồng thời,

để biểu thị người niệm Phật là đệ tử chân chính của đức Phật, dù đang hiện hữu trong loài người nhưng đã siêu thoát khỏi Lục đạo, dù chưa vãng sanh về thế giới Cực lạc, nhưng đã là người của Tịnh Độ. Do ý nghĩa này, trong *Ngũ Hội Niệm Phật Tán*, Đại sư Pháp Chiếu đã nói:

*“Cõi này, một người niệm hiệu Phật,
Cực lạc lại thêm một hoa sen,
Trợ duyên suốt đời không thôi chuyển,
Lâm chung hoa ấy đến đón nghinh”.*

Đồng thời, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí hẳn nhiên trở thành bạn hữu tối thắng của người niệm Phật và cũng có thể xem là huynh đệ của nhau; thêm nữa, trong mười hai thời (24 giờ), không rời thảnh mà hai vị Bồ-tát tự đến như bóng theo hình để thường xuyên bảo hộ, không chút phiền hà bỏ quên, vĩnh viễn không tách rời.

Chỉ có người niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà là sớm thoát khỏi sự Luân hồi; do đây, đức Thích Tôn ví dụ người niệm Phật như hoa sen trắng, hai vị Bồ-tát (nhị Thánh) hẳn nhiên như bóng theo hình để bảo hộ. Vì thế, trong *Quán Kinh Sớ*, Đại sư Thiện Đạo đã giải thích đoạn văn *Phần Lưu Thông*, là dùng *Năm thứ*

phước đức tốt đẹp để tán thán người niệm Phật; đồng thời, lại thuyết minh *Hai vị Thánh thường xuyên bảo hộ*. Đoạn văn giải thích ấy như sau:

“Nếu người nào niệm Phật, thì chính người ấy là người hiền thiện trong cõi người, là người hiền thiện tuyệt diệu, là người hiền thiện trên tất cả người hiền thiện, là người hy hữu trong cõi người, là người tối thắng trong cõi người.

Người chuyên niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà thì Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí thường đi theo bảo hộ như thân hữu tri thức vậy”.

Thêm nữa, trong *Quán Niệm Pháp Môn* Đại sư cũng xác minh rằng, người niệm Phật có thể tiêu trừ tai họa và tăng thêm tuổi thọ, đoạn văn ấy như sau:

“Người xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà để cầu nguyện vãng sanh, thì đời này sẽ được tăng thêm tuổi thọ và không gặp phải chín loại chết bất đắc kỳ tử (Cửu hoạnh)”.⁹

⁹ Cửu hoạnh: Theo *Kinh Cửu Hoạnh*, có chín loại chết bất đắc kỳ tử:

1. Đau không có thuốc, 2. Bị phép vua tru diệt, 3. Bị loài phi nhân đoạt tinh khí, 4. Bị chết cháy, 5. Bị chết đuối, 6. Bị ác thú ăn thịt, 7. Ngã từ trên vách núi xuống, 8. Bị đánh thuốc độc, bị bùa chú, 9. Bị đói khát mà chết.

Đề xiển dương và giải thích rõ ràng nghĩa này, Đại sư lại xác minh rằng, người niệm Phật sẽ được Năm loại Tăng thượng duyên hay Năm loại Đại lợi ích; trong này, lợi ích thứ nhất là tội chướng được tiêu diệt, lợi ích thứ hai là được sự hộ niệm.

- Lợi ích thứ nhất, tội chướng được tiêu diệt:

Như *Kinh Quán Vô Lượng Thọ* ghi:

“Vì nhờ xưng niệm danh hiệu đức Phật, mà các tội chướng tiêu diệt”.

Lại ghi: *“Chỉ tâm xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật, thì trong mỗi niệm trừ diệt được tội chướng sâu nặng của tám mươi ức kiếp sanh tử”.*

Trong Kinh này, xác minh người niệm Phật có thể trừ diệt được tội chướng sâu nặng của nhiều đời nhiều kiếp Luân hồi sanh tử. Tương tự, trong luận *Đại Trí Độ* cũng nói:

“Có những vị Bồ-tát tự tư duy hủy báng đại Trí tuệ (đại Bát nhã), bị đọa vào ác đạo trải qua vô lượng kiếp. Dù có tu tập các pháp môn khác cũng không thể tiêu diệt được tội ấy; về sau, gặp được Thiện tri thức bảo hãy niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, thì tội chướng được trừ diệt, siêu sanh về Tịnh Độ”.

Thế nên, chúng ta cần biết rằng: Phỉ báng Chánh pháp thì tội rất sâu nặng, còn nặng hơn tội Ngũ nghịch. Tội sâu nặng như thế chỉ có niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà mới có thể trừ diệt được.

Niệm danh hiệu A-di-đà tội sâu nặng còn trừ diệt được, huống chi là những tội nhẹ. Nếu không niệm Phật thì tội nhẹ cũng không trừ diệt được, huống chi tội sâu nặng. Một hạt cát dù nhẹ vẫn chìm xuống đáy biển. Tuy nhiên, một khối đá rất nặng, nếu bỏ trên thuyền thì sẽ được chở đến bờ bên kia.

Trong *Pháp Sư Tán*, Đại sư Thiện Đạo nói:

“*Nhờ nguyện lực Phật A-di-đà:*

Dù phạm Ngũ nghịch¹⁰ hay Thập ác,¹¹

Tội đều tiêu diệt được vãng sanh,

Dù phạm báng Pháp¹² hay Xiển đề,¹³

¹⁰ Ngũ nghịch: Năm tội đại nghịch, còn gọi là Ngũ vô gián nghiệp (Năm tội bị đọa vào Địa ngục Vô gián). Tội Ngũ nghịch có nhiều loại, thông thường là: giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hiệp Tăng.

¹¹ Thập ác: Mười điều ác, còn gọi là Thập bất thiện (Mười điều bất thiện), gồm có: sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tham dục, sân nhuế, tà kiến.

¹² Báng Pháp: Hủy báng Chánh pháp.

¹³ Xiển đề: Nói đủ là Nhất Xiển đề. Đó là hạng người cắt đứt tính làm Phật hay tiêu diệt giống Phật của mình.

*Hồi tâm chuyển ý vẫn vãng sanh.
Không kể tội phước nhiều ít, gần xa,
Chỉ tâm niệm Phật chớ sanh nghi ngờ”.*
Lại nữa, trong *Bát Chu Tán* cũng ghi:
“*Báng Pháp, Xiển đề cùng Thập ác,
Hồi tâm niệm Phật tội đều tiêu,
A-di-đà chính là kiếm bén,
Một tiếng xưng niệm tội đều tiêu.
Niệm niệm xưng danh thường sám hối,
Người hay niệm Phật, Phật nhớ ghi”.*

- Lợi ích thứ hai, được sự hộ niệm: Trừ chư Phật và hai Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí luôn bảo hộ hành giả như đã nói ở trước; ngoài ra, đức Phật còn cất cử hai mươi lăm vị đại Bồ-tát thường xuyên theo dõi ủng hộ; đồng thời, hành giả cũng được chư vị Thiên, Long, Bát bộ ngày đêm bảo vệ để không có những tai chướng ách nạn xảy ra. Trong *Quán Niệm Pháp Môn*, Đại sư Thiện Đạo nói:

“*Kinh Thập Vãng Sanh* ghi rằng: Đức Phật bảo Bồ-tát Sơn Hải Tuệ và A Nan: Nếu người nào chuyên niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà ở phương Tây để nguyện cầu vãng sanh, kể từ đây cho đến vị lai, Ta sẽ

cắt cử hai mươi lăm vị Bồ-tát thường đi theo bảo hộ hành giả, không để Thần Quỷ ác độc gây phiền não cho hành giả, giúp hành giả ngày đêm thường an ổn. Đây chính là sự hộ niệm Tăng thượng duyên trong đời hiện tại của hành giả vậy”.

Lại nữa: “*Kinh Bát Chu Tam Muội ghi rằng: Đức Phật dạy: Nếu người nào tinh chuyên thực hành Niệm Phật Di-đà Tam Muội, thì thường được hết thấy các vị Trời, vua bốn cõi Trời, Tám bộ Long Thần luôn đi theo bảo hộ, ưu ái hoan hỷ cho thấy thân tướng, để giúp hành giả vĩnh viễn không bị các Thần Quỷ ác dữ, tùy tiện gieo rắc những tai ương ách nạn bất ngờ”.*

Về câu “*Người ấy đang an trú đạo tràng và sanh vào nhà chư Phật*”, trong Quán Kinh Sớ Đại sư Thiện Đạo giải thích rằng:

“Khi xả bỏ thân mạng liền hội nhập vào nhà chư Phật, tức Tịnh Độ Cực lạc vậy”.

Thế nên, chúng ta cần biết rằng: Người niệm Phật, giả sử họ là những kẻ ngu si ti tiện, bị bệnh nguy hiểm, như nhọt nhưng hiện tại họ là người hiền thiện tuyệt diệu, là người tối thắng trong cõi người (Phật-đà và phàm phu là nhất thể), được hào quang đức Phật A-di-đà chiếu soi, chư Phật hộ niệm, Bồ-tát thân cận,

Trời-Thần ủng hộ, tai chướng được tiêu trừ, tuổi thọ được tăng thêm, đến khi thân mạng kết thúc được vãng sanh, chúng đại Niết bàn, vĩnh viễn siêu thoát thế gian. Người nào có được nhân duyên này!

Nếu không niệm Phật cầu nguyện vãng sanh Cực lạc, thì dù là người quyền cao chức trọng cũng chỉ là quyền thuộc của Diêm Vương, ngày ngày tiếp cận với Địa ngục. Như trâu bò bị dẫn đến lò thịt, cứ mỗi bước là tiến gần đến cái chết. Một khi thân mạng sắp kết thúc thì hối hận, lo sợ cũng không còn kịp nữa. Quý tốt dẫn đường rơi lệ ra đi một mình. Khi đến điện Diêm Vương lại bị quở trách, lẻ loi sầu khổ cũng lại một mình. Chính thế, *Đại Kinh*¹⁴ dạy:

*“Ái dục vinh hoa,
Không thể giữ lâu,
Chúng sẽ biệt ly,
Không thể an lạc”.*

Lại dạy:

*“Sanh tử một mình,
Đến đi một mình,
Tự thân gánh chịu,
Chẳng ai thay thế”.*

¹⁴ *Đại Kinh*: Tức *Kinh Vô Lượng Thọ*.

I.5. Duyên sâu với chúng sanh, chỉ có Phật Di-đà.

Nếu bàn về duyên phận, thì chư Bồ-tát, chư Phật trong mười phương chỉ có đức Phật A-di-đà là có duyên với chúng sanh rất thâm sâu, rất thân gần. *Kinh Đại Bi* dạy:

*“Các loài chúng sanh,
Thế giới Ta-bà,
Chuyên làm việc ác,
Phiền não nặng sâu.*

Những chúng sanh như thế, chư Phật các thế giới không thể cứu độ được. Như một ngàn bốn trăm đức Phật đã buông xả, và chư Phật ở các thế giới phương khác cũng bỏ quên, vì nghiệp chướng chúng sanh quá sâu nặng”.

Bi thương thay! Chúng sanh trong cõi Ta-bà phiền não quá nặng sâu, chư Phật vẫn không có thể cứu độ được huống chi chư vị Bồ-tát! Chỉ có đức Phật A-di-đà là vua trong chư Phật, với hạnh nguyện rộng sâu, chủ động vì hạng chúng sanh ngu si ác độc, phát khởi tâm lớn tuyệt đối không điều kiện, với thệ nguyện sâu dày cứu độ bình đẳng hết thảy chúng sanh. Thệ nguyện ấy là:

“Chúng sanh trong mười phương, cho đến niệm mười niệm, nếu không được vãng sanh, không giữ ngôi Chánh giác”.

Nếu không có thể giúp chúng ta vãng sanh, thì đức Phật A-di-đà không thể thành tựu Chánh giác; nếu có thể giúp chúng ta vãng sanh, thì đức Phật A-di-đà có năng lực thành tựu Chánh giác.

Đức Phật A-di-đà đã thành tựu Chánh giác, thì căn cứ năng lực ấy để xác định Ngài có thể giúp chúng ta vãng sanh. Chúng ta được vãng sanh, thì căn cứ điều này để xác định đức Phật A-di-đà đã thành tựu Chánh giác.

Như thế, hiện tại đức Phật A-di-đà đã thành tựu Chánh giác và chúng ta cũng đang và sẽ được vãng sanh.

Điều này cũng có nghĩa, đức Phật A-di-đà chính Ngài đã thành Phật và chúng ta cùng với chúng sanh trong mười phương chính thức được vãng sanh, kết thành nhất thể đồng thời phát thệ. Ngài thành Phật đồng thời là hoàn thành công đức vãng sanh cho chúng ta và chúng sanh. Nếu có một chúng sanh nào không được Ngài hoàn thành công đức vãng sanh, thì đức A-di-đà không có khả năng thành Phật.

Chính thế, chúng ta nên biết rằng: Đức Phật A-di-đà và chúng ta là nhất thể. Ngài thành Phật là căn cứ vào sự vãng sanh của chúng ta. Chúng ta vãng sanh là căn cứ vào sự thành Phật của Ngài, như bụi lau chúng nương tựa lẫn nhau, thiếu một cây thì chúng sẽ xiêu ngã. Chỉ riêng đức Phật A-di-đà có thệ nguyện này, còn chư Phật trong mười phương không có. Căn cơ và Chánh pháp đồng nhất thể Nam mô A-di-đà Phật, như chim Cộng mạng¹⁵, hai sanh mạng đồng nhất thể, nương nhau để cùng sinh tồn, sanh mạng này và sanh mạng kia đều cần thiết.

Trong *Đại Kinh* đã tự thuật Bi nguyện của đức Phật A-di-đà như sau:

*“Vì hết thấy mọi loài,
 Làm người bạn không rời,
 Gánh vác cả quần sanh,
 Đây là trách nhiệm lớn.
 Như người con chí hiếu,
 Thương kính bậc mẹ cha,*

¹⁵ Chim Cộng mạng (Cộng mạng điều): Còn gọi chim Mạng mạng, chim Sinh sinh. Chim có một thân, hai đầu, quả báo giống nhau nhưng tâm thức khác nhau, ở núi Tuyết Sơn, Ấn Độ.

*Xem tất cả chúng sanh,
Như chính bản thân mình.
Hoặc tâm không tham thường bố thí,
Khắp giúp bần cùng thoát khổ đau,
Lợi ích thế gian khiến an lạc,
Không thành Pháp Vương - vị cứu thế.
Chúng sanh Luân hồi trong mọi nẻo,
Sớm sanh nước Con hưởng an lạc,
Thường chuyển tâm Từ cứu hữu tình,
Độ hết chúng sanh khổ A tỳ.
Vì chúng sanh mở bày tạng Pháp,
Bố thí rộng công đức quý báu,
Tiêu trừ Ba độc đầy tâm tối,
Cứu giúp mọi hoạn nạn tai ách,
Bít lấp các con đường ác độc,
Thấu suốt những nẻo về thiện xứ.
Chuyên cầu Chánh pháp thanh tịnh,
Để tặng lợi lạc quần sanh,
Khiến cho hết thấy sanh linh,
Thành tựu công đức viên mãn.
Thệ nguyện của Con khi thành Phật,
Thực hiện rộng khắp đại nguyện này,*

*Hết thấy đối tượng đầy lo sợ,
Biến thành toàn bộ sự an vui”.*

Chính thế, chúng ta nên biết rằng: Đức Phật A-di-đà không chỉ xem chúng ta là bản thân của Ngài, mà thậm chí còn xem chúng ta là cha mẹ của Ngài, vì chúng ta mà Ngài gánh vác tất cả những oan trái, nghiệp chướng của chúng ta từ vô thủy kiếp đến bây giờ. Ngài vì chúng ta mà mở bày tạng Pháp, giúp chúng ta thành tựu mọi công đức, đời sống hiện tại thoát khỏi sự nghèo khổ, các ách nạn được tiêu trừ, hết thấy mọi việc lo sợ biến thành toàn bộ an vui, tương lai sẽ vãng sanh về Tịnh Độ Cực lạc, vĩnh viễn thoát khỏi Luân hồi trong Lục đạo.

Bi nguyện như trên, chư Phật đều có, nhưng chỉ duy nhất Bi nguyện của đức Phật A-di-đà là siêu việt đặc thù. Chính thế, trong hàng chư Bồ-tát, chư Phật, chỉ đức Phật A-di-đà là có duyên phận với chúng sanh rất thâm sâu, rất thân và gần mà thôi.

I.6. Hết thấy pháp môn, Sáu chữ thâm trọng.

Chuyên niệm chỉ một danh hiệu đức Phật *Nam mô A-di-đà Phật*, thì chư Phật trong mười phương hân

nhiên hộ niệm. *Hộ niệm* tức là thường nhớ nghĩ để bảo hộ, khiến hành giả luôn được an lạc không gặp phải các chướng nạn.

Chính thế, chúng ta nên biết rằng: Niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà chính là niệm danh hiệu hết thấy chư Phật trong mười phương, vãng sanh Tịnh Độ Cực lạc chính là vãng sanh hết thấy Tịnh Độ trong mười phương, có thể đem sự tự lợi này để làm lợi ích cho hết thấy chúng sanh. Thế nên, không cần phải niệm một danh hiệu đức Phật nào nữa trong chư Phật mười phương.

Chuyên niệm chỉ một danh hiệu đức Phật *Nam mô A-di-đà Phật*, thì hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí hẳn nhiên thường đi theo hành giả; đồng thời, cũng có hai mươi lăm vị đại Bồ-tát của đức Phật A-di-đà không mời mà tự đến, suốt trọn hai mươi bốn giờ trong ngày, đều hoan hỷ ủng hộ giúp người niệm Phật xa lìa mọi phiền não, thường được an lạc.

Chính thế, chúng ta nên biết rằng: Chỉ niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà tức đã niệm hết thấy danh hiệu chư đại Bồ-tát, kể cả danh hiệu của Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cũng ở trong đó; thế nên, không cần phải niệm thêm một danh hiệu vị Bồ-tát nào nữa.

Chuyên niệm chỉ một danh hiệu đức Phật *Nam mô A-di-đà Phật*, tức được lợi ích lớn, tròn đầy công đức vô thượng, hẳn nhiên siêu việt đối với bất cứ một loại mật chú nào; hơn nữa, một câu A-di-đà Phật là vua của chư Phật, là hào quang tôn quý nhất trong các hào quang. Thế nên, ngoài niệm Phật không cần phải niệm thêm bất cứ một mật chú nào nữa. Ở *Phần Lưu Thông* của *Đại Kinh*, đức Phật bảo Bồ-tát Di Lặc rằng:

*“Nếu ai được nghe,
Danh hiệu Phật ấy,
Vui mừng hơn hở,
Cho đến một niệm,
Nên biết người ấy,
Được đại lợi ích,
Chính là tròn đầy,
Công đức vô thượng”.*

Chính thế, chúng ta nên biết rằng: *Niệm Phật* là được đại lợi công đức vô thượng, còn trì niệm tất cả mật chú và tu các pháp môn khác, thì chỉ được tiểu lợi công đức hữu thượng¹⁶. Thế nên, nếu là người trí thì nên buông bỏ tu tập các pháp tiểu lợi hữu thượng, mà

¹⁶ Hữu thượng: Có bậc cao hơn.

chuyên tâm tu trì niệm Sáu chữ hồng danh để đạt được đại lợi vô thượng.

Thêm nữa, *Kinh Phật Thuyết A-di-đà Phật Căn Bản Bí Mật Thần Chú* ghi:

“Danh hiệu đức Phật A-di-đà, đầy đủ vô lượng vô biên công đức vô thượng, không thể nghĩ bàn, cực kỳ bí mật, thù thắng vi diệu.

Tại sao như thế? - Vì trong ba chữ A-di-đà hàm chứa vô lượng pháp tu của toàn bộ Kinh điển, toàn bộ Đà-la-ni thần chú mà hết thấy ba đời chư Phật trong mười phương, hết thấy chư Bồ-tát, Thanh văn, A la hán đã tu tập và giảng thuyết.

Thế nên, danh hiệu của đức Phật ấy, chính là pháp Đại thừa cực kỳ chân thật vô thượng, chính là diệu hạnh liễu nghĩa thù thắng, thanh tịnh vô thượng, chính là Đà-la-ni tối thắng vi diệu vô thượng. Nên thuyết kệ rằng:

Chữ A là ba đời chư Phật trong mười phương,

Chữ Di là hết thấy chư Bồ-tát,

Chữ Đà là Tám vạn các Thánh giáo,

Trong ba chữ là đầy đủ tất cả.

Này Xá Lợi Phất! Nếu chúng sanh nào nghe nói

về đức Phật A-di-đà có công đức không thể nghĩ bàn, vui mừng hơn hở, chỉ tâm xưng niệm danh hiệu, tin sâu không giải đãi, thì trong đời này gặp được sự an lạc không thể so sánh: Hoặc chuyển nghèo hèn trở thành phú quý, hoặc chứng đắc quả vị giác ngộ, thoát khỏi sự khổ đau do bệnh hoạn bức bách của Nghiệp quá khứ, hoặc chuyển yếu mạng trở thành sống lâu, hoặc kẻ thù oán hận trở thành con cháu đông đúc vinh hiển, thân tâm an lạc, ý nguyện trọn vẹn như ý. Những công đức như thế không có thể tính đếm được”.

Chính thế, chúng ta nên biết rằng: Một câu A-di-đà là vua Phật, vua Pháp, vua Thần chú, vua mọi công đức. Chuyên niệm chỉ một danh hiệu đức Phật *Nam mô A-di-đà Phật* chính là tổng trì, tổng niệm hết thảy chư *Bồ-tát*, hết thảy các Kinh chú, hết thảy các pháp môn tu tập. Nghĩa là *Tám vạn bốn ngàn pháp môn, Sáu chữ thâm trọn*. Cũng có nghĩa *Tóm thâu cả Tám giáo, Nhiếp trọn cả Năm tông* và đã xác định khi lâm chung vãng sanh Tịnh Độ Cực lạc, và đời hiện tại thân tâm thường được an lạc.

- Kinh Đại Bi dạy:

“Một lần xưng danh Phật,

*Chính đây là căn lành,
Hội nhập cảnh Niết-bàn,
Không có thể cùng tận”.*

- Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy:

*“Khi tâm nghĩ đến Phật,
Thì tâm chính là ba mươi hai tướng tốt,
Tám mươi vẻ đẹp”.*

- Khế Kinh dạy:

*“Nếu có người lấy bảy thứ châu báu trong bốn
châu thiên hạ đem cúng dường chư Phật, chư Bồ-tát,
chư Duyên giác, chư Thanh văn thì được phước đức
rất nhiều, nhưng không bằng khuyến khích người khác
niệm một câu danh hiệu Phật, phước đức này lớn hơn
phước đức trước”.*

- Kinh Niết Bàn dạy: “Đức Phật bảo Đại Vương:
Giả sử mở kho báu lớn đem bố thí cho hết thấy chúng
sinh trong một tháng, công đức này không bằng có người
niệm một câu danh hiệu Phật, công đức niệm Phật này
vượt quá công đức trước, không thể so sánh được”.

- Kinh Tăng Nhất A-Hàm dạy: “Đem Tứ sự cúng
dường cho tất cả chúng sinh trong Diêm-phù-đề,
nếu có người xưng niệm danh hiệu Phật một câu, thì

công đức này vượt hẳn công đức trước, không thể suy nghĩ được”.

- Luận Đại Trí Độ ghi: *“Ví như có người vừa mới chào đời, mỗi ngày đi một dặm, trải qua một ngàn năm, với đầy đủ bảy thứ châu báu trong số dặm đường ấy đem cúng dường chư Phật, thì phước đức này không bằng có người ở trong đời ác trước, xưng niệm một câu A-di-đà Phật, phước đức này thắng vượt phước đức trước”.*

- Đại sư Thiện Đạo bảo: *“Các hạnh tu khác dù gọi là thiện hạnh, nhưng so với pháp tu Niệm Phật thì hoàn toàn không thể so sánh được”.*

- Đại sư Khánh Văn bảo: *“Chuyên xưng niệm một danh hiệu đức Phật A-di-đà, tức là xưng niệm đầy đủ danh hiệu chư Phật, sẽ có công đức vô lượng để diệt trừ các tội chướng, để vãng sanh Tịnh Độ Cực lạc, sao lại sanh tâm nghi ngờ!”*

- Luật sư Nguyên Chiêu bảo:

*“Đề xướng tốt cùng pháp Nhất thừa,
Rốt cuộc quy về cõi Cực lạc,
Tu tập tròn đầy vạn pháp môn,
Tối thắng duy nhất quả niệm Phật”.*

Lại nói: “Huống nữa, đức Phật A-di-đà dùng danh hiệu của mình để cứu độ chúng sanh; đó là, chúng sanh niệm tai nghe để được vô biên Thánh đức, quy tụ hội nhập vào tâm thức, vĩnh viễn trở thành hạt giống Phật, sớm đoạn trừ tội nặng hàng ức kiếp, dẫn đến chứng đạt Vô thượng Bồ-đề. Tin hiểu điều này chẳng phải được căn lành nhỏ, mà là công đức rất lớn vậy”.

- Pháp sư Giới Độ bảo: “Danh hiệu đức Phật đã được trải qua nhiều kiếp tu tập, nên danh hiệu đã quy tụ vạn thứ công đức, công đức ấy đã hội tụ rục rờ ở bốn chữ (A-di-đà Phật). Vì thế, xưng niệm danh hiệu thì được lợi ích rất lớn”.

- Pháp sư Dụng Khâm bảo: “Giờ đây, nếu chúng ta đem tâm chân thành xưng niệm danh hiệu đầy phước đức của đức Phật (A-di-đà), thì hẳn nhiên từ Nhân đến Quả không thể là không tròn đầy vô lượng công đức”.

- Đại sư Gia Tường bảo: “Đức Phật vốn có vô lượng công đức, nên niệm Phật cũng có vô lượng công đức; vì thế, niệm Phật diệt được vô lượng tội chướng”.

- Đại sư Pháp Vị bảo: “Chư Phật đều có công đức bố thí qua danh hiệu, nên xưng niệm danh hiệu chính

là xưng niệm công đức, công đức có thể diệt tội sanh phước, thì danh hiệu cũng giống hệt như thế.

Nếu tin tưởng danh hiệu đức Phật thì có thể sanh thiện căn, diệt tội ác, nhất định là như thế không thể nghi ngờ; xưng niệm danh hiệu thì được vãng sanh, điều này có thể nghi hoặc được sao!”

- Thiên sư Tông Hiếu bảo: “Một viên thuốc linh đơn có thể biến sắt thành vàng, một câu chân lý có thể chuyển Nghiệp ác thành Nghiệp thiện”.

- Đại sư Liên Trì bảo:

*“Y-Chánh báo Cực lạc,
Một câu niệm Phật được tròn đầy.
Biến công đức của Phật,
Một câu niệm Phật được tròn đầy.
Hết thấy mọi công đức,
Một câu niệm Phật được tròn đầy.*

Danh hiệu vạn đức của đức Phật A-di-đà: Không có nguyện nào không tròn đủ, không có hạnh nào không gồm thâu, không có Phật nào không thấu triệt.

Danh hiệu vạn đức của đức Phật A-di-đà: Vừa niệm một lần danh hiệu thì vạn đức đều tròn đủ, không cầu mong phước đức, phước đức đã viên mãn.

Trì danh hiệu là điều thiện bậc nhất trong các điều thiện, điều phước bậc nhất trong các điều phước.

Cất tiếng xưng niệm danh hiệu là thâm nhiếp mọi công đức tròn đủ; tinh chuyên trì niệm danh hiệu là tóm thâu mọi hạnh tu không thiếu sót.

Một niệm là vượt qua Ba A-tăng-kỳ, chỉ một câu là ngang bằng chư Thánh”.

- Đại sư Ngẫu Ích bảo: “Phật A-di-đà là hồng danh vạn đức, dùng danh hiệu để quy kết phước đức, trọn vẹn một cách cùng tận.

Một pháp trì danh hiệu trọn đủ cả ba căn cơ, thâm nhiếp hết thấy sự-lý không bỏ sót, nắm giữ toàn bộ tông phái chẳng còn thừa.

Đức Phật dùng đại nguyện của mình giúp chúng sanh tạo Nhân nhiều thiện căn, dùng đại hạnh giúp chúng sanh tạo Duyên nhiều phước đức.

Người trì danh hiệu đức Phật, xét về thiện căn và phước đức thì hoàn toàn như Phật, chỉ niệm một niệm cũng trọn đủ nhiều thiện căn phước đức vậy.

Pháp môn Tịnh Độ nhiếp trọn ba căn cơ, viên dung tuyệt diệu, không thể nghĩ bàn, vừa thâm nhiếp hết thấy pháp môn, vừa siêu việt hết thấy pháp môn; đây là pháp cao xa rất khó tin.

Đức Như Lai Thích-ca dạy pháp Tịnh Độ không phải dựa vào đây để nỗ lực tu chứng, mà chỉ dạy xưng niệm danh hiệu để đi theo lối tắt chứng được Bất thoái; chính đây là pháp cực kỳ tuyệt diệu thù thắng, vượt ngoài mọi tư duy, là phương tiện bậc nhất, cũng là điều rất khó tin trong những điều rất khó tin.

Một tiếng xưng niệm A-di-đà Phật, chính là pháp Vô thượng Bồ-đề mà đức Bổn sư Thích-ca đã chứng đạt trong cõi đây Năm thứ ô trược ác độc này. Giờ đây, đức Phật đem toàn bộ kết quả giác ngộ ấy, trao lại cho tất cả chúng sanh ô trược, ác độc.

Viên ngọc sáng ném vào nước bẩn, nước bẩn không thể không trong sạch.

Hiệu Phật đi vào tâm loạn động, tâm động không thể không có Phật.

Một niệm khế hợp một niệm Phật, nhiều niệm khế hợp nhiều niệm Phật”.

- Thiên sư Bách Trượng bảo: “Tu hành mà chọn pháp Niệm Phật là ổn định nhất”.

- Thiên sư Vĩnh Minh bảo:

“Không Thiền có Tịnh Độ,

Vạn người tu vạn người chứng;

*Chỉ được thấy Di-đà,
Lo gì không khai ngộ!
Có Thiên không Tịnh Độ,
Mười người tu, chín sai đường;
Địa ngục hiện trước mắt,
Vừa thấy liền vào đấy”.*

- Đại sư Tĩnh Am bảo:

*“Một câu Di-đà,
Là kiếm báu dứt tuyệt chúng tà.
Một câu Di-đà,
Là mãnh tướng phá tan Địa ngục.
Một câu Di-đà,
Là đèn sáng chiếu soi tâm tối.
Một câu Di-đà,
Là thuyền Từ cứu vớt biển khổ.
Một câu Di-đà,
Là đường tắt ra khỏi Luân hồi.
Một câu Di-đà,
Là hướng tốt giải thoát sanh tử
Một câu Di-đà,
Là bí quyết thành tựu Tiên, Phật.
Một câu Di-đà,
Là thần dược hoá chuyển xương tủy.*

*Tám vạn bốn ngàn pháp môn,
Sáu chữ thâm trọn,
Một ngàn bảy trăm dây sấn,
Một dao đứt tuyệt”.*

- Thiền sư Triệt Ngộ bảo:

“Một câu A-di-đà Phật:

Là thuốc A - già - đà¹⁷, không bệnh gì không chữa khỏi;

Là vua ngọc như ý, không nguyện gì không viên mãn.

Là thuyền Từ của bể khổ sanh tử, không khổ nào không cứu thoát;

Là đèn Tuệ của đêm dài vô minh, không tối nào không phá tan.

Khi niệm Phật, thời điểm ấy thấy Phật; khi cầu vãng sanh, thời điểm ấy vãng sanh; ba thời gian đồng nhất chẳng có trước sau”.

- Cổ Đức bảo:

“Một câu Di-đà, không niệm gì khác, chẳng nhọc gảy móng tay, đến phương Tây,

Không cần Ba tăng - kỳ tu phước tuệ, chỉ nhờ Sáu chữ ra khỏi càn khôn,¹⁸

¹⁷ A - già - đà: Cũng gọi là A - yết - đà, tên một thứ thuốc phòng ngừa và trị mọi thứ bệnh, mọi độc dược. Dịch nghĩa là Vô giá, Vô bệnh hay Bất tử dược.

¹⁸ Càn khôn: Chỉ Vua - Tòì, Cha - Mẹ... hay Trời-Đất. Ở đây là chỉ Tam giới hay Sanh tử.

Chớ lạ chỉ một câu vượt Thập địa, nên biết chỉ Sáu chữ gồm Tam thừa.

Nếu người nào chỉ niệm A-di-đà, hiệu ấy là Thiên tuyệt diệu vô thượng,

Tam tạng gồm Mười hai bộ Kinh, dành cho những người khác ngộ chứng,

Tám vạn bốn ngàn các pháp môn, để cho người xung quanh tu tập”.

I.7. Được hai lợi ích trong hiện tại và tương lai, chính là niệm Phật.

Căn cứ các đoạn văn đã trình bày ở trước, chúng ta có thể biết rằng: Người niệm Phật dù không hiểu hay không cầu mong, nhưng vẫn được *Hai lợi ích trong hiện tại và tương lai*.

Hiện tại chính là cuộc sống đời hiện tại, như đã trình bày tóm lược, rõ ràng ở trước. Người niệm Phật, hiện tại sẽ được Năm thứ Tăng thượng duyên hay Năm thứ phước đức tốt đẹp; đó là, Chúng sanh và Phật đà là nhất thể; được hào quang đức Phật A-di-đà chiếu soi, chư Phật hộ niệm, Bồ-tát thân cận, Trời Thần ủng hộ; tội chướng tiêu trừ; phước đức tăng trưởng; tuổi thọ dài lâu.

Tương lai chính là cuộc sống về sau trong đời tương lai, cũng là ý nghĩa mà Đại sư Thiện Đạo đã giải thích: “*Khi xả bỏ thân mạng liền hội nhập nhà chư Phật, tức hội nhập Tịnh Độ Cực lạc*”. Cũng có nghĩa, khi lâm chung sẽ vãng sanh về Cực lạc, cùng đức Phật A-di-đà đồng chứng vô lượng quang, vô lượng thọ.

Lợi ích trong hiện tại gọi là Hoa báo, lợi ích trong tương lai gọi là Quả báo. Đã gieo hạt giống xuống thì hẳn nhiên sẽ khai hoa kết quả - khai hoa trong hiện tại và kết quả trong mai sau. Nếu niệm Phật mà cầu nguyện vãng sanh thì *Hoa Quả đồng thời*.

Hiện tại đã có lợi ích thì hẳn nhiên tương lai cũng sẽ có lợi ích, một mà hai, hai mà một. Hiện tại sinh hoạt được an ổn, tương lai được vãng sanh chứng quả, đều do *Thuần nhất tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà* không thay đổi danh hiệu, không xen tạp tu các pháp khác, nhất tâm đến tận đáy lòng, lấy thời gian trọn đời làm giới hạn.

Đa phần mọi người chủ trương niệm Phật A-di-đà là để cầu nguyện khi lâm chung được vãng sanh, còn trong cuộc sống bình thường: Để trị bệnh tật thì niệm danh hiệu đức Phật Dược Sư; để cứu khổ nạn thì niệm

danh hiệu Bồ-tát Quán Âm; để được Trí tuệ thì niệm danh hiệu Bồ-tát Văn Thù; để tiêu trừ nghiệp chướng thì niệm Diệt định nghiệp chơn ngôn; cho đến, giải oan bạt độ cho vong linh, khử trừ tà ma quỷ mị thì dùng khoa nghi bài sám để cầu nguyện.

Vì cho rằng, niệm Phật A-di-đà chỉ lợi ích khi lâm chung, ít có lợi ích trong cuộc sống hằng ngày, thậm chí còn hiểu sai lầm rằng, đức Bồ-tát Quán Âm có duyên sâu dày, còn đức Phật A-di-đà lại có duyên cạn mỏng với chúng sanh, nên nhiều người niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Âm mà ít người niệm Phật A-di-đà. Do đây mà, hoặc có người sáng sớm niệm Bồ-tát Quán Âm, chiều tối niệm Phật A-di-đà; hoặc có người khi cần việc thì niệm Bồ-tát Quán Âm, khi vô sự thì niệm Phật A-di-đà.

Với sự hiểu biết sai lầm, tà vọng như thế, đều xuất phát từ sự không tri nhận rõ: Người niệm Phật được hào quang đức Phật soi chiếu, chúng Thánh bảo hộ; tội chướng trừ diệt, phước đức sinh trưởng, xa lìa mọi ách nạn, hiện tại được an ổn, lâm chung được vãng sanh, như ở trước đã trình bày về hai sự lợi ích của đời hiện tại và đời tương lai.

Chính thế, chúng ta nên biết rằng: Không kể đời hiện tại được an ổn lợi lạc, hoặc khi lâm chung được vãng sanh về thành Phật, mà tất cả mọi lợi lạc khác cũng đều do một câu *Nam mô A-di-đà Phật* là tròn đầy viên mãn, không có một tơ tóc khiếm khuyết. Vì thế, phải từ sớm đến tối, từ tối đến sáng, nếu chúng ta có niệm thì chỉ thuần nhất chuyên niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, lấy thời gian trọn đời làm giới hạn, không niệm thêm một danh hiệu nào khác, không tu thêm một pháp môn nào khác. Như thế, là chân chánh khế hợp với Bốn nguyện đức Phật A-di-đà, *Thậm chí chỉ niệm được mười niệm*, như đức Thích Tôn đã khuyến khích cũng là *Thuần nhất chuyên niệm*, và đây là cơ sở để chư Tổ truyền bá tôn chỉ Tịnh Độ là *Thuần nhất chuyên niệm* vậy.

Luận về một đời người, thì phải gánh lấy những điều bất như ý, chẳng hạn như sự bần cùng, bệnh tật, chết yểu, tai nạn, nghịch cảnh, chướng duyên, thậm chí còn đối diện với tất cả sự khổ đau của đứng sai thành bại, ân oán cừ địch... Xét căn nguyên của các hiện tượng đó, chỉ gói trọn trong ý nghĩa là bị che phủ: Tức Nghiệp nặng chướng sâu, phước mỏng tuệ cạn.

Tuy nhiên, một câu A-di-đà chính là vô lượng thọ, cũng là vô lượng quang. Bởi vì vô lượng thọ, nên người niệm Phật có được quả báo phước đức tăng trưởng, tuổi thọ dài lâu; bởi vì vô lượng quang, nên người niệm Phật có được lợi ích Nghiệp chương tiêu trừ, Trí tuệ phát khởi. Nghĩa là: *Niệm Phật một tiếng thì tội chương được diệt trừ vô số, lay Phật một lay thì phước đức được tăng trưởng vô lượng*. Thế nên, người niệm Phật thì được *Nghiệp tiêu tuệ sáng, chương diệt phước lớn, gặp dữ hóa lành, gặp nạn thành an*.

Qua đây, người bạn cùng niệm Phật thì gặp quý nhân giúp đỡ để được cơm no áo ấm. Người bệnh tật niệm Phật thì được giúp đỡ thuốc thang để sớm được lành bệnh. Nếu gặp bệnh tật do Nhân quả Nghiệp chương thì thuốc thang tuyệt đối không có hiệu quả, chỉ nhờ niệm Phật mà thôi. Niệm Phật thì Nghiệp chương tiêu diệt, Nghiệp chương tiêu diệt thì bệnh lành; niệm Phật thì Quỷ lánh xa, Quỷ lánh xa thì thoát khỏi tai họa. Hơn nữa, niệm Phật có thể hóa giải sự oán thù của Quỷ và độ thoát cho những kẻ thù địch.

Ở Đài Loan, thường xảy ra những tai nạn lớn bởi thiên nhiên, như động đất mạnh, mưa bão to... Chẳng hạn, vào năm 921 xảy ra một trận động đất rất mạnh

cả trăm năm chưa từng thấy, làm nhiều người chết và bị thương thật thảm thiết. Những tai nạn như thế cứ xảy ra bất thường khó đoán trước được, làm cho dân chúng luôn sống trong bất an. Nếu người nào thường niệm Phật thì hết thấy mọi tai họa lớn sẽ trở thành nhỏ, những tai họa nhỏ sẽ tiêu mất, người niệm Phật sẽ thoát khỏi tai họa của cộng nghiệp ấy.

Những tai họa khác như nạn lửa, nạn nước, nạn hạn hán, nạn ở không trung, nạn ở biển cả, nạn xe cộ, nạn trộm cướp, nạn chiến tranh, nạn dịch bệnh, nạn do Trời, nạn do Người... nếu người nào thường niệm Phật, cũng thoát khỏi mọi tai họa này.

Cho đến việc *Cưỡi ngựa, đi thuyền đến chỗ xa xôi có nhiều tai nạn nguy hiểm*, những việc ấy cần phải niệm Phật thì thoát khỏi nguy hiểm, bình an vô sự. Hơn nữa, *Trời Đất bão tố bất ngờ, sớm tối họa phước của con người khó lường*, muốn chuyển họa thành phước, tránh xấu gặp tốt thì chỉ có niệm Phật mà thôi.

Cổ Đức bảo: “*Muốn diệt trừ Bảy tai nạn¹⁹ trong thế gian, thì cần phải niệm Nam mô A-di-đà Phật*”.

¹⁹ Bảy tai nạn (Thất nạn) gồm: 1. Mặt trời, mặt trăng sinh hoạt bất thường, 2. Tinh tú sinh hoạt bất thường, 3. Nạn lửa, 4. Nạn nước, 5. Nạn bão, 6. Nạn thời tiết quá nóng, 7. Nạn trộm cướp.

Công đức niệm Phật là vô biên, phàm những mong ước như: Cầu con nối dòng, cầu sống lâu, cầu bệnh lành, cầu thoát nạn, cầu bảo vệ công danh, cầu gia đạo bình an, mưu cầu sự nghiệp, cầu tài lộc, thậm chí giải trừ oán kết, cầu siêu thoát cho Tổ tiên thân thuộc, đều có thể niệm Phật để nguyện cầu, bởi lẽ:

- Niệm Phật: Giảm dị, Viên đốn

- Niệm Phật: Phương pháp rất dễ dàng, hiệu quả rất nhanh, công đức rất cao.

- Niệm Phật: Thực hành dễ, thành tựu cao, dùng sức ít mà được kết quả nhanh.

- Niệm Phật: Đời hiện tại đã được an ổn, khi lâm chung lại được vãng sanh, không những tự thân được phước mà gia đình cũng được thừa hưởng công đức.

- Niệm Phật: Là phương tiện tối ưu trong tất cả những phương tiện tu tập, là pháp tu trực tiếp nhất trong tất cả pháp tu, là pháp tu giản đơn nhất trong tất cả pháp tu, là pháp tu rất dễ trong tất cả pháp tu dễ. Mọi người đều có thể tu, mọi người đều có thể chứng.

- Người niệm Phật: Quỷ Thần không thể làm hại, Thập điện Minh Vương không dám gọi về.

- Người niệm Phật: Có bốn mươi dặm hào quang soi chiếu quanh thân, Ma không thể xâm phạm.

- Người niệm Phật: Được đức Phật A-di-đà thường hiện diện trên đỉnh đầu ngày đêm bảo hộ, không để những kẻ oán thù có dịp thuận tiện làm hại, đời sống hiện tại luôn được an ổn, khi lâm chung theo duyên mà vãng sanh.

- Kinh *Vô Lượng Thọ* ghi:

“Đức Phật đi khắp các làng xóm thôn quê hay những thành thị trong nước, không chỗ nào là không được giáo hóa. Mọi người hòa thuận, thời tiết ngày đêm ôn hòa; mưa gió đúng mùa, dịch bệnh không có; dân giàu nước mạnh, không có chiến tranh; tôn sùng đạo đức nhân nghĩa, chủ trương lễ phép khiêm hạ”.

- Đại sư Ấn Quang bảo:

“Chúng ta nên biết rằng, người niệm Phật chân chánh, dù không nguyện cầu phước báo thế gian, nhưng phước báo ấy hẳn nhiên hiện hữu, như: Vô bệnh trường thọ, gia đình an vui, con cháu phát đạt, mọi sự như ý, vạn sự an lành...”

Nếu người niệm Phật vì cầu phước báo thế gian, không vui thích hồi hướng cầu vãng sanh, thì phước báo thế gian có được, sẽ trở thành thấp kém; hơn nữa, tâm không thuần nhất tinh chuyên niệm Phật, thì kết quả vãng sanh khó được chắc chắn vậy!”

- Bài kệ nói về lợi ích của sự Niệm Phật trong đời hiện tại - gồm 15 bài:

*Như Lai A-di-đà đến hóa độ,
Vốn vì trừ Nghiệp chướng, tăng tuổi thọ,
Trước đặc biệt vì chúng sanh khai thị,
Trong Phẩm Thọ Lượng Kinh Kim Quang Minh.
Đại sư truyền giáo ở chốn núi rừng,
Vì xót thương mọi người trong đất nước,
Dạy tụng Phẩm ấy, diệt trừ bảy nạn,
Nhưng cần xưng niệm Phật A-di-đà.
Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật,
Công đức thắng vượt mọi thứ công đức,
Liên khiến tội nặng tạo trong ba đời,
Hẳn nhiên chuyển biến thành tội nhỏ nhoi.
Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật,
Đời này được lợi ích không giới hạn,
Tội lưu chuyển Luân hồi liền tiêu diệt,
Định Nghiệp chết yếu cũng được tận trừ.
Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật,
Phạm Thiên, Đế Thích ai cũng quy kính,
Hết thấy chư Thiên cùng các Thần thiện,
Dù ngày hay đêm thường xuyên bảo hộ.*

*Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật,
 Vua Trời bốn cõi ai cũng hết lòng,
 Dù ngày hay đêm thường xuyên bảo hộ,
 Quý dữ bốn phương không dám đến gần.
 Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật,
 Kiên - Lao Địa - Kỳ²⁰ cũng phải cung kính,
 Như bóng theo hình luôn ở bên cạnh,
 Dù ngày hay đêm thường xuyên bảo hộ.
 Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật,
 Các vua rồng Nan-đà, Bạt-nan-đà,
 Cùng vô lượng Thần rồng đều cung kính,
 Dù ngày hay đêm thường xuyên bảo hộ.
 Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật,
 Vua Trời Viêm Ma²¹ cũng phải cung kính,
 Năm đạo minh quan²² đều cùng một lòng,
 Dù ngày hay đêm thường xuyên bảo hộ.
 Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật,*

²⁰ Kiên-Lao Địa-Kỳ: Còn gọi là Kiên Lao Địa Thần, Kiên Lao Địa Thiên; là tên của nữ Thần đại địa.

²¹ Viêm Ma: Còn gọi là Diệm Ma, Dạ Ma, là cõi Trời Dục giới thứ 3.

²² Năm đạo minh quan (Ngũ đạo minh quan): Năm chúng Thần quan, bộ hạ của vua Trời Viêm Ma.

*Vua đại Ma của cõi Trời Tha Hóa,²³
Cũng đến trước đức Phật Thích-ca Văn,
Phát lời thệ nguyện thường xuyên bảo hộ.
Chư Thần trời cùng chư Thần đất ấy,
Hết thấy đều gọi là Quỷ - Thần thiện,
Quỷ - Thần thiện ấy đều cùng một lòng,
Bảo hộ tất cả những người niệm Phật.
Đức tin, nguyện lực không thể nghĩ bàn,
Chính đây là tâm đại Bồ-đề vậy,
Hết thấy Quỷ - Thần dữ trong Trời - Đất,
Không vị nào không nể nang kính trọng.
Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật,
Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí đồng lòng,
Cùng với vô số vô lượng Bồ-tát,
Như bóng theo hình luôn ở bên cạnh.
Trong hào quang vô ngại của đức Phật,
Có vô số đức Phật A-di-đà,
Các vị hóa Phật ấy luôn đi theo,
Bảo hộ người có đức tin chân thật.*

²³ Vua đại Ma Trời Tha Hóa: Vua cõi Trời Tha Hóa Tự Tại, cõi thứ 6 của Dục thiên, làm chủ cõi Dục giới; là vị Ma Vương cùng kết bạn với vua Trời sắc giới là Ma - Hê - Thủ - La để phá hoại Chánh pháp.

*Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật,
 Vô lượng vô số chư Phật mười phương,
 Hàng trăm hàng ngàn vòng bao xung quanh,
 Hoan hỷ đi theo thường xuyên bảo hộ.*

- Mười lợi ích lớn của Niệm Phật (Đại sư Từ Vân lấy ý bài kệ trên để viết):

*“Ngày đêm chư Thiên bảo hộ,
 Chư Bồ-tát thường đi theo,
 Hào quang Di -đà thấu nhiếp,
 Quỷ thú, độc dược lìa xa,
 Mọi thứ tai nạn không gặp,
 Tội oan Nghiệp cũ tiêu tan,
 Đêm mộng điềm lành, thấy Phật,
 Thân tâm tràn đầy khinh an,
 Người đời tôn kính như Phật,
 Chánh niệm vãng sanh phương Tây”.*

- Chín điều tốt đẹp của Niệm Phật (An Sĩ Toàn Thư):

*“Ít chữ nên dễ niệm,
 Chỗ nào cũng niệm được,
 Khi nào cũng niệm được,
 Người nào cũng niệm được,
 Trời, Thần đều cung kính,*

*Quỷ ác đều lánh xa,
Nghiệp chướng được tiêu trừ,
Phước tuệ được tăng trưởng,
Lâm chung được vãng sanh”.*

I.8. Bốn loại Cảm ứng, bốn loại Cứu độ.

Có Nhân hẳn nhiên có Quả, có Cảm hẳn nhiên có Ứng, đây là đạo lý tự nhiên.

Đức Phật A-di-đà phát nguyện là Nhân, thuộc về Cảm; chúng sanh niệm Phật là Quả, thuộc về Ứng.

Chúng sanh niệm Phật là Nhân, thuộc về Cảm; đức Phật A-di-đà cứu độ là Quả, thuộc về Ứng.

Tuy nhiên, có những trường hợp thuận nhất niệm Phật mà không có Cảm ứng. Thật ra, điều này chẳng phải hoàn toàn không có Cảm ứng, chúng ta nên biết rằng, sự Cảm ứng này đại lược có bốn loại:

- Một, Cảm rõ ràng, Ứng rõ ràng: Có niệm Phật thì có Cảm ứng rõ ràng, tự bản thân cảm nhận được.

- Hai, Cảm rõ ràng, Ứng ẩn khuất: Có niệm Phật nhưng sự Cảm ứng ẩn khuất, tự bản thân không cảm nhận được.

- Ba, Cảm ẩn khuất, Ứng rõ ràng: Lúc trước hoặc

trong đời quá khứ đã từng niệm Phật, hiện tại tuy không niệm Phật nhưng khi gặp sự duyên, thì cảm nhận rõ ràng được đức Phật A-di-đà hộ niệm.

- Bốn, Cảm ảm khuất, Ứng ảm khuất: Lúc trước hoặc trong đời quá khứ đã từng niệm Phật, hiện tại tuy không niệm Phật nhưng khi gặp sự duyên, thì nhận được trong ảm khuất sự hộ niệm của đức Phật A-di-đà.

Căn tánh và Nghiệp duyên của chúng sanh vốn sai khác nhau; do đây, sự cứu độ của đức Phật cũng bất đồng. Thế nên, không kể là Ứng rõ ràng hay Ứng ảm khuất, tất cả chỉ là phương tiện cứu độ của đức Phật, dùng phương tiện những Cảm ứng ấy để hướng dẫn chúng sanh phát tâm hướng đến hội nhập Bồ-đề, nhằm đoạn tận khổ đau, chứng đạt an lạc tối thượng.

Ở trên, vừa trình bày về bốn loại Cảm ứng; bây giờ, đi vào tìm hiểu sự Cứu độ của đức Phật A-di-đà đem đến lợi ích cho chúng sanh, sự Cứu độ này có bốn loại khác nhau: Cứu độ thuận, Cứu độ nghịch, Cứu độ rõ ràng, Cứu độ ảm khuất.

- Một, Cứu độ thuận: Như cầu lành bệnh thì bệnh được lành, tức sự cầu nguyện được như ý.

- Hai, Cứu độ nghịch: Như cầu sống lâu thì bị chết yểu, tức sự cầu nguyện không như ý.

- Ba, Cứu độ rõ ràng: Do vì niệm Phật, hoặc được đức Phật A-di-đà hiện thân, Thánh chúng bảo hộ.

- Bốn, Cứu độ ẩn khuất: Do vì niệm Phật, hoặc được mọi người trong đời tùy duyên giúp đỡ.

Chúng ta nên biết, đạo lý Cảm ứng vừa trình bày trên là đạo lý nhất định, để làm sáng tỏ đức tin sâu xa, nhằm khi gặp những ác duyên nghịch cảnh, có được nhận thức rõ ràng không nghi hoặc, đồng thời khởi tâm cảm ân hoan hỷ.

Tuy nhiên, những Cảm ứng ấy là sự tướng của Nhân quả, Phật giáo không lấy những Cảm ứng đó làm mục đích, sở dĩ vẫn trình bày là để chúng ta hiểu rằng, lời đức Phật dạy là chân thật mà khởi niềm tin trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Trái lại, người nào chấp lấy những Cảm ứng làm mục đích, chỉ chủ yếu tin tưởng những Cảm ứng ấy, mà không hiểu đạo lý của đức Phật, không phân biệt chánh-tà, thì dễ dàng tẩu hỏa nhập ma, hay tin lầm tà giáo ngoại đạo, muốn cầu siêu thoát mà lại bị trầm luân. Ấy thế, chúng ta không nên chấp thủ các điều Cảm ứng, không nên cầu mong tà vọng.

I.9. Sách này có ba đặc điểm.

Trong quyển *Niệm Phật Cảm Ứng Lục* này, gồm có 152 bài chia làm 12 Chương, trong đó hai phần ba (2/3) trình bày những Cảm ứng lợi ích đời hiện tại, và một phần ba (1/3) trình bày các điềm lành khi lâm chung được vãng sanh. Nội dung những Cảm ứng ấy có nhiều điểm sai khác nhau, như thời điểm xảy ra, hoặc trong hiện tại hay trong quá khứ; tuy vậy, tất cả những Cảm ứng ấy có ba đặc điểm chung:

- Một, tinh chuyên niệm Di-đà: Thuần nhất xưng niệm A-di-đà, không một tư tóc tu xen tạp các pháp môn khác mà được Cảm ứng.

- Hai, căn cơ thấp kém: Những hành giả niệm Phật vốn không phải những người lợi căn, không phải tu tập lắm khổ nhọc và không phải tu tập với thời gian dài lâu.

- Ba, hiệu quả tức thì: Đa phần những Cảm ứng xuất hiện rất nhanh, chẳng phải thời gian lâu xa mới xuất hiện.

Ba đặc điểm này, chủ yếu là làm sáng tỏ công năng *Niệm Phật rất dễ thành công* của pháp môn Tịnh Độ, cũng chính là xiển dương xưng niệm Sáu chữ hồng

đanh Nam mô A-di-đà Phật có Công đức thù thắng nhanh chóng, phương pháp giản dị chắc chắn. Do vì giản dị nên không phức tạp, không cần thiết phải nghiên cứu các hệ tư tưởng đa dạng của giáo lý; do vì dễ nên không khó, không cần thiết phải tu tập các pháp môn khó khăn. Bất cứ ai cũng có thể tu tập, không một tư tóc hạn chế là hạng người nào, tuyệt đối không có một điều kiện gì trói buộc, cũng không kiêng cử bởi thời gian nào, địa điểm nào, công việc nào. Chủ yếu chỉ có miệng để xưng niệm Sáu chữ hồng danh, không bị phụ thuộc bởi tất cả những yếu tố nào, như người thiện hay kẻ ác, người hiền hay kẻ ngu, thời gian hay không gian hoặc công việc gì.

Do vậy, giả sử một người không có một tư tóc Tín và Nguyện, cũng không biết gì về giáo lý mà ngẫu nhiên một lần xưng niệm, hoặc thoáng qua một niệm xưng niệm, thì lập tức hào quang thân thể hiển hiện làm hóa giải sự oán thù của Quỷ, thoát khỏi tai họa chết chóc. Thậm chí, khi lâm chung những oan hồn, Quỷ hay Diêm Vương xuất hiện, khi ấy xưng niệm một câu Nam mô A-di-đà Phật thì cảnh giới Diêm Vương biến mất, Quỷ và oan hồn không thấy nữa, đức Phật

A-di-đà hiện ra, hoặc ngay lúc ấy được vãng sanh hay cũng có thể sức khỏe hồi phục, tuổi thọ tăng thêm.

Hoặc là, như hạng người ngu si hay loài cầm thú, chỉ học theo âm thanh của người khác để niệm, thì trong đời hiện tại vẫn được công đức và lợi ích vượt bậc, không có đối tượng để so sánh; sau cùng, đến khi lâm chung sẽ được vãng sanh, sống trong cảnh giới trang nghiêm thù thắng.

Cụ thể, như bài số 2 “*Con sáo niệm Phật, miệng bay ra hoa sen*” trong Chương I quyển sách này. Con sáo là loài cầm thú tuyệt đối không có kiến thức, chỉ học theo âm thanh của con người để niệm, thế mà hoa sen từ trong thân phóng ra. Hoa này chính là hoa A-di-đà Chánh giác, hoa Chánh giác này phát sanh trên thân người niệm Phật, vì thế gọi là *Người niệm Phật thì hoa nở*.

Lại nữa, như các bài trong Chương II: “*Niệm Phật hẵn nhiên hào quang hiện*”, tất cả nội dung các bài ấy đều trình bày, do nhất tâm niệm Phật mà hào quang lập tức xuất hiện. Hào quang này là hào quang của đức Phật A-di-đà, có khả năng tiêu trừ Nghiệp chướng, tăng trưởng phước tuệ, Trời - Thần cung kính, Quỷ ác

lánh xa. Mọi người ai cũng có niệm tưởng, không niệm tưởng Phật thì niệm tưởng tạp loạn. Nếu niệm Phật thì hào quang đức Phật xuất hiện, niệm tạp loạn thì hào quang xám đen xuất hiện.

Lại nữa, như các bài trong Chương III: “*Niệm Phật thì Quỷ thoái lui*”, tất cả nội dung các bài ấy đều trình bày, do phát ra lời niệm Phật mà loài Quỷ không dám xâm phạm, pháp tu này là thù thắng, giản dị, nhanh chóng và chắc chắn. Tất cả các pháp tu khác không có pháp nào có thể so sánh được. Nếu không niệm Phật thì sẽ bị Quỷ đòi mạng, vĩnh kiếp sẽ bị trầm luân, nghĩa là *Một khi đã mất thân người thì vạn kiếp khó trở lại*.

Lại nữa, như bài số 1 “*Mẹ niệm Phật, con thoát nạn chết biển*” trong Chương VI, đại khái là, Phỉ Dong ở Đài Loan dụng công niệm Phật mà người con trai ở quê nhà thoát khỏi tai nạn chết biển. Âm thanh đã không có định hướng, đường đi vốn cũng vô tư, nhưng mà vẫn có hiện tượng Cảm ứng thần kỳ, khiến người ta phải kinh ngạc, tán thán, làm con người phải phát tâm tin tưởng.

Thêm nữa, như bài số 18: “*Lâm chung tâm tối, niệm Phật trở thành trong sáng*”, tóm lược là, bà nội ấy khi lâm chung, thần thức bị hôn mê tâm tối, không

biết sẽ đi về đâu, trong tâm khảm cực kỳ lo sợ, đầu mặt toát mồ hôi lạnh, sắc diện hình hài biến thành màu xám tro. Tuy nhiên, nhờ bà con quyến thuộc xưng niệm ba lần danh hiệu đức Phật A-di-đà, lập tức tối tăm ấy biến mất, sáng sủa xuất hiện, tâm niệm bà ổn định, tướng mạo trang nghiêm, sắc diện từ hòa tươi nhuận, được đức Phật chứng minh, phóng quang tiếp dẫn và tự tại vãng sanh.

Tựu trung, những hiện tượng Cảm ứng được trình bày trên, nhằm xác minh rằng, chẳng phải do công phu của Tự lực mà nhờ vào sự linh ứng của Phật lực. Chính thế, dù hiểu hay không hiểu, tin hay không tin, năng lực công đức niệm Phật xưa nay vốn như vậy, tương tự như lửa thì nóng, ăn cơm thì no. Tu tập Tịnh Độ dễ dàng chủ yếu là tại điểm này, nghĩa là “Tu thì dễ nhưng khó tin”, phải dùng sự tu tập để khởi phát đức tin, đức tin vốn ở trong sự tu tập vậy.

I.10. Đa phần cảm ứng khi đang sống, khích lệ mọi người chuyên nhất niệm Phật.

Thông thường, khi biên chép những sự tích Cảm ứng của niệm Phật, đa phần chủ yếu là ghi các điềm

lành khi lâm chung được vãng sanh, như quyển *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục* hay *Hoa Khai Kiến Phật Tinh Hoa Lục*.v.v...; nhưng quyển này, đa phần lại trình bày những Cảm ứng khi đang còn sống, chiếm đến hai phần ba (2/3) của sách, sờ dĩ như vậy, mục đích là giúp mọi người hiểu rõ rằng, niệm Phật không hẳn chỉ để cầu nguyện khi lâm chung được vãng sanh, mà cũng có thể đạt được những lợi ích trong cuộc sống hằng ngày; đồng thời, hành giả không cần tu thêm một pháp nào khác, để tâm được chuyên nhất và con đường tu tập khỏi phải phân ra nhiều lối.

Còn, một phần ba (1/3) của sách là trình bày sự tích vãng sanh, những người vãng sanh ấy hầu hết chẳng phải là hạng thượng căn, chẳng phải là những người tu tập với thời gian dài lâu và lắm khổ nhọc mà họ là những người khi lâm chung gặp duyên lành, nghe pháp làm tâm an ổn, rồi phát tâm niệm Phật mà được cứu độ (có vài trường hợp ngoại lệ). Điểm dụng ý tại đây, nhằm xiển dương sự cứu độ của đức Phật A-di-đà, dù bất cứ thời gian nào cũng hoàn hảo không sai sót, hoàn toàn bình đẳng không phân biệt, bất cứ người nào cũng cứu độ, bất cứ thời gian nào cũng cứu độ, để giúp

mọi người ai cũng có hy vọng là mình được cứu độ, không có tư tưởng tuyệt vọng.

Đành rằng, khi lâm chung chỉ niệm một niệm cũng có thể vãng sanh, nhưng trong cuộc sống, nếu thường xuyên niệm Phật thì thân tâm luôn được an lạc. Do thế, không nên chấp thủ viển vông vào sự may mắn khi lâm chung, vì tâm niệm ấy là thấp hèn, nhu nhược.

Ở trên vừa trình bày, người niệm Phật thì hẳn nhiên sẽ có Cảm ứng, và trong cuộc sống gặp được nhiều lợi ích; tuy nhiên, dù lợi ích lớn lao thế nào cũng không thể so sánh với lợi ích của sự vãng sanh được. Một giọt nước thì làm sao sánh với đại dương! Bởi lẽ, trên đời này chỉ có hiện tượng vãng sanh thành Phật là chân thật, còn hết thảy cái gì cũng đều giả dối. Cái giả dối thì làm sao sánh với sự chân thật! Đời người như một giấc mộng, mọi việc trong đời đều là huyễn ảo, dù mạnh khỏe trăm năm, hạnh phúc suốt đời, nhưng chỉ một nháy mắt đã trở thành hư vô. Nếu không được vãng sanh thì vẫn lưu trú trong Luân hồi, Luân hồi chính là tai nạn lớn nhất của con người, của chúng sanh. Lợi ích và mục đích chủ yếu của niệm Phật là đoạn tận tai nạn lớn nhất của sự Luân hồi vậy.

Lợi ích trong cuộc đời chẳng qua chỉ giới hạn trong vài chục năm, trong khi lợi ích của vãng sanh thì vượt quá giới hạn, vô lượng vô cùng. Nếu được vãng sanh thì sự sanh tử Luân hồi vô cùng vô tận trong tương lai từ đây được đoạn trừ, vĩnh viễn không còn bị khổ đau của sanh - lão - bệnh - tử. Cùng với đức Phật A-di-đà chứng được Thọ mạng vô lượng, Quang minh vô lượng, Từ bi vô lượng, Trí tuệ vô lượng, Thần thông vô lượng, thân tâm an lạc tự tại vô ngại.

Thật tế để nói: Mục đích niệm Phật là để vãng sanh Tịnh Độ Cực lạc, vãng sanh Tịnh Độ là để thành Phật độ chúng sanh chứ hoàn toàn không phải có ý đồ đời sau được an lạc hạnh phúc, cũng chẳng phải tham cầu những lợi ích trong đời hiện tại.

Đại sư Pháp Chiếu bảo:

*“Tu ở Ngũ trược đa phần thoái chuyển,
Chẳng bằng niệm Phật vãng sanh phương Tây,
Đến Cực lạc hẳn nhiên thành Chánh giác,
Trở lại biển khổ làm hạnh cầu thuyền.
Phàm phu nếu được đến phương Tây,
Vô lượng tội xưa đều tiêu diệt,
Đủ sáu Thần thông được tự tại,*

Vĩnh trừ lão bệnh là vô thường.

Thập ác, Ngũ nghịch cùng người ngu,

Vĩnh kiếp trầm luân trong bụi trần,

Xưng được một niệm hiệu Di-đà,

Đến kia phục hồi thân Pháp tánh”.

Phàm những người yếu kém, thì trăm nghe không bằng một thấy. Thông thường, thích nghe Kinh điển vài ba năm không bằng thấy một sự kiện niệm Phật được Cảm ứng để phát niềm tin. Vì để biên tập những sự tích Cảm ứng do niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà được phong phú hơn, nhằm giúp mọi người học Phật phát khởi đức tin niệm Phật; do thế, nơi đây Huệ Tịnh thành khẩn cúi đầu thỉnh cầu quý độc giả và quý Đại đức rằng, nếu vị nào trực tiếp thấy những Cảm ứng chính xác do xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, thì mong quý vị hoan hỷ ghi chép lại, việc làm này là cùng chung thực hành pháp thí giúp mọi người được tắm gội ân đức của Phật. Mong rằng, nội dung ghi chép đúng với sự thật và ngắn gọn, có một sự kiện thì ghi chép một, có hai sự kiện thì ghi chép hai, không nên thêm thắt, không nên khoe khoang để tránh sự

vọng ngữ. Trường hợp, nếu quý vị không có thì giờ ghi chép, mong quý vị cho chúng tôi biết địa chỉ, chúng tôi sẽ đến thăm hỏi.

Lại nữa, pháp môn Niệm Phật từ xưa đến nay luôn luôn thịnh hành không bị suy yếu, nhưng những sự tích Cảm ứng không được ghi chép để giới thiệu. Về quyển sách này người viết vốn là kẻ kiến thức hạn chế, nghe biết về sự tích Cảm ứng rất ít, nên chỉ ghi chép hơn một trăm mẫu chuyện mà thôi. Nếu quý vị biết được một tạp chí nào, một sách nào có ghi chép những sự tích Cảm ứng do niệm Phật A-di-đà, có tính chất tương đương như những mẫu chuyện trong quyển này, xin quý vị cho biết để bổ túc làm phong phú thêm khi tái bản.

Quyển sách này mặc dù chia thành 12 Chương; tuy nhiên, có một số bài ở trong các Chương ấy mang tính gượng ép không được nhất quán, mong quý vị đọc giả hoan hỷ lượng thứ.

Thêm nữa, sách này được Cư sĩ Vương Văn Long ở Đài Bắc phát tâm in ấn, để đại chúng sớm được kết duyên với sự cứu độ của đức Phật A-di-đà, đây là tâm nguyện đặc biệt đáng trân trọng.

I.11. Mục đích sách này, khuyên người tin tưởng niệm Phật.

Lý luận không bằng chứng cứ, sự thật vượt trên hùng biện. Mục đích sách này được chuyên chở qua những mẩu chuyện, để nói lên thực tại *Niệm Phật để thành tựu*, niệm Phật thường được *Lợi ích đời hiện tại và lợi ích đời tương lai* một cách chắc chắn, để khích lệ mọi người phát khởi đức tin nhằm xưng niệm danh hiệu đức Phật.

Ai đọc sách này, sách sẽ giúp người chưa tin Phật khởi tâm tin Phật, học Phật; giúp người học Phật chưa chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, sẽ vui thích chuyên niệm Phật A-di-đà cầu sanh Tịnh Độ; giúp người cầu sanh Tịnh Độ mà đánh mất đức tin, sẽ khởi đức tin kiên định; giúp người nhất định vãng sanh nắm được chứng cứ xác thật, để khích lệ người khác tinh chuyên xưng niệm Phật A-di-đà, nhằm cùng đạt được sự lợi ích trong đời hiện tại và lợi ích trong đời tương lai, để cùng tiến về quê hương An lạc.

- *Kinh Đại Bi* dạy:

“*Nếu thường lần lượt khích lệ lẫn nhau thực hành Niệm Phật, những người ấy được gọi là Người thực hành Đại bi*”.

- Đại sư Ấn Quang bảo:

“Giúp một chúng sanh được vãng sanh phương Tây, chính là giúp chúng sanh ấy làm Phật. Những công đức này, sao có thể tư duy được!”

- Đại sư Thiện Đạo bảo:

*“Tự tin giúp người khác tin,
Là sự khó nhất trong những sự khó;
Đại bi truyền khắp đức tin,
Là báo ân Phật một cách chân thành”.*

Niệm Phật cầu vãng sanh là tự thực hành tâm Đại bi; khuyến khích tha nhân niệm Phật cầu vãng sanh là giáo hóa tha nhân thực hành tâm Đại bi. Người luôn thực hành tâm Đại bi như vậy, chính là người tri ân báo đức chân chánh, công đức khó tư duy được.

Người chuyên niệm *Nam mô A-di-đà Phật* là người đang báo đáp công ơn cha mẹ, mặc dầu không nghĩ đến việc báo ân, nhưng năng lực Phật A-di-đà tự nhiên báo đền.

Người học Phật: Sao có thể quên ân Cha mẹ, Tam bảo, Chúng sanh, Tổ quốc! - Muốn báo đáp trọng ân ấy cần niệm Phật A-di-đà.

Đức Phật A-di-đà: Ánh hào quang của chúng ta, niềm hy vọng của chúng ta, nơi nương tựa của chúng ta, chỗ quay về của chúng ta.

Ý niệm của chúng sanh,
Hướng về Bốn nguyện Phật,
Thuần nhất tinh chuyên niệm,
Danh hiệu Phật Di-đà.
Xưng danh ắt vãng sanh,
Chính Bốn nguyện của Phật,
Tin hiểu được như vậy,
Thuần nhất xưng niệm Phật.
Người thực hành như thế,
Thuộc hạng tối thượng căn,
Hào quang Phật nhiếp lấy,
Đã được vãng sanh vậy.
Được Đại Kinh thọ ký,
Bậc như ngài Di Lặc,
Và Quán Kinh tán thán,
Là hoa Phân - đà - lợi.
Chỉ một viên thuốc Tiên,
Vẫn biến sắt thành vàng,
Chỉ một pháp Niệm Phật,
Vẫn siêu phàm nhập Thánh.

Tháng 6 - Phật lịch 2544

Núi Bốn Nguyện - Thích Huệ Tịnh - Căn chí.

Trong 48 đại nguyện ở kinh *Vô Lượng Thọ*, chủ yếu chỉ xác minh rằng, do chuyên niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà mà được vãng sanh.

*Thệ rộng nhiều môn, gồm Bốn tám,
Hướng về niệm Phật, thắm thiết hơn,
Ai hay tưởng Phật, Phật ghi nhớ,
Chuyên tâm niệm Phật, Phật tri tường.
Cực lạc vô vi, cảnh Niết-bàn,
Tu theo Tập thiện, khó vãng sanh,
Thế nên Như Lai chọn pháp chính,
Bảo niệm Di-đà, chuyên thật chuyên.
Sắc thân Di-đà tợ núi vàng,
Hào quang tướng tốt chiếu mười phương,
Chỉ ai niệm Phật được soi chiếu,
Nên biết Bốn nguyện rất hùng cường.
Tướng tốt rất nhiều, Tám vạn tư,
Mỗi mỗi hào quang chiếu mười phương,
Không vì duyên khác, hào quang chiếu,
Chiếu người niệm Phật cầu vãng sanh.
Ý niệm của chúng sanh,
Hướng về Bốn nguyện Phật,
Thuần nhất tinh chuyên niệm,
Danh hiệu Phật Di-đà.*

Đại sư Thiện Đạo

Chương II
NIỆM PHẬT CẢM ỨNG LỤC
Phần Bình Luận

Pháp sư Huệ Tịnh trước tác.

II.1. Thảo luận Phật pháp,
Trời, Thần ủng hộ,
Người nào niệm Phật,
Chư Phật hộ trì.
Niệm Phật tại đạo,
Thần thiện cung kính,
Tâm loạn nói bậy,
Quý ác thổ đờm.
Chúng ta trọn ngày,
Thường bị Quý nhỏ,
Sao không thuần nhất,
Chuyên niệm hiệu Phật.
Cổ Đức học Phật,
Chỉ vì sanh tử,
Nay người học Phật,

Thích bàn cạn sâu.
Sống chung trọn ngày,
Nói không hợp đạo,
Trí cạn, ưa làm,
Không Tử thở dài!

II.2. Di-đà nguyện rằng,
Chúng sanh mười phương,
Xưng danh hiệu Con²⁴,
Ất sanh nước Con.
Gọi là chúng sanh,
Trên từ Trời, Người,
Dưới đến Địa ngục,
Ngạ quỷ, Súc sanh.
Đem quán chiếu này,
Sách tấn niệm Phật,
Ất sanh Cực lạc,
Chứng đại Niết-bàn.
Người mà không biết,
Biết mà không niệm,

²⁴ Con: Tiếng xưng hô của Tỷ - khéo Pháp Tạng (tiền thân đức Phật A-di-đà) trước đức Phật Thế Tụ Tại Vương.

Hèn như Súc sanh,
Đáng xót thương thay!

II.3. Không hiểu đức tin,
Cũng không phát nguyện,
Chỉ thích mùi thịt,
Thường xưng hiệu Phật.
Nhờ xưng hiệu Phật,
Đều được vãng sanh,
Đó là công năng,
Bổn nguyện Di-đà.
Di-đà nguyện rằng,
Xưng danh hiệu Con,
Nếu không được sanh,
Không thành Chánh giác.
Hiện tại Di-đà,
Vốn đã thành Phật,
Chúng sanh xưng niệm,
Ắt được vãng sanh.

II.4. Từng là cao Tăng,
Hay Tăng giới hạnh,
Tái sanh lại mê,

Trở lại tạo Nghiệp.
Trong đường cùng ấy,
Thường tu Tịnh Độ,
Một đời giải thoát,
Không còn ăn năn.
Đường hiểm sanh tử,
Luân hồi đáng sợ,
Chưa thoát Sáu đường,
Khó miễn đọa lạc.
Hạng người chúng ta,
Mượn gương soi mình,
Cầu sanh Cực lạc,
Không theo vết cũ.

II.5. Xuất gia làm Ni,
Đã là khó được,
Khô ba chục năm²⁵,
Lại chẳng phải dễ.
Chỉ nhờ Tự lực,

²⁵ Khô ba chục năm: Thời gian tối thiểu mà nữ giới phải bị cái khô bởi Nghiệp sinh lý kinh nguyệt. Đây là một sự trở ngại cho sự tu tập của Ni.

Không dựa Tha lực,
Lậu hoặc chưa trừ,
Trở lại trầm luân.
Tu học pháp khác,
Như kiến leo núi,
Niệm Phật vãng sanh,
Thuận gió xuôi dòng.
Chưa sanh Cực lạc,
Dầu ở Ta-bà,
Ngày kia sanh Tây,
Đoạn tuyệt Luân hồi.

II.6. Bà già niệm Phật,
Giáo lý, tông phái,
Hoàn toàn chẳng hiểu,
Chỉ là niệm Phật.
Sau khi lâm chung,
Điềm lành kỳ diệu,
Xác chứng vãng sanh,
Không thể nghi ngờ.
Khi sống trí thông,
Không bằng Tăng-Ni,
Đời sau chứng quả,

Tăng-Ni không bằng.
Tự lực khó thoát,
Niệm Phật dễ sanh,
Không nên tự phụ,
Lầm đường tương lai.

II.7. Kinh Đại Tập dạy:

“Nếu người chỉ niệm A-di-đà, đó là Thiên vi diệu vô thượng”.

Cổ Đức bảo:

“Một câu Di-đà không niệm pháp gì khác, chẳng nhọc gảy móng tay liền đến phương Tây”.

Lại bảo:

*“Tùy duyên mở bày diệu pháp,
Dạy chúng sanh đạt sự thật,
Thánh Đạo môn nhiều cay đắng,
Tịnh Độ môn đường an bình”.*

II.8. Thánh Đạo môn: Trí tuệ tốt bậc mới chứng Niết-bàn;

Tịnh Độ môn: Trở lại ngu si sanh về Cực lạc.

Thánh Đạo môn: Là Tự lực, tu tập khó, vạn người tu không có người chứng;

Tịnh Độ môn: Là Tha lực, tu tập dễ, trăm người tu trăm người vãng sanh.

Thánh Đạo môn: Giúp trở thành căn tánh Thánh nhân, còn phải tu hàng trăm kiếp của Ba A-tăng-kỳ mới chứng quả tối thượng;

Tịnh Độ môn: Tức khiến bà lão ngu si ấy, chỉ nhờ một câu Sáu chữ mà được vãng sanh thành Phật.

II.9. Chẳng có tài gì,
Chỉ là niệm Phật,
Mỗi mõi mỗi Phật,
Niệm Phật không dừng.
Lưu kệ lia trần,
Mặt không đổi sắc,
Hương lạ ngào ngạt,
Nhạc trời không trung.
Niệm Phật - làm việc,
Chẳng trở ngại nhau,
Sĩ - Nông - Công - Thương,
Ai cũng niệm được.
Chỉ nguyện như thế,
Theo đây hành trì,

Tìm điều mới lạ,
Trở thành hư vô.

II.10. Ngu si vô trí,
Thật thà chẳng dối,
Tâm nghĩ miệng niệm,
Chắc chắn vãng sanh.
Ngày, đêm, giờ, chốn,
Niệm niệm không dứt,
Trọn ngày Ta-bà,
Trọn ngày Cực lạc.
Dù ở Sáu đường,²⁶
Đã thoát Ba cõi,²⁷
Sanh về Tịnh Độ,
Đoạn tuyệt Luân hồi.
Một pháp Niệm Phật,
Phương tiện thẳng nhanh,
Thiện-ác hiển-ngu,
Chẳng chút phân biệt.

²⁶ Sáu đường (Lục đạo): Tức sáu đường hay sáu loài. Đó là: Trời, A-tu-la, Người, Súc sanh, Ngạ quỷ và Địa ngục.

²⁷ Ba cõi (Tam giới): Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

II.11. Một pháp Niệm Phật,
Đi, đứng, nằm, ngồi,
Giờ, chốn, mọi việc,
Đều không trở ngại.
Tin, miệng niệm Phật,
Thân là đạo tràng,
Dốc lòng xưng danh,
Cùng Phật hiện hữu.
Dù rảnh hay bận,
Không quên niệm Phật,
Dù giờ, chốn nào,
Động tịnh nhất như.
Niệm Phật càng nhuần,
Xử sự càng sáng,
Niệm Phật tâm tịnh,
Tịnh hể phát Tuệ.

II.12. Các loại côn trùng,
Tội cùng vô tri,
Có thể niệm Phật,
Thoát khỏi Tam đồ.²⁸

²⁸ Tam đồ: Ba đường ác dữ, đó là Súc sanh, Ngạ quỷ và Địa ngục.

Nên biết niệm Phật,
Thù thắng giản dị,
Nếu không niệm Phật,
Giải thoát không kỳ.
Niệm Phật một câu,
Được sanh làm người,
Nếu cầu Tịnh Độ,
Tất được vãng sanh.
Di-đà nguyện rằng,
Chúng sanh đường ác,
Đều sanh nước Tôi,
Hẳn được thành Phật.

II.13. Nếu ai hỏi rằng,
Loại chúng sanh nào,
Có thể thành Phật?
Tức khắc đáp rằng,
Chúng sanh niệm Phật,
Thường được thành Phật.
Niệm Phật thành Phật,
Bỏ nguyện Di-đà,
Thích Tôn xiển dương,
Chư Phật tán thán.

II.14. Di-đà cứu độ,

Tùy thời hiện diện,
Tùy chỗ xuất hiện,
Toàn vô điều kiện.
Bất cứ người nào,
Cũng đều được cứu,
Bất cứ giờ nào,
Cũng đều đến cứu.
Công đức Di-đà,
Hồi hướng chúng sanh,
Giúp mọi chúng sanh,
Phước tuệ đầy đủ.
Muốn sanh nước Con,
Cho đến mười niệm,
Nếu chẳng được sanh,
Chẳng giữ Chánh giác.
Thế nên chúng sanh,
Không kể người nào,
Nguyện sanh nước kia,
Tức được vãng sanh.

II.15. Một câu Di-đà,

Không kể Tăng-tục,

Không kể thiện-ác,
Không kể tin-nghi.
Chỉ cần xưng niệm,
Chẳng hiểu chẳng cầu,
Thực hành như vậy,
Kết quả trước mắt.
Không kể người nào,
Tinh tấn niệm Phật,
Đỉnh hiện hào quang,
Thân hiện tướng Phật.
Phàm phu mắt thịt,
Tuy không thể thấy,
Pháp vốn như vậy,
Có đạo lý này.

II.16. Nhờ Nhân thiện xưa,
Gặp Duyên quy y,
Vì Nhân oán xưa,
Thân gặp thương tích,
Nếu quy y rồi,
Y giáo niệm Phật,
Để giải oán xưa,
Khiến miễn nạn ấy.

Niệm Phật luôn được,
Lợi ích hai đời,
Đời này an ổn,
Vãng sanh thành Phật.
Họa phước không cửa,
Chỉ do người mời,
Quả báo thiện ác,
Như bóng theo hình.

II.17. Quân Ma loạn động,
Như tiếng chó sủa,
Âm thanh niệm Phật,
Như sư tử gầm.
Sư tử rời hang,
Trăm thú ẩn mình,
Tiếng Phật vang lên,
Chúng Ma vắng bóng.
Thân là phiền não,
Đời là vô thường,
Nên nương Di-đà,
Dựng xây đời mình.
Thân tâm tánh mạng,
Tin gọi Di-đà,

Dù thời chốn nào,
Tưởng Phật, niệm Phật.

II.18. Xác thân là khách,
Tâm là chủ nhân,
Xác thân dù chết,
Tâm này bất tử.
Thời điểm lâm chung,
Tùy theo tâm niệm,
Tương ứng xứ nào,
Sanh vào xứ ấy.
Nếu tâm niệm ấy,
Tưởng Phật, nhớ Phật,
Bấy giờ cùng Phật,
Chung ánh hào quang.
Vì chung hào quang,
Được Phật nhiếp lấy,
Thời gian một niệm,
Sanh về Tịnh Độ.

II.19. Vạn pháp do tâm,
Tùy Cảm mà Ứng,
Tưởng Phật, niệm Phật,

Phật tùy tâm hiện.
Những người niệm Phật,
Cơ Pháp²⁹ nhất thể,
Cùng Phật hiện hữu,
Ra vào dung thông.

II.20. Hào quang Di-đà,
Tối thắng bậc nhất,
Hào quang chư Phật,
Không thể sánh bằng.
Hào quang Di-đà,
Thường diệt khí độc,
Giải trừ oán kết,
Chuyển ác thành thiện.
Nếu ở Tam đồ,
Thấy hào quang ấy,
Không còn phiền não,
Đều được giải thoát.
Trú xứ Quỷ - Thần,
Nơi chốn bất an,
Nên treo hiệu Phật,
Đề độ âm linh.

²⁹ Cơ Pháp: Căn cơ và Chánh pháp.

II.21. Ông Vương Thiết San,
Làm chức tướng lãnh,
Hô lên một tiếng,
Vạn người mất mạng,
Chỉ có tạo Nghiệp,
Không tin Phật pháp,
Không biết giáo lý,
Cũng chẳng quy y.
Bệnh nặng thân nguy,
Chúng Ma trước mặt,
Ba ngày không ngủ,
Chết trong sớm chiều.
Tham Thiên ngộ đạo,
Ăn chay Bái sám,
Những tu tập này,
Xa chẳng cứu gần,
Chỉ có niệm Phật,
Không thể nghĩ bàn,
Một câu Di-đà,
Chúng Quỷ xa lánh.
Tái niệm Di-đà,
Đêm ấy an ổn,

Niệm niệm Di-đà,
Bệnh nặng chóng lành.
Không kể thiện-ác,
Không kể tin-nghi,
Giả dối Viên đốn,
Chẳng pháp nào sánh.

II.22. Nhà tối lâu năm,
Một đèn sáng tỏ,
Một câu hiệu Phật,
Chúng Ma thối lui.
Thuần nhất chuyên niệm,
Hiệu Phật Di-đà,
Oán kết giải trừ,
Lại được vãng sanh.
Hổ phách hút bụi,
Nam châm hút sắt,
Nghiệp ác chúng ta,
Như bụi, như sắt,
Hiệu Phật Di-đà,
Như hổ, như nam,
Nên nghĩ như thế,
Thường xưng hiệu Phật.

II.23. Nghe danh hiệu Phật,
Tuy không tin tưởng,
Cũng không xưng niệm,
Vẫn thành giống Phật.
Vì nhờ biết vậy,
Khi gặp hoạn nạn,
Khởi niệm tưởng Phật,
Lập tức thoát nạn.
Như chiến trường cũ,
Do nhờ niệm Phật,
Quỷ thù chẳng hiện,
Nên khởi đức tin.
Trọn đời niệm Phật,
Lâm chung vãng sanh,
Nương nhờ Nhân trước,
Hiện bày tướng màu.
Ví chưa từng nghe,
Chẳng biết niệm Phật,
Bị Quỷ cướp mạng,
Vĩnh kiếp Luân hồi.

II.24. Những người niệm Phật,
Hào quang Phật chiếu,

Những chỗ niệm Phật,
Trời, Rồng bảo hộ.
Thân mạng sắp hết,
Thù xưa xuất hiện,
Tự mình cùng người,
Cần nên niệm Phật.
Quý nghe niệm Phật,
Giải tỏa oan kết,
Nghiep tiêu, Trí sáng,
Sanh về thiện xứ.
Một câu hiệu Phật,
Độ mình, độ người,
Tăng-tục hiền-ngu,
Đều thọ trì được.

II.25. Vì do sát sanh,
Hướng đi trở ngại,
Nhờ do niệm Phật,
Nghiep sát giải trừ.
Cuộc đời con người,
Việc không toại ý,
Trọn mười phần mười,

Đều do Nghiệp xấu.
Phật A-di-đà,
Hồng danh vạn đức,
Một lần xưng hiệu,
Ngang bằng vạn đức.
Thế nên niệm Phật,
Tiêu Nghiệp rất nhanh,
Nghiệp tiêu, Trí sáng,
Chướng hết, phước tăng.

II.26. Một câu niệm Phật,
Quang³⁰ đến, ám³¹ đi,
Quý lìa, người an,
Linh nghiệm chớp nhoáng.
Sáu chữ danh hiệu,
Chính là hào quang,
Vì thế mới gọi,
Danh hiệu hào quang.
Nên người niệm Phật,
Ở trong hào quang,

³⁰ Quang: Hào quang.

³¹ Ám: Nghiệp xấu.

Nghiệp tiêu, Trí sáng,
Chướng hết, phước tăng.
Cơ Pháp nhất thể,
Phàm - Phật chẳng lìa,
Đời này an ổn,
Lâm chung sanh Tây.

II.27. Băng sanh từ nước,
Mà lạnh hơn nước,
Xanh từ cây chàm,
Lại xanh hơn chàm.
Cùng học Tịnh Độ,
Nếu biết Bốn nguyện,
Đã hơn người khác,
Lại dễ vãng sanh.
Bốn nguyện Di-đà,
Cứu độ hữu tình,
Trời - Người - Quỷ - Súc,
Bình đẳng vãng sanh.
Chỉ nghe Bốn nguyện,
Phát khởi nhân duyên,
Một niệm tin, niệm,
Liên được cứu độ.

II.28. Con gái dù nhiều,
Tình của mẹ cha,
Thương con bệnh lý,
Lưu tâm vỗ về.
Chúng sanh dù nhiều,
Tâm Bi Di-đà,
Thương họ khổ sở,
Mong sớm cứu độ.
Những người niệm Phật,
Dù ở cõi trần,
Tâm niệm thần thức,
Luôn trú danh hiệu.
Di-đà với ta,
Thường đối diện nhau,
Một người niệm Phật,
Thấy cùng hai người.

II.29. Miệng dù chưa nói,
Phật vẫn biết trước,
Giọng dù chẳng đồng,
Phật rõ tâm ý.
Cầu con thoát nạn,

Con được thoát nạn,
Nguyện sanh nước kia,
Tất được vãng sanh.
Trí Phật thế nào,
Tuy chưa tin hiểu,
Thuần nhất xưng danh,
Ngâm hợp đạo mâu.
Muốn học Tịnh Độ,
Nên thành người ngu,
Xưng danh niệm Phật,
Vô nghĩa là nghĩa.

II.30. Phát tâm thoát trần,
Tức khắc âm phủ gạch tên;
Phát tâm vãng sanh,
Há không ghi nhớ Tịnh Độ hay sao!
Đây là Tự lực,
Huống gì Tha lực!

II.31. Dem công đức của mình,
Hồi hướng phương Tây,
Đây là Tự lực;

Công đức Phật A-di-đà,
Cứu giúp chúng sanh,
Đây là Tha lực.
Tự lực còn vãng sanh,
Huống gì Tha lực!

II.32. Sao vẫn dửng dưng,
Vui vẻ đến chết,
Con đường sanh tử,
Không đáng sợ sao?
Tin Phật cứu độ,
Tâm an trọn vẹn,
Đối diện lâm chung,
Phấn khích vui mừng.
Bỏ thân khổ não,
Chứng Niết bàn lạc,
Chính thời điểm này,
Kết quả hiện hữu.
Khi sanh Tịnh Độ,
Đoạn tuyệt Luân hồi,
Vô lượng quang, thọ,
Thần thông tự tại.

II.33. Di-đà cứu độ,

Thành tựu từ lâu,
Chủ động bình đẳng,
Tuyệt không điều kiện.
Không kể người nào,
Hiện đang tin, tu,
Đang được cứu độ,
Vãng sanh trước mặt.
Ăn chay, ăn mặn,
Chẳng có hạn chế,
Nhưng mà Phật tử,
Học Từ bi Phật.
Hộ sanh không giết,
Giữ gìn nhân đạo,
Tự làm dạy người,
Đức Phật hoan hỷ.

II.34. Trẻ thơ bú sữa,

Dù không biết mùi,
Thân tự phát triển.
Bệnh nhân uống thuốc,
Không biết tính thuốc,
Hẳn nhiên bệnh lành.

Biết hay không biết,
Niệm Phật vãng sanh,
Vẫn giống như vậy.

II.35. Xưa Trương Chung Quỳ,

Người ác giết gà,
Đầy nhà hương lạ.
Xưa Trương Thiện Hòa,
Đồ tể giết bò,
Quanh nhà mây lành.
Chuyển lửa Địa ngục,
Thành đài sen báu.
Điền lành rực rỡ;

Đều nhờ Thiện tri thức khai thị trợ niệm ở phút cuối cùng vậy.³²

II.36. Bể khổ vô biên,

Quay đầu thấy bờ,
Nhà tối ngàn năm,
Một đèn sáng tỏ.
Đã biết Di-đà,

³² Hai sự tích này đã ghi rõ ở quyển *Lợi Ích Thù Thắng Của Khai Thị Trợ Niệm* cùng dịch giả.

Xót thương kẻ ác,
Cứu độ kẻ khổ,
Hãy cầu được cứu.
Nên khởi tri ân,
Hồi hận tự trách,
Học Đại bi Phật,
Tự làm dạy người.
Nếu không Chánh tín,
Tâm nuôi cầu may,
Yên tâm tạo ác,
Sẽ lại trầm luân.
Kẻ ác cần biết,
Lấy đây làm thuốc,
Không nên hiểu lầm,
Trở thành căn bệnh.
Khi ở Ta-bà,
Dù đang mang Nghiệp,
Nếu sanh Cực lạc,
Nghiệp đâu để mang!

II.37. Phật A-di-đà,
Hiện hữu mọi thời,

Hiện hữu mọi chỗ,
Không gì không biết.
Phật A-di-đà,
Thường ở cạnh ta,
Hướng dẫn cho ta,
Chờ đợi rước ta.
Nếu ta hồi tâm,
Tưởng Phật, niệm Phật,
Di-đà với ta,
Giao thoa đạo lý.
Khi sống hộ niệm,
Lâm chung tiếp dẫn,
Sự thật trước mắt,
Há chẳng tin sao!

II.38. Tổ tiên hiện tại,
Quá khứ oan thân,³³
Hoặc theo chân ta,
Hay ở cạnh ta.
Tổ tiên mà khổ,
Mong ta cứu vớt,

³³ Oan thân: Người thù địch trong gia đình, dòng họ.

Nếu là oan hồn³⁴,
 Theo dõi báo trả.³⁵
 Nếu ta niệm Phật,
 Hoặc là tụng Kinh,
 Những oan thân ấy,
 Tức khắc được cứu.
 Bỏn nguyện đức Phật,
 Là nghĩa *Cứu Độ*,
 Thường giải oán kết,
 Luôn cứu oan thân.

II.39. Chết khổ bức bách,
 Oan hồn xuất hiện,
 Pháp nào cứu được,
 Chỉ nhờ niệm Phật.
 Nên phải xưng danh,
 Hào quang Phật hộ,
 Thân tâm an ổn,
 Mình người được cứu.
 Nếu không niệm Phật,

³⁴ Oan hồn: Linh hồn (thần thức) người chết oan.

³⁵ Báo trả: Ân trả ân, oán trả oán.

Ắt đọa Địa ngục,
Lưu chuyển Tam đồ,
Khi nào thoát khỏi!
Công đức niệm Phật,
Không thể nghĩ bàn,
Đều là nguyện lực,
Đại bi Di-đà.

II.40. Không kể thiện ác,
Không kể việc gì,
Một lần xưng danh,
Phật hiện trước mắt.
Phạm phu mất thịt,
Dù không thấy được,
Quý có Năm thông³⁶,
Thấy biết rõ ràng.
Cứu độ kẻ khổ,
Là Bốn nguyện Phật,
Chủ động bình đẳng,

³⁶ Năm thông (Ngũ thông, Ngũ thần thông): Năm loại thần thông, đó là: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông và Thần túc thông.

Tuyệt vô điều kiện.
Nguyện sanh được sanh,
Xưng niệm sẽ sanh,
Có đức tin ấy,
Một niệm được sanh.

II.41. Không kẻ biết hay không biết, tin hay không tin, đã học Phật hay chưa học Phật, chỉ cần niệm Phật thì người ấy được hào quang đức Phật soi chiếu, oán kết được giải tỏa, Nghiệp chướng được tiêu trừ, phước tuệ được tăng trưởng. Tương tự, như lửa thì nóng, ăn cơm thì no. Lại nữa, phàm người nguyện sanh Cực lạc thì đều được vãng sanh. Chúng ta chưa khởi tư tưởng cầu vãng sanh thì đức Phật A-di-đà không thể tiếp dẫn chúng ta vãng sanh; cho nên, tâm cầu nguyện vãng sanh của chúng sanh và tâm tiếp dẫn của đức Phật A-di-đà phải có sự giao thoa Cảm ứng với nhau, khi ấy: Cầu nguyện vãng sanh ắt được vãng sanh. Niệm Phật hẳn nhiên được vãng sanh.

Hiểu như thế, thực hành như thế, dù chúng ta không dựng xây đức tin nhưng đức tin vẫn kiên cố, tự tại trong đức tin.

Tổ sư Đàm Loan bảo: “*Kinh dạy: Nếu người nào chỉ nghe thế giới An lạc, thanh tịnh kia, liền khởi niệm cầu nguyện vãng sanh vẫn được vãng sanh và hội nhập vào Chánh định tự*”.

Lại bảo: “*Nhân duyên tin Phật, đều được vãng sanh*”.

Lại bảo: “*Người cầu nguyện vãng sanh, đều được vãng sanh*.”

Đại sư Thiện Đạo bảo: “*Chúng sanh xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, ắt được vãng sanh*.”

Lại bảo: “*Thuần nhất chuyên xưng danh hiệu đức Phật A-di-đà*”.

Chương III

LỜI TỰA CỦA DỊCH GIẢ³⁷ QUYỀN

NIỆM PHẬT KIM NGÔN LỤC³⁸

Bấy giờ, Thượng nhân Nhất Biến được mọi người gọi là Thượng nhân Du Hành, và Ngài tự nhận là hóa thân của Bồ-tát Đại Thế Chí, Thiên hoàng Minh Trị sắc phong là Đại sư Viên Chiếu. Lúc 7 tuổi, Ngài đến học giáo nghĩa tông Thiên Thai ở chùa Kế Giáo với Pháp sư Duyên Giáo, 10 tuổi mẹ mất. Đau xót trước đại sự sanh tử, vô thường nhanh chóng, nên Ngài xin xuất gia và được Pháp sư Duyên Giáo thế độ đặt pháp hiệu là Tùy Duyên. Ngài vốn là người thông tuệ, lại hiếu học không biết mệt mỏi, ngày đêm cần mẫn không lãng phí một phút giây. Có thể gọi Ngài là người riêng ngộ tâm sâu kín, tài đức hơn người, hiểu thông suốt 60 quyển giáo nghĩa của Thiên Thai. Tuy nhiên, tư duy kỹ về thực tại hành hóa Viên đốn, thì Ngài đang còn

³⁷ Dịch giả: Túc Pháp sư Huệ Tịnh.

³⁸ Quyển *Niệm Phật Kim Ngôn Lục*: Do Thượng nhân Nhất Biến trước tác.

bị trói buộc vào các nhân duyên của pháp giới, không nhận thức rõ ràng thế nào là thiện-ác, chánh – tà; bên cạnh, tâm niệm chấp ngã vẫn còn hiện hữu, tâm lý yêu ghét ganh tỵ vẫn khó đoạn trừ, ghét chê thích khen. Thế nên, hoặc bị người nào phỉ báng thì nổi sầu hận, hoặc được các vị có danh tiếng tán thưởng thì rất vui mừng. Đại để, cách hành xử của Ngài tương tự đều như thế, miệng dù nói lý thiện-ác bất nhị (không phải hai), chánh-tà nhất như, nhưng thực tế của tâm niệm thì ngược lại. Cảm thương sâu sắc về tâm thức hèn kém của kẻ phàm phu. Ngài nghĩ rằng, cần phải vượt lên bằng cách trở lại dựa vào Thánh giáo làm gương soi sáng, nhằm đoạn trừ những tập khí ương hèn ngoan cố; đồng thời, Ngài nghiên cứu lại *Ma Ha Chỉ Quán*, trong quyển này trình bày bốn loại Tam-muội: Thứ nhất, “*Tam-muội thường tọa*” (Thiền định thường ngồi), giải thích rằng: “*Các giáo lý phần nhiều đều tán thán đức Phật A-di-đà, thế nên lấy phương Tây làm tiêu chí nhất quán*”. Thứ hai, “*Tam-muội thường hành* (Thiền định thường đi), giải thích rằng: “*Nếu xưng niệm A-di-đà chính là xưng niệm công đức của chư Phật trong mười phương, chủ yếu chuyên dùng danh hiệu đức Phật A-di-đà*

làm pháp môn tu tập. Câu nói cốt lõi của ý nghĩa này là: “Đi – đi, nói - nói nghĩ - nghĩ chỉ an trú ở A-di-đà Phật”. Thứ ba, “Tam-muội bán hành bán tọa” (Thiền định nửa đi, nửa ngồi), giải thích rằng: “Vãng sanh nước An lạc là cứu cánh của hàng Thập địa”. Thứ tư, “Tam-muội phi hành phi tọa” (Thiền định chẳng phải đi, chẳng phải ngồi), giải thích bằng cách trích dẫn sự áp dụng *Pháp Niệm Phật A-di-đà* của *Kinh Quán Âm*. Qua đây, Ngài quyết định từ bỏ sự tu học theo giáo nghĩa tông Thiên Thai, để tâm thức gắn kết vào một hạnh Niệm Phật, gửi trọn niềm tin vào một đức Phật A-di-đà. Thời bấy giờ, Thượng nhân Pháp Nhiên là bậc thượng túc, đệ tử lớn của Ngài là Thượng nhân Chứng Không, Hòa thượng Thánh Đạt lại là đệ tử của Ngài Chứng Không. Hòa thượng Thánh Đạt đến trụ tích ở chùa Hoằng Tây, thuần túy hoằng dương pháp môn Tịnh Độ, hướng dẫn khích lệ mọi người tu theo một hạnh vãng sanh Cực lạc. Ngài Nhất Biến rất vui mừng đến đánh lễ và xin y chỉ với Thượng nhân Thánh Đạt, từ đó được tu học pháp môn Tịnh Độ, tâm địa thông suốt, hiểu và tin vào Bốn nguyện đức Phật A-di-đà đã được đức Thích Tôn phú chúc,

chư Phật chứng thật, chỉ duy nhất tu một hạnh Niệm Phật. Qua đây, Ngài khẳng quyết từ bỏ các pháp Tu khó, nương vào Tự lực; trở về theo pháp Tu dễ, nương vào Tha lực, vì vậy mà đổi pháp hiệu là *Trí Chơn*. Nương tựa Thượng nhân Thánh Đạt để tu học giáo lý Tịnh Độ suốt 12 năm, đến năm 30 tuổi, Ngài quyết định ẩn cư theo ý nghĩa “*Sơ đồ con đường sáng giữa hai dòng sông*”³⁹ để niệm Phật, thời gian trải qua ba năm và thể ngộ sâu xa hơn về pháp Niệm Phật, qua đây, Ngài làm bài kệ tụng (bài tụng Mười một chẳng phải hai):

*“Mười kiếp ngộ rõ thế giới chúng sanh,
Một niệm vãng sanh nước Phật Di-đà,
Mười - một chẳng phải hai chứng Vô sanh,
Toàn quốc bình đẳng tọa đạo tràng”.*

Sau khi lãnh ngộ, Ngài không còn ở một chỗ cố định mà đi khắp đất nước để khuyến khích mọi người niệm Phật, nhất hướng cầu nguyện vãng sanh, lấy đây làm sứ mạng của mình. Năm 36 tuổi (có thuyết bảo 37 tuổi), Ngài đến bãi yết điện Hùng Dã⁴⁰ và lưu trú 100 ngày để

³⁹ Xem *Tuyển Trạch Tập* từ trang 114 đến trang 118 cùng dịch giả.

⁴⁰ Điện Hùng Dã: Di tích đức Phật A-di-đà đã thị hiện hóa độ mọi người.

niệm Phật, đã được đức Phật A-di-đà thị hiện trao cho bài kệ:

*“Danh hiệu Sáu chữ pháp Nhất Biến,⁴¹
Y - Chánh mười giới⁴² thể Nhất Biến,
Vạn hạnh rời niệm chứng Nhất Biến,
Bậc siêu nhân thắng tòa sen báu”.*

Đồng thời, đức Phật lại khai thị cho Thượng nhân về phương pháp cứu độ chúng sanh rằng:

“Thệ nguyện của ông thì không thể nghĩ bàn vì đã thương xót hết thấy chúng sanh, bằng cách chuyên khuyến khích họ tu một pháp Niệm Phật, đây là thiện căn tối thượng, Tì bi cực độ. Tuy nhiên, ông đã phân biệt người tin hay người không tin, pháp hợp căn cơ hay pháp không hợp căn cơ, vấn đề này thì trái với Bốn nguyện. Trong tương lai, khi Chánh pháp và Kinh điển tận diệt thì dựa vào đâu để phân biệt đức tin? Phân biệt căn cơ? Bây giờ, chỉ căn cứ vào việc xưng niệm danh hiệu nhiều hay ít, tùy theo niệm nhiều ít này mà

⁴¹ Nhất Biến: Chỉ thực tại bất khả tư nghị.

⁴² Mười giới: Pháp số là Thập pháp giới, tức 10 pháp giới. Có nhiều thuyết, theo kinh Pháp Hoa 10 pháp giới gồm có 6 cõi phàm là: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A-tu-la, Người, Trời, và 4 cõi Thánh là: Thánh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật.

tội chướng được trừ diệt tương xứng. Hiện nay, Phật pháp đang được phổ biến, mà người tin thì ít, người không tin thì rất nhiều, xét hết thấy chúng sanh, đa phần chưa từng được nghe Phật pháp, và chẳng có Thiện hữu tri thức; ngoài ra, còn có nhiều hạng người, như cô độc, hèn hạ, độc ác, bệnh tật... hướng gì đến thời điểm Chánh pháp và Kinh điển tận diệt thì như thế nào nữa? Mong rằng, từ đây về sau, ông hãy lấy Trí tuệ gánh vác chúng sanh, lấy Từ bi để tự quản lý. Không kể người thanh tịnh hay cấu uế, người thiện hay ác, người tin hay nghi; tóm lại, không có thể bàn về tâm chánh hay tâm tà, đã là tâm phàm phu dù thiện hay ác cũng nằm trong vòng mê, nên không thể dùng pháp tu căn bản⁴³ giúp họ ra khỏi sanh tử, chỉ có xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật thì được vãng sanh mà thôi”.

Sau khi được đức Phật A-di-đà khai thị, Thượng nhân mới thật sự hội nhập triệt để thực tại uyên áo của Bốn nguyện, thực sự thọ lãnh tôn chỉ chân chánh của Tha lực, nên đổi hiệu là *Nhất Biến*. Tỉnh ngộ, Thượng nhân liền đọc kỹ lại quyển *Quán Kinh Sớ* của Đại sư Thiện Đạo và phát giác ra rằng, không một chữ nào,

⁴³ Pháp tu căn bản: Tức Tam học Giới - Định - Tuệ.

không một câu nào là không phải công đức của Nam mô A-di-đà Phật, bắt đầu từ “*Phản Huyền Nghĩa*” với tiêu đề *Tiên Khuyến Đại Chúng Phát Nguyện Quy Tam Bảo* (Trước tiên khuyến khích đại chúng phát nguyện quy y Tam Bảo) đã là Nam mô A-di-đà Phật; kế tiếp cho đến phần cuối cùng, thì chữ nào, câu nào cũng đều là danh hiệu A-di-đà Phật.

Từ sự kiện khuyến khích mọi người nhất tâm nương tựa đức Phật A-di-đà như thế, là để họ thuần nhất xưng niệm danh hiệu Ngài nhằm xả bỏ những quán niệm vọng động của tâm, nghĩa là, xả bỏ những tư duy về thiện - ác, tịnh - uế; xả bỏ những chấp trước về tin- nghi, mê - ngộ; xả bỏ các sự phân biệt Tăng - tục, trí - ngu. Tất cả những quán niệm của tâm đều xả bỏ, chỉ duy nhất trú tâm vào một câu Nam mô A-di-đà Phật. Cho đến, khi cảm ân hoan hỷ cũng Nam mô A-di-đà Phật; khi xót thương bản thân, không cảm ân không hoan hỷ cũng Nam mô A-di-đà Phật; khi tầm quý sám hối cũng Nam mô A-di-đà Phật; khi rất xấu hổ cho bản thân, không tầm quý không sám hối cũng Nam mô A-di-đà Phật; khi tâm thanh tịnh cũng Nam mô A-di-đà Phật, khi tâm tán loạn cũng Nam mô A-di-đà Phật.

Không kể thiện - ác, tội - phước; không kể trí - ngu, mê - ngộ; không kể tịnh - uế, tin - nghi; không kể thời gian, nơi chốn, mọi công việc; không kể mười phương, ba đời, thanh thoát tự tại, tánh linh sáng suốt để mà xưng niệm danh hiệu.

Tuy nhiên, người nguyện sanh về thế giới ấy cần biết rõ: Danh hiệu tức tín tâm, tín tâm tức xưng danh hiệu, xưng danh hiệu tức vãng sanh. Trong danh hiệu vốn đầy đủ hết thảy công đức, còn hàng phàm phu h vọng thì điều gì cũng không viên mãn, nên Đại sư Thiện Đạo bảo: *“Dù phát tâm thanh tịnh cũng giống như vẽ trên nước”*. Qua đây, chỉ có Niệm Phật là đầy đủ tất cả, Thiện sư Đạo Xước khai thị Niệm Phật sẽ có: *“Hai lợi ích trước và sau, tức đời hiện tại và đời tương lai”*. Đại sư Thiện Đạo cũng nói: *“Niệm Phật có Ba duyên”* (Thân duyên, Cận duyên, Tăng thượng duyên); cũng bàn về: *“Niệm Phật có Bốn đức”* (Tán thán, Sám hối, Phát nguyện hồi hướng, Trang nghiêm Tịnh Độ); cũng tán thán: *“Niệm Phật có Năm điều tốt đẹp”* (Người hiền thiện, Người hiền thiện tuyệt diệu, Người hiền thiện bậc thượng thượng, Người hy hữu, Người tối thắng); và cũng xác minh sự lợi ích: *“Niệm Phật có Năm Tăng thượng duyên”* (Diệt tội, Hộ niệm, Thấy Phật, Thâu nhiếp vãng

sanh, Chứng thật vãng sanh). Do thế nên *Quán Kinh Sớ* kết luận rằng, cần phế bỏ Định thiện, phế bỏ Tán thiện, buông xả chấp thủ Căn cơ và Chánh pháp, độc nhất nêu lên ngọn cờ “*Thuần nhất xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà*”; như thế, chính là hiển thị tín tâm hiện hữu ngay trong bản thân danh hiệu, nếu hiểu rõ “*Chỉ thuần nhất xưng niệm, hẵn nhiên được vãng sanh*”, tín tâm ấy hẵn hiện hữu trong sự xưng niệm này. Nếu luận về ân nghĩa của đức Phật A-di-đà, cho dù nghiền nát thân xác thành cát bụi, cũng không mảy may báo đền được công đức ấy; huống hồ, hạng phàm phu không có ý niệm chân thật nghiền nát thân xác thành cát bụi để báo đền ân Phật, vậy phải làm sao? - Đáp: *Thuần nhất xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà*. Tức là, khi cảm ân báo đức, khi khen ngợi reo vui, khi buồn khổ khi hoan hỷ, khi thanh tịnh, khi vọng tưởng, khi ba suy nghĩ, khi trăm toan tính, ngàn câu vạ lời, đều Nam mô A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật..., huống gì đã trình bày Căn cơ và Chánh pháp vốn là nhất thể... Do vậy, khi Thượng nhân Nhất Biến vừa thể ngộ liền làm một bài ca để biểu đạt ý nghĩa này:

“*Người xưng niệm không có Phật, không có ta,
Chỉ có âm thanh Nam mô A-di-đà Phật mà thôi*”.

Khi giác ngộ rồi, thấy bài ca ấy chưa xiển dương trọn vẹn nghĩa lý sâu xa của Bốn nguyện, Thượng nhân bèn viết lại rằng:

*“Người xưng niệm không có Phật cũng không có ta,
Nam mô A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật”.*

mới thỏa mãn tâm ý của mình.

Trong *Quán Kinh Sớ*, Đại sư Thiện Đạo nêu lên hai điểm chủ yếu:

1- *“Gọi là Hoằng nguyện như Đại kinh dạy:
“Hết thấy phàm phu dù thiện hay ác đều được vãng
sinh, điều ấy không phải không nhờ vào năng lực đại
nguyện của đức Phật A-di-đà làm Tăng thượng duyên
hay sao!”*

2- *“Ở trước, tuy có trình bày về lợi ích của hai
hạnh tu Định thiện và Tán thiện; nhưng tâm ý chúng
sinh hướng về Bốn nguyện đức Phật A-di-đà, thì chỉ
thuần nhất chuyên xưng niệm danh hiệu của Ngài”.*

Câu trước là phần khai tông xiển dương nghĩa lý, câu sau là phần chỉ rõ chỗ quy thú, tức phần kết luận, đầu - đuôi tương ứng, trước - sau nhất quán. Cũng tức là, hết thấy phàm phu thiện hay ác đều được vãng sinh thế giới Cực lạc, tất cả đều nương vào năng lực cứu độ

của đại nguyện đức Phật A-di-đà. Tuy nhiên, trong hết thấy phàm phu hoặc thiện hoặc ác ấy, có người trí kẻ ngu, người ngộ kẻ mê, người tin kẻ nghi... ngàn vạn căn cơ sai khác nhau, thì nương nhờ như thế nào? Làm sao vãng sanh bình đẳng? Vấn đề này, ở phần kết luận, Đại sư Thiện Đạo đã chọn lựa điểm cốt lõi nhất để giải thích một cách minh bạch rằng: *“Thuần nhất chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà”*, chỉ thực hành *“Thuần nhất chuyên xưng niệm”* chính là *“Nương nhờ”*. Sự tín tâm, báo ân vốn hiện hữu trong hành hoạt xưng niệm này và hẳn nhiên được vãng sanh. Đại sư Thiện Đạo đã dùng câu *“Thuần nhất chuyên xưng niệm”* để tổng kết *Quán Kinh* vậy.

Thượng nhân Pháp Nhiên khai thị câu văn *“Ở trước tuy có trình bày...”* rồi nói rằng: *“Hết thấy phàm phu dù thiện hay ác, mà miệng xưng niệm danh hiệu Phật thì được vãng sanh Báo độ vô lậu, đó là lời giải thích của Hòa thượng Thiện Đạo, hóa thân của đức Phật A-di-đà”*.

Lại nữa, Di Lại Cương thưa hỏi Thượng nhân Pháp Nhiên về đạo lý vãng sanh, sau khi Thượng nhân thuật rõ Bốn nguyện cứu độ của đức Phật A-di-đà, rồi đọc

câu văn “Ở trước...” hai lần, sau đó bảo rằng: “Vãng sanh hay không là do tâm niệm của ông, nếu thuần nhất niệm Phật thì chắc chắn được vãng sanh”.

Hai chữ “Thuần nhất” ấy, chính là chỉ ý nghĩa “Trên từ suốt đời, dưới đến mười tiếng (niệm) hay một tiếng, một niệm”.

Thế nên, Vãng Sanh Lễ Tán bảo: “Trên từ suốt đời, dưới đến mười tiếng hay một tiếng..., nhờ năng lực đại nguyện của đức Phật mà dễ được vãng sanh”.

Và, như “Hai pháp nương nhờ” của Quán Kinh Sớ cũng bảo: “Chỉ thực hành thuần nhất chuyên xưng niệm, trên từ suốt đời, dưới đến mười niệm, nhờ năng lực đại nguyện của đức Phật, không ai là không được vãng sanh, chính thế mới gọi là dễ vậy”.

Lại nói rằng: “Nếu Con được thành Phật, chúng sanh trong mười phương xưng niệm danh hiệu của Con, để nguyện vãng sanh thế giới của Con, dưới đến mười niệm, nếu không được vãng sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác”.

Lại nữa, trong Vãng Sanh Lễ Tán bảo: “Nếu Con thành Phật, chúng sanh trong mười phương xưng niệm danh hiệu của Con dưới đến mười niệm, nếu không được vãng sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác”.

Lại trong *Quán Niệm Pháp Môn* bảo: “*Nếu Con thành Phật, chúng sanh trong mười phương nguyện vãng sanh thế giới của Con, xưng niệm danh hiệu của Con, dưới đến mười tiếng, nương nhờ năng lực đại nguyện của Con, nếu không được vãng sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác*”.

Cụm từ “*Xưng niệm danh hiệu của Con*” và “*Nương nhờ năng lực đại nguyện của Con*” có ý nghĩa tương đồng, vì “*Xưng niệm danh hiệu của Con*” chính là “*Nương nhờ năng lực đại nguyện của Con*”; muốn “*Nương nhờ năng lực đại nguyện của Con*” thì chỉ thuần nhất “*Xưng niệm danh hiệu của Con*” vậy.

Thượng nhân Pháp Nhiên thường dạy đại chúng một câu từ trong *Phân Lưu Thông* của *Quán Kinh* rằng: “*Đức Phật bảo A Nan: Thầy hãy khéo léo bảo trì lời căn dặn này, bảo trì lời căn dặn này chính là bảo trì danh hiệu đức Phật Vô Lượng Thọ*”. Đồng thời, nói thêm rằng: “*Nghe danh hiệu mà không tin thì giống như chưa nghe, tin mà không xưng niệm thì giống như không tin; cho nên, chỉ cần thường xuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà*”. Điều này, chính là thừa truyền tư tưởng mà Đại sư Thiện Đạo từng bảo “*Thuần nhất chuyên xưng niệm*” vậy.

Thượng nhân Pháp Nhiên đối với pháp Niệm Phật đã nêu lên hai nghĩa *Thắng* (Siêu việt) và *Dị* (Dễ dàng) để khai thị:

“- *Thắng*: Ngoài bản thể không có danh hiệu, ngoài danh hiệu không có bản thể.

Bản thể vi diệu của vạn thiện chính là Sáu chữ danh hiệu; vô lượng vô số công đức đều quy tụ trong một hạnh niệm xưng danh hiệu.

Năng lực đại nguyện luôn lan tỏa, khiến vạn đức thấm thấu vào hành giả; Tha lực khó nghĩ bàn là phương tiện thiện xảo, khiến một hạnh xưng niệm siêu việt mọi pháp thiện.

Bát trí thức tán thán rộng xa, lửa dữ biến thành mát mẻ; Thiện hữu khuyến bảo xưng niệm, sen vàng giống mặt trời cao.

Danh hiệu có công đức lợi ích vô thượng như thế!

- *Dị*: Không kể đi - đứng - nằm - ngồi, tu tập như vậy sẽ được đón đưa.

Không kể thời gian - nơi chốn - công việc, xưng niệm như vậy sẽ được vãng sanh.

Không kể thân tâm ô uế loạn động, chỉ kể Tha lực dẫn dắt tiếp rước”.

Trong Hai hạnh tu Định thiện, Tán thiện, Hạnh

tu Định thiện có Mười ba đối tượng quán tưởng, *Hạnh tu Tấn thiện* gồm tu Ba phước đức để vãng sanh trong chín phẩm, mà Căn cơ và Chánh pháp đều hiện hữu trong hai hạnh tu này. Tuy nhiên, *Hai hạnh tu Định thiện, Tấn thiện* này vốn không phải là Bỏn nguyện, chỉ có *Thuần nhất chuyên xưng niệm* mới là Bỏn nguyện, cụm từ *Thuần nhất chuyên xưng niệm* đã biểu thị đầy đủ hết thảy (công đức), chứa đựng hết thảy (công đức). Chỉ thực hành *Thuần nhất chuyên xưng niệm* thì công năng đại nguyện đức Phật A-di-đà đã hiện hữu trong đó, vận hành một cách tự nhiên.

Bây giờ, luận về “*Vãng sanh Báo độ là do đức tin, chứ không phải do sự tu tập*”. Tin vào đức tin là thuần nhất tin vào Tha lực, cũng tức là tin vào năng lực Bỏn nguyện danh hiệu đức Phật A-di-đà. Vậy, *Thuần nhất chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà* thì hẳn nhiên đầy đủ đức tin ấy. Do đây, Thượng nhân Pháp Nhiên bảo: “*Chỉ hiểu chúng sanh xưng niệm danh hiệu thì hẳn nhiên được vãng sanh, và hẳn nhiên đầy đủ Ba tâm*⁴⁴ (*Tín tâm*)”. Lại bảo: “*Nếu chưa hiểu ý nghĩa niệm*

⁴⁴ Ba tâm (Tâm tâm): Chí thành tâm, Thâm tâm và Hồi hướng phát nguyện tâm. Xem *Tuyển Trạch Tập* trang 98 cùng dịch giả.

Phật thì được vãng sanh, mà do học để hiểu, thì đây là sự hiểu biết thô sơ, làm sao liễu giải được! Giả như được học rộng thì đây là kiến thức của hạng phàm phu cũng chẳng bao nhiêu. Chớ có ham thích lý giải mà phé bỏ thời giờ niệm Phật”. Thế nên, nếu hạng phàm phu si ám, cứ ham thích lý giải thế nào là Tự lực, thế nào là Tha lực, thế nào là Tin, thế nào là Nghi, nhưng vô thường vẫn đến rất nhanh, chưa tìm hiểu xong thì đã rơi vào bàn tay của Diêm Vương vậy.

Thượng nhân Pháp Nhiên bảo: “*Muốn vãng sanh, đừng đâu là Niệm Phật, không cần phải có học vấn. Chỉ tin đạo lý ‘Niệm Phật ắt vãng sanh’, thì học để làm gì!’*”.

Lại bảo: “*Niệm Phật không có ý nghĩa thâm sâu, người niệm Phật chỉ biết ‘Niệm Phật ắt được vãng sanh’ thế thôi*”.

Lại bảo: “*Không rõ ý nghĩa của Niệm Phật, không biết chữ ghi danh hiệu Phật chẳng có trở ngại, chỉ căn cứ vào việc xưng niệm danh hiệu, thì ắt hẳn sẽ được vãng sanh*”.

Lại bảo: “*Chỉ tư duy: ‘Bốn nguyên là không hư dối, xưng niệm danh hiệu ắt được vãng sanh’; ngoài ra, không tư duy gì khác thì tâm không bị trói buộc*”.

Lại bảo: “*Niệm Phật là lấy cái không hình thức làm hình thức, chỉ tinh tấn niệm Phật đến khi lâm chung, thì hẵn nhiên đức Phật đến đón rước, để được vãng sanh Cực lạc vậy*”.

Lại bảo: “*Dù biết rõ Ba tâm, nhưng không niệm Phật thì chẳng có lợi ích gì; trái lại, dù không biết rõ Ba tâm mà thuần nhất niệm Phật, thì đầy đủ cả Ba tâm và hẵn nhiên được vãng sanh Cực lạc*”.

Lại nữa, *Hạnh tu* chẳng phải hạnh tu, đây là Tập hạnh, Tập tu; lấy sự Tập hạnh, Tập tu này làm hạnh nghiệp hồi hướng cầu vãng sanh. Đại sư Thiện Đạo bảo rằng, sự tu tập này chẳng phải là Bản nguyện của đức Phật A-di-đà (Đại nguyện thứ 18), đây là hạnh tu Định thiện, Tấn thiện, nếu được vãng sanh thì chỉ sanh về Hóa độ Cực lạc mà thôi.

Sáu chữ hồng danh *Nam mô A-di-đà Phật* thì không thể nghĩ bàn, chẳng phải là pháp Mê - Ngộ, Thiện-ác, Tin-nghi, Tự lực - Tha lực, đây là căn cứ vào đại nguyện của đức Phật A-di-đà mà xưng niệm, thì hẵn nhiên được Ngài đến đón rước vãng sanh về Cực lạc. Đại nguyện thứ 18 rằng:

“... *Cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh, thì Con không giữ ngôi Chánh giác*”.

Đại nguyện này vốn đã thành tựu, nên Đại sư Thiện Đạo mới bảo: “*Chúng sanh xưng niệm (danh hiệu), ắt được vãng sanh*”.

Và, phần kết luận của *Quán Kinh Sớ* cũng bảo: “*Thuần nhất chuyên tinh xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà*”.

Chính thế, nếu luôn *Y giáo phụng hành*, trên từ suốt đời, dưới đến mười tiếng, một tiếng hay một niệm thì nhất định được vãng sanh, vấn đề này đều nương vào năng lực của danh hiệu để trở về Cực lạc, chứng đạt Niết-bàn. Đại kinh dạy: “*Thuần nhất chuyên tinh xưng niệm Phật Vô Lượng Thọ*”. Lại dạy: “*Thế giới kia không có sự trái nghịch, mà tương ứng một cách tự nhiên*”. Vì thế, Thượng nhân Pháp Nhiên mới bảo: “*Niệm Phật dùng vô nghĩa làm ý nghĩa*”.

Vấn đề *Niệm Phật* là mệnh lệnh và sự yêu cầu của đức Phật A-di-đà đối với chúng sanh; bởi thế, nên Đại kinh mới dạy: “*Cho đến mười niệm*”, lại dạy “*Thuần nhất chuyên tinh xưng niệm Phật Vô Lượng Thọ*”, và *Quán Kinh Sớ* cũng dùng “*Thuần nhất chuyên tinh xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà*” làm kết luận.

Thế nên, người niệm Phật A-di-đà: Được hào quang đức Phật A-di-đà soi chiếu, chư Phật trong mười phương hộ niệm, Trời Thần, nữ Thần đại địa cung kính. Trái lại, người niệm Tạp niệm: Hào quang đức Phật A-di-đà không soi chiếu, chư Phật trong mười phương không hộ niệm, Thiên Thần, nữ Thần đại địa không cung kính, mà Quỷ dữ, La sát tụ đến, chán ghét khạc nhổ đờm dãi.

“*Thế gian là hư giả, chỉ đức Phật mới là chân thật*”. Hết thấy sâm la vạn tượng (thiên hình vạn trạng) trong thế gian, tất cả đều là hư giả, không cần thiết phải lưu tâm. Nhưng tâm lý của kẻ phàm phu hầu hết là hư dối vọng động, tạp niệm phiền não, không có một điểm chân thật, nên không thể an ổn. Chính thế, nếu không niệm Phật thì tâm niệm ắt hẳn hư giả, vọng tưởng, tạp niệm, phiền não. Đồng thời, khi vọng tưởng tạp niệm sanh khởi thì vô minh, phiền não cũng sanh khởi, và gặp Quỷ dữ... khạc nhổ đờm dãi. Sao không cột tâm an trú vào đức Phật A-di-đà, để cùng hiện hữu với đức Phật!

Một người cầu nguyện vãng sanh là người hân hoan luyện mộ sự chân thật, sự thanh tịnh và sáng suốt; đồng

thời, chán ghét sự hư giả, sự ô uế và đen tối. Vì thế, rất cần cột tâm niệm vào danh hiệu đức Phật A-di-đà - “*Chỉ có đức Phật mới là chân thật*” - và chán bỏ cái tâm thường khởi vọng tưởng, tạp niệm. Tổng quát để nói, tâm niệm luôn hướng về thiện, hướng về chân, hướng về tịnh, tức là hướng về chân thật, thanh tịnh và sáng suốt vậy.

Tập khí của kẻ phàm phu thì rất sâu dày và đa dạng, tâm niệm hướng tưởng về Ngũ dục⁴⁵ thế tục thì rất mãnh liệt, tâm niệm hướng tưởng về danh hiệu đức Phật A-di-đà thì rất yếu kém; cho nên, là Phật tử thì cần khích lệ bản thân cố gắng tu tập, đừng để tự thân tự do phóng túng. Hẳn nhiên, khi ngủ hay làm việc bằng trí óc thì không niệm Phật được, ngoài ra, mọi thời gian đều cần niệm Phật. Nếu cảm ngong thì vẫn niệm Phật trong tâm và luôn nhớ nghĩ đến ân Phật.

Thế nên, người cầu nguyện vãng sanh về thế giới Cực lạc, thì không kể Tin hay Nghi, Tự lực hay Tha lực, không kể thời điểm, nơi chốn hay công việc gì, chỉ cần *Thuần nhất chuyên tinh xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà*.

⁴⁵ Ngũ dục: Năm thứ dục lạc của thế gian, đó là: Tài, Sắc, Danh, Thực và Thụy (Tiền tài, Sắc đẹp, Địa vị, Ăn uống và Ngủ nghỉ).

Cổ Đức bảo: “*Người trong thế gian và xuất thế gian luôn tư duy, niệm tưởng đủ mọi vấn đề, không niệm tưởng đức Phật A-di-đà thì niệm tưởng ai?*”.

Thượng nhân Pháp Nhiên bảo: “*Ba tâm, Năm niệm⁴⁶, Bốn tu⁴⁷ đều là Nam mô A-di-đà Phật vậy*”.

Tư tưởng và hạnh tu của Thượng nhân Nhất Biến có thể nói là *Hướng về nương theo Đại sư Thiện Đạo*, ý nghĩa *Hướng về* là hoàn toàn, thuần túy và chuyên nhất. Tương tự như hạnh nghiệp của Đại sư Thiện Đạo, không xét về hành hoạt ba nghiệp của Thượng nhân Nhất Biến, chỉ xét về miệng thì thường xuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà; thêm nữa, lại xả bỏ tất cả danh lợi quyền uy. Thượng nhân không trú một chỗ cố định mà đi khắp toàn quốc, đến tận mọi chỗ để giới thiệu sự cứu độ của đức Phật A-di-đà, bằng cách hoằng dương Bốn nguyện của đức Phật nhằm khích lệ mọi người niệm Phật, chí thành cầu nguyện vãng sanh; làm cho pháp môn Tịnh Độ chính thức được phổ biến

⁴⁶ Năm niệm (Ngũ niệm): Năm niệm tưởng, đó là: Lễ bái, Tấn thán, Phát nguyện, Quán sát và Hồi hướng.

⁴⁷ Bốn tu (Tứ tu): Cung kính tu, Vô dư tu, Vô gián tu và Trường thời tu, xem *Tuyển Trạch Tập* trang 124 cùng dịch giả.

rộng rãi trong quần chúng. Đồng thời, nội dung quyển *Niệm Phật Kim Ngôn Lục* này, hầu hết là trích dẫn quan điểm mà Đại sư Thiện Đạo đã chọn lọc làm chứng cứ; qua đây, có thể biết rõ Thượng nhân Nhất Biến đã tôn sùng, ảnh hưởng giáo nghĩa của Đại sư Thiện Đạo như thế nào rồi!

Thượng nhân Nhất Biến cùng Thượng nhân Chứng Không, Thượng nhân Thân Loan đều là những vị Tổ sư, và là môn đồ của Thượng nhân Pháp Nhiên, các vị Tổ sư này, khi tại thế xét về học thức, Trí tuệ và sở chứng thì tương đương nhau, xét về sự giáo hóa thì rất thành công, vượt xa các Đại sư Tồn Giác, Đại sư Giác Như ở thời đại kế tiếp.⁴⁸

Thượng nhân Nhất Biến trú thế không lâu, chỉ thọ 51 tuổi. Điều này có thể do tâm niệm cứu khổ quá thâm thiết, và đi bộ quá nhiều, khắp cả nước để giáo hóa mọi người; bằng chứng như, suốt đời Thượng nhân không có một chỗ ở cố định, ăn uống luôn thiếu thốn, lại thêm nhiều năm dãi gió dầm mưa, vượt sông băng

⁴⁸ Thượng nhân Chứng Không và Thân Loan là đệ tử đời thứ nhất của Thượng nhân Pháp Nhiên, Thượng nhân Nhất Biến là đệ tử đời thứ ba, Đại sư Tồn Giác và Giác Như là đệ tử đời thứ tư.

rùng dẫn đến thân thể mệt nhọc yếu gầy, do vậy mà thọ mạng không thể dài lâu. Đồng thời, cũng có thể do tâm niệm của Thượng nhân chán ghét cõi Ta-bà quá mạnh mẽ nên muốn sớm xa lìa; và thắm thiết nguyện cầu vãng sanh Cực lạc, mà thân như mây bay nước chảy không chút ngại ngùng, một ngày kia duyên đến thì tự tại ra đi. Thượng nhân Pháp Nhiên bảo: *“Thương khách đợi trời sáng, nghe gà gáy thì vui mừng; hành giả ước nguyện sanh Cực lạc, gặp bệnh hoạn thì hân hoan”*. Đây chính là sự kiện biểu hiện tâm nguyện tha thiết của Thượng nhân nguyện cầu vãng sanh Cực lạc, và chán ghét muốn xa lìa cõi trần thế vậy.

Trước khi vãng sanh và sau khi tụng xong *Kinh A-di-đà*, Thượng nhân lấy những Kinh điển và các tác phẩm mà mình đã trước tác giao lại cho Bính Đình và bảo: *“Hết thấy Thánh giáo rồi cuộc quy kết trong một câu Nam mô A-di-đà Phật”*. Thượng nhân lấy hành vi này để biểu thị lời di chúc của mình khi lâm chung. Vậy nên, một đời giáo hóa của Thế Tôn đều gói trọn trong Sáu chữ, Sáu chữ danh hiệu ẩn chứa lời dạy một đời của Thế Tôn. Người thông hiểu các tông phái, thông hiểu giáo lý mà không nương tựa đức Phật A-di-đà thì không được

vãng sanh; hạng ngu phu ngu phụ chỉ xưng niệm danh hiệu mà sớm chứng Niết bàn. Đại sư Liên Trì bảo: “*Vượt qua Ba A-tăng-kỳ kiếp ở trong một niệm, sánh bằng chư Thánh ở nơi nửa câu*”. Đại sư Ấn Quang bảo: “*Chớ ngờ một tiếng vượt qua Thập địa, nên biết Sáu chữ gói trọn Tam thừa*”. Cổ Đức bảo: “*Không cần Ba A-tăng-kỳ để tu phước huệ, chỉ nhờ Sáu chữ thoát khỏi Tam giới*”.

Lại nữa, do vì Thượng nhân Nhất Biến quá tích cực đi vào quần chúng để giáo hóa, nên mọi người đều tin tưởng, thực hành và đi theo Thượng nhân trở thành một chúng mỗi ngày mỗi tăng, cho đến trước khi Thượng nhân vãng sanh, đại chúng cả Tăng lẫn Tục không dưới 210 người. Nhân đây mà trở thành một tông phái gọi là *Thời Tông*, tôn Thượng nhân Nhất Biến là Tổ sư khai tông và truyền thừa cho đến bây giờ.

Chữ “*Thời*” có nhiều nghĩa, chủ yếu là căn cứ vào ý nghĩa câu văn “*Lâm mạng chung thời*” (Khi thân mạng lâm chung) của *Kinh A-di-đà*, và “*Thường nguyện hết thấy thời điểm là lâm chung*” trong *Vãng Sanh Lễ Tán* của Đại sư Thiện Đạo; đồng thời lâm chung cũng có nghĩa tức đang sống, đang sống tức lâm chung. Đây là ý nghĩa, dù đi - đứng - nằm - ngồi luôn xưng niệm danh

hiệu đức Phật A-di-đà không gián đoạn. Đồng thời, cũng y cứ vào quyển Thượng *An Lạc Tập* của Thiền sư Đạo Xước, trong này đã trích dẫn *Kinh Đại Tập* rằng: “*Trong thời Mạt pháp, hàng trăm ngàn người phát tâm tu tập, khó có một người chứng đạo*”. Và “*Nếu giáo pháp hợp thời đại, hợp căn cơ, thì dễ Tu dễ ngộ; nếu giáo pháp trái ngược với thời đại, với căn cơ, thì khó Tu khó chứng*”. Trong giai đoạn Mạt pháp này, căn cơ chúng sanh đều là thấp kém, nếu căn cứ vào Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà mà niệm danh hiệu Ngài, thì giáo pháp này khế hợp với thời đại và căn cơ. Hơn nữa, kết quả vãng sanh của chúng sanh là biểu thị ở thời gian quá khứ đức Phật A-di-đà đã thành tựu Chánh giác. Qua những ý nghĩa trình bày trên, nên được gọi là *Thời Tông*.

Trong *Vãng Sanh Lễ Tán*, Đại sư Thiệu Đạo đã sử dụng bài văn 48 chữ để giải thích Bốn nguyện và sự thành tựu của đức Phật A-di-đà; trong ấy, mỗi mỗi câu đều biểu thị tâm Bi của đức Phật (Bi), mỗi mỗi chữ đều tỏ chiếu hào quang (Trí), rất là quý báu và giá trị, ấy là:

“*Nếu Con thành Phật, chúng sanh mười phương, xưng danh hiệu Con, dưới đến mười tiếng, nếu không vãng sanh, không thành Chánh giác.*”

Hiện nay Phật kia, vốn đã thành Phật; nên biết, Bốn thế nguyện sâu không dối, chúng sanh xưng niệm, ắt được vãng sanh”.

Thượng nhân Pháp Nhiên tôn sùng cực độ bài văn này, nên tán thán cực điểm rằng:

“Bài văn này cần được xưng niệm không gián đoạn, hiện hữu trong tâm, hiện hữu trước mắt.

Bài văn này là mắt, là gan, là tinh thần của Bốn mươi tám đại nguyện vậy”.

Tháng 03, Phật lịch 2544

Núi Bốn Nguyện, Thích Huệ Tịnh

Cẩn Chí.

Chương IV

PHỤ LỤC QUYỀN

NIỆM PHẬT KIM NGÔN LỤC

IV.1. Đoạn Văn Thỉnh Cầu (Chú thích 1 ở sau).

Thượng nhân Pháp Nhiên trước tác.

Pháp sư Huệ Tịnh dịch.

Không thể bảo Niệm Phật là Quán Niệm, hay Niệm Phật là Niệm Tâm; vì rằng, vãng sanh Cực lạc chỉ do xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật mà không nghi ngờ, chỉ tư duy *Nhất định vãng sanh* mà xưng niệm chứ không vì việc chi khác.

Nhưng mà, cái được gọi là nội dung của Ba tâm, Bốn tu đều chứa đựng trong sự *Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật*, và trong niệm tưởng *Nhất định vãng sanh*.

Nếu bên ngoài ý nghĩa này còn có sự tinh thâm khác, thì sự tinh thâm ấy nằm ngoài sự lân mẫn của hai đức Thế Tôn⁴⁹; đồng thời cũng nằm ngoài Bốn nguyện.

⁴⁹ Hai đức Thế Tôn: Tức đức Phật Thích-ca và đức Phật A-di-đà.

Người muốn tin niệm Phật, giả như suốt đời học hỏi Phật pháp, cũng chỉ có được một số kiến thức mà chẳng hiểu gì, đã là hạng người dốt nát thì đồng hạng với những người vô trí, chớ biểu hiện hình tướng người có trí mà chỉ nên thuần nhất niệm Phật.

Lấy bắt ấn ở hai tay để làm chứng.

An tâm để thực hiện pháp Tịnh Độ, bởi vì những gì ghi trên tờ giấy này là chỗ cùng tột. Nguyên Không⁵⁰ biết rằng, ngoài điểm cốt lõi này hoàn toàn không có nghĩa lý gì khác. Để đề phòng có những tà nghĩa sau khi tôi tịch, nên ghi hết sự hiểu biết tại đây.

Thượng nhân Pháp Nhiên bảo: “*Cung kính xem giải thích của Đại sư Thiện Đạo, với hiểu biết của Nguyên Không thấy rằng:*

Ba tâm cũng là Nam mô A-di-đà Phật,

Năm niệm cũng là Nam mô A-di-đà Phật,

Bốn tu cũng là Nam mô A-di-đà Phật,

Ba tâm, Năm niệm, Bốn tu đều hiện hữu trong Nam mô A-di-đà Phật vậy”.

⁵⁰ Nguyên Không: Pháp danh của Ngài Pháp Nhiên.

IV.2. Trấn An Tu Tập “**Nguyên văn**” (Chú thích 2 ở sau).

Thượng nhân Chứng Không trước tác.

Pháp sư Huệ Tịnh dịch.

1. Ngủ mà sáng suốt cả đêm, nằm giường báo đền ân đức Phật, tức sáng suốt.

Thức mà trọn vẹn cả ngày, chứa hoằng nguyện nội chứng đức Phật, tức trọn vẹn.

2. Lực căn cơ yếu kém chớ lo buồn, nguyện đức Phật nhiếp hạ căn đã thành tựu.

Nghiệp tu hành sơ sài chớ ngờ nghi, Kinh chủ yếu dạy mười niệm đã hiệu nghiệm.

3. Gắng sức gấp vội đáng hoan hỷ, vì tinh tấn đúng Chánh hạnh.

Giải đãi mỗi một đáng mừng vui, vì viên mãn cho Chánh nhân.

4. Không kể căn cơ thiện hay ác, không quên duyên mạnh của bậc Chánh giác.

Đừng nghĩ khả năng có hay không, nên nương Đại bi thâm trọng mà thôi.

IV.3. Chết Phác Niệm Phật.

Thượng nhân Chứng Không trước tác.

Pháp sư Huệ Tịnh dịch.

Sắc thái người niệm Phật nương vào Tự lực là: Hoặc do ngộ giải giáo nghĩa Đại thừa, hoặc do lãnh ngộ rất sâu sắc giáo lý, hoặc do thâm hiểu Giới luật, hoặc do điều phục thân tâm an tịnh (Thiền). Hoặc do niệm Phật với nội dung của Định thiện, Tán thiện, nên nghĩ chắc chắn được vãng sanh mà hoan hỷ, hoặc niệm Phật không nương vào nội dung nào, nên không được vãng sanh mà bi thương. Sự hoan hỷ và bi thương này đều là kết quả tu tập sai lầm của Tự lực. Cho đến:

Vì thời đại bây giờ, Kinh Luận Đại thừa - Tiểu thừa phổ biến rất phong phú; con người bây giờ, dù có những người thượng căn bén nhạy, nhưng hạ căn như chúng ta giống những người trong thời kỳ Tam Bảo tận diệt không phải là ít; Phật pháp truyền bá trong đời mà chúng ta lại không có cơ duyên với Tam học. Dù có Kinh Luận Đại - Tiểu thừa mà không có ý chí cầu học thì như những kẻ không có đạo tâm, dù gặp Phật pháp cũng chẳng ích lợi gì. Dù được sanh trong thời đại Phật pháp phổ biến, nhưng đã không trì Giới thì

khó mà tu tập Định - Tuệ; điều này đã chính thức xác định, đó là hạng căn cơ yếu kém, ngu muội, không có đạo tâm vậy.

Dù thân phận ngu hèn như thế, nhưng nếu xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật, do nguyện lực của đức Phật vẫn viên mãn trọn vẹn; điều này chính là lợi ích của sự chất phác niệm Phật vậy. Không đề cập đến tâm ấy nữa, tin mà xưng niệm danh hiệu đức Phật ắt được vãng sanh. Hơn nữa, người nào thường xuyên xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật chính là niệm Phật đúng Bốn nguyện, điều này gọi là *Chất phác Niệm Phật*.

Hạnh tu Niệm Phật không kể căn cơ thanh tịnh hay ô uế, không kể tội nặng hay nhẹ, phú quý hay hèn hạ, Trí tuệ hay ngu si, chỉ cần xưng niệm danh hiệu đức Phật đều là hạnh tu để được vãng sanh. Về những hành giả có quan điểm dựa vào Tự lực, lấy nội dung tu tập Định thiện, Tán thiện làm chỉ nam, không tu niệm Phật thì sẽ không được vãng sanh, hãy ghi rõ điều này. Đừng bao giờ có tư tưởng ấy, mà cần xả bỏ hướng tu dựa vào Tự lực để nương vào Tha lực. Nếu thực hiện như thế, đó là người đã chứng ngộ được đạo lý Đại thừa, là người đã hiểu sâu Kinh tạng, là

người đã trì Giới luật hoàn toàn thanh tịnh... Sự niệm Phật này tuyệt đối không trái với Bốn nguyện đức Phật, để hiểu rõ điểm này cần thiện xảo so sánh minh bạch thêm.

(Sắc Tu Ngự Truyện quyển 47).

IV.4. Pháp Nhĩ Tự Nhiên (Chú thích 3 ở sau).

Thượng nhân Thân Loan trước tác.

Pháp sư Huệ Tịnh dịch.

Gọi là *Tự nhiên*: *Tự* là *Tự nhiên như vậy*, chẳng phải do sự tính toán của hành giả, ấy là ngôn ngữ chỉ thực tại *Tự nhiên nhi nhiên*. *Nhiên* là *Vốn khiến như vậy*, chẳng phải do sự tính toán của hành giả, vì đó là *Thệ nguyện* của đức Như Lai. Như vậy, *Tự nhiên*: Là ngôn ngữ biểu đạt sự thật *Xưa nay vốn khiến như thế*.

Gọi là *Pháp nhĩ*: Vì *Thệ nguyện* của đức Như Lai vốn khiến như vậy, nên gọi là *Pháp nhĩ*. Vì *Pháp nhĩ* này chính là *Thệ nguyện*, đều không phải do sự tính toán của hành giả. Thế nên, chúng ta cần biết rõ: *Tha lực dùng Vô ý nghĩa làm ý nghĩa* vậy.

Tôi nghe rằng: “*Thệ nguyện* của đức Phật A-di-đà, *xưa nay chẳng phải do sự tính toán của hành giả, ấy là*

căn cứ ‘Nếu xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật, thì nhất định vị Thệ nguyện sẽ đến nghinh tiếp’, hành giả hoặc thiện hay bất thiện đều chẳng lo nghĩ gì, điều này gọi là Tự nhiên vậy’.

Tác dụng của Thệ nguyện: Thệ nguyện ấy giúp cho chúng ta thành tựu quả vị “Phật vô thượng”.

Gọi Phật vô thượng: Cũng là Vô hình tướng, vì Vô hình tướng mới gọi là Tự nhiên, nếu có hình tướng thì không thể gọi Niết-bàn vô thượng.

Tôi nghe rằng: “*Khiến (mọi người) hiểu hình tướng là không, mới có tên Phật A-di-đà*”.

Gọi Phật A-di-đà: Ấy là khiến mọi người hiểu rằng tác dụng (của Phật) té ra là Tự nhiên vậy.

Sau khi hiểu đạo lý này rồi, sự Tự nhiên này không thể luận bàn được, nếu muốn luận bàn thì có thể gọi Dùng vô ý nghĩa làm ý nghĩa, há chẳng phải là ý nghĩa sao! Đây là Trí tuệ của đức Phật không thể nghĩ bàn được.

Thượng nhân Pháp Nhiên bảo: “*Đạo lý của Pháp nhĩ như hơi lửa thì bốc lên không trung, nước thì chảy xuống hạ lưu; trong trái cây cũng có chua có ngọt, ấy đều là đạo lý của Pháp nhĩ vậy*”.

Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, vì thế rằng: “*Dùng danh hiệu để dẫn dắt những chúng sanh tội ác*”, chỉ cần Niệm Phật thì đức Phật đến tiếp rước, ấy là đầy đủ đạo lý của Pháp nhĩ.

Chương XII của *Mạc Đăng Sao* bảo: “*Được gọi là Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, vì thế rằng: Ai xưng niệm danh hiệu, thì sẽ được đón rước về Cực lạc*”.

Chương XI của *Thán Dị Sao* bảo: “*Ai xưng niệm danh hiệu ấy, hẳn nhiên vị Thế nguyện sẽ đến tiếp rước*”.

•**Chú thích 1** (ở trước).

Đoạn Văn Thỉnh Cầu này, có thể gọi là *Lời Di Chúc* tuyệt bút của Thượng nhân Pháp Nhiên, có giá trị vô giá không gì so sánh. Thượng nhân Pháp Nhiên vãng sanh vào giờ Ngọ, ngày 25 tháng Giêng; trước đó, trong suốt 23 ngày làm thị giả, Thế Quán xin Thượng nhân chỉ dạy, thưa rằng: “Dù nhiều năm, con mang ơn được ân sư hướng dẫn, nên tâm con an trú vào Niệm Phật, giờ đây xin ân sư ghi lại tóm tắt các điểm thiết thực và trọng yếu, bên cạnh, đây cũng là bút tích để kỷ niệm trong tương lai”. Thượng nhân Pháp Nhiên hoan hỷ chấp thuận, liền lấy bút viết đoạn văn này; đồng thời,

kiết ấn hai tay một cách trịnh trọng để chứng minh ý nghĩa trong đoạn ấy là như thật. Qua đây, làm chúng ta liên tưởng đến phần Tựa của *Đại Kinh*, Tôn giả A Nan đã thỉnh cầu đức Thế Tôn tuyên thuyết về pháp duyên thù thắng của Bốn nguyên (đức Phật A-di-đà) vậy.

Xưa nay, đoạn văn này được xem là đoạn biểu thị *Nguyên ý xuất thế* của Thượng nhân Pháp Nhiên. *Nguyên ý xuất thế* chính là tinh thần Bồ-tát Đại Thế Chí hóa thân thành Thượng nhân Pháp Nhiên để giáo hóa chúng sanh, cũng tức sứ mạng duy nhất, mục đích cùng tột.

Đoạn văn trên, dù chữ không nhiều nhưng ý nghĩa rất phong phú, phẩm chất vượt bậc, lời văn tế nhị, đơn giản thiết thực rất dễ hiểu. Tôn chỉ của tông Tịnh Độ cùng tột được quy tụ tại đây, ý chính của Bốn nguyên xem qua liền hiểu rõ. Một loại tín ngưỡng được biểu thị trong một đoạn văn đơn giản, dễ hiểu thật là hiếm thấy!

•Chú thích 2 (ở trước).

Bài văn *Trấn An Tu Tập* này, được chọn lựa các điểm ách yếu với ý nghĩa vô cùng thú vị; có thể gọi đây là tâm yếu của Bốn nguyên, là tinh hoa của Tha lực, là

cùng tốt của an trú tâm, là phương pháp thiện xảo để sử dụng hóa độ.

Bài văn này, được chia thành bốn đoạn nhỏ để biểu thị:

Đoạn 1: Chúng sanh và Phật là bất nhị (không phải hai), Căn cơ và Chánh pháp là nhất thể.

Đoạn 2: Đại nguyện thứ 18 đã thành tựu viên mãn.

Đoạn 3: Sự Nghiệp đã thành tựu, tâm an trú đầy đủ.

Đoạn 4: Không căn cứ vào tự thân, chỉ nương nhờ đức Phật A-di-đà.

Tuy nhiên, bài văn này từ ngôn ngữ Nhật Bản dịch sang ngôn ngữ Trung Hoa, nên có thể khó hiểu rõ, vì thế tạm dịch như sau:

1. Ngủ một đêm là nằm trên giường cứu độ của đức Phật A-di-đà.

Thức một ngày là thực hiện công đức Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà.

2. Căn cơ dù yếu kém chớ băn khoăn lo nghĩ, vì thế nguyện cứu độ hàng hạ căn của đức Phật A-di-đà vốn thành tựu từ lâu.

Niệm Phật tuy ít ỏi đừng canh cánh hoài nghi, vì Đại Kinh đã xác định, cho đến chỉ niệm mười niệm vốn linh nghiệm xưa nay.

3. Nỗ lực xưng danh đáng hoan hỷ, vì tinh tấn Chánh hạnh Niệm Phật.

Giải đãi mỗi một cũng vui thích, vì viên mãn Chánh nhân vãng sanh.

4. Chớ bàn luận về bản thân thiện hay bất thiện, mà quên mất sự cứu độ vô điều kiện của đức Phật A-di-đà.

Nên buông bỏ tính toán bản thân có khả năng hay không, chỉ tuyệt đối nương vào tâm Đại bi thâm trọng của đức Phật A-di-đà.

Lại nữa, Pháp sư Hiến Nhất sửa bài văn này thành thể tài Vịnh Phú, trở thành phần Tổng kết của *Giáo Chỉ Tông Tịnh Độ*, với lời văn trong sáng tao nhã, rất dễ ngâm nga như dưới đây:

1. Ngủ trọn một đêm ừ, trên giường được hào quang nhiếp chiếu.

Thức suốt một ngày ừ, ngồi tại đạo tràng thực hành Đại bi.

2. Căn cơ dù yếu kém ừ, Phật sẵn Đại bi cứu độ hạ căn.

Hạnh Nghiệp tuy ít ỏi ừ, Kinh có lời chủ yếu chỉ một niệm.

3. Xưng danh đáng hoan hỷ ừ, vì báo đền ơn ân Phật.

Không xưng cũng vui mừng ừ, vì sự Nghiệp đã thành tựu.

4. Chớ xếp hạng thân phận ừ, đừng quên Phật thâm giúp ừ.

Pháp hiệu của Thượng nhân Chứng Không là Thiện Huệ, Ngài là đệ tử thượng túc của Thượng nhân Pháp Nhiên; có thể nói Ngài là vị có túc duyên rất sâu dày, vì trong đời. Có đến mười một lần được Bồ-tát Quán Thế Âm hiện thân khen ngợi. Vào năm 14 tuổi, Ngài từ chối nghi thức đội mũ để thành nhân (theo tập quán Nhật Bản), mà chủ động đến thỉnh cầu Thượng nhân Pháp Nhiên được xuất gia, Thượng nhân Pháp Nhiên rất hoan hỷ thu nhận được người đệ tử tài giỏi; từ đó, hằng ngày thân gần hướng dẫn chỉ bảo. Ngài vốn là người vừa tuấn tú, vừa thông minh bẩm sinh, những gì được nghe - thấy, không điều nào là không hiểu rõ minh bạch. Được thân cận với Thượng nhân Pháp Nhiên một thời gian khá lâu - hai mươi ba năm, nên được thừa hưởng giáo nghĩa Tịnh Độ từ Thượng nhân rất đầy đủ; đặc biệt, ngài Chứng Không rất hoan hỷ với tác phẩm *Quán Kinh Sớ* của Đại sư Thiện Đạo, nên gia công nghiên cứu đến tận cội nguồn, bằng cách đọc, tư duy và tra cứu nhiều lần. Trong thời gian Thượng nhân Pháp Nhiên viết quyển *Tuyển Trạch Tập* đã nhờ Ngài

tra cứu và sửa chữa câu văn; đồng thời, thường đại diện Thượng nhân Pháp Nhiên đến phủ của Tể tướng đương thời là Đăng nguyên Kiêm thuyết giảng giáo nghĩa Tịnh Độ. Bên cạnh, lại vì Thiên Hoàng, Hoàng Thái Hậu trao truyền Giới pháp, và các đời Thiên Hoàng đã ban tặng huy hiệu cho Ngài là *Di Thiên Quốc Sư*, *Giám Tri Quốc Sư*. Về bài *Trấn An Tu Tập* này, được viết chính là do ông Đạo Giác thân thích của Thiên Hoàng yêu cầu. Nói về đạo hạnh và kiến thức của Ngài thì rất thâm hậu siêu việt, mọi người trong Hoàng thất ai cũng tôn kính ngưỡng mộ.

Trước khi Thượng nhân Pháp Nhiên vãng sanh đã trao đệ tử môn đồ cho Ngài thay thế hướng dẫn, nếu ai thắc mắc gì về giáo nghĩa Tịnh Độ thì đến thưa hỏi. Nên biết, Ngài đã thừa hưởng được tài năng và đức độ rất sâu dày từ Thượng nhân Pháp Nhiên.

Khi Chánh nhân vãng sanh đã tròn đầy mà Chánh hạnh của Ngài vẫn tinh tấn, mỗi ngày Ngài xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà đến sáu vạn biến (câu), dù đến nửa đêm vẫn chưa đi ngủ, sáng sớm lại tiếp tục thâm nghĩ về pháp Tịnh Độ và xưng niệm danh hiệu đức Phật, cứ như thế không một chút giải đãi, thối thất.

Năm 71 tuổi, Ngài biết rõ thời điểm vãng sanh đã đến, vào sáng sớm ngày 26 tháng 11, Ngài đắp y hậu cùng đại chúng tụng *kinh A-di-đà*. Tụng xong, Ngài nói về Bốn nguyện của đức Phật; sau đó, ngòai thẳng hướng mặt về hướng Tây, đối diện với tượng đức Phật A-di-đà, Ngài niệm Phật đến chánh Ngọ rồi chấp tay tự tại vãng sanh, những điềm lành hiện ra rất nhiều.

Suốt đời, Ngài đã xây dựng tự viện đến 11 ngôi, trước thuật rất đa dạng có đến hơn 100 quyển. Độ tử của Ngài rất nhiều, mỗi người hoằng hóa nổi tiếng một phương.

●**Chú thích 3** (ở trước).

Thời gian trước 29 tuổi, Thượng nhân Thân Loan ở tại Tỷ Duệ sơn tu tập theo giáo nghĩa Thiên Thai, đến năm 29 tuổi gặp được Thượng nhân Pháp Nhiên và tiếp nhận giáo nghĩa Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà. Vào năm 58 tuổi, Thượng nhân lâm bệnh, sốt nặng mê man suốt ba ngày, trong khi hôn mê tâm thức Ngài thấy rõ xưa nay mình nỗ lực tu tập, nhưng vẫn như cũ chẳng chút tiến bộ. Điều ấy do bởi vào năm 43 tuổi, Ngài đã phát nguyện tụng ba bộ Kinh Tịnh Độ mỗi bộ một ngàn biến, để hồi hướng cúng dường cầu nguyện

cho quốc gia đang bị chiến tranh loạn ly, đồng bào đói khát tử nạn, trong đó có nhiều bà con thân thuộc. Với tâm niệm rất mạnh mẽ đã được gieo trồng như thế, đến giờ đây khi hôn mê mới thấy rõ; đồng thời, lại mộng thấy được diện kiến với Đại sư Thiện Đạo, được Ngài dạy: “*Hãy Thuần nhất tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà*; ngoài ra, hãy dùng *Đức tin của mình hướng dẫn người khác tin tưởng*, tu tập như vậy là trọn vẹn không thiếu sót gì nữa, không có công đức nào có thể so sánh được, vậy tại sao lại chọn tụng Kinh tu theo Trợ Nghiệp, Trợ hạnh? Nghĩa là, khi được nghe danh hiệu đức Phật A-di-đà đầy đủ uy thần công đức vô lượng, thì tinh chuyên thực hiện Niệm Phật, chứ không cần tu thêm Trợ Nghiệp nữa”. Qua đây, năm 58 tuổi này, Thượng nhân mới thuần nhất hoàn toàn tiến sâu vào thế giới Tha lực của đại nguyện thứ 18.

Đoạn văn *Pháp Nhĩ Tự Nhiên* này, là tư tưởng đã tròn đầy của tuổi lão niên 86 mà Thượng nhân Thân Loan viết ra. Vào năm 88 tuổi, Thượng nhân sửa chữa lại, sau khi đem vào *Tam Thiếp Hòa Tán* thì trở thành phần Tổng kết. Ấy thế, đoạn văn này cũng có thể gọi là tuyệt bút của Thượng nhân Thân Loan vậy.

Chương V

TRÍCH ĐIỂM CỐT YẾU BÀI TỰA

*AN LẠC TẬP YẾU NGHĨA*⁵¹

Nghĩa lý quyển sách này có bốn điểm chủ yếu: Thứ nhất, trình bày sự tương xứng giữa Giáo pháp và Thời đại; thứ hai, phân định hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ; thứ ba, trình bày xưng Danh hiệu là đúng Bốn nguyện; thứ tư, luận về hàng phàm phu vãng sanh Báo độ⁵².

V.1. Thứ nhất, trình bày sự tương xứng giữa Giáo pháp và thời đại.

Đối với một cá nhân muốn mau ra khỏi sanh tử trong đời này, muốn sớm chứng đạt quả vị Bồ-đề, thì hành giả thuyết giảng cho những đối tượng ấy phải

⁵¹ *An Lạc Tập Yếu Nghĩa*: Tác phẩm của Pháp sư Huệ Tịnh, giới thiệu các điểm cốt yếu của quyển *An Lạc Tập* do Đại sư Đạo Xước đời nhà Đường trước tác.

⁵² Điểm thứ tư, luận về hàng phàm phu vãng sanh Báo độ: Tại đây không thấy Ngài Huệ Tịnh trình bày.

lựa chọn *Giáo pháp* tu tập đúng với Thời đại; nghĩa là, nhất định phải tìm hiểu thật rõ *Căn cơ* tự thân đối tượng đang sống trong *Thời đại* nào, để pháp được giảng tương ứng với đối tượng. Mà, thời điểm Thiền sư Đạo Xước đản sanh (526 - 645TL) chính là khởi đầu *Thời Kỳ Mạt Pháp*. Chủ trương của quyển này là xác định *Giáo pháp* thích hợp với *Căn cơ* của *Thời Mạt Pháp*, đây là *Xưng danh niệm Phật, vãng sanh thế giới An lạc*. Ở Chương thứ nhất - *Giáo Tướng Chương* của phần Đại Môn thứ nhất quyển sách này, là phần trình bày việc mở cửa để thấy núi: “*Căn cứ Căn cơ hèn kém của Thời đại, khuyên họ trở về với Tịnh Độ*”. Qua đây, nhận thật rằng: *Nếu Giáo pháp khế hợp với Căn cơ thời đại thì dễ Tu dễ ngộ; nếu Giáo pháp trái ngược với Căn cơ thời đại thì khó Tu khó chứng ngộ*. Bởi lẽ, khi tu tập giáo lý nào, hẳn nhiên trước hết phải xem xét Giáo lý tu tập ấy có thích hợp với Căn cơ thời đại hay không; bên cạnh, cần trích dẫn lời Thế Tôn dạy trong kinh *Chánh Pháp Niệm Xứ* và kinh *Đại Tập Nguyệt Tạng* để chứng thật cho nhận định trên. Ý nghĩa ấy, trong kinh *Đại Tập Nguyệt Tạng* dạy rằng: “*Xét chúng sanh trong thời đại hiện nay, đang ở thời*

kỳ thứ 4 và thứ 5 của 500 năm kể từ thời đức Phật⁵³, chính là thời kỳ Tu phước, Sám hối và xưng niệm danh hiệu Phật (A-di-đà)”. Tóm lại, tùy theo Thời đại, tùy theo Căn cơ để lựa chọn Giáo pháp tu tập. Căn cứ vào lời đức Thế Tôn (Thánh ngôn lượng) đã xác minh rằng: “*Chúng sanh thời đại hiện nay cần tu tập pháp xưng danh Niệm Phật*”. Lại dạy: “*Nếu muốn ở trong thời đại này, tu tập chứng được thắng quả (quả giải thoát) thì khó đạt kết quả ấy*”. Điểm cốt lõi là, đang ở trong thời đại đầy đủ Năm thứ ô trước, tức thời Mạt pháp xa cách thời Phật quá lâu xa, nếu áp dụng giáo pháp Tam học, Lục độ thì rất khó tu, khó chứng; chỉ có nương vào sự cứu độ của đức Phật A-di-đà, tu tập giáo pháp Tịnh Độ để được vãng sanh Cực lạc, mới có thể đạt đến quả vị Bồ-đề. Cũng có nghĩa pháp môn Tịnh Độ mới là pháp môn của thời đại mà thế gian đầy đủ

⁵³ Thời kỳ thứ 4, thứ 5 của 500 năm: Chánh pháp hiện hữu trên đời từ thịnh đến suy trải qua 5 thời kỳ 500 năm: 1- Thời kỳ 500 năm đầu: Học Tuệ Kiên cố; 2- Thời kỳ 500 năm thứ 2: Học Định Kiên cố; 3- Thời kỳ 500 năm thứ 3: Đa văn, Đọc tụng Kiên cố; 4- Thời kỳ 500 năm thứ 4: Tạo lập Chùa Tháp, Tu phước, Sám hối Kiên cố; 5- Thời kỳ 500 năm thứ 5: Những pháp tu khác ẩn mất, chỉ còn pháp Niệm Phật.

Năm thứ ô trước, những căn cơ suốt đời tạo ác vẫn có thể thực hiện con đường thành Phật, ấy là “*Giáo pháp tương xứng với Căn cơ Thời đại*” vậy.

V.2. Thứ hai, phân định hai môn Thánh đạo và Tịnh độ.

Tùy theo sự lợi ích hay không lợi ích của *Thời đại*, và thực hiện được hay không thực hiện được của *Căn cơ* con người, để tư duy chọn lựa *Giáo pháp* tương xứng; qua đây, đem giáo pháp đức Phật thuyết giảng trong 49 năm phân thành hai loại là Thánh Đạo môn và Tịnh Độ môn. *Thánh Đạo môn* là dựa vào sức mạnh của Tự thân, để ngay trên cõi Ta-bà này tu tập Lục độ vạn hạnh nhằm đoạn trừ lậu hoặc, chứng ngộ chân lý, hội nhập Thánh quả. *Tịnh Độ môn* là nương vào Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà để tu tập cầu vãng sanh Tịnh Độ, khi ở tại Cực lạc sẽ tu tập đoạn trừ lậu hoặc, chứng ngộ chân lý, hội nhập quả vị Bồ-đề.

Sở dĩ có tư tưởng về hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ này, là do nương vào sự phân định Nhị đạo (Hai hướng tu) là Nan hành (Tu khó), Dị hành (Tu dễ) của Bồ-tát Long Thọ xưa kia, và dựa vào lý luận về Hai

năng lực là Tự lực, Tha lực của Tổ sư Đàm Loan gần đây để hình thành. Bồ-tát Long Thọ đem tất cả giáo pháp đức Thích Tôn đã thuyết giảng, hệ thống thành Nhị đạo là Tu khó và Tu dễ; đồng thời, trình bày rõ ràng, pháp Tu khó là sự tu tập hoàn toàn dựa vào Tự lực, giống như đi bộ thì rất khổ nhọc, nội dung pháp tu này là *“Tu nhiều pháp, thời gian dài lâu mới chứng đạo, dễ bị đạo lạc”* (Chư, Cữu, Đạo). Trái lại, pháp Tu dễ là sự tu tập hoàn toàn dựa vào sự cứu độ của đức Phật A-di-đà, giống như đi thuyền thì rất thỏa mái, nội dung pháp tu này là: *“Chỉ tu một pháp, sớm thành đạo quả, nhất định giải thoát”* (Nhất, Tốc, Tật). Tổ sư Đàm Loan giải thích rõ ràng, sở dĩ Tu khó vì toàn dựa vào Tự lực, sở dĩ Tu dễ vì toàn dựa vào Tha lực. Giờ đây, Thiền sư Đạo Xước kế thừa tư tưởng hai vị Tổ sư ấy, và dựa trên tính chất thời đại, tính chất căn cơ con người, với nhiều trích dẫn làm chứng cứ từ Kinh Luận, đề quy kết Giáo pháp đức Thế Tôn đã dạy thành hai pháp Tu khó, Tu dễ, bởi dựa vào hai năng lực là Tự lực, Tha lực theo tập tính; do đây, mà hệ thống thành hai pháp môn là Thánh Đạo môn và Tịnh Độ môn vậy.

Thiền sư Đạo Xước thành lập hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ, mục đích là hướng dẫn và khích lệ đại chúng hãy buông xả sự tu tập theo Thánh Đạo môn trở về tu Tịnh Độ môn, nương theo sự cứu độ của đức Phật A-di-đà. Trọng tâm quyển này là ở Chương ba “*Phân định hai môn Thánh Đạo và Tịnh Độ*” của phần Đại Môn thứ ba, đoạn văn ấy viết: “*Giáo nghĩa Thánh Đạo môn ấy, bây giờ tu tập rất khó chứng đạt đạo quả: Lý do thứ nhất, vì xa cách thời đức Phật quá dài lâu; lý do thứ hai, vì nghĩa lý (Lý) uyên thâm, hiểu biết (Giải) yếu kém*”. Do thế, nên kinh Đại Tập Nguyệt Tạng bảo: “*Trong thời Mạt pháp, hàng trăm ngàn người tu tập, không có một người chứng đạo*”. Thời đại hiện tại chính là thời Mạt pháp, trong đời hiện đủ Năm thứ ô trược xấu ác, chỉ duy nhất tu tập một pháp Tịnh Độ mới có thể chứng đạo; chính thế, Đại Kinh dạy: “*Vào thời vị lai, hết thấy Kinh pháp đều bị tận diệt... Ta sẽ đặc cách lưu lại Kinh này trong một trăm năm. Nếu chúng sanh nào gặp được Kinh này, tùy theo ước nguyện đều được vãng sanh*”. Tại đây, chủ yếu chỉ nêu lên Hai lý do, một chứng cứ (Hai lý do đã nói trên và một chứng cứ của Đại Kinh) để khẳng định giáo nghĩa Thánh Đạo Môn đã bế tắc, không thể tu tập được, vì không thể

thông suốt lộ trình chứng đạo cả mặt Sự lẫn mặt Lý; đồng thời, qua đây đưa đến kết luận minh bạch rằng, chỉ có *một pháp Tịnh Độ* mới có thể thông suốt lộ trình chứng đạo.

Chữ *Chỉ* (Duy) và chữ *Một* này có nghĩa là *Giản tri* và *Hiển thắng*, tức xác định rằng, chỉ tu một pháp Tịnh Độ là tu tập hết thấy giáo pháp (Tổng trì), chỉ tu một pháp Tịnh Độ là siêu việt hết thấy các pháp tu khác, chỉ có một pháp Tịnh Độ là không nhờ vào các phương tiện khác, không nương vào các duyên khác. Do đây, sau này mới có tư tưởng khẳng quyết mạnh mẽ bùng phát: “*Xả bỏ Thánh Đạo trở về Tịnh Độ*”; thế nên, trong *Chánh Tín Niệm Phật Kệ*, Thượng nhân Thân Loan viết: “*Đạo Xước xác quyết Thánh Đạo khó chứng, chỉ Tịnh Độ mới có thể chứng đạt*”.

Xét về vấn đề thứ nhất, vì “*Xa cách thời đức Phật quá dài lâu*” của hai lý do vừa nói trên; qua đây, có một số học giả dựa vào tính chất thời đại để xác định *Chánh pháp*, *Tượng pháp*, *Mạt pháp*. Tuy nhiên, đứng trên thực chất của con người để nói, thì: Nếu là người thượng căn, tri thức bén nhạy, dù sống trong thời Mạt pháp bây giờ cũng thành tựu được đạo quả như thời Chánh pháp; nếu là người hạ căn, kiến thức yếu kém

dù được sống trong thời Chánh pháp khi đức Phật tại thế, vẫn không thành tựu được đạo quả như thời Mạt pháp. Thế nên, ba thời Chánh Pháp - Tượng pháp - Mạt pháp là tùy theo căn cơ con người, chứ không do trước hay sau mang tính thời đại.

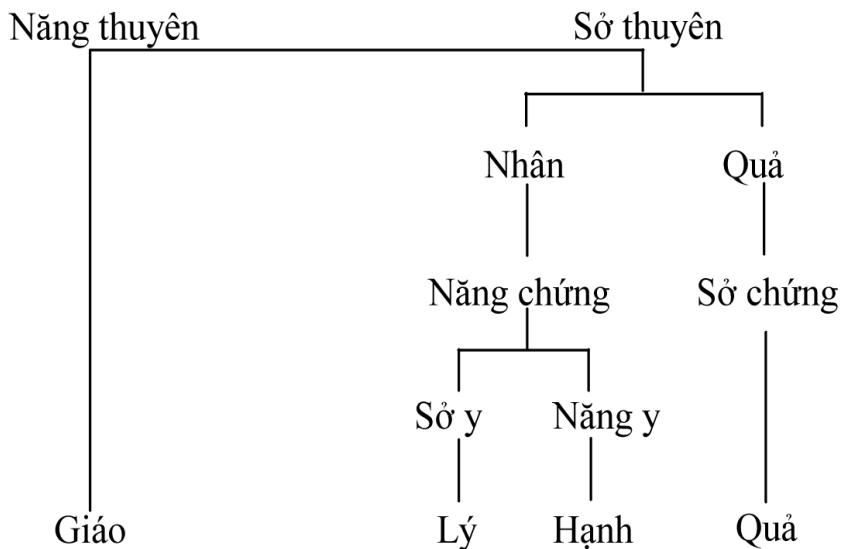
Dù thế, trên thực tế để nhận xét, giờ đây đã quá cách xa thời điểm đức Thế Tôn nhập diệt, phong thái của xã hội càng ngày càng suy thoái, sự giáo hóa của chư Tăng theo đó tuần tự yếu kém, người tu hành dù có tâm nhưng không có năng lực, sự chứng quả giải thoát rất xa vời chẳng có kỳ hạn; đây là hiện tượng chung của sự giáo dục bây giờ của Phật giáo. Mặt khác, trên phương diện vật chất để nhận xét, con người trong thời đại hiện nay, có thể sử dụng sản phẩm khoa học để một ngày đi trên ngàn dặm, nhưng để đoạn trừ lậu hoặc, chứng đạt đạo lý thì mỗi ngày mỗi suy mòn, ấy là sự thật của giai đoạn hiện tại không thể không tin. Chính thế, bậc Đại Thánh Thế Tôn đã báo trước: *“Trong thời Mạt pháp không có một người chứng đạo”*. Qua đây, *Giáo pháp cần được tương xứng với Căn cơ Thời đại* mang tính chất rất trọng yếu, giống như tương xứng giữa Bệnh và Thuốc, nghĩa là *Thuốc không có tốt xấu, trị Bệnh lành là Thuốc hay; Phật pháp không có cao*

thấp, thích ứng Căn cơ là Diệu pháp. Một người tu tập có đạo tâm thì không nên tự khinh chê mình, có Trí tuệ thì có thể lựa chọn pháp môn để tu, như Thiền sư Đạo Xước căn cứ vào lời dạy của đức Thế Tôn mà khẳng định rằng: “*Thời đại ô trược Mạt pháp, chỉ có độc nhất pháp môn Tịnh Độ mới có thể chứng đạt đạo quả.*” Lời tuyên bố này chính là vị thuốc cổ thơm *A-già-đà* chữa mọi bệnh tật cho chúng sanh, là tàu thuyền không sợ sóng gió vượt qua bể khổ mịt mờ.

Xét về vấn đề thứ hai, vì “*Nghĩa lý (Lý) uyên thâm, hiểu biết (Giải) yếu kém*” của hai lý do nói trên. Lý và Giải là hai từ đối nhau, *Giải* là Năng giải (Chủ thể hiểu biết), *Lý* là Sở giải (Đối tượng hiểu biết). Nội dung Thánh Đạo môn được hình thành do Bốn pháp là *Giáo - Lý - Hạnh - Quả*, *Giáo* (Giáo pháp) là Năng thuyết (Chủ thể thuyết giảng), *Lý* là Sở thuyết; vì *Giáo* do đức Thích Tôn thuyết giảng nên gọi là Năng thuyết, giáo pháp này biểu thị rõ cái *Lý* nên gọi là Sở thuyết. Như căn cứ vào *Kinh Pháp Hoa* để biểu thị rõ cái *Lý* của *Thật tướng các pháp (Chư pháp thật tướng)*, hay căn cứ vào *Kinh Hoa Nghiêm* để biểu thị rõ cái *Lý* của *Sự sự vô ngại*, hay căn cứ vào *Kinh Duy Ma* để biểu thị rõ cái *Lý Giải thoát bất nhị pháp môn bất tư nghị*

(*Bất tư nghị giải thoát bất nhị môn*), hoặc căn cứ vào *Kinh Niết Bàn* để biểu thị rõ cái *Lý Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật* (*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh*). Dem cái *Lý* này ứng dụng trong sinh hoạt ba Nghiệp Thân- Khẩu - Ý hiện tại của mình gọi là *Hạnh*. Vì vậy, *Lý* và *Hạnh* hình thành sự tương quan giữa *Năng y* (Chủ thể thực hiện) và *Sở y* (Đối tượng thực hiện), *Lý* là *Sở y*, *Hạnh* là *Năng y*, căn cứ *Hạnh* này mà chứng *Quả*. Vì vậy, *Hạnh* và *Quả* hình thành sự tương quan giữa *Năng chứng* và *Sở chứng*, *Hạnh* là *Năng chứng*, *Quả* là *Sở chứng*.

Sơ đồ biểu thị như sau:



Tuy nhiên, trong thời đại Mạt pháp, căn cơ con người rất xấu ác ô uế, nếu đem giáo nghĩa *Thật tướng các pháp* hay *Sự sự vô ngại*... của Thánh Đạo môn, để áp dụng vào ba Nghiệp của các hành giả trong cuộc sống hiện tại, thì chắc chắn không thể được, ấy là vì “*Nghĩa lý uyên thâm, hiểu biết yếu kém*”. Bởi lẽ, hạnh tu theo Thánh Đạo môn lấy *Trí giải* (Trí tuệ thấu triệt) làm chủ đạo, mà *Trí giải* này bao gồm cả *Hạnh Nghiệp*, vì “*Hiểu biết yếu kém*” thì *Tu tập thiếu sót* (Hạnh khuyết), mà tu tập thiếu sót thì *Không chứng quả*. Do đây, đức Phật mới bảo: “*Trong thời đại Mạt pháp, không có một người chứng đạo*”.

Bên cạnh, nội dung pháp môn Tha lực Tịnh Độ được hình thành do Bốn pháp là *Giáo - Hạnh - Tín - Chứng*. Ba Kinh Tịnh Độ chính là “Giáo”, giải thích rõ ràng ý nghĩa của *Hạnh* (Niệm danh hiệu theo Bốn nguyện), do nghe danh hiệu ấy mà khởi lên tâm niệm tin tưởng *Tín*, dựa vào niềm tin này mà *Chứng* (Quả vắng sanh Báo độ); tức là *Hạnh* và *Tín* không tách rời nhau, *Tín* và *Chứng* trực tiếp. Thế nên, sự khác biệt giữa Thánh Đạo môn và Tịnh Độ môn là sự đối nghĩa giữa Bốn pháp *Giáo - Lý - Hạnh - Quả* và Bốn pháp

Giáo - Hạnh - Tín - Chứng. Thánh Đạo môn căn cứ vào Lý để tu hành mà chứng quả; trái lại, Tịnh Độ môn là nghe danh hiệu (Hạnh) khởi lên niềm tin mà chứng quả. Thánh Đạo môn lấy cái Lý để tu hành làm tông chỉ; bên cạnh, Tịnh Độ môn lấy Hạnh tin tưởng vào “*Năng lực Bốn nguyện cứu độ của đức Phật A-di-đà*” làm tông chỉ.

Mọi người con Phật đều cùng học Phật pháp, đều cùng nhắm đến mục đích chứng quả, nhưng có sự khác nhau rằng, có pháp khó và khó nhọc, có pháp dễ và giản dị. Để đoạn trừ cái khó ấy, thì hãy bỏ khó lấy dễ, từ giả Tự lực trở về Tha lực, lìa xa Thánh Đạo môn hội nhập Tịnh Độ môn. Đây chính là mục đích của quyển sách này, vì thế mới bảo: “*Chỉ có một pháp Tịnh Độ mới có thể thông suốt lộ trình chứng đạo*”, hay bảo: “*Kinh điển đã dạy như thế, sao không bỏ khó lấy dễ để tu hành ư !*”.

V.3. Thứ ba, trình bày xưng Danh hiệu là đúng Bốn nguyện.

Tịnh Độ môn lấy “*Tin Bốn nguyện đức Phật làm tông chỉ*”, nguồn gốc điểm này xuất phát từ đại nguyện

thứ 18 của *Đại Kinh*, ý chính của nguyện ấy là trình bày niềm tin (Tín) và niệm Phật, cũng tức tin một niệm là Chánh nhân vãng sanh; đồng thời được lợi ích chứng quả Bất thối chuyển. Sau khi có niềm tin rồi, tùy theo thọ mạng ngắn hay dài mà niệm Phật, nếu ngắn thì *Cho đến mười niệm*, nếu dài thì *Cho đến trọn đời*. Điểm này cũng tương đồng với *Tiểu Kinh*⁵⁴, là sau khi *Nghe trình bày về kinh A-di-đà* nên phát tâm tin tưởng (Tín), rồi tùy theo thọ mạng ngắn - dài mà chấp trì danh hiệu đức Phật (Niệm Phật), nếu ngắn là niệm một ngày (tương đương mười niệm), nếu dài là niệm bảy ngày (tương đương trọn đời). Bởi thế, vấn đề vãng sanh nhất định là do Tín, mà khi tu tập (xưng danh hiệu) thì Tín ấy chính là tương tương tục. Cho nên, thực tại của Bốn nguyện nếu đứng trên lập trường Tín để nói thì sự tu tập (Hạnh) đã có mặt (Nhiếp) trong Tín; trái lại, nếu đứng trên lập trường Hạnh để nói thì Tín đã có mặt trong Hạnh.

Như vậy, Thiền sư Đạo Xước lấy việc *Xưng danh hiệu* để giải thích Bốn nguyện, trong Chương thứ ba “*Phân Định Hai Pháp Môn Thánh Đạo Và Tịnh Độ*” thuộc phần Đại Môn thứ ba của quyển sách này,

⁵⁴ *Tiểu Kinh*: Túc Kinh A-di-đà.

đã bảo: “*Đại Kinh dạy: Nếu chúng sanh nào, giả như suốt đời làm các việc độc ác, đến thời điểm lâm chung xưng niệm danh hiệu Con mười niệm liên tục, nếu không được vãng sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác*”. Điểm này, Thiền sư Đạo Xước đã xiển dương ngay trong giai đoạn Thánh Đạo môn hưng thịnh. Bấy giờ, đại đa số các bậc danh Tăng thạc đức đều chọn pháp Thiền quán làm pháp tu tập thù thắng. Thiền sư Đạo Xước quán sát và hiểu rõ căn cơ con người bấy giờ không còn thích ứng với giáo nghĩa Thánh Đạo môn, nên muốn hướng dẫn các hành giả thuộc Thánh Đạo môn trở về với Tịnh Độ môn, do đây mà Thiền sư đề xuất pháp Quán Phật trong *Quán Kinh* làm tông chỉ nhưng mật ý là đề xướng xưng danh niệm Phật, lấy Niệm Phật làm tông chỉ. Trong Chương thứ tư “*Tông Chỉ Bất Đồng*” thuộc phần Đại Môn thứ nhất của quyển sách này, đã bảo: “*Tại đây, Quán Kinh lấy Quán Phật tam-muội làm tông chỉ*”, sau đó lại hướng dẫn trở về với Niệm Phật tam-muội, nội dung hai từ *Niệm Phật* này, bao gồm cả hai ý nghĩa *Quán Phật* và *Xưng danh hiệu*. Đây chính là ý nghĩa *Niệm - Quán vị phân*” (Niệm Phật và Quán Phật chưa tách rời nhau),

hay *Niệm - Quán hiệp luận* (Luận chung cả Niệm Phật lẫn Quán Phật). Nghĩa lý này, một mặt được đệ tử xuất sắc của Ngài là Đại sư Thiện Đạo kế thừa; mặt khác, lại được Đại sư Thiện Đạo phân tích và xếp loại điều nào phế bỏ, điều nào xiển dương một cách minh bạch, tức là, trước hết ở Tiết thứ ba *Pháp tông chỉ* (Tông chỉ môn) về Bảy pháp giản dị thuộc quyền thứ nhất *Phần Nghĩa huyền diệu* (Huyền nghĩa phần) của *Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ*⁵⁵, Đại sư bảo: “*Hiện tại, nội dung Quán Kinh chọn Quán Phật tam-muội làm tông chỉ, cũng tức là chọn Niệm Phật tam-muội làm tông chỉ*”. Điều này gọi là *Hai tông chỉ Niệm Phật và Quán Phật* (Niệm - Quán lưỡng tông); tuy nhiên, đến thời điểm kết luận lại *Phế bỏ Quán Phật, xiển dương Niệm Phật* (Phế Quán lập Niệm) hay (Niệm – Quán phế lập), và chỉ độc nhất khẳng định: “*Niệm Phật là tông chỉ*”. Đây cũng là câu kết luận của Tiết thứ sáu *Phần Lưu thông* thuộc quyền thứ sáu *Ý nghĩa Tán thiện* của *Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ*, đã bảo rằng: “*Ở trước, dù có trình*

⁵⁵ *Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ: Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ* (*Quán Kinh Sớ*) của Đại sư Thiện Đạo có 4 quyển, nên gọi như thế. Ngoài ra, còn gọi là *Quang Minh Tứ Thiếp Sớ* hay *Chứng Định Sớ*.

bày về lợi ích của hai pháp Định thiện và Tán thiện, nhưng hướng về Bốn nguyện đức Phật A-di-đà, thì tâm ý chúng sanh chỉ thuần nhất xưng niệm danh hiệu của Ngài mà thôi”. Tóm lại, ở trước tùy theo tâm lý đại chúng nên phương tiện trình bày Hai tông chỉ là Niệm Phật và Quán Phật để dẫn dụ. Đến đây, chỉ độc nhất xiển dương tông chỉ đúng với Bốn nguyện, đó là Xưng niệm danh hiệu chính là tông chỉ. Qua đây, cho chúng ta thấy rõ chủ trương của hai Đại sư giống hệt nhau.

Một pháp môn dù thù thắng như thế nào, nhưng ứng dụng vào tu tập rất khó khăn, thậm chí không thể tu được, thì pháp môn đó đối với con người chẳng có lợi ích gì, huống chi Quán Phật thì khó, Tín đức Phật (A-di-đà) cứu độ mà niệm Phật là dễ; hơn nữa, Quán Phật chẳng phải hạnh tu đúng Bốn nguyện đức Phật A-di-đà, mà Xưng danh hiệu mới đúng Bốn nguyện đức Phật. Theo đây, phần Đại Môn thứ tư Các Kinh đều xiển dương Niệm Phật của sách này, đã nêu lên sự nhiếp lấy không dừng của Lợi ích đầu, và sau khi vãng sanh Tịnh Độ thường được thấy đức Phật A-di-đà của Lợi ích cuối cùng; đồng thời, xác định rằng, Niệm Phật mới có

hai lợi ích này, các pháp tu khác thì không thể có. Tại đây, biểu thị pháp Niệm Phật siêu việt hơn các pháp khác và khuyên rằng, nên buông bỏ các hạnh tu khác trở về xưng danh niệm Phật theo Bốn nguyện của đức Phật (A-di-đà). Thượng nhân Thân Loan dựa vào ý nghĩa này, phát biểu rằng: “*Vạn pháp Tự lực nên buông xuống, chuyên niệm hiệu viên mãn công đức*”.

Tóm lại, nội dung quyển sách này⁵⁶ có hai điểm đặc biệt: Thứ nhất, trích dẫn Kinh văn chọn lấy ý tưởng, tra cứu phân tích nhất quán nghĩa lý; thứ hai, luận chung cả Niệm Phật lẫn Quán Phật, chủ yếu là tùy theo tâm lý của đối tượng để dẫn dụ.⁵⁷

- Thứ nhất, trích dẫn Kinh văn chọn lấy ý tưởng, tra cứu phân tích nhất quán nghĩa lý.

Trong sách này, Thiền sư Đạo Xước đã hoan hỷ dẫn chứng rất nhiều đoạn văn trong các Kinh - Luật - Luận trên 50 bộ, sự trích dẫn này có một vấn đề; đó là, chưa hẳn căn cứ từng chữ từng câu được ghi chép trong Kinh -

⁵⁶ Quyển sách này: Túc quyển *An Lạc Tập*.

⁵⁷ Luận chung cả Niệm Phật lẫn Quán Phật, chủ yếu là tùy tâm lý của đối tượng để dẫn dụ. Tại đây, tác giả không trình bày về điểm thứ hai này.

Luật - Luận là không sai lầm, nên cần phải tra cứu rõ ràng khắp các Kinh - Luận, rồi gạn lọc các ý nghĩa ấy, sau đó mới tiếp nhận nhất quán nghĩa lý và ghi nhớ nghĩa lý ấy vào tâm khảm, đến ngày nào đủ duyên thì viết sách giới thiệu học thuyết của mình, cổ nhân lấy ý nghĩa vừa trình bày, gọi là *Trích dẫn Kinh văn chọn lấy ý tưởng* và *Tra cứu phân tích nhất quán nghĩa lý*.

Tuy nhiên, dù có những văn bản Kinh - Luật - Luận, song đại đa số là cổ văn rất khó đọc, nghĩa lý uyên áo sâu xa; lại rất nhiều quyển, nhiều phẩm quá dài, nhìn thấy mà phát sợ, trong đó không tránh khỏi văn tự khó diễn đạt hết lời nói, lời nói khó diễn đạt hết ý tưởng. Thêm nữa, hạng phàm phu không có Trí tuệ, khi đọc Kinh điển chẳng nắm được chỗ cốt lõi trọng yếu, nên sinh ra tâm lý khó đọc, khó hiểu, tệ hại hơn còn hiểu sai ý Kinh, ý Phật. Giờ đây, Thiền sư Đạo Xước là bậc học rộng uyên bác, tuệ nhãn cao xa, tìm tòi tra cứu mọi Kinh điển, chọn lấy các điểm tinh hoa, rồi đem những lời văn cao xa, nghĩa lý uyên áo, mào muội biên chép thành các câu văn dễ đọc dễ hiểu, giúp cho hạng phàm phu không có Trí tuệ như chúng ta (đã nói ở trước), có thể đọc qua là hiểu rõ ràng, ngộ nhập được diệu nghĩa chân thật. Có thể bảo, đây là

tác phẩm khế lý khế cơ, giúp cho cả hàng tào nhân lẫn tục tử đều được lợi ích. Với sự dụng tâm kham khổ như thế, đáng để mọi người kính ngưỡng tri ân.

Như *Đoạn văn biểu thị ý nghĩa Bốn nguyện* bảo: “*Đại Kinh dạy: Nếu chúng sanh nào, giả như suốt đời làm các việc độc ác, đến thời điểm lâm chung xưng niệm danh hiệu Con mười niệm liên tục, nếu không được vãng sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác*”. Sáu chữ “*Túng linh nhất sanh tạo ác*” (Giả như suốt đời làm các việc độc ác), mặc dầu trong *Đại Kinh* không có sáu chữ này, nhưng vẫn hàm ẩn ý nghĩa ấy, vì câu “*Chúng sanh trong mười phương*” (Thập phương chúng sanh) của Bốn nguyện (thứ 18) không biểu đạt rõ là loại chúng sanh nào. Thiền sư Đạo Xước hiểu sâu ý nghĩa này, nên nói là hạng căn cơ *Suốt đời làm các việc độc ác*. Bởi lẽ, tâm Đại bi của đức Phật A-di-đà luôn hướng về những chúng sanh trong khổ đau, tương tự như người bị nước trôi thì cần được cứu gấp, còn người ở trên bờ thì không đáng lo. Qua đây, chúng sanh ở khắp mười phương thì có bậc Thánh kẻ phàm, chọn hạng phàm phu là chính, bậc Thánh là phụ; trong hạng phàm phu lại có người thiện kẻ ác, chọn hạng ác là

chính, hạng thiện là phụ; trong hạng người ác có loại căn cơ may gặp được Phật pháp mà được cứu độ, chỉ độc nhất hạng căn cơ cho đến giờ phút lâm chung vẫn chưa gặp phương tiện nào cứu độ, thì chắc chắn sẽ đọa vào Địa ngục. Bởi thế, tâm Đại bi của đức Phật A-di-đà đặc biệt cứu độ hạng căn cơ độc ác mà đến giờ lâm chung vẫn chưa có pháp nào cứu, cho nên mới nói “*Đến thời điểm lâm chung*” (Lâm mạng chung thời); đồng thời, lấy hai chữ “*Túng linh*” (Giả như) để bao hàm căn cơ *Trộn đời làm việc thiện* (Nhất sanh hành thiện). Như thế, có bao nhiêu chúng sanh, trên từ hạng căn cơ thiện Đại thừa của bậc Thượng phẩm Thượng, dưới đến hạng căn cơ phạm tội ác Ngũ nghịch của bậc Hạ phẩm Hạ, đều không lọt ra ngoài Bốn nguyện. Nếu không có Thiên sư Đạo Xước trích dẫn Kinh văn, chọn lấy ý tưởng, thì thệ nguyện Đại bi của đức Phật A-di-đà sẽ bị ẩn khuất, không được giới thiệu thì thật đáng tiếc, mà hạng căn cơ tạo ác đến khi chết vẫn không có phương tiện hồi tâm. Giờ đây, Thiên sư Đạo Xước vì mọi người đòi sau, mà xiển dương minh bạch đại nguyện vương của đức Phật A-di-đà, để mọi căn cơ đều được cứu độ. Tóm lại, ý nghĩa thâm sâu của

Bốn nguyện là cứu độ hết thảy mọi căn cơ một cách bình đẳng, điều này khiến mọi người cảm động trước ân nghĩa cứu giúp của đức Phật.

Thêm nữa, cụm từ “*Cho đến mười niệm*” (Nãi chí thập niệm), người đương thời giải thích chữ Niệm là *Quán niệm*, *Ý niệm*, giải thích như thế là đánh mất ý nghĩa của pháp Tu để (Dị hành), bởi vì *Tu để* là bốn hoài của đức Phật A-di-đà; đồng thời, trái ngược với sự tu tập Bốn nguyện trải qua năm kiếp của đức Phật. Thiền sư Đạo Xước đã nghiên cứu điểm này và giải thích là “*Mười niệm liên tục xưng danh hiệu Tôi*”, tức giải thích chữ *Niệm* là xưng danh để làm rõ bốn ý của đức Phật A-di-đà, nhằm xiển dương triệt để pháp môn Tu để. Vấn đề này, Ngài căn cứ theo ý Kinh (*Đại Kinh*) mới dám xiển dương minh bạch như thế. Đến đời Đại sư Thiện Đạo, Sư xác định thẳng ý nghĩa chữ Niệm là “*Dưới đến mười tiếng xưng danh hiệu Tôi*”. Có thể bảo, sự giải thích của Đại sư Thiện Đạo là đã thông triệt tâm ý của Phật, minh bạch cả cổ kim.

Đặc biệt, hạng căn cơ với thọ mạng ngắn ngủi, khi lâm chung chỉ có thể niệm một ít là mười niệm mà vẫn được vãng sanh thì hạng căn cơ niệm Phật

dài lâu trong đời sống của mình, hẳn nhiên chắc chắn được vãng sanh. Qua đây, chúng ta hiểu: Khi hạng căn cơ độc ác lâm chung, tướng Địa ngục xuất hiện, ắt phải堕 vào Địa ngục Vô Gián, nhưng nhờ niệm Phật được mười niệm mà được vãng sanh, điều này hoàn toàn không phải khả năng của kẻ độc ác ấy. Vì rằng, người này suốt đời chỉ biết làm việc độc ác chẳng biết tu tập là gì, mà đây, chính là khả năng công đức Đại bi của Bốn nguyện đức Phật A-di-đà hiển thị, cứu vớt hạng căn cơ độc ác khi lâm chung được đi lên. Kẻ độc ác này nhờ niệm chút ít mười niệm mà hồi tâm tin tưởng, quy hướng về đức Phật, mong cầu được cứu độ vãng sanh. Trong trường hợp sự sống của người này chỉ còn một vài hơi thở, thì không thể niệm xong mười niệm, thế thì có thể niệm năm niệm, ba niệm, thậm chí cho đến một niệm vẫn được vãng sanh, như đoạn văn nói sự thành tựu của Bốn nguyện bảo: “*Cho đến một niệm liền được vãng sanh*”. Bởi lẽ, công đức vãng sanh là phát xuất từ năng lực Bốn nguyện cao vời của đức Phật A-di-đà, chứ không phải phát xuất từ bản thân hèn kém nhu nhược của kẻ phạm phu; thế nên, không cần đặt vấn

đề là căn cơ hiền thiện hay độc ác, chỉ cần niệm Phật thì đều được vãng sanh.

Vấn đề *Chỉ tinh chuyên niệm Phật* chẳng phải bài xích các pháp tu khác, mà là, muốn vãng sanh Tịnh Độ của đức Phật A-di-đà, thì không thể nương tựa vào năng lực của tự thân để tu tập. Nếu bàn về bốn phận giữ gìn trọn vẹn nhân luân, thì đóng cửa tà đạo, bảo trì sự thật, ăn chay, giữ gìn sát sanh, cứu giúp người nghèo khổ, bảo vệ kẻ yếu đuối; hoặc, tùy theo khả năng điều kiện của mình mà thực hành Năm giới, Mười điều thiện, Lục độ, ấy là tin sâu nhân quả; còn hành giả nguyện sanh Tịnh Độ Cực lạc là việc tâm linh của đương sự. Người muốn vãng sanh về thế giới ấy, trước tiên cần hiểu tổng quát đạo lý thiện ác của chúng sanh có sự nặng nhẹ, cao thấp khác nhau. Dù vậy, tâm Đại bi của đức Phật A-di-đà không phân biệt mà bình đẳng cứu độ cùng khắp.

Trong tâm con người, nếu có A-di-đà chính là sanh mạng, thì hẩn nhiên lấy tâm Phật làm tâm mình, lấy hành động Phật làm hành động của mình, hoan hỷ thực hiện mọi việc thiện, vui vẻ tha thứ lỗi lầm mọi người. Bởi vì, cảm nhận sự ưu ái bảo hộ chu đáo của

đức Phật A-di-đà đối với chúng ta, nên chúng ta cần phải thông cảm thương yêu bảo hộ người khác. Đức Phật A-di-đà rộng lòng tha thứ chúng ta, nên chúng ta phải thông cảm rộng lòng tha thứ người khác. Hơn nữa, vì chúng ta đã được đức Phật A-di-đà ban ân cho cõi Cực lạc trang nghiêm, vì chúng ta đã được nhận nợ nhiều đời nhiều kiếp mà đức Phật A-di-đà đền bù.

Con người, dù không thương yêu bảo hộ tha thứ cho người khác, vẫn được đức Phật A-di-đà thương yêu bảo hộ tha thứ. Con người, nếu một ngày nào đó nhận ra sự thương yêu bảo hộ tha thứ của đức Phật A-di-đà, thì hẳn nhiên phát khởi mạnh mẽ lòng thương yêu bảo hộ và tha thứ người khác. Trường hợp không phát khởi lòng thương yêu bảo hộ tha thứ người khác, thì trong tương lai sẽ nhận rõ sự thương yêu bảo hộ tha thứ của đức Phật A-di-đà. “*Xúc quang nhu nhuyển*” (Được ánh Từ quang soi chiếu thì sẽ thuận theo), ấy là sự thật của *Pháp nhĩ như thị* (Pháp vốn như vậy); thế nên, dù những căn cơ suốt đời làm các việc độc ác, nếu tin tưởng Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, thì sẽ được ánh hào quang chiếu soi bảo hộ và sẽ *Chuyển ác thành thiện*, đây là hiện tượng hẳn nhiên. (Trên sự thật để nói,

tội ác của kẻ phạm phu đang nằm trong vòng sanh tử, kẻ từ vô thi đến ngày nay, không tội ác nào không làm, không oán hận nào không buộc thắt! Đã mắc nợ mọi người không thể tính toán được, bởi lẽ, tự mình không tha thứ cho người khác và không thỉnh cầu người khác tha thứ cho mình). Nhưng, do có Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, Bốn nguyện ấy sẽ giúp cho mọi người an tâm, và hy vọng trở thành người lương thiện.

Tháng 07, Phật lịch 2542

Bốn nguyện sơn - Huệ Tịnh

Cẩn Chí.

Chương VI

CHỨNG CỨ VỀ LÝ

NIỆM PHẬT NHẤT ĐỊNH VÃNG SANH

VI.1. Kinh Vô Lượng Thọ.

1- Đức Như Lai với tâm Đại bi vô tận, xót thương hết thấy chúng sanh trong Tam giới mà hiện ra trong đời, để xiển dương đạo giáo một cách rộng lớn nhằm cứu vớt muôn loài, đem đến cho họ sự lợi ích chân thật (đoạn văn nói về bốn hoài đức Phật xuất thế).

2- Giả như Con được thành Phật, chúng sanh trong mười phương hết lòng tin tưởng ưa thích muốn sanh về thế giới của Con, cho đến niệm mười niệm, nếu không được vãng sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác, chỉ trừ kẻ phạm tội Ngũ nghịch hay phỉ báng Chánh pháp (Nguyện thứ 18).

3- Nếu chúng sanh nào nghe được danh hiệu đức Phật A-di-đà, khởi tâm hoan hỷ tin tưởng, cho đến niệm một niệm, chí tâm hồi hướng nguyện sanh về thế giới ấy, liền được vãng sanh chứng quả Bất thối chuyển, chỉ

trừ kẻ phạm tội Ngũ nghịch hay phỉ báng Chánh pháp (đoạn văn nói về thành tựu Nguyên thứ 18).

4- Những người được nghe danh hiệu đức Phật ấy, hoan hỷ mừng vui, cho đến niệm một niệm, nên biết người này được lợi ích lớn, ấy là đầy đủ công đức vô thượng (đoạn văn phú chúc cho Bồ-tát Di Lặc).

5- Vào thời vị lai, khi Kinh điển tận diệt, Ta vì từ bi thương xót (chúng sanh), đặc biệt lưu Kinh này trong một trăm năm. Nếu chúng sanh nào gặp được Kinh ấy, tùy theo sở nguyện đều được giải thoát (đoạn văn nói về đặc biệt lưu lại Kinh này).

6- Trải qua vĩnh kiếp hằng triệu năm không thể nghĩ bàn, gây dựng tích chứa vô lượng đức hạnh Bồ-tát, chuyên cầu pháp thanh tịnh để đem lợi ích đến cho chúng sanh. Dùng sự trang nghiêm rộng lớn đầy đủ mọi đức hạnh này, khiến hết thảy chúng sanh thành tựu mọi công đức.

7- Vì tất cả mọi loài, nguyện làm người bạn không mời, gánh vác mọi chúng sanh, lấy đây làm trách nhiệm trọng đại. Dùng cái pháp không mời mà bố thí cho mọi người, như người con đại hiếu, kính thương cha mẹ mình; đối với mọi chúng sanh xem như bản thân mình.

8- Đức Phật bảo: Tôi thương yêu chư Thiên, mọi người... còn hơn cha mẹ thương con cái.

9- Lực Bốn nguyện Phật ấy,
Nghe danh muốn vãng sanh,
Đều được đến cõi đó,
Tự chứng quả Bất thối.

10- Tiêu trừ Ba độc chướng,
Cứu khắp các ách nạn,
Đóng kín mọi nẻo ác,
Thông suốt mọi đường thiện.

11- Vì chúng sanh mở kho Pháp,
Thí khắp công đức quý báu.

12- Dù thế giới đầy lửa,
Cần vượt đến nghe Pháp,
Ngộ sẽ thành Phật quả,
Độ khắp chúng sanh tử.

13- Con thề khi thành Phật,
Thực hiện rộng nguyện này,
Hết thấy mọi lo sợ,
Đều biến thành an lạc.

14- Nay Tôi ở trong đời,
Sớm thành bậc Chánh giác,

*Nhỏ sạch mọi sanh tử,
Lấy cần khổ làm gốc.*

*15- Tôi sẽ thương mến,
Độ thoát hết thấy,
Chúng sanh mười phương,
Trong đời vị lai,
Giúp họ thanh tịnh.
Đã sanh nước Tôi,
Giải thoát an lạc.*

*16- Uy thần hào quang,
Tối tôn bậc nhất,
Hào quang chư Phật,
Không thể sánh bằng.*

*17- Bất cứ chúng sanh nào,
Nghe nghĩa lý Kinh này,
Đối với Đạo vô thượng,
Không bao giờ thối chuyển.*

VI.2. Kinh Hoa Nghiêm.

*1- Chúng sanh khổ não, Tôi khổ não,
Chúng sanh an lạc, Tôi an lạc.
Mọi chúng sanh Luân hồi khắp nẻo,*

*Sớm sanh nước Tôi hưởng an lạc.
 Thường đem lòng Từ cứu hữu tình,
 Độ tận chúng sanh khổ A-tỳ.*

2- Nếu Tôi thành Chánh giác,

*Đặt tên Vô Lượng Thọ,
 Chúng sanh nghe tên ấy,
 Đều sanh trong nước Tôi.
 Như thân Phật sắc vàng,
 Diệu tướng ắt viên mãn,
 Cũng đem đại Từ bi,
 Lợi ích mọi chúng sanh.*

3- Trong Ba đường ác dữ,

*Địa ngục, Quỷ, Súc sanh,
 Đều sanh về nước Tôi,
 Nhận pháp Tôi giáo hóa,
 Không lâu ắt thành Phật.*

VI.3. Kinh Đại Di-đà.⁵⁸

1- Chư Thiên, loài Người, các loại sâu bọ, côn

⁵⁸ Kinh Đại Di-đà: Tức Kinh Phật Thuyết A-di-đà, 2 quyển, Chi Khiêm đời Ngô dịch, cũng tức Kinh Phật Thuyết A-di-đà Tam Da Tam Phật Tát Lâu Phật Đản Quá Độ Nhân Đạo.

trùng, nghe danh hiệu của Tôi, không ai không khởi tâm Từ, hoan hỷ vui thích. Tôi sẽ giúp họ trong tương lai đều sanh về nước Tôi.

*2- Phật Di-đà là vua trong hàng chư Phật,
Hào quang Di-đà tối tôn trong các loại hào quang.*

*3- Nhanh chóng siêu việt đến,
Thế giới miền An lạc,
Đến chốn vô lượng hào quang,
Cúng dường vô số đức Phật.*

VI.4. Kinh Bình Đẳng Giác.

*Nhỏ sạch khổ của Người,
Gốc rễ là sanh tử,
Đều trở thành như Phật.*

VI.5. Như Lai Hội.

*Tâm mê hoặc không thể hành bố thí,
Cứu khắp kẻ hèn thoát mọi khổ đau,
Đem lợi ích thế gian khiến an lạc,
Chẳng trở thành bậc Pháp vương cứu thế.*

VI.6. Kinh Quán Vô Lượng Thọ.

1- Đức Phật Vô Lượng Thọ... hào quang của Ngài

soi chiếu khắp thế giới mười phương, để nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật không buông bỏ.

2- Tâm đức Phật là tâm đại Từ bi, lấy tâm Từ vô duyên mà nhiếp lấy mọi chúng sanh.

3- Vì ông xưng niệm danh hiệu đức Phật mà các tội chướng được tiêu diệt, Tôi đến để nghinh đón ông đây!

4- Chỉ tâm như thế, khiến âm thanh không gián đoạn, đầy đủ mười niệm xưng Nam mô A-di-đà Phật, vì xưng danh hiệu đức Phật mà trong mỗi niệm trừ diệt được tội chướng trong tám mươi ức kiếp sanh tử.

Khi thân mạng sắp kết thúc, thấy hoa sen vàng tròn như mặt trời hiện ra trước mắt, trong thời gian một niệm, liền được vãng sanh thế giới Cực lạc.

5- Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào chỉ nghe danh hiệu đức Phật (A-di-đà) và danh hiệu hai vị Bồ-tát (Quán Âm, Thế Chí), thì trừ diệt được tội chướng trong vô lượng kiếp sanh tử, huống gì là niệm tưởng.

6- Nếu chỉ tinh chuyên niệm Phật nên biết người này chính là hoa Phân-đà-lợi trong loài người. Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là bạn tối thắng của người đó. Người đó sẽ được sanh vào nhà chư Phật và an tọa tại đạo tràng (Liên trì).

VI.7. Kinh A-di-đà.

1- Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào nghe nói về đức Phật A-di-đà, rồi trì niệm danh hiệu Ngài hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày cho đến bảy ngày mà nhất tâm bất loạn, người này đến khi thân mạng sắp kết thúc, đức Phật A-di-đà cùng đại chúng sẽ xuất hiện trước mắt, làm cho tâm người này không điên đảo, liền được vãng sanh về thế giới Cực lạc của đức Phật A-di-đà.

2- Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào nghe được Kinh này rồi thọ trì; đồng thời, nghe được danh hiệu chư Phật, thì những Thiện nam tử, Thiện nữ nhân này, đều được hết thấy đức Phật hộ niệm, đều được địa vị Bất thối chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

3- Nếu người nào: Đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện muốn sanh về thế giới đức Phật A-di-đà, thì những người ấy đều được địa vị Bất thối chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; đồng thời, đối với thế giới đó, hoặc đã sanh, hoặc đang sanh hay sẽ sanh về.

VI.8. Kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ.

1- Nếu những Thiện nam tử, hoặc Thiện nữ nhân nào có lòng tin thanh tịnh, được nghe về công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn của đức Phật Vô Lượng Thọ, và công đức trang nghiêm của thế giới Cực lạc; nghe rồi, tư duy hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày cho đến bảy ngày mà buộc niệm không tán loạn thì những Thiện nam tử hoặc Thiện nữ nhân ấy, đến khi thân mạng sắp kết thúc, đức Phật Vô Lượng Thọ cùng vô lượng đệ tử hàng Thanh văn và đầy đủ chúng Bồ-tát từng vòng trước sau xuất hiện trước mắt những người ấy, Từ bi gia hộ làm cho tâm của họ không tán loạn. Sau khi xả bỏ thân mạng, liền đi theo đức Phật và đại chúng về cõi thanh tịnh Cực lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ.

2- Nếu Thiện nam tử hay Thiện nữ nhân nào hoặc đã được nghe, hoặc đang được nghe, hoặc sẽ được nghe; sau khi đã được nghe Kinh liền phát khởi niềm tin và hiểu rõ sâu sắc; sau khi phát khởi niềm tin và hiểu rõ sâu sắc hẵn nhiên thực hiện theo lời dạy ấy, thì những người này sẽ được chư Phật Thế Tôn nhiều như số cát của mười sông Hằng, trú ở các thế giới trong mười phương nhiếp thọ.

Sau khi thực hành theo như lời dạy, tất cả đều quyết định hướng về quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và đạt được địa vị Bất thối chuyển. Tất cả đều quyết định vãng sanh về thế giới Cực lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ.

3- Nếu Thiện nam tử hay Thiện nữ nhân nào, đối với thế giới Cực lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ, là cõi Phật thanh tịnh công đức trang nghiêm: Hoặc đã phát nguyện, hoặc đang phát nguyện, hoặc sẽ phát nguyện, hẳn nhiên thực hành theo lời dạy ấy, thì những người này sẽ được chư Phật Thế Tôn nhiều như số cát của mười sông Hằng, trú ở các thế giới trong mười phương nhiếp thọ.

Sau khi thực hành theo như lời dạy, tất cả đều quyết định hướng về quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và đạt được địa vị Bất thối chuyển. Tất cả đều quyết định vãng sanh về cõi thanh tịnh Cực lạc của đức Phật Vô Lượng Thọ.

4- Đối với tạp nhiễm này, đó là đối tượng mà mọi người phải chịu đựng trong thời kỳ thế giới xấu ác đầy đủ Năm thứ ô trược, nếu có những Thiện nam tử hoặc Thiện nữ nhân nào có niềm tin thanh tịnh, khi nghe

Kinh dạy như thế, là pháp cực kỳ khó tin trong những điều khó tin của thế gian, mà phát khởi niềm tin và hiểu, rồi thọ trì thuyết giảng, như lời dạy tu hành. Nên biết người này rất là hy hữu, đã từng gieo trồng thiện căn trải qua vô lượng thời đại đức Phật. Người này khi thân mạng kết thúc, nhất định sẽ vãng sanh về thế giới Cực lạc ở phương Tây.

VI.9. Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Phật Danh Hiệu Lợi Ích Đại Sự Nhân Duyên.

1- Hết thấy hữu tình trong thế giới khắp mười phương, ai nghe và tin công đức danh hiệu của đức Phật (A-di-đà), tức an trú vào địa vị Chánh định tụ và vãng sanh về cõi An lạc thanh tịnh của đức Phật.

2- Những kẻ đui điếc câm ngọng, ngu si điên dại độc ác, nhờ nhân duyên danh hiệu và hào quang của đức Phật chiếu soi mà được giải thoát.

Hoặc những chúng sanh đang ở trong Ba đường ác, luôn chịu khổ đau không ngừng nghỉ, nhờ nhân duyên danh hiệu và hào quang của đức Phật chiếu soi mà đều được giải thoát.

3- Nghe danh hiệu và hào quang của đức Phật,

hoặc tin tưởng thọ trì, hoặc xưng danh hiệu, liền trừ diệt được tội chướng trong vô lượng vô số kiếp sanh tử.

4- Xưng danh hiệu đức Phật ấy hoặc một tiếng, hoặc mười tiếng, cho đến trăm ngàn tiếng, thì trong mỗi niệm luôn có vô số hóa thân đức Vô Lượng Thọ thường bảo hộ người ấy. Đồng thời, có hai vị Bồ-tát là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, hai vị Bồ-tát này là bậc thượng thủ, cùng đầy đủ chư vị đại Bồ-tát thường bảo hộ. Người này sau khi lâm chung sẽ sanh về cõi An lạc thanh tịnh của đức Phật Vô Lượng Thọ ấy.

5- Giả sử hết thấy hữu tình bị quả báo sâu dày của Nghiệp dữ phiền não, thì thần lực danh hiệu và hào quang của đức Phật ấy vẫn không có gì trở ngại.

6- Nếu hữu tình nào có Chánh tín về Trí tuệ của đức Phật, tức thì an trú trong Chánh Định tuệ, không còn thoái chuyển đối với quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ấy là đại sự nhân duyên của lợi ích công đức không thể nghĩ bàn của danh hiệu vậy.

VI.10. Kinh Lăng Nghiêm - Chương Thế Chí Viên Thông.

Nếu tâm chúng sanh nghĩ đến Phật, niệm tưởng Phật, thì hiện tại hay tương lai nhất định thấy Phật.

VI.11. Phẩm Di Hành - Bồ-tát Long Thọ.

*1- Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà là thế này:
Nếu người nào niệm tưởng Tôi, tự trở về nương tựa
danh hiệu của Tôi, liền được địa vị Bất thối chuyển.*

*2- Người nào thường niệm Phật ấy, thì có vô lượng
năng lực công đức, liền được địa vị Bất thối chuyển,
nên Tôi thường nhớ nghĩ người ấy.*

*3- Phương Tây có thế giới hiền thiện, hiệu Phật
có vô lượng quang minh, thân phát hào quang Trí
tuệ sáng, chiếu khắp vô lượng vô biên cõi, người
nào nghe được danh hiệu, liền được địa vị Bất thối
chuyển.*

VI.12. Luận Vãng Sanh - Bồ-tát Thiên Thân.

*1- Thế Tôn! Con nhất tâm,
Quy mạng hết mười phương,
Như Lai Vô Ngại Quang,
Nguyện sanh cõi An lạc.*

*2- Con làm luận nói kệ,
Nguyện thấy Phật Di-đà,
Cùng hết thấy chúng sanh,
Vãng sanh cõi An lạc.*

VI.13. Vãng Sanh Luận Chú - Tổ Sư Đàm Loan.

1- “*Pháp dễ tu*” (Dị hành đạo): Nghĩa là, chỉ dựa vào nhân duyên tin Phật mà nguyện sanh Tịnh Độ, nhờ năng lực Bốn nguyện đức Phật mà được vãng sanh cõi Tịnh Độ thanh tịnh ấy. Giống như đường thủy, dùng thuyền để đi thì rất tiện lợi thoải mái.

2- Kinh dạy: Nếu người nào chỉ nghe tên Tịnh Độ An lạc, nguyện cầu vãng sanh thì vẫn được toại nguyện.

3- Hết thấy những người ngoại đạo, phàm phu đều được vãng sanh.

4- Chỉ cần không phỉ báng Chánh pháp, thì hết thấy mọi người đều được vãng sanh.

5- Ai nguyện vãng sanh thì đều được vãng sanh.

6- Danh hiệu đức Như Lai Vô Ngại Quang ấy, thường trừ diệt mọi vô minh cho chúng sanh, thường giúp chúng sanh thành tựu mọi chí nguyện.

7- Nếu xưng danh hiệu đức Phật thì được thành tựu ước nguyện.

8- Danh hiệu đức Như Lai ấy và danh xưng thế giới của Ngài, đều có thể ngăn chặn hết thấy điều ác.

9- Những kẻ phàm phu phiền não đã hình thành vẫn được vãng sanh Tịnh Độ ấy. Nghiệp trôi buộc trong

Tam giới rốt cuộc cũng không trói được. Như thế, chưa đoạn trừ phiền não mà vẫn có phần Niết bàn, không phải sự kiện khó nghĩ bàn ư!

10- Kinh dạy: “Nếu người nào chỉ nghe thế giới An lạc thanh tịnh ấy, liền khởi tâm nguyện sanh, thì vẫn được vãng sanh và an trú trong Chánh định tự.

11- Nếu người nào dù có vô lượng tội ác trong sanh tử, nghe danh hiệu đức Như Lai A-di-đà là đáng đã đạt đến địa vị Vô sanh cùng tốt, thanh tịnh như bảo châu; qua đây, thẩm thấu từng niệm vào tâm độc ác của người ấy, làm cho tội lỗi tiêu diệt, tâm thanh tịnh, liền được vãng sanh.

12- Chúng sanh vì kiêu mạn mà phỉ báng Chánh pháp, phê phán Thánh Hiền, khinh khi Tôn trưởng; những người này hẳn nhiên phải chịu cái khổ kéo lùi, cái khổ câm ngọng, cái khổ không thực hành lời giáo huấn, cái khổ không có tiếng tăm. Những chúng sanh đang chịu các nỗi khổ như thế, nghe thuyết pháp về công đức cùng tốt danh hiệu đức Như Lai A-di-đà, thì những Nghiệp khổ của miệng như trên đều được thoát khỏi, an trú nhà Như Lai, rốt cuộc Nghiệp khẩu được bình đẳng.

13- Nhờ vào duyên năng lực Bốn nguyện của đức Phật, mà chỉ niệm Phật mười niệm vẫn được vãng sanh.

14- Kinh dạy “Mười niệm” là xác minh “Sự Nghiệp đã thành tựu” vậy (Thập niệm Nghiệp thành).

15- Phàm những vị Bồ-tát, Trời, Người sanh về cõi Tịnh Độ ấy, thì có đạo hạnh cao thâm so với các pháp tu khác. Điều này là nhờ nhân duyên năng lực Bốn nguyện của đức Như Lai A-di-đà. Tại sao nói như thế? – Bởi lẽ, nếu không có năng lực Bốn mươi tám đại nguyện của đức Phật, thì sẽ không có kết quả tốt đẹp như vậy.

VI.14. Kệ Tán Phật A-di-đà.

- 1- Ai nghe công đức hiệu Di-đà,
Tin tưởng mừng vui đã được nghe,
Dù niệm một niệm tâm chí thành,
Hồi hướng nguyện sanh vẫn được sanh.
- 2- Ai nghe công đức hiệu Di-đà,
Ngưỡng mộ tán thán vui quy y,
Dù chỉ một niệm vẫn lợi lớn,
Là được tròn đầy công đức báu.
- 3- Dù Tam thiên thế giới đầy lửa,

*Cần vượt qua đến nghe hiệu Phật,
 Nghe hiệu Di-đà chứng Bất thoái,
 Vậy, chí tâm cúi đầu đảnh lễ.
 4- Cõi An lạc, ai muốn sanh về,
 Chẳng chi chương ngại, toại lòng trông.*

VI.15. An Lạc Tập – Thiên Sư Đạo Xước.

1- Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng dạy: “Trong thời Mạt pháp, ức ức người tu hành, khó có một người chứng đạo”.

Thời Mạt pháp bây giờ đang là thời ác dữ đầy đủ Năm thứ ô trược, chỉ có pháp tu Tịnh Độ mới có thể ra khỏi sanh tử. Chính thế, Đại Kinh dạy: “Giả như người nào suốt đời đã làm các việc ác độc, trong giờ phút lâm chung mà niệm danh hiệu Con mười niệm liên tục, nếu không được vãng sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác”.

2- Chư Phật Đại bi khuyên bảo chúng sanh trở về Tịnh Độ rằng:

Giả sử suốt đời làm các tội ác, chỉ cần buộc tâm ý tinh chuyên niệm Phật, thì tất cả tội chương ấy sẽ tiêu diệt và nhất định được vãng sanh.

3- Kinh Mục Liên Sở Vấn: “Ta trình bày về thế giới của đức Phật Vô Lượng Thọ là dễ để tiếp nhận, dễ vãng sanh”.

4- Tu tập vạn hạnh, nếu đem hồi hướng tất cả cũng không thể vãng sanh. Nhưng, chỉ một pháp Niệm Phật sẽ được đến Cực lạc.

5- Chúng sanh niệm Phật thì được hào quang đức Phật A-di-đà chiếu soi không dừng nghỉ, khi thọ mạng kết thúc ắt được vãng sanh.

6- Kinh Pháp Cỗ dạy: “Nếu người nào khi lâm chung không thể niệm Phật được, chỉ biết phương Tây có đức Phật (A-di-đà), rồi khởi lên ý niệm muốn vãng sanh cũng được vãng sanh”.

7- Kinh Thập Phương Tùy Nguyện Vãng Sanh dạy: “Nếu người nào sau khi lâm chung bị đọa Địa ngục, nếu thân nhân quyến thuộc vì hương linh ấy mà niệm Phật, tụng đọc Kinh điển, bố thí cúng dường thì hương linh ấy được thoát khỏi Địa ngục, vãng sanh Tịnh Độ; huống gì, khi còn sống, tự mình niệm Phật, thì làm sao không được vãng sanh ư!”

8- Nếu thường tác ý cầu nguyện vãng sanh phương Tây, trên niệm trọn đời, dưới chỉ mười niệm, không ai

không được vãng sanh. Khi đến cõi ấy liền an trú trong Chánh định tụ, sánh bằng công đức tu các pháp khác một vạn kiếp vậy.

VI.16. Pháp Ngũ - Đại Sư Thiện Đạo.

Tiết I:

1- Phần Lưu Thông – Quán Kinh dạy: Đức Phật bảo A Nan: “Thầy hãy khéo léo bảo trì lời căn dặn này, bảo trì lời căn dặn chính là bảo trì danh hiệu đức Phật Vô Lượng Thọ”.

Trong Quán Kinh Sớ, Đại sư Thiện Đạo giải thích rằng: “Đức Phật bảo A Nan – Thầy hãy khéo léo bảo trì căn dặn này” kể đến những câu tiếp theo, chính là xác minh sự phú chúc bảo trì danh hiệu đức Phật A-di-đà mãi được lưu thông lâu xa trong tương lai.

Ở trên, khi trình bày về lợi ích của “Hai môn Định thiện và Tán thiện”, nhưng hướng vọng về Bốn nguyện đức Phật A-di-đà, thì tâm ý của chúng sanh chỉ “Thuần nhất chuyên niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà” mà thôi.

2- Gọi là Hoằng nguyện, như Đại Kinh dạy: “Hết thảy phàm phu dù thiện hay ác đều được vãng sanh, tất cả không phải là không nhờ vào Tăng

thượng duyên của năng lực đại nguyện đức Phật A-di-đà hay sao!”

3- Nếu chúng sanh nào được sanh về thế giới phương Tây của đức Phật Vô Lượng Thọ, đều nhờ vào Tăng thượng duyên của năng lực các đại nguyện đức Phật A-di-đà.

4- Đức Thế Tôn A-di-đà vốn đã phát thệ nguyện thâm trọng, dùng hào quang và danh hiệu của mình để nhiếp hóa mọi chúng sanh trong mười phương, mục đích giúp họ khởi tín tâm niệm Phật, trên là niệm Phật trọn đời, dưới cho đến niệm mười tiếng hay chỉ một tiếng, nhờ năng lực Bốn nguyện đức Phật nhằm để được vãng sanh.

5- Tâm Đại bi chư Phật đối với chúng sanh khổ đau, tâm ấy luôn thương xót nghiêng về những chúng sanh đang chìm đắm sâu nặng trong đau khổ, ấy là khuyến khích họ trở về với Tịnh Độ. Tương tự, như người đang bị nước trôi thì cần phải cứu gấp, còn người ở trên bờ thì đâu cần cứu vớt!

6- Hỏi: Đức Phật và thế giới ấy gọi là Pháp thân, Báo thân, Thường Tịch Quang độ và Báo độ, tức thực tại của “Pháp báo” cao diệu, hàng tiểu Thánh cũng

khó hội nhập, thì làm sao hàng phàm phu đầy Nghiệp chướng cấu uế mà được hội nhập?

Đáp: Thật sự những chúng sanh đầy Nghiệp chướng cấu uế thì rất khó hội nhập (Vãng sanh) nhưng nhờ nguyện lực của đức Phật làm Tăng thượng duyên, giúp hết thảy các căn cơ của Ngũ thừa⁵⁹ đều được hội nhập.

7- Hàng phàm phu nương vào năng lực đại nguyện của đức Phật, thì nhất định được vãng sanh.

8- Phát khởi tín tâm không nghi ngờ, nương nhờ năng lực đại nguyện đức Phật hẳn được vãng sanh.

9- Ban đầu không làm điều thiện, thì Địa ngục lửa đến nghinh đón; về sau, vì làm điều thiện mà đức Hóa Phật đến nghinh tiếp. Điều này đều là do năng lực đại nguyện của đức Phật A-di-đà vậy.

10- Nhờ năng lực đại nguyện của đức Phật, những kẻ phạm tội Ngũ nghịch, Thập ác, những tội ấy vẫn được tiêu diệt để vãng sanh. Những kẻ Nhất-xiển-đề phỉ báng Chánh pháp, nếu hồi tâm vẫn được vãng sanh.

11- Ngưỡng nhờ đức Thích-ca ở phương này chỉ

⁵⁹ Ngũ thừa: Năm thừa, gồm: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa.

bày, đức A-di-đà ở cõi kia đến nghinh đón. Đã được chỉ bày này, kêu gọi kia, há không đi hay sao!

12- Ngưỡng nhờ đức Thích-ca chỉ bày con đường quy hướng phương Tây, lại được nương nhờ tâm Đại bi mời gọi của đức A-di-đà, nay tin tưởng và thuận theo tâm ý của hai đức Từ Tôn, không nhìn lại hai sông Nước – Lửa, ý niệm này nối tiếp ý niệm kia liên tục, nương vào nguyện lực của đức Phật A-di-đà mà tu tập, đến khi lâm chung sẽ được vãng sanh về thế giới Cực lạc, diện kiến đức Phật, làm sao không hân hoan cùng tột!

13- Thứ nhất, thâm tín nhất định rằng: Bản thân hiện tại là kẻ phàm phu đang chứa đựng những tội ác sanh tử, từ vô thủy đến nay mãi bị chìm đắm, trôi lăn trong vòng sanh tử ấy, không có cơ hội thoát khỏi.

Thứ hai, thâm tín nhất định rằng: Bốn mươi tám đại nguyện của đức Phật A-di-đà luôn nhiếp thọ hết thảy chúng sanh nên không lo nghĩ không nghi ngờ, mà chỉ nương vào nguyện lực của Ngài thì nhất định được vãng sanh.

14- Thâm tâm chính là tín tâm chân thật: Tin hiểu bản thân là kẻ phàm phu đầy đủ phiền não, thiện căn

yếu kém, đang lưu chuyển trong ba cõi, không ra khỏi nhà lửa, nay tin hiểu Bốn thế nguyện rộng sâu của đức Phật A-di-đà, và xưng niệm danh hiệu cho đến mười tiếng, một tiếng v.v... thì nhất định được vãng sanh. Dù cho một niệm cũng không khởi nghi tâm, vì thế gọi là thâm tâm.

15- Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A-di -đà, dù đi - đứng - ngồi - nằm không kể thời tiết hiện tại quá khứ hay tương lai, niệm niệm không gián đoạn thì gọi là Chánh định Nghiệp, vì đúng với đại nguyện của đức Phật.

Tiết II:

1- Gọi là Nam mô: Chính là quy mạng, cũng là ý nghĩa phát nguyện hồi hướng; gọi là A-di-đà Phật: Chính là hạnh tu ấy (Niệm Phật). Vì do ý nghĩa này tất nhiên được vãng sanh.

2- Trong Bốn mươi tám đại nguyện, nguyện nào cũng nói: Nếu Con thành Phật, chúng sanh trong mười phương xưng niệm danh hiệu của Con, nguyện sanh về thế giới của Con, dưới đến mười niệm, nếu không được sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác.

3- Nếu Con thành Phật, chúng sanh trong mười phương nguyện sanh về thế giới của Con, xưng danh hiệu của Con, dưới đến mười tiếng, nương vào nguyện lực của Con, nếu không được sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác.

4- Nếu Con thành Phật, chúng sanh trong mười phương xưng niệm danh hiệu của Con, dưới đến mười tiếng, nếu không được sanh thì Con không giữ ngôi Chánh giác.

Hiện nay đức Phật ấy đã thành Phật tại thế giới ấy, qua đây chúng ta biết rằng, Bốn thế nguyện sâu rộng ấy không hư dối, nên chúng sanh nào xưng niệm danh hiệu hẵn nhiên được vãng sanh.

5- Nhất tâm tin tưởng, vui thích cầu nguyện vãng sanh, trên là trọn đời, dưới thấu vào mười niệm, nương nhờ nguyện lực của đức Phật, không ai là không được vãng sanh.

6- Chỉ thường xưng niệm trên là trọn đời, dưới đến mười niệm, nhờ nguyện lực của đức Phật, không ai là không được vãng sanh, vì thế gọi là dễ vậy.

7- Hết thấy phạm phu không kể tội phước trong hiện tại hay quá khứ nhiều hay ít, chỉ thường xưng niệm trên

là trọn một trăm năm, dưới đến bảy ngày hay một ngày, nhất tâm chuyên niệm danh hiệu đức Phật, thì nhất định vãng sanh, hẳn nhiên không có gì để nghi ngờ.

8- Nếu đức Phật còn tại thế hay sau khi đức Phật nhập diệt, hết thấy những phàm phu đã tạo tội ác, chỉ hồi tâm niệm Phật A-di-đà nguyện sanh Tịnh Độ, trên là trọn một trăm năm, dưới đến bảy ngày, một ngày, mười tiếng, ba tiếng hay chỉ một tiếng v.v... đến khi thân mạng kết thúc, đức Phật cùng Thánh chúng tự đến nghinh tiếp, liền được vãng sanh.

9- Trên là trọn đời, dưới đến một ngày, một thời, một niệm v.v... hoặc từ một niệm, mười niệm cho đến một thời, một ngày hay trọn đời. Đại ý: Một lần phát tâm cho đến về sau, thệ nguyện ấy đã thành tựu đối với sự vãng sanh, không bị thoái chuyển nữa, duy chỉ có thời hạn về Tịnh Độ sai khác mà thôi.

10- Thế nào gọi là Hộ Niệm? – Nếu có chúng sanh nào xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc bảy ngày hay một ngày, dưới đến mười tiếng cho đến một tiếng, một niệm v.v... hẳn nhiên được vãng sanh. Chứng minh sự thành tựu thực tại này, cho nên gọi là Kinh Hộ Niệm.

11- Chỉ nương theo công đức xưng danh niệm Phật, thì Tôi đến nghinh đón ông, không kể sự kiện được nghe Kinh điển. Nhưng, theo ý nguyện đức Phật: Chủ yếu là khuyến khích Chánh niệm xưng danh hiệu, đây là pháp tu để được vãng sanh nhanh chóng, không giống như tu tập theo Định thiện, Tán thiện là loại Tạp tu.

12- Các pháp tu khác dù là thiện pháp, nhưng so với pháp Niệm Phật tuyệt đối không thể sánh bằng. Chính thế, trong các Kinh, Kinh nào cũng tán thán rất nhiều về công năng niệm Phật. Như trong Bốn mươi tám đại nguyện trình bày ở kinh Vô Lượng Thọ, chỉ xác định chuyên niệm danh hiệu A-di-đà thì được vãng sanh. Lại như trong kinh A-di-đà, trình bày một ngày... bảy ngày chuyên niệm danh hiệu A-di-đà thì được vãng sanh. Lại nữa, vô số chư Phật trong mười phương đều chứng minh sự thành thật ấy là không hư dối. Hơn nữa, trong các đoạn văn nói về Định thiện, Tán thiện của Kinh này, cũng chỉ nêu lên chuyên niệm danh hiệu thì được vãng sanh.

Tiết III:

1- Miệng thường xưng niệm danh hiệu đức Phật, thì đức Phật nghe rõ tiếng niệm ấy; thân thường cung kính lễ lạy đức Phật, thì đức Phật thấy rõ sự lễ lạy ấy; ý thường nhớ nghĩ đến đức Phật, thì đức Phật biết rõ sự việc ấy. Tóm lại, chúng sanh luôn tưởng nhớ đức Phật, thì đức Phật cũng luôn tưởng nhớ chúng sanh. Ba Nghiệp Thân - Khẩu - Ý của hành giả và đức Phật không tách rời nhau, cho nên gọi là Thân duyên vậy.

2- Hào quang vô lượng của đức Phật ấy, chiếu khắp các thế giới mười phương không có gì trở ngại nhưng chỉ xem xét chiếu soi nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật không gián đoạn, cho nên gọi là A-di-đà.

3- Chúng sanh nào chỉ chuyên niệm Phật A-di-đà, thì ánh Tâm quang⁶⁰ của đức Phật ấy sẽ luôn soi chiếu nhiếp lấy người đó không gián đoạn. Ánh Tâm quang ấy không bao giờ soi chiếu nhiếp lấy các hành giả Tạp tu khác. Đây cũng là Tăng thượng duyên hộ niệm trong đời này vậy.

4- Hào quang đức Phật soi chiếu khắp nơi, nhưng chỉ soi chiếu nhiếp lấy những người niệm Phật.

⁶⁰ Tâm quang: Ánh hào quang từ tâm Từ bi của đức Phật chiếu soi.

5- Nếu ai xưng niệm danh hiệu Phật cầu vãng sanh, thường được Hằng hà sa số chư Phật trong sáu phương hộ niệm.

6- Người nào nhất tâm chuyên niệm Phật A-di-đà để nguyện vãng sanh, thì người ấy thường được Hằng hà sa số chư Phật trong sáu phương đến hộ niệm, chính thế mới gọi là Kinh Hộ Niệm.

Ý nghĩa của Kinh Hộ Niệm là không để cho các Thần - Quỷ ác dữ được thuận tiện, cũng không có những tai họa bất ngờ, bệnh tật bất ngờ, hay chết oan v.v... Tất cả mọi tai chướng hẳn nhiên biến mất, trừ niệm Phật không chí tâm.

7- Người nào chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, thì Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí thường ở bên cạnh bảo hộ, cũng như bạn thân tri thức vậy.

8- Kinh Thập Vãng Sanh dạy: Nếu chúng sanh nào xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà để nguyện cầu vãng sanh, thì đức Phật A-di-đà liền cử Hai mươi lăm vị Bồ-tát đến bảo hộ hành giả. Hành giả hoặc đi- đứng - nằm - ngồi, hoặc ngày hay đêm, bất cứ chỗ nào, bất cứ lúc nào cũng không để Thần - Quỷ ác dữ làm hại.

9- Lại như, kinh Quán Vô Lượng Thọ cũng dạy: Nếu người nào lễ lạy, xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà để nguyện cầu vãng sanh thế giới ấy, thì đức Phật A-di-đà liền cử vô số Hóa Phật, vô số Hóa Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đến hộ niệm hành giả; lại cùng Hai mươi lăm vị Bồ-tát (nói trên) v.v... bao quanh hành giả hằng trăm hằng ngàn vòng, cho dù hành giả đi-đứng-nằm-ngồi, bất cứ chỗ nào, lúc nào, ngày hay đêm, chư vị không bao giờ lìa xa hành giả. Giờ đây đã có sự lợi ích thù thắng làm bảo chứng, mong rằng quý vị hành giả, mỗi người nên thành thật chí tâm cầu nguyện vãng sanh.

10- Người nào xưng niệm Phật A-di-đà để cầu nguyện vãng sanh, thì đời này tuổi thọ sẽ được tăng thêm, không gặp tai họa của Cửu hoạn⁶¹ (Chín hoạn).

⁶¹ Cửu hoạn: Có 2 nghĩa. I: Chỉ 9 nguyên nhân gây ra cái chết bất đắc kỳ tử. Đó là: 1- Không nên ăn mà cứ ăn, 2- Ăn quá lượng, 3- Ăn đồ lạ, 4- Ăn không tiêu, 5- Ăn đồ chưa chín, 6- Không giữ Giới, 7- Gần Ác tri thức, 8- Vào xóm làng không đúng giờ, 9- Đáng tránh mà không tránh (Kinh Cửu Hoạn). II: Chỉ 9 loại chết bất đắc kỳ tử. Đó là: 1- Đau không có thuốc, 2- Bị pháp vua tru diệt, 3- Bị loài phi nhân đoạt tinh khí, 4- Bị chết cháy, 5- Bị chết đuối, 6- Bị ác thú ăn thịt, 7- Bị té xuống núi, 8- Bị thuốc độc, bùa chú, 9- Chết đói (Kinh Dược Sư).

Tiết IV:

- 1- Bốn tám nguyện rộng có nhiều môn
Riêng nêu niệm Phật lắm thiết thân,
Ai hay niệm Phật, Phật ghi nhớ,
Ai chuyên tưởng Phật, Phật tri tường.
- 2- Cõi Cực lạc – Niết-bàn vô vi,
Khó vãng sanh với duyên Tap thiện,
Nên đức Như Lai chọn pháp gốc,
Dạy chuyên niệm hiệu Phật Di-đà.
- 3- Sắc thân Di-đà tựa vàng ròng,
Hào quang tướng hảo chiếu mười phương,
Riêng người niệm Phật được soi chiếu,
Nên biết Bốn nguyện rất hùng cường.
- 4- Tướng hảo nhiều đến Tám vạn tư,
Mỗi mỗi hào quang chiếu mười phương,
Không chiếu những ai tu pháp khác,
Chỉ chiếu người niệm Phật nguyện sanh.
- 5- Liên tục, mỗi mỗi hào quang chiếu,
Tìm chiếu người niệm Phật nguyện sanh,
So sánh cõi Phật khắp mười phương,
An thân Cực lạc đâu sánh bằng.

- 6- Bốn tám nguyện ân cần mời gọi,
Nương nguyện Phật cầu vãng phương Tây,
Không kể tội phước nhiều hay ít,
Thành tâm niệm Phật chớ sanh nghi.
- 7- Chớ nghĩ Di-đà đón hay không,
Mà hỏi chuyên tâm phát nguyện chẳng,
Nếu hồi tâm nhất định trở về,
Lâm chung hoa lọng tự đến nghinh.
- 8- Danh hiệu Di-đà là kiếm bén,
Một tiếng xưng niệm tội liền tiêu,
Báng Pháp, Xiển đề cùng Mười ác,
Hồi tâm niệm Phật tội đều trừ.
- 9- Tu các pháp thấy đều giải thoát,
Chẳng sánh niệm Phật vãng phương Tây,
Nhiều niệm trọn đời, ít mười niệm,
Năm niệm, ba niệm, Phật đến nghinh,
Thệ nguyện Di-đà thật sâu rộng,
Giúp ai có niệm ắt vãng sanh.
- 10- Chỉ cần chuyên tâm niệm hiệu Phật,
Mười người niệm Phật, mười người sanh,
Tạp tu chẳng chuyên tâm niệm Phật,
Trong ngàn người, không một người sanh.

VI.17. Pháp Ngữ - Đại Sư Ấn Quang.

Tiết I:

1. Pháp môn tu tập có hai loại sai khác:

- Nếu nương vào Tự lực để tu Giới – Định – Tuệ, đến sau cùng đoạn trừ lậu hoặc, chứng đạt chân lý, ra khỏi sanh tử, gọi là Pháp môn phổ thông (Thông đồ pháp môn).

- Nếu đầy đủ tín tâm chân thành, thệ nguyện thâm thiết, trì niệm danh hiệu Phật, nương nhờ vào Từ lực của đức Phật mà vãng sanh phương Tây, gọi là Pháp môn đặc biệt (Đặc biệt pháp môn).

2- Nương vào Tự lực gọi là Pháp môn phổ thông; nương vào Phật lực gọi là Pháp môn đặc biệt. Do thế, cần buông xả Tự lực chú trọng Phật lực, cầu mong mọi chúng sanh đầy tràn hoặc Nghiệp, đang sống trong cõi Ta-bà đều được vãng sanh về cõi Liên Trì.

3- Chúng ta nên biết, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt của một đời giáo hóa của đức Thế Tôn, không thể đem pháp môn phổ thông mà luận bàn được. Nếu không thông hiểu ý nghĩa này, mà đem nghĩa nương vào Tự lực của pháp môn phổ thông để

nghe ngờ sự lợi ích nương vào Tha lực của pháp môn đặc biệt, do đây mà không tin tưởng thọ trì, thì sẽ đánh mất lợi ích lớn lao của pháp Tịnh Độ. Đức Phật dạy, pháp tu Tịnh Độ là pháp khó tin chính là tại điểm này. Nếu không chấp thủ điểm trên thì ai lại không tin tưởng phụng hành!

4- Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp của đức Phật, lợi ích của pháp Tịnh Độ so với lợi ích của pháp môn phổ thông có sự sai khác rất lớn. Xưa nay rất nhiều vị căn cứ vào pháp môn phổ thông để luận bàn về pháp Tịnh Độ, do đây mà tự hiểu lầm và đem sự hiểu lầm ấy đến người khác, rồi tự cho là hoằng pháp lợi sanh. Lợi ích sự hoằng hóa này kém rất xa so với lợi ích của hoằng hóa pháp môn Tịnh Độ. Điểm sai lầm này do ban đầu không chịu quan sát sự Dễ và Khó, Lớn và Nhỏ giữa Phật lực và Tự lực, để nương nhờ pháp môn Phật lực; trái lại, ngang ngạnh nương vào pháp môn Tự lực để dẫn chứng bình luận, đưa đến đánh mất giá trị thiết thực của Tịnh Độ.

Chúng ta cần hiểu rằng, Phật lực thì không thể nghĩ bàn, không nên dùng khả năng tu trì của hàng

phàm phu đang bị trói buộc bởi lậu hoặc, mà bàn luận pháp Tịnh Độ, làm cho những kẻ nghi hoặc, không tin, chẳng được lợi ích gì cả.

5- Pháp môn Niệm Phật là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp của đức Phật. Nương vào Tha lực của đức Phật để có thể mang Nghiệp vãng sanh (Đời Nghiệp vãng sanh), (tức nói: Tại thế giới này, hành giả chưa hết hoặc Nghiệp, nên gọi là mang Nghiệp (Đời Nghiệp). Nếu vãng sanh về phương Tây rồi, thì không có Nghiệp nào tồn tại, nghĩa là không thể mang Nghiệp đến cõi phương Tây).

6- Pháp môn Tịnh Độ siêu việt hơn hết so với hết thảy pháp môn, đó là nhờ nương vào Phật lực. Các pháp môn ấy toàn bộ là nương vào Tự lực. Tự lực làm sao có thể cùng Phật lực bàn luận, so sánh được ư! Tu tập pháp môn Tịnh Độ này là tối quan trọng bậc nhất vậy.

7- Quý vị học giả cần hiểu rõ điểm cốt yếu: Nương vào Tự lực để tu tập, thì Tự mình có được bao nhiêu thứ Năng lực ? - Chỉ là mang Nghiệp lực từ vô thủy đến nay. Do vậy, trải qua hàng vạn vạn kiếp sinh sống, vẫn khó được giải thoát. Nếu nương vào năng lực đại thế

nguyện của đức Phật A-di-đà, thì hẳn nhiên một đời thành tựu quả vị giải thoát.

Thân người khó được, Phật pháp khó nghe, đã đến núi báu, thiết thực chớ để tay không trở về!

8- Chúng ta nên biết, Phật pháp có vô lượng pháp môn, nếu muốn với cái thân phàm phu đầy Nghiệp lực này, ngay trong đời này thoát khỏi sanh tử, thì một pháp Tín- Nguyện- Niệm Phật (Hạnh) cầu sanh phương Tây mà thôi. Ngoài ra, đức Phật không hề dạy một pháp tu thứ hai nào nữa.

9- Trên đời có nhiều người rất hiếu thắng, bất cứ việc gì cũng đề cập đến Tự lực. Họ lập luận: Từ khi sanh ra cho đến khi chết, không có việc gì là không nhờ vào khả năng con người. Nói như thế mà không biết xấu hổ! Tại sao vấn đề trọng đại của đời người là thoát khỏi sanh tử, mà vẫn không phát nguyện nương vào Phật lực? Mất hết lương tâm, điên rồ đến thế là cùng tột! Hành giả tông Tịnh Độ cần tỉnh giác đề phòng điểm này.

10- Phật pháp có vô lượng pháp môn, không kể pháp môn nào, dù Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều phải áp dụng Giới- Định- Tuệ để đoạn trừ Tham- Sân- Si,

khiến Ba Nghiệp của hành giả hoàn toàn thanh tịnh, mới có thể ra khỏi sanh tử. Điều này thật là rất khó như lên trời, chẳng phải hàng phàm phu đang bị hoặc Nghiệp trói buộc như chúng ta có thể hy vọng.

Nếu khởi tín tâm chân thật, phát nguyện thiết tha, niệm Phật cầu vãng sanh phương Tây, thì không kể công phu sâu cạn, công đức nhiều ít, đều có thể nương vào Từ lực của đức Phật mà vãng sanh phương Tây. Điều này, tương tự như đi tàu thủy qua biển, chỉ cần bước lên tàu là có thể đến bờ bên kia, đây là khả năng của tàu chứ chẳng phải năng lực của con người. Tín-Nguyện-Niệm Phật cũng thế, hoàn toàn là năng lực của đức Phật, chứ không phải khả năng của hành giả.

11- Nếu ai tin tưởng pháp môn Tịnh Độ do đức Phật dạy, rồi đem tín tâm chân thật, phát nguyện thiết tha, niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà cầu sanh phương Tây, không kể Nghiệp lực nặng hay Nghiệp lực nhẹ, đều có thể nương vào Tha lực của đức Phật mà được vãng sanh phương Tây.

Thí dụ, như một hạt cát ném xuống nước liền chìm, mà một tảng đá ngàn vạn cân bỏ vào tàu thủy thì không thể chìm, có thể đem đến chỗ nào tùy ý sử dụng. Tảng

đá là thí dụ cho hàng chúng sanh có Nghiệp lực sâu nặng, tàu thủy là thí dụ cho Tha lực rộng lớn của đức Phật A-di-đà.

12- Người học Phật trong thời Mạt pháp, cần phải chú ý hiểu Nhân Quả và Tịnh Độ. Vì hiểu Nhân Quả nên không dám khinh mình khinh người, làm những việc phi đạo đức, phi luân lý để lợi mình hại người. Tu Tịnh Độ thì hiểu rằng, tuy là kẻ phàm phu đang bị trôi buộc bởi mọi lậu hoặc, nhưng vẫn có thể nương tựa vào Tha lực của đức Phật, để được vãng sanh phương Tây.

13- Đức Phật xem chúng sanh như đứa con một. Nếu là con hiếu thuận hẳn nhiên thương yêu nuôi dạy; nếu là con nghịch dữ lại càng thương yêu gấp bội. Con nếu biết hồi tâm trở về với mẹ cha, thì mẹ cha ắt hẳn sẽ trải lòng Từ bao che nhiếp thọ. Đây là pháp tối thượng vi diệu của một đời giáo hóa của đức Phật, là con đường giải thoát trên từ bậc Thánh dưới đến phàm phu, là sự hành hóa thích ứng thấu triệt cả Chín giới⁶², là bốn hoài thông suốt cực điểm của đức Như Lai.

⁶² Chín giới (Cửu giới): Trừ cảnh giới chư Phật, còn lại Chín giới (Cửu giới), kể từ trên xuống, đó là cõi Bồ tát, Duyên giác, Thanh văn, Trời, Người, A-tu-la, Súc sanh, Ngạ quỷ và Địa ngục. Chín cõi này so với cõi Phật đều còn mê lầm hoặc ít hoặc nhiều.

14- Hành giả tu pháp Niệm Phật, dù chưa đoạn tận hoặc Nghiệp, nhưng nhờ nương vào Từ lực của đức Phật mà được vãng sanh phương Tây, thoát khỏi sanh tử. Điều này ví như Thái tử mới sanh ra, sự tôn quý của Thái tử vẫn vượt trội cả quần thần.

Khi được vãng sanh, hoặc Nghiệp của hành giả tự động đoạn diệt, nhất định được nhập vào quả vị Phật-đà; tương tự, như khi Thái tử lớn khôn, thừa kế lãnh đạo đất nước, đem lại an vui cho muôn dân.

Nếu đối với pháp môn Tịnh Độ này, mà phát khởi Tín-Nguyện đến cùng tốt và tinh chuyên tu tập (Niệm Phật), thì phiền não dù đến vô tận cũng dễ sớm đoạn trừ; đồng thời, vô lượng pháp môn tự động chứng ngộ. Đến khi hành giả viên mãn quả vị Phật-đà, sẽ độ thoát vô lượng vô biên chúng sanh. Nếu tu tập trái ngược với pháp môn Tịnh Độ, thì chỉ ôm giữ một quyển sách cổ xưa ấy vậy!

15- Trên đời có nhiều người ngu muội, kiến thức hẹp hòi yếu kém, nên cho rằng, công phu của mình quá bạc nhược, mà Nghiệp lực thì quá sâu dày, làm sao có thể vãng sanh được? Họ không hiểu rằng, Bản tánh của chúng sanh và chư Phật vốn là một (bất nhị),

chẳng hạn, những người phạm tội Ngũ nghịch, Thập ác chắc chắn sẽ đọa Địa ngục, mà gặp Thiện tri thức khuyến khích niệm Phật trong khi lâm chung, hoặc niệm đủ mười tiếng hay chỉ vài ba tiếng, thì vẫn được vãng sanh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ đã dạy như thế, há không tin sao? Những người như thế mà còn được vãng sanh, huống gì chúng ta dù đang mang Nghiệp xấu, công phu nông cạn, nhưng so với những người mang tội Ngũ nghịch, Thập ác, chỉ niệm Phật được mười tiếng hay vài ba tiếng, thì hẳn nhiên chúng ta đã vượt xa họ quá nhiều rồi vậy! Thế thì, tại sao chúng ta lại tự làm hại, tự đánh mất sự lợi ích vô thượng ấy!

Đức Như Lai gọi pháp môn này là pháp khó tin; bởi lẽ, tu tập rất dễ mà thành tựu rất cao, dụng công rất ít mà đạt hiệu quả rất nhanh. Đây là pháp Viên đốn, Trực tiếp, Quảng đại và Giản dị, siêu việt hết thấy giáo lý phổ thông mà một đời Thế Tôn đã thuyết giảng. Chẳng phải những người có Đại thiện căn, thì tuyệt đối khó tin tưởng tiếp nhận và phụng trì pháp này.

16- Một pháp Niệm Phật thấu triệt từ trên xuống dưới, là Quyền giáo, là Thật giáo, là Tiệm giáo, là Đốn giáo, không thể dựa vào những giáo lý tầm thường để

phê phán. Trên từ Đẳng giác Bồ-tát dưới đến chúng sanh Địa ngục A tỳ, đều cần phải tu tập. (Đây là ý nghĩa thấu triệt từ trên xuống dưới vậy).

Đức Như Lai vì chúng sanh mà dạy pháp Niệm Phật này, chỉ muốn giúp chúng sanh thoát khỏi sanh tử. Về những pháp môn khác, hạng thượng căn mới có thể tu tập; còn hạng hạ căn, tu tập rất nhiều kiếp vẫn khó thoát khỏi sanh tử. Chỉ duy nhất một pháp này, không kể là loại căn tánh nào, ngay trong đời này đều được vãng sanh phương Tây, thì việc sanh tử đã thoát khỏi. Vấn đề tu tập này vừa đơn giản vừa nhanh chóng như thế, tại sao có thể gọi là Tiệm giáo? Mặc dầu hành giả Tịnh Độ với những căn cơ thấp kém, tuy vậy không giống những căn cơ Viên giáo, Đốn giáo tầm thường. Pháp tu Tịnh Độ xem có vẻ là Tiệm giáo, nhưng uy lực của pháp môn này là nương vào thệ nguyện của đức Như Lai, khiến những căn cơ yếu kém sớm đạt được lợi ích lớn lao. Sự lợi ích vĩ đại này hoàn toàn là nhờ vào Từ lực của đức Phật vậy.

17- Phật pháp vốn có vô lượng pháp môn, nhưng pháp môn giúp cho hàng phàm phu yếu kém ngay trong đời này thoát khỏi sanh tử, thì chỉ có pháp Tín-Nguyện-

Niệm Phật cầu sanh phương Tây, ngoài ra, không có một pháp nào khác có thể đạt được nguyện vọng.

Trên đời có nhiều người thông minh mãi tiếp, lấy việc nghiên cứu Kinh Luận Đại Thừa làm tiêu chí cho mình, nhưng đối với pháp môn rất đơn giản, rất Viên đốn (Tịnh Độ), lại tìm hiểu quá nông cạn nên chẳng cần tu tập. Mặt khác, có thể hằng ngày thường chú ý đến lý tánh thâm diệu của Kinh Luận mà không tư duy nghiên cứu tường tận về Phật lực, do đây mà bỏ quên Phật lực, để dựa vào Tự lực, rồi tự phụ mình là kẻ thông thái, rốt cuộc chỉ là kẻ hữu danh vô thực. Trái lại, hạng hèn kém ngu phu ngu phụ chẳng có học tập, không có kiến thức mà vượt ngang Tam giới, ngồi tòa sen chín phẩm, còn những người thông thái tự mình lại tồn tại trong biển khổ sanh tử, mãi mãi trầm luân không thoát ra được, há không đau đớn ư! Đây là cái bệnh phổ thông của những người học Phật trên đời vậy.

18- Thệ nguyện Từ bi của đức Phật chính là vì những chúng sanh chưa đoạn diệt lậu hoặc, chưa có điều kiện thoát khỏi sanh tử, nên đặc cách thiết lập pháp môn Tịnh Độ riêng biệt, nương vào Từ lực của đức Phật, để được vãng sanh phương Tây, khiến cho

những kẻ phàm phu có duyên có thể tu tập, nếu người nào đầy đủ Tín- Nguyện- Niệm Phật thì được vãng sanh.

19- Chỉ có pháp môn Niệm Phật mới đầy đủ Tín chân thật, Nguyện thiết tha và Trì niệm danh hiệu Phật, tức có thể nương vào Từ lực của đức Phật để vãng sanh phương Tây. Khi đã được vãng sanh là an trú vào cảnh giới của đức Phật (A-di-đà), cùng thọ dụng mọi phương tiện như đức Phật. Tại đây, dù Thánh hay phàm đều là Vô sanh (không còn sanh tử). Đồng thời, hết thấy mọi sự đều an ổn thích đáng, là pháp môn đặc biệt không có một điểm sai sót. Hiện tại là thời Mạt pháp, không tu pháp môn này, thì chẳng có pháp khác để ra khỏi sanh tử.

20- Một pháp Niệm Phật cầu nguyện vãng sanh là con đường trọng yếu bậc nhất, để hết thấy chúng sanh sớm thoát khỏi sanh tử Luân hồi. Đây thật sự là pháp môn tối thượng mà hết thấy chư Phật nương tựa để sớm thành tựu quả vị Chánh giác, không nên dựa vào sự giản tiện, Tu dễ mà cho đây là pháp tu nhàn hạ.

21- Chúng ta muốn thoát khỏi sanh tử, thật sự không đòi hỏi phải có nhiều điều kiện, mà chỉ cần một pháp, đó là: Tín chân thật, Nguyện thiết tha và Niệm

Phật cầu sanh phương Tây là đủ rồi. Giả như người nào đọc hết Đại Tạng, thì bất quá làm được một việc là đọc xong Đại Tạng mà thôi.

22- Chỉ chủ yếu luôn Tin sâu, chỉ chủ yếu luôn Phát nguyện, chỉ chủ yếu luôn Niệm Phật thì không kể là hạng người nào, hết thấy đều có thể vãng sanh; thế nên, gọi là vạn người tu vạn người vãng sanh vậy.

23- Duy nhất một pháp Tịnh Độ là tu tập rất dễ dàng, thành tựu quả vị rất dễ dàng. Tu tập dễ mà thành công cao, dụng sức ít mà đạt kết quả nhanh.

24- Những người tu tập các pháp môn khác, như con kiến bò lên núi cao. Người niệm Phật cầu vãng sanh, như thuyền thuận buồm xuôi gió.

Tiết II:

1- Pháp môn Tịnh Độ, nếu tin tưởng thì đạt được kết quả, hạng người phạm tội Ngũ nghịch, Thập ác đều có thể vãng sanh.

2- Pháp môn Tịnh Độ, chỉ sợ không tin tưởng hay tin tưởng yếu kém, nếu tin tưởng thâm sâu thì mọi hạng người đều được vãng sanh.

3- Pháp môn Tịnh Độ, vừa rất cao thâm, vừa rất

bình dị trong giáo pháp của đức Phật, nếu là người không có đầy đủ thiện căn đời trước, thì thật khó phát khởi Chánh tín sâu sắc được.

4- Nếu thật sự không thích sống trên đời này, nếu có tâm tin tưởng Tịnh Độ một cách chắc thật, không một tơ tóc hoài nghi: thì dù chưa ra khỏi cõi Ta-bà cũng chỉ là khách ở tạm Ta-bà; chưa vãng sanh về Cực lạc cũng đã là khách quý của Cực lạc.

5- Đối với pháp Tịnh Độ, thường khởi tín tâm sâu xa, thì dù là kẻ phàm phu đầy đủ lậu hoặc, nhưng chủng tánh đã siêu việt hàng Nhị thừa⁶³, ví như Thái tử vừa chào đời, thì sự tôn quý của Thái tử đã vượt xa hàng quần thần.

Tiết III:

1- Đời sau được sanh lại làm người, so với lâm chung được vãng sanh, khó hơn nhiều. Không vãng sanh phương Tây, tương lai hẳn nhiên đọa vào đường ác. Lợi ích vãng sanh phương Tây so với lợi ích chứng đạo⁶⁴ lớn lao hơn nhiều.

⁶³ Nhị thừa: Thanh văn thừa và Duyên giác thừa.

⁶⁴ Chứng đạo: Những quả dưới quả vị Phật-đà.

2- Muốn lợi tha trước hết cần hoàn thiện tự lợi. Nếu tự mình chưa tu tập ra khỏi sanh tử, thì làm sao giúp chúng sanh ra khỏi sanh tử? Tự mình đang ở trong bể khổ chưa ra khỏi, thì làm sao cứu khắp những người đang ở trong bể khổ?

3- Cầu sanh phương Tây mới có thể hoằng pháp độ sanh, tùy duyên hóa độ tự tại vô ngại. Chỉ sợ không thành Phật, chứ đừng lo đức Phật không thuyết pháp độ chúng sanh, ví như Thần rồng chỉ một giọt nước là phun khắp cõi nước.

Tiết IV:

1. Bể khổ vô biên, hỏi đâu thì thấy bờ,
Cực lạc có đường, tin tưởng thì được sanh.
2. Nên tin tưởng cầu sanh, nhất định đời này được sanh;

Nên tin tưởng niệm Phật, sẽ được Từ bi nhiếp thọ.

3. Dù là bể ngọc núi vàng,
Không bằng tìm đến tu theo pháp này,
Dù là bái học Thiên sư,
Sao bằng quyết chí cầu về phương Tây.
4. Vô duyên Từ, Như Lai cứu độ,

*Độ khắp chúng sanh chính độ mình,
Chúng ta lạc lõng không chỗ tựa,
Không niệm Di-đà lại niệm ai!*

5. *Cần nên phát nguyện, nguyện vãng sanh,
Làm khách giang hồ chớ đắm say,
Tự thị không về, về sẽ được,
Gió trăng quê cũ chẳng ai tranh,*
6. *Chớ nghi một tiếng siêu Thập địa,
Nên biết Sáu chữ nhiếp Tam thừa.*

VI.18. Pháp Ngữ - Thượng Nhân Pháp Nhiên.

Tiết I: Đại ý tông Tịnh Độ.

Đại ý tông Tịnh Độ: Đại Kinh dạy: “Dù đến thời điểm Tam Bảo tận diệt, mười niệm cũng được vãng sanh”. Huống gì là được sanh trong giai đoạn Tam Bảo đang lưu hành, thì xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà sẽ được vãng sanh không có gì để nghi ngờ.

Đại ý tông Tịnh Độ: Thành lập hai môn là Thánh Đạo và Tịnh Độ để tóm thâu giáo pháp mà đức Thế Tôn đã giảng trong 49 năm.

- Thánh Đạo môn: Là pháp môn dùng Tự lực để đoạn diệt lậu hoặc thoát khỏi sanh tử, chứng đạo ở cõi

Ta-bà này; là pháp môn mà hàng phàm phu tu tập rất khó khăn.

- Tịnh Độ môn: Là pháp môn dùng Tha lực để đoạn diệt lậu hoặc vãng sanh Tịnh Độ, chứng đạo ở cõi Cực lạc; là pháp môn mà hàng phàm phu tu tập rất dễ dàng. Tại sao như vậy? – Vì danh hiệu là Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, đặc biệt đáp ứng hạnh nguyện của hàng phàm phu.

- Hành giả tu tập Thánh Đạo môn thì phải thành tựu rốt ráo Trí tuệ mới thoát khỏi sanh tử.

- Hành giả tu tập Tịnh Độ môn thì trở lại làm người ngu si để vãng sanh Cực lạc.

Tiết II: Đoạn văn thỉnh cầu 1.

Không thể bảo Niệm Phật là Quán Niệm, hay Niệm Phật là Niệm Tâm; vì rằng, vãng sanh Cực lạc chỉ do xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật mà không nghi ngờ, chỉ tư duy “Nhất định vãng sanh” mà xưng niệm, chứ không vì việc chi khác.

Nhưng mà, cái được gọi là nội dung của Ba Tâm, Bốn Tu đều chứa đựng trong sự Xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật và trong niệm tưởng Nhất định vãng sanh.

Nếu bên ngoài ý nghĩa này còn có sự tinh thâm khác, thì sự tinh thâm ấy nằm ngoài sự lân mẫn của hai đức Thế Tôn; đồng thời cũng nằm ngoài Bốn Nguyên.

Người muốn tin pháp Niệm Phật, giả như suốt đời học hỏi Phật pháp, cũng chỉ có được một số kiến thức mà chẳng hiểu gì. Đã là hạng người dốt nát thì đồng hạng với những người vô trí, chớ biểu hiện hình tướng người có trí mà chỉ thuần nhất niệm Phật.

Tiết III: Đoạn văn thỉnh cầu 2.

Tăng tục nên tư duy rằng: Bản thân ta chẳng có một chút tài năng nào, nếu không nhờ vào Bốn nguyên của đức Phật A-di-đà, thì chỉ là một kẻ hèn mọn, làm sao thành tựu đại sự vãng sanh được!

Kính ngưỡng Bi nguyện của đức Phật A-di-đà và xưng niệm danh hiệu Ngài, ấy chính là nương vào Bốn nguyên của đức Phật. Hết thấy pháp môn đều không thể vượt qua pháp môn ngưỡng mong đức Di-đà cứu độ. Ngoài pháp này ra, nếu nghĩ rằng có nhiều pháp thiện xảo hơn, thì đây là những người tâm đầy kiêu mạn.

Phàm gọi là nương tựa đức Phật A-di-đà, không phải quán tưởng về Ngài, mà chỉ xưng niệm danh hiệu,

ấy chính là nương tựa Bốn nguyện của đức Phật vậy.

Hành giả niệm Phật không thể dừng lại ở sự quán tưởng (Phật), mà một niệm khởi lên tức thì xưng niệm danh hiệu Phật.

Ngoài pháp xưng niệm danh hiệu Phật, thì không có một Chánh nhân nào nhất định được vãng sanh; ngoài pháp xưng niệm danh hiệu Phật, thì không có một Chánh hạnh nào nhất định được vãng sanh; ngoài pháp xưng niệm danh hiệu Phật, thì không có một Chánh Nghiệp nào nhất định được vãng sanh; ngoài pháp xưng niệm danh hiệu Phật, thì không có một Quán tưởng nào nhất định được vãng sanh; ngoài pháp xưng niệm danh hiệu Phật, thì không có một Trí tuệ nào nhất định được vãng sanh; ngoài pháp xưng niệm danh hiệu Phật, thì không có Ba tâm nào nhất định được vãng sanh; ngoài pháp xưng niệm danh hiệu Phật, thì không có Bốn tu nào nhất định được vãng sanh; ngoài pháp xưng niệm danh hiệu Phật, thì không có Năm niệm nào nhất định được vãng sanh.

Đức Phật A-di-đà chọn pháp xưng danh hiệu làm Bốn nguyện; đồng thời, ý nghĩa chán ghét cõi uế độ, yêu thích cõi Tịnh Độ cũng nằm trong quan điểm xưng

danh hiệu ấy. Vì xưa kia Bồ-tát Pháp Tạng đã phát khởi Bốn nguyện như thế, do vậy cần tin tưởng thần lực tự tại của đức Như Lai A-di-đà.

Ngoài pháp xưng niệm danh hiệu Phật này ra, nếu ai bảo rằng, vẫn hiện hữu một pháp thâm áo khác, thì đời này người ấy sẽ bị tất cả các vị Hộ pháp, Thiện thần Bát bộ trách phạt, đời sau sẽ không gặp được Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà và bị đọa vào Địa ngục Vô gián.

Tiết IV: Đoạn văn diễn bày Niệm Phật nhất định vãng sanh.

Bàn về Ba tâm, Bốn tu là để thành tựu sự thuần nhất tinh chuyên niệm danh hiệu Phật. Nếu đã thành tựu sự thuần nhất chuyên niệm rồi, thì không đề cập đến Ba tâm, Bốn tu nữa. Người niệm Phật đã thành tựu sự thuần nhất chuyên niệm rồi, thì chỉ niệm Phật liên tục không gián đoạn, cho đến khi lâm chung vãng sanh vậy.

Nhìn lại thân mình, nếu là thiện thì vui mừng được vãng sanh, đây là một loại tâm riêng biệt; nếu thân là ác thì lo nghĩ về đại sự vãng sanh, đây cũng là một loại tâm khác. Nếu không nghĩ gì là thiện hay ác mà chỉ

biết niệm Phật ắt hẳn vãng sanh, nên từ đây về sau lấy tuổi thọ làm thời hạn, để thuận nhất tinh chuyên xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật. Dù rằng tín tâm nông cạn, xưng niệm yếu kém, nhưng luôn nuôi dưỡng tư tưởng nhất định được vãng sanh. Nếu đại sự vãng sanh còn có tâm lý lo lắng, thì đây cũng là một loại tâm khác.

Chỉ căn cứ vào sự Niệm Phật để biết nhất định được vãng sanh hay không, chứ không thể căn cứ vào tâm lý, căn cứ vào thể nghiệm, căn cứ vào hiểu biết, căn cứ vào truyền thừa để quyết định việc vãng sanh.

Chỉ căn cứ vào tự thân của người niệm Phật để quyết định sự vãng sanh, các vấn đề như tâm lý, thể nghiệm, hiểu biết, truyền thừa, Thiện tri thức, Thiện hữu đồng tu, tông Tịnh Độ v.v... không bàn luận đến.

Đây chính là đáng Bốn Tôn, là hương lạ, là tử vân của chúng ta.

Sự thâm sâu uyên áo của Phật pháp chỉ là: Nam mô A-di-đà Phật vậy.

Tiết V: Một số thông tin.

- Chọn chúng sanh thời Mạt pháp làm đối tượng đương cơ (đối tượng chính) vãng sanh Cực lạc.

- Tu tập dù ít cũng không nên lo sợ. Một niệm, mười niệm cũng đã đủ.

- Người dù có tội cũng không nên lo sợ; không hiềm khích kẻ có tội, là người căn cơ thâm hậu.

- Thời Mạt pháp cũng không nên lo sợ, chúng sanh ở trong giai đoạn Phật pháp đoạn diệt cũng được vãng sanh, huống gì bây giờ.

- Bản thân dù độc ác cũng không nên lo sợ. Hòa thượng Thiện Đạo dạy: Bản thân kẻ phạm phu thì mang nhiều phiền não mà!

- Chúng sanh trong mười phương nguyện sanh về phương Tây, thì những người phạm tội Ngũ nghịch, Thập ác vẫn có thể được vãng sanh.

- Chúng sanh trong các thế giới chư Phật muốn trở về với đức Phật A-di-đà, cho dù chỉ niệm ba niệm, năm niệm thì đức Phật A-di-đà tự đến nghinh đón.

- Trong các hạnh tu Tịnh Độ, trì niệm danh hiệu Phật chính là Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà.

- Muốn được vãng sanh thì nương vào Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, nhưng chủ yếu là nhờ tín tâm sâu xa của hành giả.

- Được làm thân người là khó trong cái khó được,

Gặp Bốn nguyện là khó trong cái khó gặp,
 Phát đạo tâm là khó trong cái khó phát,
 Lìa Luân hồi là khó trong cái khó lìa,
 Sanh Tịnh Độ là khó trong cái khó sanh,
 Đây là niềm hoan hỷ trong những niềm hoan hỷ.

- Tin rằng: “Phạm tội Thập ác, Ngũ nghịch cũng có thể được vãng sanh” để không phạm phải những tội nhẹ. Người có tội còn được vãng sanh, huống gì là người thiện lương!

- Tin rằng: “Niệm Phật dù mười niệm, một niệm vẫn có kết quả (vãng sanh)” để tinh tấn niệm Phật không gián đoạn. Một niệm còn được vãng sanh, huống gì là niệm rất nhiều.

- Đức Phật A-di-đà đã thành tựu thệ nguyện “Không giữ ngôi Chánh giác” (nếu 48 Đại nguyện không có kết quả), hiện tại Ngài trú ở thế giới Cực lạc. Khi (những chúng sanh niệm Phật) lâm chung, thì nhất định Ngài đến nghinh đón.

- Đức Bốn Sư Thích Tôn cũng xác định rằng, hiểu rõ và “Tu tập theo lời dạy của Ta thì được thoát khỏi sanh tử”. Chư Phật trong sáu phương cũng hoan hỷ xác minh rằng, “Ai tin tưởng sự chứng thật của chư Phật, thì được vãng sanh Tịnh Độ, chứng quả Bất thối”.

- Nhìn lên trời cúi xuống đất mà hoan hỷ: Nay đã gặp được Bốn nguyên đức Phật A-di-đà cứu độ. Đi - đứng - nằm - ngồi cũng loan tin: Ân đức cứu độ của đức Phật A-di-đà.

- Nương nhờ mà rất nương nhờ: Là câu nói “Cho đến chỉ niệm mười niệm”. Tin tưởng mà lại rất tin tưởng: Là đoạn văn bảo “Tất nhiên được vãng sanh”.

Tiết VI: Pháp Mười niệm trọng yếu.

Không cần để ý đến vọng niệm này nọ, không cần để ý đến tâm tán loạn không thanh tịnh, mà chỉ chuyên cần xưng niệm danh hiệu Phật. Nếu thường xưng niệm danh hiệu thì nhờ công đức của danh hiệu Phật mà vọng niệm tự dừng, tán loạn tự an. Ba Nghiệp Thân-Khẩu-Ý tự điều hòa, tâm nguyện tự phát. Do thế:

- Khi tâm nguyện sanh yếu cũng Nam mô A-di-đà Phật.
- Khi tâm tán loạn nhiều cũng Nam mô A-di-đà Phật.
- Khi vọng niệm sanh khởi cũng Nam mô A-di-đà Phật.
- Khi thiện tâm phát khởi cũng Nam mô A-di-đà Phật.
- Khi tâm bất tịnh cũng Nam mô A-di-đà Phật.
- Khi tâm thanh tịnh cũng Nam mô A-di-đà Phật.
- Khi Ba tâm còn yếu kém cũng Nam mô A-di-đà Phật.

- Khi Ba tâm đã đầy đủ cũng Nam mô A-di-đà Phật.
- Khi Ba tâm hiện khởi cũng Nam mô A-di-đà Phật.
- Khi Ba tâm thành tựu cũng Nam mô A-di-đà Phật.

Đây là những phương tiện để nhất định được vãng sanh, mong hành giả ghi khắc vào tâm can, xin chớ lãng quên.

Tiết VII: Pháp ngữ Niệm Phật.

1- Chánh định Nghiệp chính là xưng niệm danh hiệu đức Phật, xưng danh hiệu ắt được vãng sanh, vì nương vào Bốn nguyện của đức Phật.

2- Thượng nhân Pháp Nhiên thường nói với đồ chúng: “Đức Phật bảo A Nan: Thầy hãy khéo léo bảo trì lời căn dặn này, bảo trì lời căn dặn chính là bảo trì danh hiệu đức Phật Vô Lượng Thọ”. Và bảo tiếp: “Nghe danh hiệu đức Phật mà không tin thì giống như không nghe, dù tin mà không xưng niệm thì giống như không tin. Do thế, chỉ cần xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà là đủ”. Lại bảo: “Phẩm Huyền Nghĩa trình bày về hai môn Định thiện và Tán thiện rằng, Định thiện là đình chỉ sự lo nghĩ, vọng động của tâm; Tán thiện là buông bỏ điều ác, thực hiện điều lành”.

Lại bảo: “Hoằng nguyện như Đại kinh dạy: Hết thấy phàm phu dù thiện hay ác đều được vãng sanh, điều này không ai là không nhờ vào năng lực đại nguyện của đức Phật A-di-đà làm Tăng thượng duyên”.

Vấn đề này, Hòa thượng Thiện Đạo giải thích rằng: Chẳng phải nhờ vào Định thiện, Tán thiện mà được vãng sanh, mà hoàn toàn nhờ vào Hoằng nguyện của đức Phật A-di-đà.

3- Hòa thượng Thiện Đạo giải thích đại nguyện thứ 18 rằng: “Thuần nhất tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, thì sẽ được vãng sanh.”

4- Đến bài kiến Hòa thượng Thiện Đạo để xin Ngài giải thích. Sau khi nghe hiểu, Pháp Nhiên đã ngộ rằng, Ba tâm, Bốn tu, Năm niệm đều hiện hữu trong một câu Nam mô A-di-đà Phật.

5- Tôi không phải là kẻ trượng phu. Pháp Nhiên là kẻ Thập ác. Pháp Nhiên là kẻ ngu si, chỉ biết niệm Phật cầu nguyện vãng sanh.

Tôi không phải là Pháp Nhiên, như một đồng tử không phân biệt được trắng đen, như một kẻ ngu si không phân biệt được phải trái, chỉ biết niệm Phật và tin tưởng được vãng sanh.

Đức Phật A-di-đà khuyên chúng sanh niệm Phật, thì nhất định đến nghinh đón. Đức Phật Thích-ca khuyên chúng sanh niệm Phật, thì nhất định vãng sanh. Tôi chỉ tin tưởng điều này, còn tất cả các điều khác hoàn toàn không tin.

6- Pháp Nhiên đem trí đức giáo hóa người thì không đủ sức, chùa Pháp Tánh không có Phật A-di-đà, ấy là nơi các bậc đại Tiền bối niệm Phật giáo hóa cùng khắp. Nếu tôi tái sanh làm người thì nguyện được làm người đại ngu si, để trở thành một người siêng năng tinh chuyên niệm Phật.

7- Trên đời vốn có đạo lý “Pháp vốn như vậy” (Pháp nhĩ): Như hơi lửa thì bốc lên không trung, trong trái cây thì có chua, có ngọt v.v..., đây đều là đạo lý “Pháp vốn như vậy”.

Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, ấy là thế nguyện dùng danh hiệu của mình để hướng dẫn, dìu dắt những chúng sanh tội ác. Họ chỉ thuần nhất niệm Phật thì được Phật đến nghinh đón, đây là đạo lý “Pháp vốn như vậy”, không có thể ngờ vực.

8- Tuy nhiên, dù nghi ngờ mà vẫn niệm Phật, thì cũng được vãng sanh. (Có nghi ngờ thì ít niệm Phật, nhưng vẫn được vãng sanh).

9- Pháp môn Niệm Phật dù có rất nhiều nghĩa lý, nhưng chỉ xưng niệm Sáu chữ, thì hết thấy nghĩa lý ấy đều bao gồm trong đó.

10- Không hiểu nghĩa lý của tông Tịnh Độ, chưa đọc Kinh của tông Tịnh Độ, thậm chí không biết chữ cũng không có gì chướng ngại, chỉ cần dựa vào việc tinh chuyên xưng niệm danh hiệu đức Phật, thì nhất định được vãng sanh.

11- Người niệm Phật không cần tìm hiểu nghĩa lý thậm thâm của tông Tịnh Độ, mà chỉ cần hiểu “Niệm Phật thì nhất định được vãng sanh” mà thôi.

12- Chỉ biết rằng: “Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà là không hư dối, hễ xưng niệm danh hiệu Ngài, thì nhất định được vãng sanh”, ngoài ra không nghĩ gì khác.

13- Niệm Phật không có hình thức, ngoài việc xưng danh hiệu không có một hình thức nào khác nữa. Chỉ cần biết: “Hễ xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, thì nhất định vãng sanh”. Do đó, mà chỉ chí tâm niệm Phật cầu nguyện được vãng sanh.

14- Niệm Phật lấy không hình thức làm hình thức. Chỉ biết tinh chuyên niệm Phật, đến khi lâm chung,

đức Phật nhất định sẽ đến nghinh đón vãng sanh về Cực lạc.

15- Muốn được vãng sanh, niệm Phật là tối thượng, không cần phải học hỏi. Tuy nhiên, nếu vì để tin đạo lý “Niệm Phật sẽ được vãng sanh” như thế nào, thì có thể học tập điều ấy.

16- Nếu chưa hiểu ý nghĩa “Niệm Phật sẽ được vãng sanh”, thì nên học hỏi để hiểu; tuy nhiên, sự hiểu biết ấy rất thô thiển không thể hiểu đầy đủ được. Giả sử được học rất nhiều, thì trí thức của kẻ phàm phu cũng chẳng được bao nhiêu. Chớ nên tham cầu sự hiểu rộng, biết nhiều mà bỏ mất thì giờ niệm Phật.

17- Đệ tử của tôi không ưa chuộng nghĩa lý, không ưa chuộng lý luận, chỉ là một hành giả niệm Phật, nên trở thành những người một chữ cũng không biết, không rõ thị- phi, trắng đen là gì, mà chỉ biết suốt ngày niệm Phật.

Chúng ta vốn là kẻ phàm phu ngu muội rất hèn mọn, không nên vọng tâm bàn luận các pháp môn của các tông phái khác. Nếu trở thành một học giả thật sự, thì sẽ đánh mất sự niệm Phật.

18- Chỉ cần biết: “Ai xưng niệm danh hiệu đức

Phật A-di-đà, thì nhất định được vãng sanh”, ấy là hẳn nhiên đầy đủ Ba tâm (Tín tâm).

19- Dù không hiểu nghĩa lý “Thuần nhất tinh chuyên niệm Phật”, cũng không hiểu “Lý do của Bốn nguyện đức Phật A-di-đà” nhưng chỉ hiểu “Xưng danh hiệu đức Phật thì nhất định được vãng sanh”, ấy là đã đầy đủ Ba tâm vậy.

20- Dù hiểu rõ ý nghĩa Ba tâm mà không niệm Phật, thì cũng chẳng có ích lợi gì; trái lại, không hiểu Ba tâm là gì mà thuần nhất tinh chuyên niệm Phật, thì sẽ viên mãn Ba tâm và nhất định được vãng sanh.

21- Câu “Nam mô A-di-đà Phật” không nên nghĩ nghĩa này lý nọ, mà cần hiểu đó là câu cứu độ chúng ta. Tâm nghĩ A-di-đà Phật cứu độ, miệng xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật, gọi là danh hiệu đầy đủ Ba tâm vậy.

22- Cõi Tịnh Độ của đức Phật A-di-đà là cõi để những người phát tâm niệm Phật vãng sanh về đấy, khi về đến Tịnh Độ thì hẳn nhiên viên mãn Ba tâm. Nếu quá đề cao Ba tâm sai sự thật, thì đây là lời nói của kẻ không có đạo tâm.

23- Đặc biệt Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, là cứu độ những người thậm tệ cùng hung cực ác, tức

cứu độ các hạng căn cơ chậm lụt, ngu si; cho nên mới bảo: “Trên là trọn đời niệm Phật, niệm niệm không dừng” làm ý nghĩa chủ yếu. Đồng thời, không bao giờ xác định hạnh tu không niệm Phật một niệm nào cả, để bỏ quên việc niệm Phật.

24- Tin tưởng lời đức Phật dạy (Phật Thích-ca) mà niệm Phật, và nương vào Bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, thì nhất định được vãng sanh. Ngoài vấn đề này, nếu hiểu riêng gì khác là đánh mất sự vãng sanh vậy!

25- Tâm yếu của tông Tịnh Độ, chính là: “Không kể là ai, chỉ cần niệm Phật thì đều được vãng sanh”. Dù trên thế gian có rất nhiều người ác chẳng giống loại nào, nếu niệm Nam mô A-di-đà Phật, thậm chí cho đến một niệm cũng được vãng sanh. Ngoài vấn đề này, nếu hiểu riêng gì khác là đánh mất sự vãng sanh vậy!

26- Không cần để ý phiền não sâu dày hay cạn mỏng, không kể tội chướng nặng hay nhẹ, chỉ cần xưng niệm Nam mô A-di-đà Phật và nghĩ rằng nhất định sẽ được vãng sanh.

27- Không kể tội nặng hay nhẹ, chỉ cần niệm Phật thì được vãng sanh, ngoài ra không làm việc gì khác

nữa. Người vô trí phạm tội, niệm Phật cầu vãng sanh là đúng ý nghĩa chủ yếu của Bốn nguyện.

28- Kẻ phàm phu muốn thoát khỏi tội chướng ác độc sâu dày, nếu không nương vào nguyện lực không thể nghĩ bàn của đức Phật A-di-đà, thì làm sao giải quyết được!

Dù những người ấy đang bị Nghiệp ác cường chế, nếu niệm Phật thì khế hợp với thệ ước Đại từ Đại bi mà đức Phật A-di-đà đã phát nguyện, thì nhất định được Ngài đến nghinh đón.

29- Nếu người nào phạm tội Ngũ nghịch, được nghe danh hiệu Sáu chữ (Nam mô A-di-đà Phật), thì cảnh Địa ngục liền biến mất và đài sen đến nghinh đón. Nếu người có Nghiệp chướng quá sâu nặng, không có nhân duyên để sanh Tịnh Độ, thì nhờ vào nguyện lực của đức Phật A-di-đà sẽ được sanh về cõi Cực lạc.

Những kẻ cùng hung cực ác, không có bất cứ một pháp nào có thể giải thoát, chỉ có xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, thì sẽ được vãng sanh Cực lạc.

30- Người niệm Phật trong tâm phải có Phật: Vì sợ đời sau đọa lạc mà xưng niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà, nguyện sanh Cực lạc, thì khi lâm chung đức

Phật nhất định đến nghinh đón. Cần niệm Phật với tâm luôn hiện hữu Phật như thế, ngoài ra không nghĩ gì khác.

31- Chúng ta vốn đã trôi lăn trong sanh tử thật quá lâu xa, do vì xưa nay chưa một lần chán ghét thế giới ô uế độc hại này. Thế nên, người ưa thích cõi Tịnh Độ, thì trước hết cần ghét bỏ thế giới ác trước này.

32- Giả như cần làm những công việc gì khác, thì chú tâm niệm Phật để làm việc, chứ đừng chú tâm làm việc mà niệm Phật.

33- Câu nói: “Chúng sanh xưng niệm”, thì Tôi há chẳng phải nằm trong những chúng sanh ấy ư!

Câu nói: “Nhất định được vãng sanh”, thì Tôi há độc nhất nằm ngoài sự nghinh đón của đức Phật ư!

34- Giải thích cụm từ: “Một tiếng, một niệm v.v...” là ý nghĩa tín tâm niệm Phật; giải thích cụm từ “Niệm niệm không gián đoạn” là ý nghĩa thực hiện sự niệm Phật vậy.

35- Tin rằng: “Dù phạm tội Thập ác, Ngũ nghịch cũng được vãng sanh” để một tội nhỏ cũng không phạm. Người phạm tội còn được vãng sanh, huống gì là người hiền thiện.

Tin rằng: “Dù niệm mười niệm, một niệm còn có kết quả vãng sanh” để niệm Phật không gián đoạn. Một niệm còn được vãng sanh, huống gì là niệm rất nhiều.

36- Tuy biết rằng, dù tội Ngũ nghịch cũng không trở ngại việc vãng sanh, nhưng phải cẩn thận một tội nhỏ cũng không phạm. Tuy biết rằng, dù một niệm cũng đủ để vãng sanh, nhưng cần tinh tấn niệm Phật thật nhiều. Tin rằng, một niệm cũng được vãng sanh mà suốt đời chuyên cần niệm Phật chẳng dừng.

37- Bởi vì, niệm mười niệm, một niệm cũng được vãng sanh, do đó mà ít niệm Phật, đây chính là sự tin tưởng làm trở ngại cho hạnh tu niệm Phật. Bởi vì, niệm Phật là niệm niệm không dừng nghỉ, mà hiểu rằng niệm một niệm thì không chắc chắn được vãng sanh, đây chính là hạnh tu làm trở ngại cho niềm tin niệm Phật.

Người tin tưởng là tin một niệm cũng được vãng sanh, nhưng hành giả thì tinh tấn suốt đời xưng niệm danh hiệu Phật. Nếu nghĩ, niệm một niệm thì không chắc chắn được vãng sanh, mà phải niệm Phật niệm niệm không dừng nghỉ, đây là tư tưởng không tin tưởng pháp môn Niệm Phật. Bởi lý do này, đức Phật A-di-đà

mới có một câu phát nguyện rằng: Ai niệm một niệm, tức một lần niệm cũng được vãng sanh; nghĩa là, dù niệm nhiều hay niệm ít vẫn là hạnh tu vãng sanh.

38- Bốn nguyện của pháp Niệm Phật mang tính độc lập, không nhờ vào sự hỗ trợ. Người được sự hỗ trợ thì sanh về biên địa của Cực lạc.

Gọi là hỗ trợ, chính là: Dùng Trí tuệ để hỗ trợ, dùng khả năng trì Giới để hỗ trợ, dùng Đạo tâm để hỗ trợ, dùng tâm Từ bi để hỗ trợ. Người thiện thì hỗ trợ cho người thiện niệm Phật, người ác thì hỗ trợ cho người ác niệm Phật. Chỉ những người sẵn có bản tánh niệm Phật đời trước, thì người niệm Phật này không cần sự hỗ trợ của người khác.

Tuy nhiên, người ác cần phải cải đổi để trở thành người thiện mà niệm Phật, mới khế hợp với bản ý của đức Phật. Nếu lý do niệm Phật không khế hợp, thì người niệm Phật ấy khi nghĩ thế này, khi nghĩ thế kia. Không có tâm niệm Phật thuần nhất, thì sự vãng sanh của người ấy không chắc chắn.

39- Nghĩ nhất định vãng sanh, thì nhất định vãng sanh; nghĩ nhất định không vãng sanh, thì nhất định không vãng sanh.

40- Giả như mười người niệm Phật đến khi lâm chung có đến chín người không được vãng sanh; cũng nên nghĩ rằng, riêng mình nhất định được vãng sanh.

41- Chiếm được tài vật trong tay người khác, người chiếm được và người chưa chiếm được, ai thắng lợi? Pháp Nhiên đã chiếm được cái tâm dễ thuận nhất niệm Phật.

42- Nếu người nương vào Tự lực, thì niệm mười tiếng, một tiếng đều do Tự lực; nếu người nương vào Tha lực, thì tiếng - tiếng, niệm - niệm đều là do Tha lực.

43- Mọi người đều cho rằng, khi lâm chung có Chánh niệm nên đức Phật mới đến nghinh đón. Pháp Nhiên thì không nghĩ như thế, mà là, do đức Phật đến nghinh đón, nên người lâm chung mới được Chánh niệm. Vì thế kinh Xưng Tán Tịnh Độ mới dạy: “Từ Bi gia hộ, khiến tâm bất loạn”.

Người tin tưởng Bốn nguyện mà niệm Phật, thì không nên hoài nghi sự Chánh niệm khi lâm chung, nghĩa là, khi đức Phật đến nghinh đón, người lâm chung mới có Chánh niệm; cho nên, cần phải luôn tinh tấn niệm Phật.

44- Hành giả niệm Phật, được đức Như Lai Di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí... thường đến

bảo hộ như bóng theo hình không hề lìa xa, tu các pháp khác thì không được như thế. Thêm nữa, hành giả niệm Phật sau khi xả bỏ thân mạng, nhất định được vãng sanh về thế giới Cực lạc, tu tập các pháp khác thì không nhất định.

Căng màn trường để ngồi trong đó niệm Phật, quyết tâm chứng đạt những sự kiện ngoài thế giới này, điều này không phải là sự niệm Phật của tông Tịnh Độ.

45- Niệm Phật ở thảo am dù chật hẹp, mà hằng hà sa số chúng Thánh vân tập, đồng ngồi tòa sen nhiều vòng đầy vườn thảo am. Đạo tràng Tam muội (Niệm Phật) nhỏ hẹp, mà vô số Thánh Hiền hội tụ xung quanh, như chúng Thánh vân tập tại núi Linh Thứu. Mười vạn ức thế giới thu gọn trong vài thước của am thất, mà không chướng ngại như hư không.

Nếu người không niệm Phật, thì hằng hà sa số chúng Thánh không có một vị nào tiếp cận, vô số đức Hóa Phật không có vị nào đến hộ niệm. Người niệm Phật so với người không niệm Phật, được và mất cách nhau rất xa, hành giả niệm Phật nên hiểu rõ điều này.

46- Tín Không thừa: Xưa nay chư vị Tôn đức đều lưu lại di tích, nhưng cho đến bây giờ, Thầy chưa xây

dựng một ngôi Tịnh Xá nào, vậy sau khi Thầy nhập diệt lấy gì làm di tích?

Thượng nhân đáp: Nếu xây một đền thờ làm di tích, thì pháp Niệm Phật không được phổ biến sâu rộng. Di tích của Thầy thì tỏa khắp các Châu, Huyện. Tại sao vậy?- Bởi lẽ, phổ biến pháp Niệm Phật là sự hành hóa một đời của Thầy. Do thế, không kể hạng phú quý hay nghèo hèn, hoặc những người ở núi, ở biển, ở thôn quê với những ngôi nhà tranh vách đất đơn sơ, chỗ nào có niệm Phật đều là di tích của Thầy.

Sau khi Thầy vãng sanh không nên xây dựng mộ tháp, bất cứ chỗ nào có niệm Phật thì những chỗ đó là di tích của Thầy. Hơn nữa, vì cầu phước báo mà xây dựng mộ tháp, ấy là việc làm của những người tạo nhân duyên Luân hồi cho mình vậy.

47- Khách buôn đợi trời sáng, nghe gà gáy thì vui. Hành giả cầu Tịnh Độ, gặp bệnh tật đáng mừng.

48- Sống tích chứa công đức niệm Phật, chết nhất định vãng sanh Tịnh Độ.

Không kể là thế nào, thân này nếu không buồn lo phiền não, thì việc sanh tử không có gì để phiền não buồn lo.

Chương VII

CHỨNG CỨ VỀ SỰ

NIỆM PHẬT NHẤT ĐỊNH VÃNG SANH

VII.1. Đức Phật hóa cá lớn, độ ngư dân.

Sự Cảm ứng: Đức Phật A-di-đà hóa làm thân cá, độ ngư dân niệm Phật.

(Trích lục: Ngoại Quốc Ký)

Về hướng Tây Nam xa thẳm của nước Chấp Su Tử⁶⁵ có một hòn đảo. Trên đảo ấy, có hơn năm trăm nhà, dân chúng chuyên nghề bắt cá để sinh sống và chẳng biết gì về Phật pháp.

Một ngày nọ, có vài ngàn con cá khá lớn bơi đến xung quanh đảo, giống cá này đều biết nói tiếng người, xưng to: *Nam mô A-di-đà Phật*. Người trên đảo không rõ do nguyên cớ gì, nên cứ gọi là cá A-di-đà Phật. Có một ngư dân đến gần bờ biển nhại liên tiếp *Nam mô*

⁶⁵ Nước Chấp Su Tử: Tiếng Phạn là Sim-ha-la, dịch nghĩa là Chấp Su Tử, tức nước Tích Lan bây giờ.

A-di-đà Phật theo tiếng của cá, cá tiến vào gần bờ, bơi quanh quần không chịu đi. Người này liền bắt cá đem về nấu ăn thì thấy thịt rất ngon. Việc này lan truyền khắp đảo, nên dân trên đảo, ai muốn ăn cá ấy liền đến bờ biển niệm Phật dụ cá đến gần để bắt. Có điều kỳ lạ, ai niệm Phật nhiều mới bắt cá để nấu ăn, thì mùi vị cá tuyệt ngon; trái lại, ai niệm Phật ít thì mùi vị cá rất dở, vừa cay vừa đắng. Do vậy, những người tham đắm vị ngon của cá, lại càng siêng năng niệm Phật nhiều hơn.

Một thời gian sau, người ăn cá đầu tiên già chết. Sau đó ba tháng, người này cưỡi mây tím bay về đảo ấy, phóng chiếu hào quang quy tụ dân chúng và bảo rằng: *Tôi là người ăn cá đầu tiên và niệm Phật cũng nhiều nhất, sau khi lâm chung, tôi đã được sanh về thế giới Cực lạc. Các con cá lớn hồi ấy chính là do đức Phật A-di-đà hóa hiện. Đức Phật ấy thương xót chúng ta ngu muội, nên hóa làm thân cá để hướng dẫn chúng ta tu pháp Niệm Phật. Nếu quý vị không tin, hãy trở về xem xương cá đã ăn đều là hoa sen cả.*

Mọi người nghe vậy, vui vẻ trở về đến chỗ vớt bỏ xương cá, thì đều thấy đã biến thành hoa sen.

Họ rất cảm động, phát khởi thiện tâm nguyện bỏ Nghiệp sát sanh và chuyên tâm niệm Phật. Sau đó, mọi người trên đảo đều được vãng sanh về Tịnh Độ, đảo này trở thành hoang vắng không người trong một thời gian dài lâu. Một vị đại A-la-hán nước Chấp Su Tử, Tôn giả Su Tử Hiền, dùng thần thông bay đến đảo ấy, khi trở về thuật lại sự kiện này, nên truyền thuyết ấy mới được lưu truyền cho đến bây giờ.

*(Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục,
Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*

Lời bàn:

Không biết tâm tin tưởng là gì,
Không biết tâm phát nguyện là gì,
Chỉ đam mê mùi vị thịt cá,
Nhưng thường xưng niệm danh hiệu Phật.
Vì nhờ xưng niệm danh hiệu ấy,
Hết thấy đều vãng sanh Cực lạc,
Đây là do năng lực công đức,
Của Bốn nguyện Phật A-di-đà.
Đức Phật A-di-đà nguyện rằng,
Ai xưng niệm danh hiệu của Tôi,
Nếu không được vãng sanh Cực lạc,

Thì Tôi chẳng giữ ngôi Chánh giác.
Hiện nay đức Phật A-di-đà,
Đã thành Phật tại thế giới ấy,
Nên chúng sanh nào chuyên niệm Phật,
Nhất định vãng sanh về Cực lạc.

VII.2. Chim Nhông niệm Phật, mở phát Hoa sen.

Vào triều đại nhà Tống, khoảng niên hiệu Nguyên Hữu (1086-1093), có một người ở quận Trường Sa nuôi một chim nhông, thường gọi là chim Bát Kha. Ngẫu nhiên, chim nghe một vị Sư niệm A-di-đà Phật, nó liền bắt chước niệm theo, từ đó suốt ngày chim thường xuyên niệm Phật không dừng. Qua sự kiện này, gia đình nuôi chim trở nên thân thiện với nhà Sư. Sau đó một thời gian khá lâu, chim già chết, mổ chim xuất hiện một đóa sen. Nhà Sư mua quan tài liệm và chôn như một con người. Sư làm bài tụng rằng:

*Có một chim linh tên Bát Kha,
Học Sư niệm Phật A-di-đà,
Chết chôn, trên mộ hoa sen nở,
Chúng ta là người há không tu!*

Thêm nữa, sư Quán ở chùa Chánh Đăng trên chóp

núi Thiên Thai, có nuôi một chim nhồng, nó thường niệm A-di-đà Phật theo chúng Tăng. Vào một ngày kia, đột nhiên chim chết trong lồng, ở chỗ xuất hiện một đóa sen hồng, nhà chùa đem chôn cất nó. Luật sư Đại Trí làm bài kệ khen chim rằng:

Chim chết, lồng không việc bình thường,
Lạ thay xuất hiện đóa sen hồng!

*(Phật Tổ Thống Ký,
Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*

Lời bàn:

Đức Di-đà nguyện rằng,
Chúng sanh trong mười phương,
Xưng danh hiệu của Tôi,
Nhất định sanh nước Tôi.
Được gọi là chúng sanh,
Trên kể từ Trời, Người,
Dưới đến loài Địa ngục,
Ngạ quỷ và Súc sanh.
Qua đây để nhận xét,
Chim nhồng- Bát Kha kia,
Nhất định sanh Cực lạc,
Chúng ngộ đại Niết-bàn.

Là người mà chẳng biết,
Biết rồi lại không niệm,
Tệ hơn Súc sanh,
Thật đáng tiếc lắm thay!

VII.3. Bà Lão niệm Phật, hiện điềm lành kỳ lạ.

Vào triều đại nhà Nguyên, đến năm Canh Dân (1330), ở Triết Tây xảy ra nhiều năm đói khổ, nhất là trong thành Hàng Châu, người chết đói đầy đường. Chính quyền Hàng Châu nhờ dân chúng khiêng những xác chết ấy ném xuống hồ lớn sau núi, gần tháp Lục Hòa.

Có một xác bà lão nằm trong đồng tử thi ấy, trải qua nhiều tuần mà không thối rửa. Nhiều người thấy vậy lấy làm ngạc nhiên, cho là điều kỳ dị, liền tìm trong túi áo của bà, thì bắt gặp trong ấy có ba bức công cứ ghi kết quả niệm Phật A-di-đà. Ông huyện Hàng Châu nghe biết điều này, liền mua quan tài tẩm liệm bà, sau đó đem thiêu. Khi đang thiêu, trong đám khói lửa xuất hiện hình Phật và Bồ-tát, phóng chiếu hào quang rực rỡ cả vùng. Qua hiện tượng này, rất nhiều người phát tâm niệm Phật.

(Sơn Am Tạp Lục – Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Lời bàn:

Bà già siêng niệm Phật,
 Mọi nghĩa lý Phật giáo,
 Chẳng hiểu một điều gì,
 Chỉ nghĩ Phật, niệm Phật.
 Sau khi mạng kết thúc,
 Hiện điềm lành kỳ lạ,
 Xác định đã vãng sanh,
 Không có gì nghi ngờ.
 Tăng - Ni khi đang sống,
 Chưa viên mãn Trí tuệ,
 Sau khi Tăng - Ni chết,
 Làm sao chứng đạo quả!
 Tự lực khó giải thoát,
 Niệm Phật dễ vãng sanh,
 Người tu chớ tự phụ,
 Sai lầm đường tìm đạo.

VII.4. Bà Thôi làm Kệ, lười như Hoa sen.

Vào triều đại nhà Tống, ở huyện Đông Bình có bà Lương Thị Thôi, người Chuy Châu, làm vú nuôi nghĩa tử Tuyên nguyên Minh. Suốt đời bà ăn chay, về kiến

thức thì không hiểu biết gì cả, nên chẳng bao giờ tranh cãi hơn thua với bạn bè quen biết. Chủ mẫu là Triều phu nhân thường tu học pháp Thiền, bà Thôi ngày ngày hầu bên cạnh, nhưng chỉ tha thiết niệm danh hiệu Phật A-di-đà liên tục không gián đoạn. Bà niệm Phật không dùng chuỗi hạt, nên chẳng rõ niệm được mấy ngàn, vạn câu.

Vào năm Thiệu Hưng thứ 18 (1148 TL), bà Thôi đã 72 tuổi và bị đau khá nặng, nhưng giấu kín không cho ai biết, vẫn làm việc như bình thường chẳng hề nằm nghỉ, vẫn niệm Phật chuyên cần cầu mau lành bệnh. Sau đó ít lâu, bỗng nhiên bệnh lành, bà buột miệng đọc bài kệ :

*“Thích tu về cõi phương Tây,
Đã không gò núi, chẳng đầy hố hang,
Khi đi giày dép chẳng mang,
Bước chân sen đỡ dẫn đường về Tây”.*

Bà đọc nhiều lần như thế, có người hỏi: Bài kệ ấy của ai vậy? Bà đáp: *Tôi làm đấy!* Hỏi: Khi nào bà vãng sanh? Đáp: *Giờ Thân tôi sẽ đi.* Quả thật như thế, bà vãng sanh vào giờ Thân ngày mùng 5 tháng 10. Những thân nhân đến thăm liệm bà và đem thiêu theo

cách thức của một vị Tăng. Khi thiêu xong, độc nhất cái lưới của bà không bị cháy, mà rực đỏ như một đóa sen.

*(Di Kiên Chí Át quyển 9,
Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*

Lời bàn:

Kinh Đại Tập dạy:

*“Nếu ai chỉ niệm Di-đà,
Là Thiên vô thượng sâu xa nhiệm mầu.
Cổ Đức bảo: Một câu Di-đà, không niệm khác,
Gảy tay, chẳng nhọc đến phương Tây.
Lại bảo: Tùy duyên mở khai diệu pháp,
Hóa độ chúng sanh chứng đạt chân thường,
Tu Thánh Đạo nhiều đáng cay,
Đường về Cực lạc an bình thanh thoi.”*

VII.5. Ngu si vô trí, đứng chấp tay vãng sanh.

Vào triều đại nhà Thanh, ở huyện Trục Lệ có Đạo sĩ họ Vương, vốn là người vô cùng ngu dốt, lại rơi vào hoàn cảnh nghèo hèn đói khát, lưu trú trong ngôi nhà hư hoại đột nát, không có phương cách gì thoát khỏi, chỉ mong chờ kẻ hảo tâm gọi giúp việc, không câu nệ

tiền nhiều hay ít. Duyên lành đã đến, Đạo sĩ họ Vương được Đạo sĩ họ Trần nhận làm đồ đệ, và hằng ngày phụ giúp việc quét dọn, kiếm củi. Vào mỗi chiều, Đạo sĩ họ Vương lại có thời khóa dâng hương, lạy Phật và niệm danh hiệu Phật vài ba trăm câu làm công phu cho mình. Còn việc tụng Kinh, thì Đạo sĩ chẳng có một chút khả năng nào, vừa sai âm điệu vừa sai câu văn, lại còn ngủ gà ngủ gật. Đạo sĩ họ Trần lấy roi đánh và bảo: *Sao con ngu muội như thế, lại chẳng còn biết tinh tấn là gì!*

Tình trạng như thế kéo dài trọn ba năm, vào một buổi chiều, bỗng nhiên Đạo sĩ Vương cười ha hả thật to. Đạo sĩ Trần lại lấy roi đánh, Đạo sĩ Vương thưa: *Hôm nay Thầy đánh con không được đâu. Hỏi: Tại sao vậy?- Đáp: Thầy khổ nhọc tọa Thiền 18 năm mà vẫn chưa ngộ đạo, không bằng con chỉ thiết tha lạy Phật, niệm Phật mà sớm được vãng sanh Cực lạc, thấy Phật.*

Đạo sĩ Trần rất ngạc nhiên trước thái độ của người học trò và không hiểu chân lý của sự kiện ấy là thế nào. Đến ngày hôm sau, Đạo sĩ Vương leo lên chóp núi, đứng hướng mặt về phía Tây chấp tay mà vãng sanh. Sau khi hỏa thiêu có hai viên xá lợi khá lớn.

(Nhiệm Hương Tập, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Lời bàn:

- Tu theo Thánh Đạo môn: Phải thành tựu Trí tuệ cứu cánh, mới chứng đại Niết bàn;

Tu theo Tịnh Độ môn: Cần trở thành người đại ngu si, để vãng sanh Cực lạc.

- Tu theo Thánh Đạo môn: Nương tựa vào Tự lực, thật rất khó tu hành, vạn người không một ai chứng;

Tu theo Tịnh Độ môn: Nương tựa vào Tha lực, thật rất dễ tu hành, trăm người vãng sanh cả trăm.

- Tu theo Thánh Đạo môn: Dù căn tánh bậc Thánh nhân, cũng trải qua Ba A-tăng-kỳ kiếp, mới chứng quả cứu cánh;

Tu theo Tịnh Độ môn: Hạng ngu si như bà Thôi⁶⁶, chỉ nương vào Sáu chữ danh hiệu Phật, mà vãng sanh thành Phật.

VII.6. Mỗi búa đập sắt, mỗi câu niệm Phật, lưu Kệ đứng mà vãng sanh.

Vào triều đại nhà Tống, có người thợ rèn họ Hoàng quê ở Đàm Châu. Ông làm nghề rèn để sinh sống, khi rèn, cứ mỗi búa đập sắt là niệm một câu Nam

⁶⁶ Bà Thôi: Là bà Lương Thị Thôi – mẫu chuyện số 4 ở trước.

mô A-di-đà Phật không dừng nghỉ. Vợ ông bảo: *Đập sắt vốn đã khổ nhọc, lại còn niệm Phật, há không sợ khổ nhọc thêm sao?* Ông Hoàng đáp: *Đây là phương pháp rất tốt, trong những năm qua luôn ở cạnh lò lửa rất nóng nực, nhờ niệm Phật mà không thấy nóng; đập sắt ê ẩm cả cánh tay, nhờ niệm Phật mà chẳng thấy ê ẩm.*

Vào một ngày kia, ông Hoàng vẫn khỏe mạnh, viết một bài tụng gửi người bạn láng giềng rằng:

*“Đinh đinh, đang đang,
Luyện lâu thành thép,
An lạc trước mắt,
Tôi về phương Tây ”.*

Và ông đang cầm chiếc búa đứng mà vãng sanh, sắc diện vẫn như thường, hương thơm lan tỏa khắp cả nhà, nhạc trời hòa tấu khắp không trung, rất nhiều người được chứng kiến điềm lành này. Sau đó, bài kệ ấy được lan truyền khắp cả Hồ Nam, khích lệ nhiều người niệm Phật.

(Phật Tổ Thống Ký – Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

Lời bàn:

Không biết gì đạo, chỉ thích niệm Phật,

Một búa một câu, niệm niệm không dừng.
 Lưu kệ đứng chết, mặt không đôi sắc,
 Hương thơm khắp nhà, nhạc trời hòa tấu.
 Niệm Phật-làm việc, chẳng trở ngại nhau,
 Sĩ-Nông-Công-Thương, đều thực hiện được.
 Chỉ nguyện như thế, nung nấu tu trì,
 Thích pháp cao sâu, sẽ thành trống rỗng.

VII.7. Niệm Phật chẳng dừng, trên hòm nở Hoa sen.

Vào triều đại nhà Minh, ở đất Việt có ông Thái Liên Hoa, là người chất phát hồn hậu suốt đời, chẳng có tài năng gì, nhưng ngày đêm lại chuyên cần niệm Phật, không biết mỏi mệt, chẳng hề dừng nghỉ. Sau khi ông mất, trên quan tài bỗng xuất hiện một đóa hoa sen. Mọi người quen biết xung quanh thấy thế vừa kinh ngạc vừa tán thán, do sự kiện này mới gọi ông là Thái Liên Hoa vậy.

(Liên Trì Đại Sư - “Vãng Sanh Tập”)

Lời bàn:

Ngu muội chẳng biết gì, thật thà không gian trá,
 Tâm nhớ miệng niệm Phật, hẵn nhiên sanh cõi Phật.

Ngày đêm dù chỗ nào, niệm niệm không gián đoạn,
Trọn ngày ở Ta-bà, trọn ngày ở Cực lạc.
Dù đang ở Sáu đường, đã ra khỏi Ba cõi,
Suốt đời tại Tịnh Độ, vĩnh viễn thoát Luân hồi.
Một pháp môn Niệm Phật, đơn giản và mau chóng,
Người hiền-ngu, thiện-ác, không tơ tóc phân biệt.

VII.8. Tin Phật niệm Phật, thao thao bất tuyệt.

Vào triều đại nhà Thanh, ở Gia Hưng có Cư sĩ Thảm Đình Du, vốn là người cẩn thận nghiêm túc, làm việc gì cũng tận tâm tận lực. Cư sĩ tin pháp Niệm Phật, và niệm danh hiệu Phật thao thao bất tuyệt, mọi người thấy thế đều cười nhạo, song Cư sĩ chẳng hề lưu tâm.

Cư sĩ niệm Phật tinh tấn như thế trải qua độ vài ba chục năm, một hôm tự nghĩ: *Niệm Phật càng thành thực, xử sự càng minh bạch*. Vào năm 73 tuổi, Cư sĩ biểu hiện bệnh nhẹ và đột nhiên bảo với người thân rằng: *Đức Phật đến rồi, phóng hào quang đón tiếp tôi, rồi tự đốt hương mà vãng sanh*. Bấy giờ là ngày 19 tháng 3 niên hiệu Gia Khánh thứ 19 (1814 TL).

*(Nhiễm Hương Tập –
Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*

Lời bàn:

- Tu pháp môn Niệm Phật, dù đi đứng nằm ngồi, giờ chôn hay mọi việc, hết thầy không trở ngại.
- Tin tưởng chuyên niệm Phật, chính thân là đạo tràng, tùy âm thanh xưng niệm, cùng hiện hữu với Phật.
- Dù rảnh hay bận rộn, vẫn không quên niệm Phật, niệm niệm luôn thường tại, động-tĩnh vẫn nhất như.
- Niệm Phật càng thành thực, xử sự càng minh bạch, niệm Phật làm tâm tịnh, tâm tịnh Trí huệ sanh.

VII.9. Nhà Rắn niệm Phật, đều thoát kiếp Rắn.

Vào triều đại nhà Minh, có ông Chu Doãn Tổ người Giang Tây, được cử làm Giám đốc huấn binh ở Quảng Đông. Tại đây, có vị tướng quân biết rõ nhân quả ba đời của mình: Đời thứ nhất là thân rắn, đời thứ hai là thư sinh, đời thứ ba tức đời hiện tại, là quan chức.

Nhân được lệnh dẫn quân đi chinh phạt người Man trong núi sâu, khi đi qua một ngọn núi, vị tướng quân bảo với quân sĩ rằng: *Đời trước, ta đã từng làm rắn ở núi này, bây giờ ta muốn vào sau núi để thăm bà con thân thuộc ngày xưa, các người chớ có ngạc nhiên kinh sợ.* Sau đó, đoàn quân đi ra sau núi, tiến vào trong động

thì thấy vô số rần lớn, rần nhỏ. Vị tướng quân dùng ngôn ngữ rần, bảo chúng rằng: *Ta xưa kia cũng là rần như các vị và cũng sinh sống tại đây, lý do là ta đã niệm được một câu danh hiệu Phật mà được sanh lên làm kiếp người, nay lại làm vị đại tướng. Các vị sao không chịu phát tâm niệm Phật, cầu thoát khỏi cái khổ của kiếp làm rần!* Bầy rần gật đầu cảm ơn và hứa thực hiện.

Sau khi thắng giặc trở về, tướng quân lại dẫn đoàn quân vào động rần xem thế nào, thì thấy tất cả rần đều chết hết, thật đúng là do niệm Phật mà thoát kiếp làm rần. Ông Chu Doãn Tổ nghe được điều này cho là việc hy hữu, nên thuật lại để lưu truyền.

(Tịnh Độ Thần Chung, quyển 10)

Lời bàn:

- Dòng họ của nhà rần, hiểu biết chẳng ra gì, cũng có thể niệm Phật, thoát khỏi Ba đường ác.

- Nên biết pháp Niệm Phật, giản dị lại thù thắng, nếu không tu niệm Phật, khi nào mới giải thoát.

- Chỉ niệm Phật một câu, được sanh làm thân người, nếu cầu về Tịnh Độ, cũng ắt được vãng sanh.

- Đức Di-đà nguyện rằng, chúng sanh trong đường ác, đều sanh về nước Tôi, giúp họ chóng thành Phật.

VII.10. Khảo nghiệm Pháp niệm Phật, tượng Phật phóng quang.

Vào triều đại nhà Đường, Đại sư Thiện Đạo (613-681TL) đang lưu trú tại chùa Tây Kinh ở Trường An, đã cùng Pháp sư Kim Cang khảo nghiệm pháp tu Niệm Phật là thù thắng hay yếu kém. Đại sư lên ngôi trên tòa cao và phát nguyện: Căn cứ vào các Kinh mà đức Thế Tôn đã dạy: *“Tu một pháp Niệm Phật sẽ được vãng sanh Tịnh Độ, hoặc niệm danh hiệu Phật A-di-đà từ một ngày hay bảy ngày, thậm chí mười niệm cho đến một niệm, thì nhất định sanh về Tịnh Độ”*. Nếu điều ấy là chân thật, không phải lừa dối chúng sanh, thì khiến tất cả tượng Phật trong chánh điện này đều phóng chiếu hào quang. Trái lại, nếu pháp Niệm Phật này là hư dối, không thể vãng sanh Tịnh Độ, mà chỉ mê hoặc lừa dối chúng sanh, thì khiến Thiện Đạo đang ngồi trên tòa cao này, lập tức đọa vào đại Địa ngục, chịu khổ vĩnh viễn, không bao giờ ra khỏi. Đáp ứng lời thệ nguyện của Đại sư Thiện Đạo, hết thảy tượng Phật ở chánh điện đều chiếu hào quang rực rỡ.

*(Đường Triều, Đạo Kính,
Thiện Đạo - Niệm Phật Kính)*

Lời bàn:

- Nếu ai có hỏi rằng: Với loại chúng sanh nào, có thể được thành Phật?

- Lập tức trả lời ngay: Những chúng sanh niệm Phật, có thể được thành Phật.

- Niệm Phật được thành Phật, là Bỏ nguyện Di-đà, do Thích Tôn hoằng dương, được chư Phật tán thán.

VII.11. Mọi người thấy hóa thân Phật, dẫn Đồng Tử Trời.

Vào triều đại nhà Đường, có ông họ Kinh ở Trường An, vốn làm nghề giết súc vật để sinh sống. Nhân duyên, do Đại sư Thiện Đạo giáo hóa dân chúng Trường An tu tập pháp môn Niệm Phật, nên họ quyết tâm không ăn thịt nữa. Điều này làm ông Kinh rất tức giận, liền cầm dao vào chùa định giết Đại sư. Khi ấy. Đại sư chỉ tay về hướng Tây, thì cõi Tịnh Độ hiện ra. Ông Kinh thấy vậy liền hối hận và hồi tâm phát nguyện niệm Phật. Ông leo lên cây cao ngồi niệm Phật, sau đó rớt xuống mà chết. Mọi người thấy đức hóa Phật dẫn đồng tử Trời⁶⁷ từ đỉnh đầu ông Kinh đi ra.

(Phật Tổ Thống Ký - quyển 28)

Lời bàn:

- Cứu độ của A-di-đà, lúc nào cũng đáp ứng, chỗ nào cũng xuất hiện, hoàn toàn không điều kiện.

⁶⁷ Đồng tử Trời: Trẻ nhỏ có hình tướng như chư Thiên. Đây chính là thần thức của ông Kinh.

- Bất cứ hạng người nào, đều là người được cứu, bất cứ thời gian nào, đều là giờ được cứu.

- Công đức Phật Di-đà, bổ thí cho chúng sanh, làm hết thảy chúng sanh, phước tuệ đều viên mãn.

- Muốn sanh về nước Tôi, cho đến chỉ mười niệm, nếu không được vãng sanh, Tôi không thành Chánh giác.

- Thế nên mọi chúng sanh, bất cứ hạng người nào, nguyện sanh về nước ấy,ắt hẳn được vãng sanh.

VII.12. Đức Phật đem hoa đến, nghinh đón Đồng tử 12 tuổi.

Vào triều đại nhà Minh, Viên tôn Đạo có người con trai tên là Đăng, vừa 12 tuổi thì bị ung thư lá lách sắp chết. Đăng thưa với thúc phụ Hoàng Đạo rằng: *Con sắp chết rồi! Sao thúc phụ không cứu con?* Hoàng Đạo đáp: *Con cần niệm Phật để cầu nguyện vãng sanh về nước của Phật, thế giới này tràn đầy Năm thứ ô trược, con không nên lưu luyến làm gì.* Bé Đăng vâng lời, chấp tay niệm Nam mô A-di-đà Phật, thân thuộc xung quanh cũng niệm theo để trợ niệm. Một lát sau, bé Đăng cười và nói: *Thấy một đóa sen nho nhỏ, màu*

hồng nhật. Lát sau lại nói: Đóa hoa sen đang to dần, màu hồng tươi thắm rực rỡ không thể diễn tả. Lát sau lại nói: Đức Phật đã đến rồi, hào quang tướng hảo chiếu sáng cả nhà. Sau đó không lâu, hơi thở của bé Đăng sắp cạn kiệt, bố bé Đăng bảo rằng: Con chỉ xưng niệm danh hiệu Phật, chứ đừng nghĩ gì cả. Bé Đăng gắng sức chấp tay niệm danh hiệu Phật và trút hơi thở cuối cùng.

*(Kha Tuyết Trai Ngoại Tập-
Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)*

Lời bàn:

- Hải nhi khi bú sữa, dù không biết mùi vị, thân vẫn lớn từng ngày.
- Người bệnh dùng thuốc thang, chẳng rõ tính chất thuốc, bệnh bớt theo thời gian.
- Dù biết hay không biết, niệm Phật được vãng sanh, kết quả tương tự vậy.

VII.13. Đồng tử bảy tuổi, theo Phật về Tây.

Vào triều đại nhà Thanh, có đồng tử họ Đinh người ở Thường Thục, hiện lưu trú tại trấn Mai Lý. Năm lên 7 tuổi, bé Đinh thường nghe cha mẹ trì niệm danh hiệu đức Phật, nên mỗi sáng bé cũng niệm Phật.

Chẳng bao lâu, bé có chút bệnh nhẹ; do đó sáng ấy vẫn còn nằm, bỗng vùng dậy tự nói: *Sáng nay đã quên niệm Phật, mình phạm lỗi nặng rồi!*. Bèn đi rửa tay rửa mặt vào chánh điện lạy Phật, niệm Phật xong, lại ngủ tiếp. Đến chiều, bé thưa với mẹ rằng: *Con theo đức Phật về phương Tây, xin mẹ chớ buồn rầu nghi nan*. Rồi tiếp tục niệm Phật, được một hồi lâu thì ngắt xiu. Bà mẹ rất đau xót chết đi sống lại. Lại nghe cổ họng của bé Đinh phát ra âm thanh, như muốn nói gì mà không ra tiếng. Đột nhiên bé nói lớn bốn tiếng *Đại từ Đại bi* rồi tắt thở. Ngày hôm sau nhập liệm, khi bỗng bé bỏ vào hòm, toàn thân đều lạnh, chỉ có trên đầu vẫn còn nóng.

(Vãng Sanh Cận Nghiệm Lục-
Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

VII.14. Đã vãng sanh, trở về độ cho Mẹ.

Vào thời đại Nam Triều, đời nhà Lưu Tống, có tiểu thư con của Ngụy Thế Tử, là người ở Lương Quận (tức khu vực Hiệp Phì phía Đông Bắc tỉnh An Vi). Thân phụ và thân huynh đều tu pháp Niệm Phật, tiểu thư cũng tha thiết tu tập cầu vãng sanh. Vào ngày nọ, tiểu thư lâm bệnh rất nặng, mê man nhiều ngày mà

không chết. Bảy ngày sau bỗng nhiên tỉnh lại, liền lên ngôi trên tòa cao tụng *Kinh Vô Lượng Thọ*. Tụng xong, bước xuống tòa thừa với thân phụ: *Thưa cha, con đã đến hồ sen bảy báu của thế giới đức Phật Vô Lượng Thọ. Con, cha và anh con, mỗi người đều có một đóa sen rất lớn đang hiện hữu trong hồ báu ấy, chỉ riêng mẹ của con thì không có, vì lòng Từ bi nên con trở lại báo cho mẹ con rõ*. Nói vừa dứt lời, tiểu thư nhắm mắt xả bỏ báo thân. Qua đây, mẹ của tiểu thư phát tâm tha thiết niệm Phật.

(Minh Tường Ký- Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

VII.15. Con niệm Phật, Cha Mẹ được vãng sanh.

Vào triều đại nhà Thanh, cô Châu Ôn người ở Hoa Đình, lấy chồng tên là Chu Văn Vinh, vì gia đình nghèo khổ, ông Vinh phải đi khắp nơi tìm việc làm và bị bệnh chết ở Hồ Bắc, nhưng gia đình không biết tin tức gì cả. Cô Châu Ôn ở nhà may vá nuôi con nên người, và phát tâm ăn trường trai, thờ Phật niệm Phật; đồng thời, lại bảo con cái đi tìm mộ phần của chồng, bốc xương đem về mai táng cho trọn phần trình tiết hiếu nghĩa. Khi tuổi càng về già, sự niệm Phật của bà

Châu Ôn lại càng chân thành, thiết tha đề cầu nguyện *Tứ thân phụ mẫu, chú bác cô bà... cùng đức lang quân* đều được vãng sanh về thế giới Cực lạc. Thời gian sau, bà bị bệnh bèn đóng cửa chuyên tâm niệm Phật, không để ý đến việc nhà nữa.

Khi sắp lâm chung, bà bảo các con rằng: *Hồi hôm, mẹ có mộng thấy ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại và cha của các con nữa, đều đang ở tại hồ sen bảy bàu của thế giới Cực lạc. Bây giờ, có đám mây năm màu nâng một đóa sen như chiếc thuyền đã xuất hiện, mẹ sẽ ngồi vào tòa sen ấy mà vãng sanh.* Vừa nói xong, bà liền xả báo thân ra đi, khi ấy hương thơm ngào ngạt tỏa khắp nhà.

(Nhiễm Hương Tập – Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

VII.16. Biết trước giờ vãng sanh, từ biệt Thân thuộc mà ra đi.

Vào mùa xuân, năm Dân Quốc thứ 12 (1923 TL), ở Tứ Xuyên có một phu nhân vốn không tin pháp Niệm Phật, đột nhiên phát tâm thờ Phật (A-di-đà), sáng chiều hai buổi dâng hương niệm Phật. Người nhà hỏi phu nhân về lý do thờ và niệm Phật của bà, bà đáp: Tháng

trước, bà họ Trần ở xóm trên có đến đây từ biệt, nói rằng, ngày mai sau giờ Ngọ ba phút, bà sẽ vãng sanh về Cực lạc. Gần đến giờ ấy, thân thuộc đến nhà để tiễn biệt bà. Họ thầm nghĩ rằng, bà Trần không chút bệnh tật mà bảo vãng sanh về phương Tây chắc đây là lời nói của Ma! Gần đến giờ Ngọ, đạo hữu tập trung trong yên lặng. Sau khi đã tắm rửa sạch sẽ, bà Trần ngồi giữa, đại chúng vừa niệm Phật vừa nhiễu quanh bà. Vài phút sau, ai cũng ngửi thấy mùi thơm đặc biệt mà cả đời chưa từng gặp. Ba phút sau giờ Ngọ đã đến, quả nhiên bà Trần an nhiên xả báo thân vãng sanh, sắc diện vẫn tươi tỉnh như khi đang sống. Vì tận mắt thấy sự kiện kinh dị ấy, nên tôi tin Phật, thờ Phật.

*(Hà Khả Như – Hiện Đại Niệm Phật
Vãng Sanh Thân Kiến Thân Văn Ký)*

VII.17. Chuyên tu Mật hạnh, An tọa vãng sanh.

Vào mùa hạ, năm Dân Quốc thứ 13 (1924 TL), ở am Cực lạc tại Bắc Kinh, có một vị Cư sĩ già. Hằng ngày, mọi người chẳng biết ông là người tu pháp Niệm Phật. Vào ngày nọ, người nhà được Cư sĩ trao cho rất nhiều lá thư, nhưng không hiểu ý nghĩa việc làm này,

ngày hôm sau trời mưa thật lớn, có rất nhiều bạn già của Cư sĩ mặc áo mưa đến khá sớm. Người trong nhà hỏi khách đến có việc gì không? Quý khách liền đưa thư cho người nhà xem và nói rằng, tôn ông gửi thư hẹn chúng tôi đến để tiễn ông vãng sanh về Cực lạc, tại sao quý vị là người nhà mà không biết? Con cháu trong nhà nghe vậy đều tái mặt nói: Sáng sớm hôm nay, ông chúng tôi ngồi ăn cháo vẫn khỏe mạnh, sau đó ít phút thấy ông trở lại phòng bình thường mà! Rồi, tất cả mọi người đi vào phòng, tiến đến gần giường của Cư sĩ, thì thấy Cư sĩ đang ngồi kiết già trên giường và đã vãng sanh rồi, sắc diện vẫn tươi tỉnh như người đang sống.

*(Hà Khả Như – Hiện Đại Niệm Phật
Vãng sanh Thân Kiến Thân Văn Ký)*

VII.18. Niệm Phật Nhất Định Vãng Sanh, đức Phật Từ bi Phóng quang Tiếp dẫn.

Trong thời đại Dân Quốc (không rõ niên đại), có ông thợ bạc họ Vương ở An Vi gần núi Tiềm, khi đến tuổi già, ông làm một nhà tranh trên đỉnh núi để độc cư niệm Phật, ngày cũng như đêm luôn chuyên cần niệm

Phật không dừng nghỉ. Thỉnh thoảng lại xuống núi để thuyết pháp cho khách qua đường, ông bảo: *Ai niệm Phật thì nhất định vãng sanh Cực lạc*. Vào một ngày nọ, dân chúng ở gần hoặc ở xa đều thấy nhà tranh trên núi của ông Vương đang cháy. Mọi người ai cũng thở than thương tiếc, nhưng nhờ thiện duyên niệm Phật mà ông Vương thoát khỏi quả báo bị chết thiêu. Mọi người bàn nhau lên núi thăm viếng, khi đến núi thì thấy từ phương Tây đức Phật Từ bi phóng quang soi chiếu rọi rõ cả đỉnh núi. Nhiều người đến gần cửa sổ nhỏ nhìn vào trong nhà, họ thấy ông Vương đang ngồi kiết già trên giường tre và đã xả bỏ báo thân nhiều giờ rồi.

*(Hà Khả Như – Hiện Đại Niệm Phật
Vãng Sanh Thân Kiến Thân Văn Ký)*

VII.19. Quỷ Tốt thôi lui, Thánh chúng đến nghinh đón.

Cư sĩ họ Lưu là người Thiên Tân, nhà ở tại Vạn Đức trang. Ông vốn là người biết Phật pháp, nhưng chưa bao giờ niệm Phật lại còn làm nghề đồ tể.

Vào khoảng trung tuần tháng ba năm ấy, ông bị bệnh rất nguy hiểm, vợ ông là người tin Phật, niệm

Phật, nên thỉnh các Liên hữu đến trợ niệm. Niệm Phật từ trước giờ ngọ mười phút cho đến trước mặt trời lặn mười phút. Trong nhóm Liên hữu có vị đã chứng được Thiên nhãn, nên thấy rõ hai con Quỷ hắc-bạch vô thường, tay cầm kim bài đang đứng gần giường ông Lưu, nhưng vì nghe âm thanh niệm Phật A-di-đà, bèn từ từ rút lui. Chúng trưởng chúng trợ niệm là Cư sĩ họ Quan, đại diện bệnh nhân đến trước bàn Phật sám hối những tội lỗi mà ông đã làm, và cầu nguyện đức Phật đến tiếp dẫn.

Trợ niệm đến hai giờ, Cư sĩ Quan thấy hào quang của đức Phật đã chiếu tới, lập tức đức Phật A-di-đà và Thánh chúng xuất hiện. Tất cả chúng trợ niệm đều quỳ xuống đánh lễ và càng niệm Phật lớn tiếng hơn. Cư sĩ Lưu trong khi đang được trợ niệm, liền xả báo thân ngồi vào tòa sen theo sau đức Phật và Thánh chúng đi về phương Tây.

(Thiên Tân Thị, Hà Đông Cư sĩ Lâm Cung Cảo)

VII.20. Lâm chung được khai Đạo, niệm Mười Niệm vãng sanh.

Vào triều đại nhà Thanh, có ông Thi Tĩnh Nham người ở Hoa Đình. Ông vốn là người đứng đắn cần

thận, làm việc gì thì rất chu tất tốt đẹp, ai nhờ gì cũng rất tận tụy, bà con họ hàng khá nhiều người đều nhờ cậy ông ta.

Đột nhiên, ông lâm bệnh rất trầm trọng, biểu huynh Trịnh Huệ Am thương xót bảo rằng: *Em bệnh nặng như thế, tại sao không niệm Phật? Trong Kinh đã dạy: Khi lâm chung chỉ niệm mười niệm, cũng được vãng sanh.*

Ông Thi nói: *Em bực là khi mạnh khỏe chưa từng niệm Phật, thì bây giờ làm sao niệm được đây!* Nói xong, ông khóc to rất thảm thiết.

Ông Trịnh bảo: *Không có gì trở ngại! Em nghe anh niệm, tâm em tưởng niệm theo là được.*

Vừa dứt lời, ông Trịnh liền cất tiếng niệm Nam mô A-di-đà Phật rất lớn, ông Thi cũng niệm lớn theo anh, khoảng được mười câu, đột nhiên nói: *Đức Phật A-di-đà cùng chư vị Bồ-tát đang xuất hiện trước mắt.* Vừa nói dứt lời, ông lâm chung.

(Nhiễm Hương Tập - Tịnh Độ Thánh Hiền Lục)

VII.21. Mười Niệm ắt vãng sanh, cảm ứng đức Phật đến nghinh đón.

Ở tỉnh Giang Tô, huyện Cao Thuần, xóm Đông,

làng Phụng Sơn, có Cư sĩ Châu Bảo Hoa giới thiệu tại đây có một giáo viên Trung học tên là Hàn Hữu Tài, vào năm ông 41 tuổi, bà mẹ và em của ông đều đã quy y Tam Bảo, ông vẫn không tin tưởng nhưng không phỉ báng. Sau đó mấy tháng, ông bị khối u trong bao tử đau đớn vô cùng, tánh mạng có thể chấm dứt bất cứ lúc nào. Qua đây, ông đột nhiên tỉnh ngộ.

Có người khuyên ông niệm Phật, ông đồng ý và nói: *Không tin thì thôi, mà tin thì không nghi ngờ*. Vốn biết không thể ngồi dậy được, nên ông nằm nghiêm trang nhiếp tâm niệm Phật. Bỗng nhiên ông vùng dậy, mọi người hỏi lý do, ông bảo: *Đức Phật đến rồi, nằm như thế là bất kính*. Rồi hỏi: *Quý vị không thấy sao?*. Nói xong độ năm phút thì ông xả báo thân.

Do vì chí tâm niệm Phật, nên cảm ứng mà đức Phật đến nghinh đón. Điều này chứng tỏ rằng, khi lâm chung niệm mười niệm thì được vãng sanh, chẳng phải là việc hư dối.

(Sự kiện xảy ra vào lúc 22 giờ ngày 12 tháng 12 Âm lịch của năm 1991 TL).

(Chơn Từ Pháp Sư Cung Cảo)

VII.22. Trợ Niệm lúc lâm chung, được đức Phật Tiếp dẫn.

Tôi có người em tên Cốc Đoan Hòa, vốn là người thật thà trung thành, rất vui thích được giúp đỡ người khác, chỉ có điều chưa bao giờ được nghe pháp, được đến chùa dâng hương lễ Phật. Vào ngày 15 tháng 1 năm 1992, tôi nhận được cuộc điện thoại khẩn: *Em bệnh rất nặng, anh về gấp*. Vào 17 giờ ngày 18 tháng 1 tôi đã trở về nhà, việc trước tiên, tôi giới thiệu điểm căn bản của thế giới Cực lạc phương Tây, sau đó khuyên em tôi chuyên tâm niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà. Tôi ngồi bên cạnh trợ niệm.

Vào giờ Ngọ (11 giờ) ngày 19, bỗng nhiên em tôi bảo: *Đến rồi!*. Tôi hỏi: *Ai đến?* Em tôi đáp: *Đức Phật A-di-đà*. Vào 2 giờ chiều, em tôi bảo với các em trai, em gái rằng: *Anh chắc chắn được vãng sanh rồi! 2 giờ sáng mai (2 giờ đêm) đức Phật A-di-đà sẽ đến nghinh đón anh*. Đàn em lưu luyến, không muốn anh ra đi. Em tôi bảo: *Không đi sao được! Anh ở trên thế gian này đã chịu mọi thứ khổ đau quá đủ rồi!*. Nói xong lại tiếp tục niệm Phật.

Đêm đến, sau 12 giờ, tất cả người nhà đều tập

trung xung quanh giường em tôi nằm. Đến 1 giờ 40 phút, em tôi đòi thay y phục. Tôi thầm nghĩ, trong giờ phút này mà em tôi lo việc tiểu tiết này để làm gì! Tôi liền bảo với nó rằng: *Việc nhỏ mọn ấy em chớ để tâm, anh sẽ chu toàn tất cả mọi việc cho em. Bây giờ, em chỉ nên chú tâm thành khẩn niệm Phật, để theo chân đức Phật A-di-đà về Cực lạc mà thôi.* Tôi nhắc nhở tiếp: *Em niệm có tiếng rồi chuyển qua niệm thầm kéo mết!* (Tôi vẫn ngồi cạnh giường trợ niệm). Đúng 2 giờ sáng (không sai một phút) hai mắt em tôi từ từ nhắm lại và chấm dứt hơi thở, thật là một sự xả báo thân cực tuyệt an lành.

*(Tỉnh Hà Bắc, chợ Bảo Định phía Bắc,
nhà ở ngã tư sau lưng chợ, số 13 –
Cốc Đoan Cẩm ghi)*

VII.23. Lâm chung vô bệnh, chấp tay từ biệt mà vãng sanh.

Bên cạnh chùa, có bà lão ngày nào cũng niệm Phật chuyên cần trên vài ngàn câu. Tôi hỏi vì nguyên nhân nào mà bà niệm Phật. Bà trả lời: *Lúc trước, phu quân con do niệm Phật hằng ngày, đến khi lâm chung chẳng*

*chút bệnh tật, chấp tay chào mọi người mà vãng sanh. Qua đây biết rằng, công đức niệm Phật khó có thể nghĩ bàn. Kể từ thời điểm ấy, tôi hướng tâm tu theo Tịnh Độ. Quyển sách *Sanh Tử Sự Đại* (Sanh tử là việc trọng yếu) là quyển gối đầu để tự sách tấn mình.*

(Liên Trì Đại sư - Vân Thê Pháp Vị)

Chương VIII

PHỤ LỤC CHỨNG CỨ VỀ SỰ - BỔ TÚC NHỮNG CẢM ỨNG CỦA NIỆM PHẬT GẦN ĐÂY

VIII.1. Biết trước giờ chết, tự tại vãng sanh.

Thiếu nữ họ Ngô lấy chồng họ Châu ở tỉnh Giang Tô, làng Thang Liêu gần chợ Cảng Đường, bảy giờ thiếu nữ ấy đã 83 tuổi. Ấu thời, bà Ngô rất thâm tín Phật pháp, thường thân cận mẫu thân ăn chay niệm Phật. Vào tháng 12 Âm lịch (1992 TL), bà bị bệnh nhẹ và bảo người con gái là Châu Huệ Cầm rằng, hãy nhắn anh con cùng các cháu phải về gấp, nội trong ba ngày 15, 16, 17 (vì ở nước ngoài).

Ngày 15, con trai và cháu nội đã về đầy đủ, mọi người mừng - mừng, tủi - tủi. Đến sáng ngày 17 bà bảo cô Cầm: *Trước giờ ngo, con hãy đem cho mẹ một ít cơm nóng để dùng, đúng ngo là mẹ vãng sanh.* Cô Cầm thực hiện đúng như vậy, và vào giờ ấy con trai, con gái, dâu rể, cháu chắt đều tập trung chung quanh giường bà, người này thưa - thưa, người kia hỏi- hỏi.

Bà bảo các con cháu hãy niệm “A-di-đà Phật”. Lát sau, bà bảo cô Cẩm đến phòng mời bà nội đến (nhạc mẫu của bà). Khi hai người đến, thì bà đã an nhiên vắng sanh rồi.

*(Châu Huệ Cẩm thuật lại,
Tiền Ngọc Anh ghi tháng 3/2001)*

VIII.2. Lâm bệnh niệm Phật, Thánh chúng đến cứu.

Vào ngày 13 tháng 9 Âm lịch (2000 TL), tôi bị bệnh nặng liền đến phòng khám để chẩn bệnh. Đại phu bảo tôi bị xuất huyết bao tử, khi ấy tôi đau quá mơ- mơ, màng- màng, nhưng trong tâm vẫn sáng suốt, luôn niệm “Nam mô A-di-đà Phật” liên tục. Trong khi niệm Phật, tôi thấy Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Văn Đà và rất nhiều vị Bồ-tát mà tôi chưa quen biết, chư vị đứng từng vòng quanh tôi, và có nhiều màu hào quang chiếu soi phòng tôi đang nằm, nào màu vàng, màu hồng, nào màu xanh... Sau đó, tôi mê man không biết gì nữa.

Chiều đến, tôi tỉnh lại, con tôi nói rằng, đại phu bảo bệnh của Ba không biết lý do gì đã ổn định bình thường. Tôi rất hân hoan và chào thầy thuốc trở về nhà.

Tôi nhớ lại, hồi trước học *Kinh Vô Lượng Thọ* nghe Thầy dạy rằng, người nào thường niệm Phật thì đức Phật A-di-đà cử 25 vị Bồ-tát luôn bảo hộ người ấy, như hôm nay tôi gặp tai họa lại được an lành. Thế nên, lời Kinh dạy hoàn toàn không một chút hư dối.

(Bắc Kinh ngày 6 tháng 3 năm 2001

Thanh Minh Huệ ghi đúng sự thật.)

VIII.3. Niệm Phật khi phẫu thuật, Thần thức du ngoạn Liên trì.

Lúc bấy giờ, tôi⁶⁸ đang thực tập tại khoa sản, một hôm gặp một phụ nữ vì thai nhi đã chết nên nhập khoa để phẫu thuật. Bà vốn đang buồn khổ vì đứa con đã chết, nay phải đối diện với sự mổ xẻ lại càng lo lắng đau khổ gấp bội, tinh thần rất rối loạn. Tôi đến thăm và khuyên bà niệm Phật, rồi nói: *Đức Phật là đấng Đại Từ Đại Bi, nên không nhẫn tâm bỏ sót bất cứ một chúng sanh nào đang bị khổ đau, nhất định Ngài sẽ bảo hộ bà.*

Bà nghe lời, nhất tâm niệm Nam mô A-di-đà Phật và dần dần lịm đi do ảnh hưởng của thuốc gây mê.

Sau khi phẫu thuật xong, bà tỉnh lại. Tôi đến thăm thấy sắc diện của bà rất tươi vui, bà nói: *Niệm Phật thật*

⁶⁸ Tôi: Pháp sư Đạo Chúng khi chưa xuất gia.

sự vô cùng kỳ diệu, vô cùng tốt đẹp!”. Bà kể: Trong khi phẫu thuật, tôi mộng thấy một vị nữ Bồ-tát với hào quang rực rỡ, Ngài phóng hào quang dẫn tôi đến du ngoạn ở một cảnh giới rất trang nghiêm tráng lệ. Ở đó rất nhiều, rất nhiều hoa sen đủ thứ màu sắc, chiếu sáng đan xen lẫn nhau vô cùng lồng lẫy... Sau đó, bỗng tôi nghe: Thời gian đã hết, con hãy trở về đi!. Và tôi từ từ tỉnh lại.

(Pháp sư Đạo Chứng, thuật lại khi giảng)

VIII.4. Bị Sỏi bàng quang, niệm Phật tiêu mất.

Vào ngày mùng 3 tháng 5 năm 1997, tôi nhận được một lá thư của ông bạn già gần 70 tuổi. Ông báo cho biết, ông bị sỏi bàng quang vài ngày nữa sẽ nhập bệnh viện để phẫu thuật, lập tức tôi gửi thư nhanh hồi đáp cho ông, và nhắc nhở rằng, trước khi và đang khi phẫu thuật, ngay cả bây giờ, nên thành tâm niệm Phật không gián đoạn, và chuẩn bị tư tưởng đối diện với cái chết, và chết thì sẽ được vãng sanh.

Vào ngày mùng 6 tháng 5, ông ấy vào viện chuẩn bị phẫu thuật. Trước khi phẫu thuật, các bác sĩ kiểm tra lần cuối cùng, họ rất ngạc nhiên vì không thấy các viên sỏi nữa. Cả hội đồng bác sĩ đều thắc mắc rằng: Máy

ngày trước siêu âm thì thấy rõ hai viên sỏi màu vàng lớn như hạt đậu, hiện tại không có là bởi lý do gì! Chỉ có ông lão ấy thì biết rất minh bạch, bởi lẽ, mấy chục năm về trước, ông đã bị sưng gan, ông phát tâm niệm Phật suốt ba năm, khi tái khám thì gan đã trở lại bình thường, chức năng gan hoạt động tốt như xưa.

*(Cư sĩ Bi Phước ghi đúng sự thật-
ngày 28 tháng 2 năm 2001)*

VIII.5. Mỗi câu niệm Phật, thai Trâu biến chuyển theo.

Ở tỉnh Thiểm Tây, huyện Quý Dương có bà Lưu Diệu Quả, vốn là người bị mù bẩm sinh. Vào khoảng tháng 3 năm 1996, bà đến hồ để tắm rửa, bỗng nhiên lo sợ bất an, liền bảo người con gái là Dương Hội Cầm dìu về nhà để nghỉ. Dương Hội Cầm thấy thân thể của mẹ dần dần co rút lại, da thịt căng cứng, móng tay móng chân lớn dần lên. Dương Hội Cầm quá sợ khóc to, kêu réo mẹ, nhưng bà chẳng nghe thấy gì. Tuy nhiên, thần thức của bà Quả vẫn tỉnh táo, bà cảm nhận da thịt của bà càng lúc càng co rút lại, khô cứng như da trâu; lại thêm, lông dài mọc đầy thân, móng tay móng chân cũng trở thành móng chân trâu.

Trong thâm tâm, bà Quả rất lo sợ mình biến thành trâu. Đang khi sống trong hoàn cảnh rối loạn ấy, đột nhiên bà nghĩ đến đức Phật A-di-đà và nhiếp tâm xưng niệm *Nam mô A-di-đà Phật*, cứ niệm một câu thì lông trâu trên thân ngắn đi một ít, niệm liên tục như thế thì lông trâu và móng tay - chân như trâu đều biến mất, trở lại hình dáng như cũ. Bấy giờ, bà cảm thấy nhẹ nhàng, hắt hơi, thở một hơi dài và tỉnh lại. Dương Hội Cảm thấy mẹ mình đã tỉnh, hình dáng bình thường thì rất vui mừng và cất tiếng niệm *Nam mô A-di-đà Phật*. Riêng bà Quả, từ đây trở về sau, nhất tâm nhất ý niệm Phật cầu vãng sanh thế giới Cực lạc, chứ không dám nghĩ đến một điều gì khác.

(Tại chùa Long Tuyền cạnh con sông của huyện Quý Dương, người bạn của bà Lưu Diệu Quả thuật lại. Lưu Diệu Âm ghi đúng theo lời thuật, ngày 19 tháng 3 năm 2001)

VIII.6. Hiếu phụ niệm Phật, độ kẻ cừu thù đời trước.

Ở thôn Lý, có một phụ nữ làm dâu trong nhà nghề nông, sớm trưa hai buổi, bà thường mang cơm ra đồng

cho những người lao động ăn. Mỗi khi đi hay về như thế, bà đều thấy có một phụ nữ đi theo hoặc bên hữu hoặc bên tả. Bà hỏi những người cùng xóm đang đi hay về cạnh bà, có thấy phụ nữ ấy không. Họ đều trả lời không thấy gì cả, nghe vậy bà rất sợ hãi. Khi bà đang ở nhà, cũng thấy phụ nữ ấy hoặc ở ngoài vườn hoặc ở gần bờ thành chứ không vào trong nhà. Khi bà đến gần để nhìn cho rõ, phụ nữ ấy liền chạy ra xa, bà vào nhà thì phụ nữ ấy lại trở về chỗ cũ. Bà biết đây là oan hồn cừu địch đời trước, nên từ xa hỏi phụ nữ ấy rằng: *Bà là ai vậy! Tại sao cứ đi theo tôi mãi như thế?* Phụ nữ ấy đáp: *Đời trước bà và tôi cùng làm thiếp cho một phú ông danh tiếng, bà ganh tôi được ông ấy cưng chiều, nên vu khống tôi đã gian dâm với người đàn ông khác. Vì thế mà tôi bị ông ấy giết chết trong ản khuất đầy oán hận. Do vậy, đời này tôi tìm bà để trả thù, nhưng trở trêu thay, đời này bà là người dâu hiếu thảo thường được thiện Thần đi theo bảo vệ, tôi không thể đến gần để báo thù được. Vì thế, ngày nào tôi cũng đi theo bà để tìm cơ hội tốt. Nhưng với sự trợ giúp của thiện Thần như vậy, chắc có lẽ không bao giờ tôi báo thù được. Vậy thì, tôi đề nghị với bà, hãy phát tâm niệm danh*

hiệu đức Phật A-di-đà một vạn câu, để vừa giải oán thù, vừa giúp tôi siêu thoát.

Bà ấy nghe vậy rất vui mừng, liền phát tâm niệm Phật, bà niệm một câu thì thấy phụ nữ ấy lạy một lạy, khi niệm xong một vạn câu thì không thấy phụ nữ ấy nữa! Sự kiện này, do bà ấy khi về già thuật lại vậy.

*(Vi Thảo Đường ghi đúng lời kể,
vào cuối đời nhà Thanh)*

Chương IX

HAI BÀI CA.

IX.1. Không kể là thế nào.

- Không kể là thế nào: Sự cứu độ của đức Phật A-di-đà kiên cố như Kim Cang, không bao giờ đổi thay.

- Không kể là thế nào: Sự tưởng nhớ của đức Phật A-di-đà đối với chúng ta như mẹ tưởng nhớ con, không bao giờ lãng quên.

- Không kể là thế nào: Bất cứ thời khắc nào, đức Phật A-di-đà luôn hộ niệm chúng ta không bao giờ ghét bỏ.

- Không kể là thế nào: Những chúng sanh làm ác, nếu cần đến đức Phật A-di-đà thì được Bồn nguyện của Ngài cứu độ.

- Không kể là thế nào: Dù chúng sanh ô uế bất tịnh, giả dối xảo quyệt, thì sự cứu độ của đức Phật A-di-đà không bao giờ đổi thay.

- Không kể là thế nào: Dù chúng sanh tham ái sân hận, ngu si, ác độc, thì sự cứu độ của đức Phật A-di-đà vẫn không bao giờ đổi thay.

- Không kể là thế nào: Dù chúng sanh chướng sâu tội nặng, khổ não vô bờ, thì sự cứu độ của đức Phật A-di-đà vẫn không bao giờ đổi thay.

- Không kể là thế nào: Dù chúng sanh phạm tội Ngũ nghịch, hủy báng Chánh pháp, chẳng có một chút tu hành, thì sự cứu độ của đức Phật A-di-đà vẫn không bao giờ đổi thay.

- Bởi lẽ, vốn sẵn có Bốn nguyện (của đức Phật A-di-đà): Giúp mọi người an tâm, giúp mọi người hy vọng, giúp mọi người thiện lương.

- Bởi lẽ, không kể là thế nào, không kể là thế nào: Nam mô A-di-đà Phật thì hết thấy ắt hẳn sẽ được cứu độ. Nam mô A-di-đà Phật thì hết thấy ắt hẳn sẽ được cứu độ.

Pháp sư Huệ Tịnh trước tác

IX.2. Cùng Phật hiện hữu.

- Khi bạn đang sầu đau, nên biết mình ở trong khóc lóc.

- Khi bạn đang cao hứng, nên biết mình ở trong hoan hỷ.

- Người niệm Phật đúng Bốn nguyện, không kể giờ nào, chỗ nào.

- Nam mô A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật.
- A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật.
- A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật.
- Chúng ta tất cả đều niệm Nam mô A-di-đà Phật.
- A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật.
- Khi bạn đang sầu đau, nên biết mình ở trong khóc lóc.
- Khi bạn đang cao hứng, nên biết mình ở trong hoan hỷ.
- Người niệm Phật đúng Bốn nguyện, không kể giờ nào, chỗ nào.
- Chúng ta tất cả đều niệm Phật.

Pháp sư Huệ Tịnh trước tác

Lyùminh, Trí thaân

Nguyeãn thiế, Hãm chuyê

Công thua, Nghie

Võng tie, C haân hie.

NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

33 Chu Văn An - Huế. ĐT: 054.3823847 - 3821228

Fax: 054.3848345

Email: nxbthuanhoa@vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

NGUYỄN DUY TỜ

Biên tập : QUỲNH TRÂM
Trình bày bìa : HUYỀN TRUNG
Sửa bản in : THANH NHÃ

In 3000 cuốn, khổ 14.5x20.5cm tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thừa Thiên Huế, 57 Bà Triệu - Thành phố Huế.
Số đăng ký KHXB: 290-2012/CXB/20-12/ThuH. Quyết định xuất bản số: 100/QĐ-XBTH cấp ngày 26/7/2012. In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 2012.